

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

LỄ KỶ-NIỆM CỤ TIỀN-ĐIỀN

Mồng 10 tháng 8. — 8 Septembre 1924

Nhân ngày mồng 10 tháng 8 là ngày giỗ cụ Tiên-diền Nguyễn Tiên-sinh, ban Văn-học Hội Khai-Trí nghĩ muốn đặt một lễ kỷ-niệm cụ. Tin ấy truyền ra, được suốt quốc-dân trong Nam ngoài Bắc thấy đều hoan-nghehnh và biểu đồng-tinh, cho là một sự rất nên, rất phải, rất xứng-đáng.

Vậy các đồng-nhân trong ban liền họp nhau lại để định chương-trình cuộc kỷ-niệm. Nước ta xưa nay không phải là không biết sự kỷ-niệm các danh-nhân trong nước, nhưng ngoài những ngày giỗ của các nhà, những ngày hương-tế, quốc-tế, có một cái ý-nghĩa, một cái khí-vị thuộc về tôn-giáo, còn thì không có cách kỷ-niệm phổ-thông như ở các nước Âu-Tây, nhân ngày sinh-nhật, ngày húy-nhật, nhân dịp năm-mươi năm, một trăm năm một vị danh-nhân nào đem công-ơn sự-nghiệp vị ấy mà phổ-trưng biểu-dương cho quốc-dân, cho thiên-hạ biết. Cụ Tiên-diền là tác-giả truyện *Kiều*, chính là một vị danh-nhân của nước ta mà công-ơn sự-nghiệp nên đem ra phổ-trưng biểu-dương cho quốc-dân, cho thiên-hạ biết. Vậy lễ kỷ-niệm này phải chăm-chuốt theo lối mới của Âu-Tây, nhưng cũng nên giữ cho có một cái ý-vị đặc-biệt của nước nhà. Đồng-nhân bèn định mở cuộc diễn-thuyết, ngâm thơ, ca-nhạc, đó là theo lối mới, lại định trưng-đăng kết-thờ, bày hương-án, đặt đỉnh trầm, đó là giữ lễ cổ. Cử ông Phạm Quỳnh và ông Trần Trọng-Kim diễn-thuyết, ông Nguyễn Đôn-Phục soạn một bài ca kỷ-niệm, còn các đồng-nhân thời mỗi người giúp một phần vào việc tổ-chức. Lại viết thư cho rạp hát Sân-nhiên-đài xin mượn kếp Thịnh và đào Tuất là hai người kếp truyện *Kiều* có tiếng hay. Về việc trưng-bày sắp-đặt thời nhờ được ông Nguyễn Thành là phó Hội-đồng Công-quán Hội Khai-Trí, có tài xếp đặt khéo, mỗi khi trong Hội có bày cuộc gì cũng một tay ông chủ-trương cả. Lại định sẽ làm ngoài sân cho rộng, vì bữa ấy thiên-hạ đều xem chắc đông. Mười lăm ngày trước, chương trình đã nhất-định, đem ra trình với Hội-đồng Tri-sự Hội Khai-trí, Hội-đồng đều duyệt-y cả. Chương-trình như sau này :

1. — Ông Phạm Quỳnh thay lời Văn-học-ban diễn-thuyết về mục-dích cuộc kỷ-niệm.
2. — Ông Phạm Quỳnh diễn-thuyết bằng tiếng Pháp cho các hội-viên Tây nghe.
3. — Ông Trần Trọng Kim diễn-thuyết về lịch-sử cụ Tiên-diền và văn-chương truyện *Kiều*.

4. — Kép Thịnh và đào Tuất kể truyện *Kiều*.

5. — Ả đào hát bài ca kỷ-niệm của ông Nguyễn Đôn-Phục soạn.

Hết mỗi hồi, có hội âm-nhạc ích-lạc giúp đánh đàn thổi sáo.

Chương-trình đã định, bèn in giấy mời gửi khắp cả hội-viên Tây Nam hơn một nghìn người, và đăng báo cho quốc-dân biết.

Đúng ngày ông Nguyễn Thành đốc-suất việc bày-bien trong sân và trong vườn nhà Hội. Trong cùng đặt một cái bệ cao, trên đề cái kỷ bày một cái lư đồng lớn. Trên cao treo một cái đèn bằng giấy kiểu lưỡng-long châu nguyệt, như hình bức hoành-phi trong đề mấy chữ : « Tiên-diễn Nguyễn Tiên-sinh kỷ-niệm nhật » (仙田阮先生紀念日), hai bên cùng hai cái đèn giấy hình đôi câu đối trúc đề hai câu bằng chữ nôm như sau :

Trăm năm đề tấm lòng, còn nước còn non, còn truyền cồ-lục ;

Tắc thành dâng một lễ, nhớ người nhớ cảnh, nhớ buổi hôm nay.

Các đèn điện trong sân, trong vườn, ngoài cửa, đều trùm một cái chụp bằng giấy hình bát-bửu, hình cái khánh, v. v. — Nói tóm lại, cách bày-bien có vẻ rực-rỡ, uy-nghiêm và có cái đặc-sắc nước nhà, khác những ngày hội Tây hội Tàu thường.

Bắt đầu từ 8 giờ tối, người kéo đến chung quanh nhà Hội Khai-tri đông như kiến, cửa Hội mới mở, chỉ trong mấy phút đồng-hồ là khắp trong sân, ngoài vườn, dưới nhà, trên gác, đứng chật ních, kể có tới hai ngàn con người. Hội-viên các tỉnh về cũng đông. Các bà các cô trong thành-phố lại cũng nhiều. Hội-viên Tây và các bà đầm ước được ba bốn chục người. Có mấy bà giáo mới ở bên Tây sang khấn-khoản muốn lại xem cho biết người An-Nam tôn-trọng một bậc danh-sĩ trong nước thế nào. Ở Hà-thành ta từ xưa đến nay có lẽ chỉ có tiệc trà đón quan Toàn-quyền SARRAUT diễn-thuyết ở Văn-miếu năm 1919 là họp được đông người đến thế.

Đúng 9 giờ thời khai lễ, theo như chương-trình trên. Ông Phạm Quỳnh diễn-thuyết bằng tiếng ta và tiếng Pháp chừng nửa giờ đồng hồ, rồi đến ông Trần Trọng-Kim diễn-thuyết trong một giờ. Sau đến kép Thịnh và đào Tuất kể mấy đoạn truyện *Kiều*. Sau hết đến một cô đào đứng hát bài ca kỷ-niệm của ông Nguyễn Đôn-Phục. Các bài diễn-thuyết và bài ca lần-lượt đăng sau đây.

Nói tóm lại, lễ kỷ-niệm này tuy là lần đầu mà đã được trọng-thể lắm, tưởng cũng có ảnh-hưởng sâu-xa trong quốc-dân vậy. Ước gì mỗi năm làm được một ngày giỗ cụ Tiên-diễn như thế, tức cũng là một cách cồ-động cho quốc-văn và kích-lệ tấm lòng kính-trọng tiên-nhân, yêu-mến nước nhà vậy.

I

Bài diễn-thuyết bằng quốc-văn của ông Phạm Quỳnh

Thưa các Ngài,

Hôm nay là ngày giỗ cụ Tiên-diền Nguyễn Tiên-sinh, là bậc đại-thi-nhân của nước Nam ta, đã làm ra bộ văn-chương tuyệt-tác là truyện *Kim-Vân-Kiều*.

Ban Văn-học Hội Khai-tri chúng tôi muốn nhân ngày giỗ này đặt một cuộc kỷ-niệm để nhắc lại cho quốc-dân nhớ đến công-nghiệp một người đã gây-dựng cho quốc-âm ta thành văn-chương, để lại cho chúng ta một cái « hương-hỏa » rất quý - báu, đòi hỏi làm vẻ-vang cho cả giống-nòi.

Chúng tôi thiết nghĩ một bậc có công với văn-hóa nước nhà như thế, không phải là ông tổ riêng của một nhà một họ nữa, mà là ông tổ chung của cả nước; ngày giỗ ngài không phải là ngày kỷ-niệm riêng của một nhà một họ nữa, chính là ngày kỷ-niệm chung của cả nước.

Hiện nay suốt quốc-dân ta, trên từ hàng thượng-lưu học-thức, dưới đến kẻ lam-lũ làm ăn, bất-cứ già trẻ, lớn bé, đàn ông, đàn bà, ai ai cũng biết truyện *Kiều*, ai ai cũng thuộc truyện *Kiều*, ai ai cũng kể truyện *Kiều*, ai ai cũng ngâm truyện *Kiều*, như vậy thời ai ai cũng đều hưởng cái công-nghiệp của Cụ Tiên-diền ta, ai ai cũng phải nhớ ngày giỗ Cụ và nghĩ đến cái ơn của Cụ tác-thành cho tiếng nước nhà.

Muốn cảm cái ơn ấy cho đích-dáng, hằng thử giả-thiết Cụ Tiên-diền không xuất-thế, Cụ Tiên-diền có xuất-thế mà quyền truyện *Kiều* không xuất-thế, quyền truyện *Kiều* có xuất-thế mà vì có gì không lưu-truyền, thời tình-cảnh tiếng An-Nam đến thế nào, tình-cảnh dân-tộc ta đến thế nào?

Văn-chương người ta thiên kinh vạn quyền, đâu có thiếu mất một quyền cũng chẳng hại gì. Văn-chương mình chỉ độc có một quyền, vừa là kinh, vừa là truyện, vừa là Thành-thư Phúc-âm của cả một dân-tộc, vì lại khuyết nốt thì dân-tộc ấy đến thế nào?

Than ôi! mỗi lần nghĩ tới mà không khỏi rùng mình, chột dạ, sửng-sốt, rụng-rời, tưởng như hòn ngọc ở trên tay bỗng rơi xuống vỡ tan-tành vậy. Rồi mới tỉnh ra, sức nhớ đến mấy câu *Kiều*, vỗ bàn đập ghế, gõ dịp rung đùi, lên giọng cao-ngâm:

Lơ-thơ tư liêu buồn mênh,
Cen xanh học nói trên cành mĩ-mai,

hay là:

Phong-trần mãi một lưới giùm,
Những phường giả áo tôi cơm xá gì,

bỗng thấy trong lòng vui-vẻ, trong dạ vững-vàng, muốn nhảy muốn múa, muốn reo muốn hò, muốn ngao-nghe với non sông mà tự-phụ với người đời rằng: Truyện *Kiều* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, có gì mà lo, có gì mà sợ, có điều chi nữa mà ngờ!...

Có nghĩ cho xa-xôi, cho thắm-thía, mới hiểu rằng truyện *Kiều* đối với vận-mệnh nước ta có một cái quý-giá vô-ngần.

Một nước không thể không có quốc-hoa, truyện *Kiều* là quốc-hoa của ta; một nước không thể không có quốc-túy, truyện *Kiều* là quốc-túy của ta; một nước không thể không có quốc-hồn, truyện *Kiều* là quốc-hồn của ta. Truyện *Kiều* là cái « văn-tự » của giống Việt-Nam ta đã « trước-bạ » với non sông đất nước này. Trong mấy nghìn

năm ta chôn ran cất rốn, gửi thịt gửi xương ở cõi đất này, mà ta vẫn hình như một giống ăn trọ ở nhờ, đối với đất nước non sông vẫn chưa từng có một cái văn-tự văn-khế phân-minh, chứng-nhận cho ta có cái quyền sở-hữu chính-dáng. Mãi đến thế-kỷ mới rồi mới có một đảng quốc-sĩ, vì nòi-giống, vì đồng-bào, vì tổ-tiê, vì hậu-thế, rõ máu làm mực, « tá-tả » một thiên văn-khế tuyệt-bút, khiến cho giống An-Nam được công-nhiên, nghiễm-nhiên, rõ-ràng, đích-dáng làm chủ-nhân-ông một cõi sơn-hà gầm vóc.

Đảng quốc-sĩ ấy là ai ? Là Cụ Tiên-diễn ta vậy. Thiên văn-khế ấy là gì ? Là quyền truyện *Kiều* ta vậy.

Gầm trong người ấy báo này.

Chẳng duyên chưa để vào tay ai cầm !

Báu ấy mà lọt đến tay ta, thật cũng là một cái phúc-duyen cho ta, nhưng báu ấy ở trong tay Cụ lại chính là một cái túc-duyen của Cụ. Thiên văn-tự tuyệt-bút kia là gồm bao nhiêu giọt máu, bao nhiêu giọt lệ kết-tinh lại mà thành ra, những khi đêm khuya thanh-vắng vẫn thường tí-tê thành-thót trong lòng ta, như

Giọt sương gieo nặng cảnh xuân la-đá

vậy.

Cái áng văn-chương tuyệt-tác cho người đời đó, an-trì lại không phải là một thiên lịch-sử-thống-thiết của tác-giả?

Truyện *Kiều* quan-hệ với thần-thế Cụ Tiên-diễn thế nào, lát nữa ông Trần Trọng-Kim sẽ diễn-thuyết tường đề các ngài nghe.

Nay tôi chỉ muốn biếu - dương cái giá-trị của truyện *Kiều* đối với văn-hóa nước ta, đối với văn-học thế-giới, để trong buổi kỷ-niệm này đồng-nhân cảm biết cái công-nghiệp của bậc thi-bá nước ta lớn-lao to-tát là dường nào.

Đối với văn-hóa nước nhà, cái địa-vị truyện *Kiều* đã cao-quí như thế; đối

với văn-học thế-giới cái địa-vị truyện *Kiều* thế nào ?

Không thể so-sánh với văn-chương khắp các nước, ta hằng so-sánh với văn-chương hai nước có liên-tiếp quan-hệ với ta, là văn-chương Tàu và văn-chương Pháp. Văn-chương Tàu thật là mỏng - mệnh bát - ngát, như bề như rùng. Nhưng trong rùng vẫn bề sách đó, tưởng cũng ít quyền sánh được với truyện *Kiều*, mà xét cho kỹ có lẽ không có sách nào giống như truyện *Kiều*. Gốc truyện tuy do một bộ tiểu-thuyết Tàu mà ra, nhưng vào tay Cụ Tiên-diễn ta biến - hóa hẳn, siêu - việt ra ngoài cả lẽ-lối văn-chương Tàu, đột-ngột như một ngọn cỏ-phong ở giữa đám quần-sơn vạn-hác vậy. Có người sánh truyện *Kiều* với *Li-tao*, nhưng *Li-tao* là một bài than, từ đầu đến cuối toàn một giọng bi-đát thảm - thương, so với *Cung-oán* của ta có lẽ dùng hơn. Có người lại sánh với *Tây-xương*, nhưng *Tây-xương* là một bản hát, từ điệu có véo-von, thanh-âm có réo-rắt, nhưng chẳng qua là một mớ ca-từ cho bọn con hát, không phải là một nền văn-chương chân-chính. Cứ thực thi truyện *Kiều* đâu là đầm-thấm cái tinh-thần của văn-hóa Tàu, đâu là dung-hòa những tài-liệu của văn-chương Tàu, mà có một cái đặc-sắc văn-chương Tàu không có. Cái đặc-sắc ấy là sự « kết-cấu ». Nhà văn, nhà thơ Tàu, ngoài những bài thơ bài văn nho-nhỏ ngắn-ngắn, phàm làm sách chỉ biết cách biên-tập, không sành cách kết-cấu. Biên-tập là cốp-nhặt mà đặt liên lại; kết-cấu là thu-xếp mà gây-dựng lên, thế nào cho thành một cái toàn-bức các bộ - phận điều - hòa thích-hợp với nhau, không thêm bớt được chút nào. Truyện *Kiều* là một cái toàn-bức như thế, mà là một bức tranh thế-thái nhân-tình vẽ sự đời như cái gương tây liếp vậy.

Xét về cách kết-cấu thì văn-chương nước Pháp lại là số-trường lắm. Cho nên truyện *Kiểu* có thể sánh với những áng thi-văn kiệt-tác của qui-quốc, như một bài bi-kịch của RACINE hay một bài văn tế của BOSSUET vậy. Đó là nói về cái thể-tài văn-chương. Còn về đường tinh-thần thời trong văn-học Pháp có hai cái tinh-thần khác nhau, là tinh-thần cổ-diễn và tinh-thần lãng-mạn. Tinh-thần cổ-diễn là trọng sự lễ-lối, sự phép-tắc; tinh-thần lãng-mạn là trọng sự khoáng-dãng, sự li-kỳ. Truyện *Kiểu* gồm được cả hai cái tinh-thần ấy, vì vừa có cái đạo-vị thâm-trầm của Phật-học, vừa có cái nghĩa-lý sáng-sủa của Nho-học, vừa có cái phong-thú tiêu-dao của Trang Lão, lấy lẽ phải ông Khổng mà chế lại sự thần-bí của nhà chùa, sự khoáng-dãt của hai họ. Nhưng mà ngay trong văn-chương nước Pháp tưởng cũng không có sách nào giống hẳn như truyện *Kiểu*, vì truyện *Kiểu* có một cái đặc-sắc mà những nền kiệt-tác trong văn-chương Pháp không có. Đặc-sắc ấy là sự « phổ-thông ». Phạm đại-văn-chương, không những ở nước Pháp, ở nước nào cũng vậy, chỉ có những người thượng-lưu học-thức mới thường-giám được, kẻ bình-dân không biết tới. Người Pháp không phải là ai ai cũng biết đọc kịch RACINE hay là đọc văn BOSSUET. Người Nam thời ai ai cũng biết ngâm *Kiểu*, kẻ *Kiểu*, « lấy » *Kiểu* để ứng-dụng trong sự ngôn-ngữ thường, kẻ thông-minh hiểu cách thâm-trầm, kẻ tâm-thường hiểu cách thô-thiển, nhưng ngâm-nga lên thấy đều lấy làm vui tai, sướng miệng, khoái trí, tỉnh hồn.

Thứ hồi cổ kim Đông Tây đã có một áng văn-chương nào cảm người được sâu và được rộng như thế chưa. Tưởng dễ chỉ có một truyện *Kiểu* ta là có thể tự-cao với thế-giới là văn-chương chung của cả một dân-tộc 18,20 triệu người, già, trẻ, lớn, bé, giới, dốt, sang, hèn, đều thuộc lòng và đều biết hay cả.

Như vậy thì truyện *Kiểu* không những đối với văn-hóa nước nhà, mà đối với văn-học thế-giới cũng chiếm được một địa-vị cao-quí.

Văn-chương ta chỉ có một quyền sách mà sách ấy đủ làm cho ta vẻ-vang với thiên-hạ, tưởng cũng là một cái kỳ-công có một trong cõi văn-thế-giới vậy.

Cái kỳ-công ấy lại dữ-kỳ nữa là ngẫu-nhiên mà dựng ra, đột-nhiên mà khởi lên, trước không có người khai đường mở lối, sau không có kẻ nối gót theo chân, đột-ngột giữa trời Nam như cái đồng-trụ đề tiêu-biểu tinh-hoa của cả một dân-tộc. Phạm văn-chương các nước, cho được gầy nên một nền thi-văn kiệt-tác, phải bao nhiêu nhà thơ, bao nhiêu nhà văn, trong bao nhiêu năm lao-công lực-lực, vun-trồng bón-xới mới thành được. Nay bậc thi-bá nước ta, đem cái thiên-tài ít có trong trời đất, đúc cái khí thiêng bàng-bạc trong non sông, một mình làm nên cái thiên-cổ-kỳ-công đó, dẫu khách thế-giới cũng phải bình-tĩnh mà cảm-phục, huống người nước Nam được trực-tiếp hưởng thụ cái ơn-huệ ấy lại chẳng nên ghi-tạc trong lòng mà thành-tâm thờ-kính hay sao?

Cuộc kỷ-niệm hôm nay là chủ-y tổ lòng quốc-dân sùng-bái cảnh-mộ Cụ Tiên-diễn ta; lại có các qui-hội-viên Tây và các qui-quan đến dự cuộc là để chứng-kiến cho tấm lòng thành-thực đó. Nhưng còn có một cái ý-nghĩa nữa, là nhân ngày giỗ này, đốt lò hương, so phím đàn, chiêu hồn quốc-sĩ,

Thác là thế-phách, còn là tinh-anh,

áng tinh-trung thấp-thoảng dưới bóng đèn, chấp-chường trên ngọn khói, xin chứng-nhận cho lời thề của đồng-nhân đây. Thề rằng: « Truyện *Kiểu* còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn, còn non còn nước còn dài, chúng tôi là kẻ hậu-sinh xin rầu lòng giốc chí cổ

gia-công trau-chuốt lấy tiếng quốc-âm nhà, cho quốc-hoa ngày một rực-rỡ, quốc-hồn ngày một tỉnh-táo, quốc-bộ ngày một tấn-tới, quốc-vận ngày một

về-vang, ngô-hầu khỏi phụ cái chi hoài-bảo của tiên-sinh, *ngậm cười chín suối cũng còn thơm lây* ! »

II

Bài diễn-thuyết bằng pháp-văn của ông Phạm Quỳnh

Mesdames,

Messieurs,

C'est aujourd'hui le 10^e jour du 8^e mois, date de l'anniversaire de la mort du grand poète annamite Nguyễn Du, l'immortel auteur du *Kim-Vân-Kiều*.

Le Comité littéraire de l'A. F. I. M. A. a saisi cette occasion pour rendre un solennel hommage à la mémoire de ce lettré génial qui, il y a plus de cent ans, dota son pays et sa langue d'un chef-d'œuvre incomparable.

Au cours de notre longue histoire, bien des écrivains célèbres, bien des poètes fameux, bien de doctes humanistes ont été l'objet d'un culte fervent à travers les générations successives. Mais tous ces auteurs écrivaient en caractères chinois, le latin de nos pères, la seule langue en honneur durant des siècles de culture scolastique.

Nguyễn Du fut le premier qui, dans une inspiration de génie, a su concevoir, réaliser en langue nationale une œuvre parfaite où il a mis tout son talent, tout son cœur, toute son âme. Et cette œuvre a résisté à l'épreuve du temps ; elle brille chaque jour d'un éclat plus pur ; elle apparaît maintenant comme le plus beau joyau de notre langue, une langue que d'aucuns qualifient de pauvre et d'imparfaite et qui ne saurait avoir plus de richesse, plus de souplesse, plus de charme, plus d'harmonie, plus de subtilité dans la peinture des sentiments les plus délicats de l'âme humaine.

Et ainsi ce poète est notre maître à nous tous qui travaillons à l'heure actuelle, sous l'influence bienfaisante de la culture occidentale, à restaurer, à rénover la langue nationale, à lui assurer la place qui lui revient dans l'éducation littéraire et artistique de nos compatriotes.

Mesdames et Messieurs, vous avez certainement entendu parler du *Kim-Vân-Kiều*, vous connaissez le nom de son auteur, surtout depuis qu'un poète indo-chinois a essayé de traduire en vers français l'immortel poème et qu'une firme locale a tenté de le projeter sur l'écran.

Le *Kieu* est une sorte de roman versifié de 3260 vers de 6 et 8 syllabes s'alternant entre eux, forme particulière à la prosodie annamite. Le sujet en est tiré d'un roman populaire chinois, mais comme le *Cid* de Corneille par exemple fut tiré du drame espagnol de Guilhem de Castro, c'est-à-dire que l'auteur a su mettre dans son œuvre des qualités qui manquent totalement dans l'œuvre originale et qui font d'un récit en somme assez ordinaire un chef-d'œuvre poétique de la qualité la plus rare. C'est l'histoire d'une jeune fille douée de toutes les grâces de l'esprit et du corps, d'une nature d'élite, qui, placée entre l'amour et la piété filiale, a délibérément choisi la voie qui lui est la plus dure, s'est vendue pour sauver son père, et à partir de ce jour, roule de misère en misère jusque dans la boue la plus abjecte, mais qui, tel le lotus de la chanson, au milieu de cette abjection même conserve toujours le pur parfum de sa noblesse originelle.

Cette histoire romanesque d'une jeune fille chinoise, d'aucuns disent qu'elle est le roman même de la vie de Nguyễn Du. Certes, il n'était pas, comme son héroïne, « une victime de la destinée », ce poète-mandarin, qui, nommé par le grand Gia-long tri-phủ de Thường-tín, fut élevé successivement jusqu'aux fonctions de Vice-Ministre des Rites et envoyé deux fois comme ambassadeur à la Cour de Pékin (la dernière à la veille de sa mort.) Mais pour avoir écrit des vers dont quelques-uns, comme ceux de Musset, sont de purs

sanglots, ce haut dignitaire, ce parfait lettré avait dû connaître la souffrance. Et de fait, il avait souffert, non pas dans sa vie sentimentale comme son romantique confrère français, mais dans sa vie publique. Appartenant à une ancienne famille du Hà-tĩnh restée fidèle à la dynastie des Lê, les circonstances l'avaient obligé de servir de nouveaux maîtres, les Nguyễn. Malgré la politique bienveillante de ces derniers à l'égard des anciens sujets de la dynastie déchue, il ne se ralliait qu'à contre-cœur au nouveau régime et il en souffrait dans sa haute conscience d'homme et de lettré. Ce fut la le drame de cette vie qui eût pu être heureuse et glorieuse et qui fut ainsi gâtée par une secrète amertume.

La notice biographique qui lui est consacrée dans les Annales de la dynastie actuelle, malgré sa sécheresse administrative, trace un portrait moral du poète qui nous donne une idée de ses souffrances intérieures. « Nguyễn Du, dit-elle, avait l'aspect d'un homme doux et réservé, mais il était de caractère indépendant et fier. Chaque fois qu'il entrait en audience impériale, il restait silencieux. Sa Majesté souvent le réprimanda et lui dit: « Le Gouvernement, dans le choix de ses collaborateurs, s'attache à avoir des hommes mes instruits et capables. Il ne fait aucune distinction entre gens du Nord et gens du Sud. Vous, j'ai eu l'occasion de vous connaître et de vous apprécier, et vous êtes maintenant au rang de vice-ministre. Il faut que dans les Conseils vous parliez et donniez votre avis. Pourquoi vous enfermez ainsi dans le silence et ne jamais répondre que par oui et par non ? » — Nguyễn Du était très versé dans la poésie, et il excellait surtout dans la poésie en langue nationale. Il rapporta de son ambassade en Chine un recueil de vers intitulé *Bách-hành-thi-tập* et fut l'auteur d'une histoire de Thuy-Kiên qui jouissait d'une grande vogue. Descendant d'une grande famille qui avait servi les Lê pendant des générations, il ne voulut accepter aucun emploi durant la révolution des Tây-sơn et se retira dans ses montagnes natales pour se livrer au plaisir des excursions et de la chasse, parcourant en tous sens les qua-vingt-dix-neuf sommets du Hồng-lĩnh. Appelée par la suite par le Gouvernement de Sa Majesté à remplir des fonctions publiques et ne pouvant refuser, il fut

« obligé d'entrer dans le mandarinat. Mais il eut souvent des ennuis avec ses supérieurs, il en souffrait beaucoup intérieurement et avait toujours l'air mécontent. Tombé gravement malade, il ne voulait pas se soigner et refusait tout médicament. Un jour les siens le trouvèrent froid dans son lit. Il ne leur avait fait aucune recommandation avant de mourir. »

Ainsi mourut cet homme à qui rien ne manquait, ni le génie, ni la gloire, mais qui, par un trop haut sentiment de fidélité à une dynastie malheureuse et à un régime déchu, a manqué de recueillir les fruits de son génie et de sa gloire.

Le pathétique de cette vie, il a voulu le symboliser sous les traits d'une jeune fille noble et malheureuse, malheureuse en raison même de la noblesse de son âme et de la hauteur de son sacrifice.

Et ainsi le *Kim-Vân-Kiên*, outre sa valeur littéraire, possède une valeur psychologique qui témoigne de la personnalité de son auteur.

Cela ajoute encore à la beauté de cette œuvre qui est ainsi à la fois un pur chef-d'œuvre d'une littérature nationale et un précieux document humain d'une sincérité émouvante.

Je dis un pur chef-d'œuvre, et je ne crois pas que cette épithète soit exagérée. En effet, plus on étudie le *Kiên*, plus on a le sentiment de la perfection, de cette perfection pleine et harmonieuse qui est celle d'une œuvre d'art réalisant intégralement un idéal de beauté non pas selon le canon d'une esthétique particulière, mais suivant le rythme même de l'art universel. Et d'abord, à la différence des œuvres chinoises et indiennes qui les unes sont touffues et prolixes, les autres ne sont le plus souvent que des compilations, des « mosaïques », — comme les appelle un grand sinologue français. — il est conçu, composé suivant un plan dont toutes les parties, jusque dans les moindres détails, s'ordonnent en vue de l'ensemble, un ensemble impeccable dans ses lignes et ses proportions, et un beau brûle-parfum antique. Et quel « fini » dans l'exécution ! Le moindre vers est frappé comme une médaille, serti comme un jade précieux, ciselé comme une fine sculpture. On reste étonné devant tant de simplicité et d'harmonie dans l'ensemble, tant d'art et de perfection dans le détail. Par ce sens des proportions par

cet art de la composition, on peut dire que le *Kieu* est une œuvre « classique », dans le sens dont les critiques européens entendent ce mot quand ils parlent d'une tragédie de Racine ou d'une oraison funèbre de Bossuet.

Il est classique dans sa forme, et il est romantique dans son inspiration, mais d'un romantisme fortement atténué, tempéré par une claire raison que je qualifierais de latine si elle n'était confucéenne. Aussi quelle élégance dans l'expression des sentiments les plus violents, quelle retenue jusque dans l'exaltation même! On n'y sent pas le lyrisme échevelé d'un Tagore par exemple, ni le maniérisme décadent des poètes chinois, mais on y trouve ce sens de la mesure, cette distinction suprême, cette plénitude dans les proportions qui caractérisent les œuvres inspirées par le goût français dans ce qu'il a de plus pur.

Et ce n'est pas la moindre originalité

de ce poème, création d'un cerveau annamite sur lequel aucune influence étrangère, hormis la chinoise, n'a pu encore s'exercer, que cet ensemble de qualités qui l'apparentent aux meilleures productions de l'esprit français.

Qu'est-ce à dire sinon qu'il y a dans le monde une certaine conception de la littérature et de l'art qui se trouve être la même chez deux peuples de l'Extrême-Occident et de l'Extrême-Asie, ou plutôt qu'il y a entre l'esprit français et l'esprit annamite certaines affinités naturelles qu'il serait intéressant, qu'il serait souhaitable de cultiver en vue de ce rapprochement tant désiré de part et d'autre et qui doit se réaliser par les élites des deux peuples dans la communion de l'art et de la poésie?

C'est sur ce vœu que je termine en vous conviant, Mesdames et Messieurs, à vous associer à l'hommage que nous rendons ce soir au plus grand de nos poètes.

III

Bài diễn-thuyết của ông Trần Trọng-Kim về lịch-sử cụ Tiên-diễn và văn-chương truyện Kiều.

Thưa các Ngài,

Hôm nay nhân ngày húy-nhật cụ Nguyễn Tiên-diễn mà Hội ta mở cuộc kỷ-niệm này để tỏ lòng tôn-kính một bậc đại-tài đại-danh nước nhà, thật là một việc mới trong cái trình-độ tiến-hóa của xã-hội ta.

Cụ là dòng - dõi cụ - thần nhà Lê, có ra làm quan với Bản - triều lúc ban đầu, mà không bao giờ lấy sự làm quan đó làm đặc-chí, thường cứ buồn-bã cho như đi làm quan là việc bất-đắc-dĩ. Thế mà cái danh-vọng của cụ cứ mỗi ngày một to lên, cái vinh-quang của cụ càng ngày càng sáng rực ra, là bởi sao? Bởi cụ là người học rộng tài cao, lịch-duyet nhân-tình thế-thái, đã giỏi nghề làm Hán-văn lại tài nghề dùng quốc-âm, lấy truyện Thủy-Kiều mà làm thành một áng văn-chương độc-nhất vô-nhị trong văn-chương nước nhà, khiến cho ngày nay

từ đũa ngu - phu ngu-phụ cho chí người có văn-học, ai cũng đọc văn của cụ, mà ai cũng phải chịu cụ là người có thiên-tài về đường văn-chương.

Vì sự kính-phục đó mà hôm nay ta theo lối mới mở ra cuộc kỷ-niệm này. Vậy trước khi nói đến quyền truyện *Kieu* là quyền sách kiệt-tác của cụ, tôi xin lược-thuật cái lịch-sử của cụ để các ngài rõ cái gia-thế, cái nền giáo-dục của cụ, và sự-nghiệp của cụ lúc sinh-thời.

Cụ húy là Du 攸, tự là Tổ-như 素如, hiệu là Thanh-hiến 淸軒, biệt-hiệu là Hồng-sơn liên-hộ 鴻山獵戶, quán tại làng Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, con thứ bảy ông Hoàng-giáp Xuân-quận-công Nguyễn Nghiễm làm thủ-tướng Lê-triều. Bác ruột là ông Nguyễn Huệ cùng anh là ông Nguyễn Khản đều đỗ Tiến-sĩ, làm quan đồng-thời. Ông Nguyễn Khản làm đến Lại - bộ Thượng - thư, sang

chức Tham-tụng. Còn người anh thứ hai là Điều - nhạc-hầu, húy là Điều, làm trấn-thủ Sơn-tây. Cả nhà, cha con, chú bác, anh em, đều là người khoa-giáp, làm quan trọng-thần đời nhà Lê.

Cụ là con bà trắc-thất, người huyện Đông - ngạn, tỉnh Bắc - ninh, tên là Thấn 殫. Bà sinh được bốn người con trai tên là Trạ 佐, Nệ 衛, Du 攸 (tức là cụ) và Ưc 億. Cụ sinh vào ngày nào thì nay ta không rõ, chỉ biết vào năm Ất-dậu là năm Canh-hung thứ 26 (1765), nghĩa là vào đời Lê-mạt.

Xem gia-thế nhà cụ thì cụ là dòng-dõi một nhà thế-phiệt trăm-anh đệ-nhất trong nước lúc bấy giờ. Không rõ cụ thụ-nghiệp ai, có lẽ là học-tập phụ - huynh trong nhà. Cụ thiên-tư đỉnh - ngộ, năm 19 tuổi đã đỗ ba trường, tức là đỗ tú-tài.

Cụ là người có khí - tiết, gặp khi trong nước có biến, nhà Nguyễn Tây-sơn dấy lên, nhà Lê bại-vong, cụ đã nhiều phen lo-toan sự khôi - phục, nhưng vì sự không thành, bỏ về quê ở, lấy sự chơi-bời săn-bắn làm vui-thú. Trong vùng chín-mươi-chín ngọn núi Hồng-lĩnh không có chỗ nào là chỗ Cụ không đi đến. Phải thời quốc-phá gia-vong, Cụ đã toan bỏ việc đời ra ngoài tai, đem cái thân-thể mà vui với non sông. Ấy là cái chí của Cụ đã định như thế, nhưng đến khi vua Thế-tổ Cao-hoàng bản-triều đã thống-nhất được giang-sơn, có ý muốn thu-phục lòng người ở xứ Bắc, xuống chiếu trưng-triệu những nhà dòng-dõi cựu-thần nhà Lê ra lực-dụng. Cụ phải triệu ra làm quan, hai ba lần từ chối không được. Năm Gia - long nguyên-niên (1802), Cụ phải ra làm tri-huyện huyện Phù-dực, nay thuộc tỉnh Thái-bình. Được mấy tháng bỏ đi Tri-phủ Thường-tín. Sau Cụ cáo bệnh xin về. Đến năm Gia-long thứ năm (1806) lại phải triệu vào Kinh thụ-chức Đông-

các học-sĩ. Năm thứ tám (1809) bỏ ra làm cai-bạ (tức là bổ-chính) Quảng-bình. Năm thứ 12 (1813) thăng lên làm Cần - chính - diện học - sĩ, sung làm chánh-sứ sang Tàu. Đến khi về được thăng Lễ-bộ Hữu-tham-tri. Năm Minh-mệnh nguyên - niên (1820) lại có chỉ sai Cụ đi sứ Tàu lần nữa, nhưng chưa kịp đi thì phải bệnh mất.

Sách *Chinh-biến Liệt-truyện* chép rằng: Khi Cụ phải bệnh nặng, không chịu uống thuốc. Lúc gần mất sai người sờ tay chân xem còn nóng hay lạnh. Người nhà nói đã lạnh cả rồi. Cụ nói rằng: Tốt. Nói xong thì mất, không có một lời nào dặn-dò đến việc sau. Cụ mất vào ngày mồng 10 tháng 8 năm Canh-thìn là năm Minh-mệnh nguyên-niên (1820), thọ được 56 tuổi.

Cứ theo chép trong truyện thì Cụ làm quan hay bị quan trên đê-nén, không được thỏa chí của mình, cụ nên thường buồn-rầu không vui. Đối với nhà vua thì chỉ giữ hết bản-phận, chứ không hay nói-nặng điều gì. Có khi vua đã quở rằng: « Nhà nước dùng người cứ ai hiền-tài thì dùng, không phân-biệt gì Nam với Bắc cả. Người đã làm đến chức Á-khanh, biết việc gì phải nói, đề tỏ cái chức-trách của mình, có lẽ đâu lại cứ rụt-rè sợ-hãi, chỉ vâng vâng dạ dạ hay sao? » — Mấy lời ấy làm bằng-chứng rõ-ràng cái bụng bất-đắc-dĩ của Cụ phải ra làm quan. Tuy thế, nhưng không khi nào Cụ bỏ cái chức-trách của mình, như khi ra làm Cai-bạ coi hạt Quảng-bình, Cụ nghĩ mình đã giữ việc trị dân thì phải hết lòng làm việc lợi dân, Cụ thi-hành cái chính-sách giản-dị rất được lòng dân, cho nên người thời bấy giờ đều khen Cụ là người giỏi nghề cai-trị.

Cụ là một người học rộng, kiến-thức nhiều, tinh-thông cả binh-thu võ-nghệ và lại giỏi nghề cầm, kỳ, thi, họa.

người khiêm-cần, ít hay nói, hay xem sách, không hay khoe-khoang, cách ăn-ở trong nhà bao giờ cũng rất giản-đơn-sơ. Không những Cụ là người thâm nho-học, mà lại đạt được cả Đạo-học và Phật-học, thường có những cái tư-tưởng siêu-việt, không bó-huộc mình ở chỗ tầm-thường trước mắt, bô-bô ở chỗ hiển-danh hiển-lợi như những người khác. Chắc là người có học-lực như Cụ thì trong lòng bao-quát biết bao nhiêu là tình là ý, nhưng đối với người ngoài thì Cụ hay giữ-gìn kín-đáo, không muốn ganh đua với những phường « giá áo túi cơm » làm gì. Bởi thế cho nên người chép truyện cho Cụ là người bề trong có ý tự-phụ, mà bề ngoài thì làm ra mặt thật-thà cần-thận. Câu ấy tuy là có ý chê Cụ, nhưng thật là lời nói đúng với cái tâm-lý của Cụ. Mà cái tâm-lý ấy chính là cái tâm-lý của phần nhiều những bậc hơn người, ít mình có cái giá-trị riêng, thì cứ giữ cái địa-vị riêng của mình, còn đối-dãi với mọi người thì chỉ lấy sự bình-thường mà thủ-tiếp cho êm chuyện.

Cụ làm ra văn thơ và sách-vở hoặc bằng hán-tự, hoặc bằng quốc-âm cũng nhiều. Những sách bằng hán-tự thì có :

Thanh-hiến tiền hậu tập 清軒前後集 ; *Bắc hành thi tập* 北行詩集 ; *Nam trung tạp ngâm* 南中雜吟 ; *Lê qui kỷ sự* 黎季紀事 ; đều là sách có giá-trị cả, nhưng nay mất-mát đi chưa tìm được mấy.

Khi Cụ đi sứ Tàu về, có để lại bộ *Bắc hành thi tập* và làm ra quyển truyện *Thủy-Kiều* nhan là *Đoan-trường tán-thanh*. Trong tập *Bắc hành thi tập* của Cụ, có lắm bài vịnh những danh-nhân bên Tàu, như vịnh Khuất Nguyên, Hạng Vũ, Tần Cối, v. v.. Những bài thơ ấy có lắm câu khẳng-khái mà bi-đát.

Bài vịnh Khuất Nguyên có câu :

尊國三年悲放逐。
楚辭萬古擅文章。
魚龍江上無殘骨。
杜若洲邊有衆芳。

Tôn quốc tam niên bi phóng trục,
Sở-từ vạn cổ thiến văn-chương.
Ngư long giang-thượng vô tàn-cốt,
Đỗ nhược châu biên hữu chúng phương.

Lại có câu :

後世誰人憐獨醒。
四方何處用孤忠。

Hậu-thế thùy nhân lân độc tỉnh;
Tứ-phương hà xứ dụng cô trung.

Bài vịnh Hạng Vũ thì có câu :

及識敗亡非戰罪。
空勞智力與天爭。
古今無那英雄淚。
風雨空聞叱咤聲。

Cập thức bại vong phi chiến tội;
Không lao trí-lực dĩ thiên tranh.
Cổ kim vô ná anh-hùng lệ,
Phong-vũ không văn sát-sá thanh.

Bài vịnh Phạm Tăng có câu :

但得此心無負楚。
不知天命已歸劉。

Đãn đắc thử tâm vô phụ Sở,
Bất tri thiên-mệnh dĩ qui Lưu.

Bài vịnh Tráng-sa (Giả Nghị) có câu :

立談不展平生學。
事職何妨至死悲。
天降奇才無用處。
日斜異物有歸時。

Lập đảm bất triền binh-sinh học,
Sự-chức hà-phương chỉ tử bị.
Thiên giáng kỳ-tải vô dụng xứ,
Nhật tả dị-vật hữu qui thi.

Bài vịnh Thiệu-Lăng (Đỗ Phủ) có câu:

異代相憐空酒淚。
一窮至此豈工詩。

Dị-đại tương lân không xái lệ,
Nhất-cùng chí thổ khởi công thi.

Bài vịnh Tần Cối có câu:

是非盡屬千年事。
笑罵何妨一假身。
如此錚錚真鐵漢。
奈何靡靡事金人。

Thí-phỉ tận thuộc thiên niên sự,
Tiếu mạ hà phương nhất giả thân.
Như thử tranh tranh chân thiết hán,
Nại hà mi-mi sự kim nhân.

Bài thơ vịnh Thăng-long có câu:

千年巨室成官道。
一片孤城沒故宮。

Thiên-niên cự-thất thành quan-đạo,
Nhất-phiền cô-thành một cố-cung.

Hai câu thơ này thật là tiếng than
tiếng khóc của một người cựu-thần
đi qua chỗ kinh - thành của tiền-triều
đã bị phá-hoại. Cụ là dòng-dõi quan
nhà Lê, gặp phải khi thời-thế đã biến-
đổi, phải ra làm quan với triều Nguyễn,
lại đi qua chỗ giang-sơn cũ, lòng nào
là lòng chẳng chua xót!

Thơ của Cụ, bài nào cũng ngụ cái ý
buồn rầu, thật là:

Bằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.

Song những bài thơ ấy làm bằng
Hán-văn cả. Giá Cụ chỉ chuyên-trị một
mặt Hán-văn mà thôi, thì Cụ cũng chỉ
có tiếng là người hay chữ nho như các
Cụ đời trước, mà có hay lắm nữa thì
chỉ bằng được những bậc văn - sĩ
thường - thường ở bên Tàu là cùng,
rồi cũng mai-một ở đám nho-học của
ta, chứ có công - đức gì mà làm cho
hậu-thế tưởng nhớ, như ta tưởng nhớ
Cụ ngày nay. Ta sùng-bái Cụ là Cụ có
công rất lớn với tiếng nước nhà, làm
cho ngày nay văn-chương quốc-âm
của ta có cái cơ-sở thật là vững-bền
chắc-chắn.

Vả chẳng những bài thơ Hán-văn ấy
chẳng qua là nhân cái ngẫu-hứng
một lúc mà làm ra, không phải là
chỗ Cụ chú-ý để giải bày tâm-sự của
mình như ở trong truyện *Thủy-Kiều*.
Vậy có xem truyện *Kiều* thì mới hiểu
được cái tâm-sự của Cụ và cái tài văn-
chương bằng quốc-âm của Cụ.

Truyện *Thủy-Kiều* không phải là một
truyện tự Cụ tưởng - tượng mà đặt
ra. Cụ thấy trong tiểu-thuyết Tàu có
bộ *Phong-linh-lục*, tức là bộ *Thanh-
tâm - tài-nhân*, văn - chương thật là
tâm-thường, ý-ngĩa cũng chẳng có gì
là cao-kỳ, nhưng trong bộ sách ấy có
truyện một người đàn-bà sắc-tài rất
mực, khôn-ngoaan đủ điều, lại có lòng
trung,hiếu,tiết, nghĩa, mà chỉ bị những
bước gian-truán đầy-dọa, phải hoa trôi
bèo giạt, thật là đáng thương cho ai mà
lại đáng giận cho «hóa-nhĩ sao khéo đa-
doan», đem chữ tài chữ mệnh mà trêu
ghẹo người hồng-nhan! Song truyện
dù hay đến đâu mặc lòng, mà câu văn
non-nớt, lời-lẽ không đậm-dà, thì cũng
là truyện bỏ đi. Bởi thế cho nên bộ

Thanh - tâm - tài - nhân là bộ sách ngày nay không mấy người xem đến nữa. Nhân bộ tiểu-thuyết tâm-thương ấy mà ngày nay thành ra nước ta có một tập văn-chương kiệt-tác, để làm cái phần hương-hỏa chung cho người Việt-Nam ta, là bởi Cụ có cái cảm-tình riêng, và cái thiên-tài đem tiếng nước nhà mà thêu dệt nên được những lời cảm-tú. Tại làm sao trong tiểu-thuyết *Tàu thiếu* gì chuyện hay mà Cụ không dịch, lại dịch bộ *Thanh - tâm - tài - nhân*? Là tại Cụ thấy cái cảnh-ngộ của cô Kiều đối với cái cảnh-ngộ của Cụ hình như là

Cùng người một hội một thuyền dẫu xa,

cho nên Cụ mới dụng-tâm lấy truyện *Kiều* mà bày tỏ ra cho hết mọi tình mọi ý. Đã hay rằng cuộc trần-ai giấc mộng mơ-màng, dẫu thương-hải tang-diễn cũng có ra gì mà phải quan - tâm! Nhưng đã làm người thì một giây một phút cũng là người, sao ta chẳng làm gương cho bạn râu mày soi chung?

Và chẳng đã gặp nàng *Kiều* là một bậc người đa-tình đa-cảm; mà *tình* với *cảm* tuy là hai cái dây oan nó trói buộc người ta vào trần-lụy, nhưng cũng phải biết rằng có *tình* có *cảm* mới thật là người, không thì cùng với cỏ cây có khác gì đâu. Vậy đa-tình với đa-cảm là hai cái đặc-tính của những bậc thanh-tao nhâ-trí. Cụ với *Kiều* tuy sinh không đồng-thời, ở không đồng xứ, nhưng cũng là một thanh một khí, cho nên đọc đến truyện *Kiều* là động mỗi thương-tâm.

Hữu-tình ta lại gặp ta,

thì sao lại để hững-hờ mà ngảnh mặt làm thinh đi được. Huống-chỉ hai chữ *tài* với *mệnh* đã không phải là một nỗi bất-bình riêng của bạn má hồng, tất là bạn nam-nhi thường cũng nhiều khi vì chữ *tài* với chữ *mệnh* mà thất-diễn bát-đào. Cụ là một người trung-thần

mà gặp buổi *Lê-suy*, cũng như *Kiều* là một người trinh-nữ gặp cơn gia-biến. Dù Cụ muốn trung với *Lê-hoàng*, song nhà dờ một cây gỗ chống sao cho nổi, khác gì *Kiều* muốn thủ-ngĩa với *Kim Trọng*, song chuộc cha thế phải bán mình. Bạch-diện đối với hồng-nhan đã chịu chung một số-kiếp thì quyền-truyện *Kiều* có phải là chỉ để than người bạc-mệnh mà thôi, hay là để cho tác-giả nhân đó mà tự than mình nữa? Thiết-tưởng Cụ cũng nghĩ:

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung;

cho nên than người bạc-mệnh tức là than thân mình. Vậy lấy truyện *Kiều* mà xét tâm-sự Cụ Nguyễn Tiên-diễn thì tưởng không lầm được.

Vì chữ *mệnh* nó oái-oăm, cứ hay bắt-buộc người ta vào những cảnh bất-dắc-dĩ, như bắt *Kiều* phải bỏ *Kim Trọng* mà chịu bước giang-hồ, bắt Cụ phải ngời lòng cố-chúa mà theo phù-tân-quân. *Kiều* vì gia-biến mà phải bước chân ra đi, Cụ phải khi nhà *Lê* bại-vong, phải ra làm quan với *Bản-triều*, hai bên cũng một lòng cay-dắng chua-xót như nhau, cho nên

Dùng-dùng khi bước chân ra,

Cực trăm nghìn nỗi dằn ba bảy lần.

Được như Cụ đi làm quan, một thời phú-quí, giá ai đã lấy làm vinh, mà Cụ thì tự lấy làm bùi-ngùi tủi-thẹn. Thẹn là thẹn vì nổi làm thân trượng-phu đã không thể giọc ngang cho thỏa chí tang-bồng được, thì sao không bắt-chước như ông *Hải Thuyền-sư* (tức là ông *Lê Duy-Giao*) đành mượn cửa không mà làm một người dật-dân triều *Nguyễn*. Vì thời-thế bắt-buộc, khiến Cụ không giữ được cái nghĩa trung-thần bất sự nhị quân, thì dù có

Bỏ thân về với *Triều-đinh*,

Hàng-thần lơ-lão phận mình ra đâu.

Không hàng-thần cũng như hàng-thần, cho nên Cụ có ý tự ví mình như

một người đàn-bà bạc-mệnh, vì thế bất-đắc-dĩ, phải bán mình mà phụ nghĩa cổ-phu. Đã nói thất-tiết, thì thân nghìn vàng với thân bảy thước có khác gì nhau. Bởi thế cho nên làm quan thì làm quan, chứ

Mặc người mua Sở gió Tầu,
Nhưng mình nào biết có xuân là gì.

Mà có vui nữa thì cũng :

Vui là vui gương kéo mà,
Ai tri-âm đó mướn-mà với ai !

Vì cái cảm-tình ấy, cái tư-tưởng ấy, cho nên chung-thân Cụ làm quan thường hay buồn-rầu, mà cũng không lúc nào bàn-bạc điều gì. Cụ có ý muốn làm như Từ Nguyên-Thực đời Tam-quốc, về với Tào mà thế không bày mưu định kế cho Tào. Nhưng Cụ là người kin-đảo, cho nên người ngoài không rõ, mới cho là Cụ buồn-rầu về quan trên dè-nén và sợ-hãi cho nên không dám nói-năng gì cả. Nhưng thiết-tưởng một người như Cụ sợ gì ai, mà ai dè-nén được. Chẳng qua là Cụ ở vào thời-đại chuyên-chế, nếu cứ chấp-kinh mà không tòng-quyền, thì một mình đã vậy, cả nhà thì sao, cho nên Cụ phải giữ-gìn cẩn-thận,

Kẻo khi sấm sét bất-kỳ,
Con ong cái kiến kêu gì được oan.

Vả chẳng người đời xu-danh trực-lợi đã dễ mấy kẻ tri-âm, mà dám đem bày tỏ cái tâm-sự của mình, vậy nên Cụ cứ

Một mình mình biết, một mình mình hay,
miễn là cho qua chuyện đời thì thôi, chứ buồn gì về những điều nhỏ-mọn đó, và có việc gì mà phải sợ-hãi rụt-rè.

Thiết-tưởng đây là cái tâm-sự của Cụ hiển-hiện ra ở trong truyện *Thủy-Kiều*, mà cái tâm-sự ấy xưa nay chưa thấy ai đã từng nói đến. Nay ta đã

nhắc đến truyện Cụ thì lẽ nào ta lại để cái tâm-sự ấy trầm-một ở dưới vực vô-đề mà không hỏi đến hay sao. Nhưng đây chỉ là một khúc trong cái áng văn-chương của Cụ để lại, còn cái giá-trị quyền truyện *Kiều* là ở cái truyện một người tuyệt-thể giai-nhân phải chìm nổi trong cõi hồng-trần, và ở cái văn tài-tình của tác-giả, ai xem cũng phải chịu là hay.

Trong truyện *Thủy-Kiều* vì cái cảnh-ngộ một người mà miên-man ra đến các hạng người, làm thành ra quyền truyện ấy hình như quyền tiêu-sử cả một xã-hội vậy. Từ ông quan cho đến tên lính lệ, từ người lương-thiện cho chí những phường tàn-bạo gian-ác ; nào người văn-học nho-nhã, nào người chơi-bời ngang-tàng, nào người giang-hồ vùng-vẫy, không có mặt nào là mặt Cụ không vẽ rõ cái chân-dung ra. Hạng người nào ra hạng người ấy, lời ăn tiếng nói, sự cử-chỉ hành-động không có cái gì là không giống như in.

Tả ra được như thế, thì không những là Cụ Nguyễn Tiên-diễn có cái đặc-tài hơn các nhà văn-sĩ, mà Cụ lại là một nhà tâm-lý-học rất tinh-thâm, thấu suốt được nhân-tình thế-thái, soi rõ đến cái khuất-khúc hóc-bi hiểm ở trong lòng người ta. Ai thế nào Cụ đem bày ra thế, mà tả người nào cũng có cái khí linh-hoạt rất mạnh khiến cho khi ta đọc truyện *Kiều*, ta tưởng-tượng như là những người ấy có ở trước mắt ta, đi lại nói-năng như thật vậy.

Một nhà trung - hậu thật - thà, giữ nền - nếp một hạng người trung-lưu đất thành - thị là nhà Vương Viên-ngoại. Hai cô con gái thì

Một người một vẽ, mười phần vẹn mười.

Nhưng cô Vân thì

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thuyêt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.

Cái đẹp của cô Vân là cái đẹp phúc hậu, vẻ người đượ: phong-lưu phú-quí, chứ không phải là cái đẹp sắc sảo mặn-mà của cô Kiều, như :

Làn thu-thủy nét xuân-sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.

Cũng là tả một cái đẹp, mà cái đẹp của cô Kiều tươi quá, thắm quá, hình như là cái mối sẵn, cái dây oan, đã phực sẵn ở trong cái đẹp đó rồi. Đẹp hơn người mà lại khôn ngoan đủ điều như cô Kiều, thì thật là ít có. Nhưng đây là cái mối của khuôn xanh để gửi người bạc-mệnh, chứ ở cái đời tầm-thường này làm chi có những của quý-hóa ấy mà lại để cho hoàn-toàn được.

Có cô Kiều tất phải có Kim Trọng là một bậc tài-tình nho-nhã, thì mới thật là xứng đôi. Song ở cõi trần này, những người như Thuý-Kiều với Kim Trọng mà nhà - duyên được mĩ-mãn, thì chẳng hóa ra bốn chữ : *Cần Khôn Khuyết Nghiết* 乾坤缺憾 của cổ-nhân lại không đúng hay sao? Cho nên Hóa-công chỉ để cho Kiều được gặp Kim một chốc lát, rồi bắt phải chia - phối nhau ra, để cho cứ phải tưởng-vọng suốt đời, hình như cái tưởng-vọng là cái cực-diêm của đời người ta vậy. Nếu không, sao lại có thắng bán tơ gây nên truyện phong-ba, đến nỗi nhà họ Vương tan - nát ; sao lại có bọn nha-lệ tàn-ác, ông quan bắt - nhai ăn tiền, để cho Kiều phải bán mình chuộc cha? Ở đoạn này tác-giả chỉ lược qua cái truyện thắng bán tơ tiêu-xung, mà tả rõ cái thói dã-man của bọn sai - nha, những-nhiều người lương-thiện, là có cái ý hàm-súc để cho người ta đọc đến khắc-hiền

cái chính-trị của những bọn quan-lại tàn-nhân. Tuy Cụ giữ ý không nói gì đến quan, nhưng lại mượn lời Chung-công nói rằng :

Có ba trăm lạng việc này mới xuôi,

thì đủ rõ là bất-cứ đời nào, cái thế-lực đồng tiền vào đâu cũng lợi.

Xét cho kỹ, một người lương-thiện bị vu - thác, thì phận-sự người làm quan là phải thân - oan cho kẻ vô-tội, chứ sao lại vị ba trăm lạng mà làm cho người ta tan cửa nát nhà, làm cho một người thiếu-niên thực-nữ phải bán mình để chuộc tội cho cha, mất cả danh cả tiết, mà chịu dày-đọa ở trong bể trầm-luân. Không rõ những người có cái trách-nhiệm ấy nghĩ ra thế nào? Tưởng nên để cho tòa-án lương-tâm xét lấy thì hơn.

Cứ cái lý-tưởng của người Á-Đông ta, thì chữ mệnh-độc-địa thật ; song cứ thực-ly mà suy, thì cái bước long-đong của nàng Kiều không phải là tự sỏ đoạn-trường của cô Đạm-Tiên, mà chính là tại cái chính-sách đổi trắng thay đen của người xử kiện thừa ấy. Chỗ này cụ Nguyễn Tiên-diễn có ý muốn kết một cái án tru-tâm cho kẻ đương-lộ lúc bấy giờ. Về sau ông Tam-nguyên Yên-đồ có câu thơ rằng :

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ ?

Đời trước làm quan cũng thế ư ?

tưởng đã là khám-phá lắm.

Có lũ sai-nha ấy, có ông quan ăn tiền ấy, tất phải có mẹ Tú-bà, gã Mã-Giám-sinh với gã Sở-khanh, thì cái kết-quả sỏ đoạn-trường mới ứng-nghiem. Kiều bị một mẹ giàu với hai tên bợm đem dập liễu vùi hoa vào chỗ hôi tanh, làm cho đang « phong gấm rủ là » phải ra « dày gió dạn sương », thật là :

Tiểu thay trong giá trắng ngần,

Đốn phong-trần cũng phong-trần như ai

Nhưng Kiều có phải là người phải phong-trần mà chịu phong-trần đâu ! Khốn-nạn thay thân mang lấy nghiệp, lại khư-khư giữ lấy chữ tình, thành ra cứ phải đầy-dọa mãi, « hết nạn ấy đến nạn kia », cho đến đoạn-trường hết kiếp mới thôi.

Kiều ở thanh-lâu gặp Thúc-lang là người hào-phóng biết quý ngọc yêu hoa đem Kiều ra khỏi chỗ lửa nung. Nhưng Thúc lại là người nhu-nhược, sợ vợ hơn sợ cha, đề đến nỗi Kiều phải bước gian-nan lắm như con đòi con ở. Trong đoạn này Cụ Tiên-diền tả rõ một ông nghiêm-phụ trong xã-hội ta, nghiêm nhưng vẫn từ, thấy con làm bậy thì giận, biết người có nết thì thương; một ông quan biết phân-biệt tình với lý, biết « yêu vì nết trọng vì tài », muốn cho gia-đình người ta được hòa-hợp, không nỡ để cho kẻ tài-tình phải bước gian-truân, thật là một kẻ đáng làm quan phụ-mẫu thời cổ ; một bà mẹ vợ tâm-thương như Hoạn-bà chỉ biết chiều con mà không có lương-tâm ; một người vợ hay ghen mà lại nham-hiềm, hí-lộng người chồng với vợ lẽ như dân con trẻ.

Kiều một mình bơ-vơ như chiếc lá giữa dòng :

Nơi thời lửa-đảo, nơi thời xót-thương.

Sau lại gặp được Giác-Duyên là một người từ-thiện chân-tu, thôi thì tưởng mình đã phải nhiều điều cay-dắng như thế, chỉ bằng đem gửi mình vào chốn Thiền-môn cho trọn quả-kiếp. Ngờ đâu lại gặp Bạc-bà, thật là vãi « Nam-mô một bồ dao găm », cùng với Bạc Hạnh, « cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người », Kiều lại phải bán về châu Thai đi ở thanh-lâu lần nữa, thật là :

Tiểu thay nước đã đánh phen,

Mà cho bán lại vẫn lên mấy lần.

Nhưng kiếp phong-trần có chìm

phải có nổi, Kiều có về châu Thai mới gặp Từ Hải, tự-hồ như đang đứng chỗ sương mù u-âm, bất-thình-lih trông thấy cái ánh sáng mặt trời. Một người đi một quãng đường trong 15 năm, khi phong gấm rủ là, khi hoa trời bèo giạt, khi lâu xanh, khi gác tia, đột-nhiên vào đến vòng giáo tuốt gươm trần, vẫy-vùng như cá xuống nước, rồng ra bể, thật là khôn thiêng để dành cho khách má đào được một lúc người hơn hả gian.

Kiều là một người cũng yêu, cũng ghét, cũng tức, cũng giận như mọi người, chứ không phải là bậc trên loài người, cho nên việc báo-ân báo-oán là việc đặc-chỉ nhất trong đời Kiều. Giá đem so vào bậc hơn người thì cái bụng Kiều cũng hơi hẹp-hòi thật, nhưng Kiều là người đàn-bà bị bao nhiêu là cái uất-ức nó tích-lũy đã lâu ngày, phải cho được một lúc như thế thì dầu xuống sông Tiền - dương cũng mát mặt kẻ hồng-nhan. Đến tay hào-hiệp như Ngũ Tử-Tư đời xưa còn không khỏi cái lỗi đánh vào má vua nước Sở, huống-chi Kiều là một phụ-nhân, thì cũng không nên trách. Và chẳng Kiều biết tha Hoạn-thư, tưởng cũng là người có lượng. Chỉ tiếc một điều, Kiều đem giết bọn Khuyển Ưng thì quá, vì bọn ấy là lũ tội-lớ, chẳng qua là người ta chỉ đầu đánh đấy mà thôi. Đến bọn ấy mà Kiều không tha thì sao lại không tâm-nã cho được những người những-nhiều về việc can án tiêu-xung ngày trước, để cho trong sự báo-ân báo-oán đó có một điều bỏ sót, mà lại là một điều ai nghe thấy cũng tức giận hơn cả ; tưởng thanh thần-kiếm của Từ-công nằm ở trong vỏ cũng không hà, muốn nhảy ra mà trừ cho hết những kẻ tàn-bạo ấy đi.

Có Kiều đâu có khôn-ngaoan thật, nhưng « vẫn chưa thoát khỏi nữ-nhị

thường-tình ». Kiều còn muốn về cố-hương, còn muốn giữ ngôi mệnh-phụ cho nên mới xui Từ về hàng, để đến nỗi một người giọc ngang như Từ phải mắc lừa Hồ - công. Xem như vậy thì câu : « *Nhi-nữ tình trường, anh-hùng khí đoan* » thật đúng lắm, và thật nên lấy làm răn lắm.

Xui Từ về hàng là Kiều muốn lập một cách an-thân, chứ không phải là có ý làm hại Từ. Chẳng qua là gặp phải Hồ Tôn - Hiến là một tay làm tướng dùng cách quỷ-quyệt để đánh lừa kẻ đã hàng mà lập công. Hồ lại không phải là tay phong-nhã, lúc đã phá được Từ bắt Kiều vào thị-yến, đến lúc tỉnh rượu, chữa thẹn, đem nâng gán cho thổ-quan. Giá lúc đó Hồ kiểm cách chu-toàn đưa Kiều về cố-hương, thì sông Tiền-dương sao đến nỗi làm mờ bạc-mệnh !

Xưa nay mấy một làng chơi.

Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.

Tay khá-khá như Hồ Tôn-Hiến còn không biết lân-hương tích-ngọc, trách gì những đồ như Mã Bất-Tiền với Sở-khanh.

Đến sông Tiền-dương là Kiều hết kiếp. Cứ như thế siêu-thoát về cung « *Ly-hận* » để thương để tiếc cho người đời sau, còn hơn là sống lại để vợ-vét lấy cái vui-thú gượng ở cõi trần-tục. Nhưng cái lối đặt truyện của những nhà tiểu - thuyết ở Á-Đông ta thường hay lấy sự đoan - viên làm kết-tử. Cụ Nguyễn Tiên-diễn cứ theo bộ « *Thành-tâm-tài-nhân* » mà dịch ra. Đoạn tái-hợp thì tâm-thương như g lại là một đoạn văn kết-cấu rất kỳ. Ai đọc đến chỗ Kim Kiều gặp nhau thì chẳng đoán rằng một đôi giai nhân tái-tử, hẳn là loan-phượng sánh duyên. Đến khi thấy hai người « *đem tình cầm-sắt đổi ra cầm-kỳ* » cùng hưởng chung một cái thú rất thanh rất

nhã, thì thật là một chuyện không ai đoán trước được. Kiều lối với Kim Trọng rằng :

Chữ trinh còn một chút này,

Chẳng cầm cho vững lại đây cho tan.

thì rõ là Kiều đã hiểu được cái ái-tình khác hẳn người thương. Thân Kiều còn gì là trinh nữa, song thủy-chung Kiều vẫn một lòng giữ nghĩa với Kim Trọng. Trong khi bấy nỗi ba chim, ngò đầu lại gặp người cũ. Đến khi tái-ngộ, nữ nào lại bày trò dơ-duốc, đem cánh hoa tàn để tặng người nước non. Vậy « *khép cửa phòng thu* » chính là Kiều để tỏ lòng trinh-bạch với chàng Kim, mà lại là một cách tự-xử thật cao.

Truyện một người đàn-bà tài-sắc như nàng Kiều, mà lại bị những bước gian-truân đầy-đọa như thế, ai đọc đến mà chẳng thương-tâm. Truyện đã náo-nùng thâm-thiết, mà vẫn lại tài-tình mỹ-lệ như văn của Cụ Tiên-diễn thì còn có văn-chương nào sánh được với truyện Kiều nữa.

Một tiếng nói hồ-đồ và bề-bộn như quốc-âm ta ngày trước mà Cụ làm thành một tập văn-chương rất hay và rất có khuôn-phép. Lời văn thật là thanh-nhã, sung-thiem, hùng-hồn và hàm-súc, phép văn thì khai, thừa, chuyển, hợp rất có qui-củ. Khởi đầu Cụ dùng hai câu thơ :

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Lấy hai chữ *tài* với chữ *mệnh* mà nói thay mặt người kim - cô, lời nói ít mà bao-quát được nhiều ý-tử.

Lung đã nói chữ *tài* chữ *mệnh*, kết lại nói đến chữ *tài* chữ *mệnh* như :

Có đầu thiên-vị người nào,

Chữ tài chữ mệnh dồi-dào cả hai.

Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ *tai* một vần.

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Lối làm văn của ta như thế thật là khởi-thức đặc-pháp.

Lối văn « dư-ba » như hai câu này :

Dưới cầu nước chảy trong veo,

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha,

thì thật là khéo lắm. Trong khi ngẫu-nhĩ Kim với Kiều gặp nhau, rồi mỗi người đi một ngã, làm văn đến chỗ ấy là son-cùng thủy-tận. Cụ thêm hai câu ấy thật « văn hữu dư ba », làm cho câu văn không lẻ, mà lại hay hơn đẹp hơn lên.

Lại như khi Kiều đi thanh-minh về, tâm-tình vợ-vân, nghĩ đến người gặp-gỡ, mà chuyển sang nói Kim Trọng cùng là người chung một tình-chúng, Cụ dùng hai câu :

Cho hay là thói hữu-tình,

Đố ai gỡ mối tơ-mành cho xong.

Lấy hai chữ « đố ai » mà chỉ Kim Trọng thì thật là khéo chuyển.

Cụ lại khéo dùng những chữ đối như: dập-diu, lơ-thơ, êm - đêm, nao-nao, v. v., mà khiến cái điệu câu thơ lúc mau lúc khoan, lúc thương-nhớ, lúc buồn-rầu, nó hình-dung ra được. Lắm câu thơ chỉ hay vì cái âm-hưởng những tiếng Cụ dùng như câu :

Lơ-thơ tơ liễu buồn manh,

Con oanh học nói trên cành mĩ-mai,

thật là nhẹ - nhàng êm-ái, như sờ vào tấm nhung, tựa vào nệm gấm. Tả cái phong-cảnh êm-đềm thì như thế, mà tả cái đường-sá khi-khu thì như câu :

Vó câu khấp-khênh, bánh xe gấp-gheñh,

có phải đọc đến câu ấy tưởng như nghe thấy tiếng chân ngựa bước, tiếng bánh xe đi ở chỗ đường-trường không?

Tả cái lời khoan-hòa dịu-dàng của người đàn-bà như:

Để cho thừa bớt một lời đã nao,

nghe câu ấy, như là người mĩ-nhân nói ngọt-ngào như rót vào tai vậy.

Tả cái cảnh vội-vàng lật-đật thì như :

Đùng-đùng gió giục mây vần,

Một xe trong cõi hồng-trần như bay.

Tả cái trạng - thái của một người đa-tình đa-cảm trong lúc đang ngơ-ngẩn về sự mình trông thấy, và trong lòng còn chứa-chan những cái cảm-tình sâu-muộn, mà dùng câu :

Lòng thơ lai láng bởi-hồi,

thì thật là rõ-ràng lắm.

Tả cái ý mong-mỏi khao-khát của người thiếu-niên tương-tư, như :

Hương gây mũi nhớ, trà khan giọng tình,

thật đã là tế-nhĩ lắm, phi tay đại-tài không đặt được câu văn như thế.

Lấy một chữ, một câu thơ mà vẽ những cái vô-hình ra đúng như hết, thì tưởng trong làng văn của ta chưa từng có ai như Cụ Nguyễn Tiên-diền. Đến những cái cảm-tình như là: buồn, giận, thương nhớ, sợ hãi, không cái gì là Cụ không tả ra một cách rất phân-minh. Cụ có cái tài dùng một chữ hay là một cái cảnh nào để gợi cái tâm - tình của Cụ định tả ra. Người đàn-bà lưu-lạc ngồi một mình nhớ nhà :

Song sa vô-vô phương trời,

Nay hoàng-hôn đã lại mai hôn-hoàng.

Hai chữ « hoàng - hôn » và « hôn-hoàng » lấy đi lấy lại thật là gợi ra một cái cảnh sâu-muộn hôm nào cũng một màu, một vẻ như thế, thì không gì rõ hơn được nữa. Lại như khi hai vợ chồng đang yêu-mến nhau, mà một người phải đi xa, lấy vắng trắng mà tả cái cảnh hai người cùng một lòng thương nhớ, như là :

Vắng trắng ai sẽ làm đôi,

Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường,

thì thật là hay vô-cùng và khéo vô-cùng.

Tả cái cảnh sợ-hãi như là :

Cành khuya thân gái dặm trường,

Phần c đường sá, phần thương dải-dầu.

thì tưởng không có cái sợ nào hơn cái sợ của một người đàn-bà trẻ tuổi mà giữa ban đêm phải bơ-vơ một thân một mình ở chỗ đường xa vắng vắng.

Tả cái tiếc của người giai-nhân bị vào tay phường lái buôn như câu :

Tiếc thay một đóa trà-mỹ.

Con ong đã tổ đường đi lối về.

Mà tiếc người hiệp-sĩ bị sa-cơ thất-thế như câu :

Trong khi bất-ý chẳng ngờ.

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.

Vấn mà tả được cái cảm-tình đau ra đấy như thế, thì ai cũng phải cho là hay.

Trong truyện *Kiều* lại có những lúc bức-bội vì nổi phong-trần, hoặc chua-cay về cái số-kiếp mà than-thở ra những lời chân-ngân, như :

Phận bèo bao quản nước sa.

Lệnh-danh đầu nứa cũng là lệnh-danh.

Hay là :

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,

Đề xem con tạo xoay vần đến đâu.

Hay là :

Biết thân tránh chẳng khỏi trời,

Cũng liều mặt phấn cho rồi ngay xanh

Hay là :

Tổ vui cũng một kiếp người.

Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ra.

Hay là :

Ấu-nân thì sự đã rồi, v. v..

Những câu ấy ngày nay thành ra như câu tục-ngữ, không ai là người không biết. Lại có khi tức giận đến phát bần lên mà chửi. Mà trong lối làm văn có gì khó bằng dùng tiếng chửi, là tiếng thô-tục hơn cả, thế mà nghe câu :

Chém chua cái số hoa đào,

Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.

thật là tự-nhiên lắm. Cái số không ra gì đã gỡ ra được, rồi nó lại buộc vào thì đáng giận thật, cho nên nghe

tiếng chửi ấy không lấy làm thô, mà lại cho là hay, là vì nó ngụ cái ý chua-xót ở trong.

Từ khi *Kiều* phải bước chân ra đi, nào ở thanh-lâu, nào lấy Thúc-sinh, nào lấy Từ Hải, nhưng không lúc nào là lúc quên Kim Trọng. Mà mỗi một lúc Cụ Nguyễn Tiên-diễn tả cái nhớ của *Kiều* ra một khác.

Lúc đầu mới đi ở thanh-lâu :

Tường người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những cây mong mai chờ.

Khi đã bị Sở-khanh đánh lừa rồi phải ra tiếp khách :

Nhớ lời nguyên-ước ba-sinh,

Xa-xôi ai có thấu tình chúng ai.

Khi về hỏi liễu Chương-dài,

Cảnh xuân đã hết cho người trao tay.

Khi ở với Thúc-sinh :

Tóc thề đã chấm ngang vai,

Nào người non-nước, nào người sắt-son.

Khi ở với Từ Hải:

Tiếc thay chút nghĩa cũ còn,

Đầu lia ngó ý còn vương tơ lòng.

Duyên em đứt nối chỉ hồng,

May ra khi đã tay hồng tay mang.

Kiều đối với Kim Trọng là người non nước từ lúc đầu, về sau vì thế, vì cảnh, mà phải nương-tựa vào Thúc-sinh với Từ Hải. Nhưng khi nhớ Thúc-sinh thì chỉ có câu :

Sầu bím chút phận con-con,

Khuôn thiếp biết có vương tròn cho chăng.

Thật là tỏ ra cái cảnh người lẻ mọn.

Còn như nhớ Từ Hải thì :

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,

Đã mòn con mắt phương trời dăm-dăm.

Thật là mong-mỏi một người anh-hùng vẫy-vùng trong khoảng không-gian. Ấy cũng là một ý tả cái nhớ, mà tả ra được như thế, tác-giả đã có công cân nhắc từng chữ lắm.

Có chỗ Cụ chỉ dùng những chữ

nhỏn-tự thật là tài, như hai câu này :

Người mà đến thế thì thôi...

Người đầu gặp-gỡ làm chi...

Lấy một tiếng « mà » và một tiếng « đầu » tả rõ ra được một người quá-khứ, một người hiện-tại, thật là khéo lắm.

Đến cái lối tả nhân-vật và tả-cảnh của Cụ thì rất là gọn-gàng, chỉ vắn-tắt độ vài ba câu, chứ không tỉ-mỉ kéo dài kể rõ hết cả mọi cái máy-may, thế mà tả cái gì là nổi hẳn cái ấy lên. Là bởi Cụ khéo dùng lối hoạt-họa, chọn cái hình-dáng nào rõ thật nổi, rồi tìm một vài chữ thật đúng mà tả ra, hễ đọc qua là nhận ngay được cái chân-tượng.

Tả các vai người thì người nào vẽ hết người ấy :

Cũng người một hội một thuyền đầu xa...
Hữu tình ta lại gặp ta...

Như Kim Trọng là một bậc người phong-lưu nho-nhũ thì :

Đề-huê lưng túi gió trăng...

Một vầng như thế cây quỳnh cành giao...

Mã Giám-sinh thì :

Quá-niên trạc ngoại tứ-tuần,

Râu mày nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.

Tú-bà thì :

Nhắc trông lờn-lợt màu da,

Ăn gì cao lớn đầy-dã làm sao.

Sở-khanh thì :

Một chàng vừa trạc thanh-xuân,

Hình-dung chắt-chuốt, áo khăn dịu-dàng.

Từ Hải thì :

Râu hùm hùm én mây ngài,

Vai năm tấc rộng mình mười thước cao.

Tả người thực thì thế, tả người thấy trong giấc chiêm-bao thì :

Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sén vàng lông-thướt như gấm như xa.

thật rõ là người trông thấy trong khi mơ-màng giấc mộng.

Còn ai tính nết thế nào, khẩu-khí làm sao, Cụ cũng tả ra được như vẽ cả. Một người đàn-bà đa-sầu đa-cảm như nàng Kiều, mở miệng ra đã có tiếng sầu tiếng oán rồi, như :

Đau-đớn thay phận đàn-bà,

Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.

Hay là nằm nghĩ-ngợi những cái lo cái buồn :

Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh,

Hay là đang lúc vui-vẻ mà đã nghĩ đến cái buồn :

Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao.

Tú-bà :

Bảo rằng đi dạo lấy người,

Đem về rước khách kiếm lời mà ầu.

thật là khẩu-khí một mẹ giàu.

Sở-khanh :

Hãy xem có biết mặt này là ai,

rõ là khẩu-khí thẳng xỏ-lá.

Từ Hải :

Bỏ chi cả chuyện chim lồng mà chơi...

Anh-hùng đoà giữa trần-ai mới già...

Giữa đường đâu thấy bất-bình mà tha.

thật là khẩu-khí một người hiệp-sĩ,
« giọc ngang nào biết trên đầu có ai ».

Đến cách tả-cảnh thì tưởng không ai làm thế nào mà tả được gọn - gàng rõ-ràng hơn Cụ Tiên-điền. Như tả chỗ mà Đạm-tiên :

Nao-nao dòng nước chảy quanh.

Đip cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Sẽ-sẽ nắm đất bên đường.

Rầu-rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Đọc bốn câu thơ ấy thì hình như ta trông thấy bức tranh sơn-thủy treo trước mắt vậy.

Tả cái cảnh tươi tốt cuối mùa xuân :

Cỏ non xanh dọn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Tả cảnh mùa thu :

Long-lan đầy nước in trời,
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.

Tả cảnh chỗ hoang-vắng :

Xếp-xò ền lạnh lâu không...
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu dầy...
Cuối tường gai-góc mọc đầy...

Mỗi một cảnh chỉ có độ bốn câu thơ là cùng, thế mà tả được không thiếu không thừa, cảnh nào ra cảnh ấy. Cứ như cái lối văn của ta thế là hay lắm. Văn tả-cảnh thiết-tưởng không nên rườm-rà lắm, phải để cho cái tưởng-tượng của độc-giả cũng có phần vào cái đẹp cái thú đó thì mới là hay.

Phạm cái văn hay phải như mùi hoa thơm, ngửi đến thời ngào-ngạt bát-ngát làm thành ra có cái thú-vị không thể hình-dung ra được. Lại cũng như tiếng đàn hay, đánh lên nghe sao đắm-thắm say-sưa làm cho người ngồi nghe phải « khi vô chín khúc, khi chau đôi mày ». Thiết-tưởng văn của Cụ Nguyễn Tiên-diễn cũng như thế, cho nên ai cũng phải lấy làm hay. Phần thì hay về cái ý-nghĩa hàm-súc, dồi dào; phần thì hay về cái âm-hưởng véo-von, dậm-dà. Bởi cái văn hay như thế, cho nên ai cũng muốn đọc, mà càng đọc càng thấy hay, càng muốn đọc mãi, không bao giờ chán. Đến những người làm ăn ngu dốt, con vú em, thằng đứa ở, đọc không hiểu ý-từ gì mà cũng thích đọc. Tưởng không phải là tại nó chỉ thấy người ta đọc mà bắt-chước, nhưng có phần lại đọc lên nghe hay như nghe khúc hòa-nhạc. Vậy nên người mình dễ không mấy người là không biết truyện Kiều. Cũng vì Cụ Nguyễn Tiên-diễn

nhân thấy cái cảnh-ngộ đoạn-trường của một khách má-đào mà làm ra bộ Đoạn-trường tân-thanh dễ khóc người bạc-mệnh, có ý dễ than thân mình, cho nên câu văn mới thắm-thía say-sưa như thế.

..

Một đời nàng Kiều phải bao nhiêu cái mối sầu, cái dây oan, là tóm-tắt lại trong mấy lời của bà sư Tam-hợp :

Thủy-Kiều tài-sắc khôn-ngao,
Vô-duyên là phận hồng-nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.

Trong truyện Kiều thủy-chung chỉ có chữ tình, cay-dắng chua-xót vì tình, mà thanh-cao tao-nhã cũng vì tình, cho nên sư nói :

Tu là cõi phúc, tình là dây oan.

Lời sư dạy thật là phải lắm, nhưng chỉ phải cho những nhà tu-hành mà thôi, còn người phàm đã có thân là phải có tình. Chữ tình đây không phải như tình-dục mà người ta thường nói, cũng không phải chỉ nói riêng về tình-duyên của giai-nhân tài-tử. Tình là nói chung cả cái lòng thương chanhở mẹ, lòng yêu chồng yêu con, lòng thương nhân-loại, lòng ham mển cái thật, cái hay, cái đẹp, lòng khao-khát những cái tao-nhã thanh-cao, Trung-thần, hiếu-tử, liệt-nữ, kỳ-nam, phạm những công việc động-dịa kinh-thiên đều bởi chữ tình mà ra cả. Có Kiều chỉ vì có tình, cho nên biết thương cha, biết thương chồng, trong khi lưu-lạc giang-hồ cũng nhiều lúc sung-sướng mà không lúc nào trong lòng được hă-hê. Vì có tình mà mắc lừa Sở-Khanh, có tình mà xui Từ Hải về hàng, cũng vì có tình mà nhảy xuống sông Tiền-đường.

« Tình là dây oan » cũng như « chữ tài liền với chữ tai một vần ». Tài với tình vẫn đi với nhau làm một. Người ta ở đời may mà có tài-tình, cũng

không may mà có tài-tinh : có tài-tinh là có cái hơn người, hưng cũng vị tại-tinh mà phải nếm đủ mùi chua cay hơn người.* Có tài-tinh cho nên mới phải những bước phong - trần ; song càng phong-trần bao nhiêu lại càng thanh-cao bấy nhiêu, hình như hai chữ phong - trần chỉ để dành riêng cho những bậc hay bị trời xanh đánh ghen, chứ những kẻ dung-phu tục-tử thì sao cho xứng-dáng.

Bất phong-trần phải phong-trần,
Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao.

Bởi những lẽ ấy, cho nên Cụ Nguyễn Tiên-diền lấy cái lý - tướng Phật-học mà kết-thúc truyện *Kiều*. Người ta

Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.
Thiện-căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Cụ khuyên người ta hãy giữ lấy tấm lòng trong-sạch, dầu có phải phong-trần, cũng không nên đổi lòng thay dạ, ấy là cái thiện-căn ở sẵn đó rồi. Lời kết-luận ấy rất có ý-nghĩa, khiến cho ai đọc đến cũng phải đem lòng ngẫm-ngĩ.

Xưa nay những bậc tài-tinh hay gặp lắm nỗi khát-khe, để tấm lòng tắc dẹt không được thỏa-thuê. Có sách chép rằng khi Cụ sắp mất có khẩu-chiêm rằng:

不知三百餘年後。
天下何人泣素如。

Bất tri tam bách dư niên hậu;
Thiên-hạ hà nhân khóc Tố-như.

Nghĩa là : không biết hơn ba trăm năm về sau này, có ai là người thấu cái tâm-tinh cho ta không ? Thế mà kể từ ngày Cụ mất đến nay, mới được một trăm bốn năm, trong bọn hậu-sinh ta đã có lắm người hiểu cái tâm-sự của Cụ, và ai cũng ca-tụng cái công-đức và cái tài-văn-chương tuyệt-thể của Cụ. Được như thế, tưởng linh-hồn Cụ ở dưới suối vàng cũng đã có phần nguôi buồn hã giận. Nhưng thiết-tưởng cái nợ của chúng ta đối với các Cụ đời trước, không phải là chỉ biết như thế mà thôi, lại còn phải cố công gắng sức mà vun đắp vào cái nền văn-chương của tiều-nhân để lại, làm cho quốc-âm mỗi ngày một tinh-xảo thêm, và đẹp-dẽ hơn lên, để cùng với thiên-hạ mà sinh-tồn, mà hoạt-động, mà tư-tưởng, cho khỏi thẹn cái tiếng làm người đứng trong trời đất.

Nợ ấy vì mà ta trả được,
Cụ đều chín suối cũng thơm lây.

Ta nay nhân ngày búi-nhật Cụ Nguyễn Tiên-diền mà nhắc đến truyện *Cụ* và lại bàn đến truyện *Cô Kiều*, khởi hương trầm đã nghi-ngút trong lò kia, phím đàn lại sắp-sửa so dây, « trông ra ngọn cỏ lá cây, thấy hiu-hiu gió », chẳng hay đấy là hồn *Cô Kiều*, hay là hồn Cụ Nguyễn. Ta xin dâng tấm lòng thành, gọi là đề tổ chút tình kính mến, xin chứng-minh cho.

IV

Bài hát kỷ-niệm cụ Tiên-Điền của ông Nguyễn Đôn-Phục

Hát mừng

Mấy hàng cùm-tú văn-chương
Yêu hoa gió khúc đoạn-trường ngấm hoa.
Chúng ta nay nguyện với trăng gió,
Còn non còn nước quốc-hoa còn dài.

Hát nói

Bắc-phương nhất-dại giai-nhân lục,
Nam-hải thiên-thu quốc-sĩ văn.

北方一代佳人錄
南海千秋國士文

Đau-dớn thay là cuộc phong-trần !
Mà bạch-độn với hồng-nhau sao khéo-keo.
Gấm kim-cổ trong vòng thế-đạo,
Trai thờ vua chi khác gái thờ chồng.
Tiếc cho ai nền băng-tuyết chất phỉ-phong,
Cơn gia-biến lạ-lùng trên cột.
Chàng với thiếp để mối tình thơ-thốt,
Mười lăm năm khôn xiết nỗi ba-đào.

Gỡ thay cái số hoa đào,
 Nghề mù Tú học sao cho được.
 Chứa chội Hoạn-ngô phúc-duyên chẳng tội ác;
 Kiệu anh Từ thối phú-quì cũng phù-vân.
 Thôi thôi đừng ngậm-ngui mãi cho thân,
 Đánh chữ hiểu muốn phần trọn-ven.
 Cuộc nhân-thế vì bề dẫu nên truyện,
 Ai ôi! xem lịch-sử cụ Tiên-diên.
 Phần vua Lê trang-diềm đó là duyên,
 Tay chúa Trịnh cầm quyền thì cũng nợ.
 Quán Bắc-viện, Đàng-đô khi vỡ lở,
 Lũ Tây-sơn, Nam-lũy lúc kinh-hoàng.
 Mấy Tráng-thành xa-cách mặt quân-vương,
 Nghĩa dạn những đoái-thương chiều tuyệt-tái.
 Chém kẻ gian-tà gươm nhứt lưỡi,
 Bền ơn quân-phụ khối mang tình.
 Chốn lâm-toàn lạc lối kẻ thư-sinh,
 Âu cũng lấy đôi chữ trung-trinh làm bân-
 phận.
 Khi trong nguyệt cung cầm ngọc-ngân,
 Khi dưới hoa vương vãn nước cờ.
 Cảnh hoàng-hôn khi thổ-ác lần-lữa,
 Hồn cố-quốc khi đổ-quyên thúc-giục.

Giở đến tập phong-tình-cổ-lục,
 Khóc cho ai, mà lại khóc cho ai!
 Thương ôi sắc nước hương trời,
 Thân trinh-bạch cũng mai mà cũng tuyết.
 Cũng một lối tài-tình oan-nghiệt,
 Bút tài-hoa nêu diễm-xuyết truyện phong-
 hoa.

Thác ra lời bạc-mệnh xót-xa,
 Mảnh những thói buồn đời xô-lá.
 Nhắm mắt đánh nhau cùng tạo-hóa,
 Nặng lời trao lại với non sông.
 Cuộc bề dẫu trông thấy đã đau lòng,
 Tài thế nhĩ, mà tài là thế nhĩ!
 Chớ mới biết chữ hiểu chữ trung là chữ qui,
 Kiếp phù-sinh chỉ kẻ giặc chiêm-bao.
 Ta khen người thực-nữ chí cao,
 Mà tâm-sự đấng văn-hào ta phải nhớ.
 Đầm giọt máu chuốt nên văn quốc-ngữ,
 Lúc canh khuya nghe gõ tiếng chuông vàng.
 So oán-ân trong kiếp đoạn-tràng,
 Bảo cho biết thiện-cần là lạc-quốc.
 Âm cực dương hồi cơ-duyên sau trước,
 Bেম văn-chương mà cảnh-giác cho ta.
 Niệm Nam-vô ông Phật chùa nhà!

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

XIX

Thứ tư, 21 tháng 6.

Buổi tối đi xem hát ở rạp *Grand Guignol*, đường *Chap'tal*. Gần đây nghe tiếng rạp này xướng ra một lối diễn-kịch mới, thiên-hạ hoan-nghehnh lắm. Đặc-sắc của rạp này là diễn những bài ngắn-ngắn, khiến cho mỗi buổi diễn được bốn năm bài, bi-kịch hi-kịch xen lẫn nhau, và bài nào cũng chú-trọng về bộ, về cảnh, không kém gì lời văn.

Trong chương-trình hôm nay có năm bài, bốn bài hi-kịch độ một hồi hay hai hồi ngắn-ngắn và một bài bi-kịch có hai cảnh (*tableaux*). Bài sau ấy là lối « kịch bằng cảnh » (*pièce en tableaux*), lấy cảnh mà giúp thêm cho lời

nói, lối này tưởng các rạp hát ở nước ta có thể châm-chước mà phỏng theo được.

Bài bi-kịch xem cảm-động quá, đề là « Một đêm ở Luân-đôn » (*Une nuit à Londres ou The Black Veil*) của *Gustave Frajaville* và *C. Choisy* (là quản-lý rạp *Grand Guignol*) rút trong thuyết-bộ của nhà văn-sĩ nước Anh *Dickens* và đặt thành cảnh. Truyện một người đàn-bà già có con phạm trọng-tội phải án xử-tử thật cổ, sớm mai hành-hình, đêm đến tìm một ông thầy thuốc danh-sư nọ, kêu van ông ngày mai đừng giờ ấy đến nhà bà cứu cho một người sắp chết, nhưng không nói rõ vì cơ gì; hôm sau ông đến, xác mới khiêng

về, nhưng đã chết rồi không thể cứu được nữa. Bấy giờ ông mới hiểu là người tội-nhân mới bị thất cổ; nhưng người mẹ trông thấy xác con như phát điên lên, cứ ôm lấy mà than khóc kè-lẻ một cách rất thảm-thiết, một mực van ông cứu cho, nói: « Con tôi đại-dột, nó quá nghe anh em mới đến nỗi này, chứ nó không đáng tội. Tôi xin ngài, tôi van ngài cứu cho con tôi, nó chưa chết đâu. » Ông thấy thuốc bấy giờ trong lòng cảm-thương bi-dát vô-cùng, vẫn biết rằng kẻ phạm tội với xã-hội, thời xã-hội có quyền trừng-trị, ấy là lẽ công-bằng, nhưng mà trị kẻ có tội mà dễ thương, dễ xót, dễ đau, dễ khổ cho người không tội, há phải là lẽ công-bằng sao? Song cái công-lý của người đời chỉ biết thô-lược như thế thôi; người ta ăn ở với nhau lấy một công-lý mà xử chưa đủ, phải có lòng từ-bi bác-ái mới được, vì trông thấy cái cảnh đau-khổ của bà già này, ai là người cảm lòng cho đang?... — Diễn khéo quá, tài quá, đáng-bộc cảnh bày hiên-nhiên như thực, khiến người xem rung mình sờn tóc, lay chuyển cả quả tim, cảm-kích đến phải chảy nước mắt ra. Có bà dầm ngồi bên nức-nổ khóc đến mười lăm phút đồng-hồ. Người ta nói có khi có người cảm-kích quá ngất người ngã ra. Trong bài kịch, lời nói không có mấy, mà những lúc không nói lại là chỗ hay nhất

Xét ra văn diễn-kịch phải là văn cứng-cát lắm mới được; văn quốc-ngữ ta bấy giờ còn non-nớt, dùng vào diễn-kịch không khỏi khuyết-diêm. Vậy nếu bây giờ có một lối kịch như lối kịch bằng cảnh đó, lấy cảnh mà giúp sức cho lời văn, thời hợp với trình-độ của ta lắm. Và lại lối này là đoàn-kịch, chỉ một vài hồi mà thôi, và diễn không đầy một giờ đồng-hồ, tưởng bất-chước cũng không khó.

Trong lời quảng-cáo của rạp *Grand*

Guignol này có nói: « Rạp *Grand Guignol* ngày nay cả thế-giới đều biết tiếng là nơi kịch-trường ở *Paris* diễn được lắm bài li - kỳ, có khi kết-cấu cũng bạo, nhưng bao giờ cũng có đặc-sắc văn-chương. Rạp này đã có một lối riêng, thiên-hạ đến xem đặt tên cho là *genre Grand Guignol*, bất-cứ hí - kịch hay bi - kịch, bao giờ cũng có một cái vẻ đặc-biệt, có khi cảm-kích vô-cùng. Những bài bi-kịch thời hành-động mau, và giống hệt như sự thực, vì lối diễn-kịch này không có dung được những cách giả-dối. Phàm diễn ra là đều diễn cái chân-tướng của sự đời, nông-nàn, mãnh-liệt, khốc-hại, hung-tàn, cốt lấy thực, mà trong sự thực có cái vẻ đẹp thâm-trầm ở đó. Hí-kịch thì bao giờ cũng có văn-chương, cũng có trí-tuệ, khi thời sự xảy đột-ngột, khi thời đối-đáp đỉnh-ngộ, làm cho tức cười không nhịn được, v.v... »

Thứ năm, 22

Ngày thứ năm, ở *Théâtre Français* (tức là *Comédie française*) thường có diễn-kịch ban ngày, và diễn những kịch cổ-diễn cho học-trò các trường xem. Nhân xem nhật-báo thấy hôm nay diễn bài *Le Bourgeois gentilhomme* của *MOLIERE* (tức ông Vĩnh dịch là « Trượng-giả học làm sang »), anh em rủ nhau đi xem. Bắt đầu diễn từ 1 giờ 1/2 trưa, đến 5 giờ mới xong.

Bài này Hội Khai-Tri đã diễn năm trước, chắc là không bao giờ bằng người ta được, nên có ý nhận kỷ xem họ hơn mình cái gì. Phường hát ở đây là những tay nhà nghề có tiếng trong nước, mà bài này lại là một bài cổ-kịch, họ diễn đi diễn lại không biết đến mấy trăm mấy nghìn lượt rồi, chắc là phải thạo lắm, phải hay lắm. Thế mà cứ bình-tĩnh mà xét, cũng không lấy gì làm tài cho lắm, sánh với bọn tài-tử của mình diễn năm nọ cũng là một tám một

mười mà thôi, chứ không đến nỗi cách xa nhau một trời một vực, như mình vẫn tưởng thế. Nhưng có ý nhận ra không phải là họ không có thể làm hơn nữa đâu, nhưng vì là bài cô-kịch nên họ cũng diễn chiếu-lệ đó mà thôi, không có ý cần-thận, không có ý trau-chuốt, nên còn có chỗ sơ-suất, còn có chỗ khuyết-diễm.

—Đo này ở Nghị-viện đương thảo-luận về vấn-đề cải-cách trung-học, nên theo hẳn về đường tân-học hay là nên giữ lấy phần cổ-học La-mã Hi-lạp. Có hai đảng phản-đối nhau : đảng tiến-bộ thì theo về tân-học, đảng bảo-thủ thì muốn giữ cổ-học. Mà Chính-phủ có ý khuynh-hướng về đảng bảo-thủ, muốn đổi lại chương-trình trung - học, đặt thêm phần cổ-văn Hi-La xen vào với các môn học mới khác. Không những ở Nghị-viện các đảng cãi nhau phản-ván, mà trong dân-gian cũng chỗ này diễn-thuyết, chỗ kia hội-hợp, kẻ bàn ra, người bàn vào, kẻ tán-thành, người phản-đối, bên nào cũng có một phần lẽ phải cả. Tối hôm nay có một cuộc diễn-thuyết của hội *Université nouvelle* (nhất-danh là *Les Compagnons*), thuộc về đảng tiến-bộ, tổ-chức tại *Hôtel des Sociétés savantes*, đường *Danton*, để cũng bàn về vấn-đề ấy. Nhật-báo đăng có mấy ông giáo trưởng Đại-học *Sorbonne* diễn-thuyết. Vậy cơm tối rồi, thủng-thắng đến nghe xem nghị-luận thế nào. Người dự cuộc cũng đông lắm, mình đến thì đã thấy bắt đầu rồi. Có hai ông giáo *GUIGNEBERT* và *MORNET* diễn-thuyết, đại-khải nói rằng cổ-văn tuy hay thật, nhưng không thích-hợp với thời nay, không nên cưỡng-bách con trẻ phải học, sợ chậm mất thì-giờ của chúng nó và hại đến các môn khác còn cần hơn. Sự giáo-dục cần phải ban-bố cho khắp

trong dân-gian : ấy là nghĩa-vụ cốt-yếu của một nước dân-chủ. Vậy phải mở rộng các trường trung-học cho trẻ còn bình-dân vào không nên đặt chương-trình khó - khăn đề hạn-chế. Trong bình - dân thiếu chi những con trẻ thông - minh tuấn - tú : phần - sự của quốc-gia là phải ra công đề-bạt cho những trẻ ấy được hưởng sự giáo-dục hoàn-toàn, và sau này có cách trở tài xuất - chúng. Vậy quốc - gia phải cấp lương học cho những trẻ có tư-cách ở các trường tiểu - học để cho chúng nó vào trung - học được. Bạc trung-học phải mở rộng cho cả quốc-dân, chứ không thể đề riêng cho một bọn có tư-bản được. — Hai ông giáo này nói thao-lam : ôn-tồn để nghe mà lại có cái vẻ hoạt-bát hùng-hồn. Nghe biết là những người đã quen giảng-học, và cũng quen nói với công-chúng.

Ở một nước tự-do có khác, bất-cứ việc gì cũng có thể đem ra công-chúng mà nghị-luận được. Kể nói đi người nói lại, quốc-dân đứng giữa mà phán-đoán, Chính-phủ ở trên mà triết-trung, tưởng còn hơn là cái chính-sách « bịt-bung », rút lại chẳng có lợi cho ai hết. Song cho được đủ tư-cách nghị-luận hay là phán-đoán, cái trình-độ văn-minh cũng phải khá-khả mới được, nếu còn thấp-kém lắm thì đâu được quyền bàn cũng chẳng biết bàn gì, được quyền nói cũng chẳng biết nói sao, nói lắm bàn lắm càng lại nát chuyện nhiều, huống lại còn biết phán-đoán sự hay sự không, lẽ phải lẽ trái là gì nữa ! Nhưng muốn nâng cao trình-độ dân thì có cách gì ? Dny có sự học mà thôi. . . . (1)

P. Q.

(Còn nữa)

(1) Bị kiểm- duyệt bỏ mất một đoạn.

HÔN-LỄ (1)

(Lễ cưới)

Lễ cưới là lễ rất quan trọng của loài người, vì có lễ cưới mới có vợ chồng, mà sinh sản thêm nòi giống cho xã-hội. Vậy vợ chồng là đầu ngũ-luân, mà lễ cưới là gốc vạn-phước, há chẳng nên tặn-trọng lắm ru!

Nước ta từ xưa theo lễ Tàu, lễ cưới vẫn có sáu lễ là :

1^o *Nạp-thái* 納采 (kết chọn), nghĩa là đưa lễ đến nhà gái mà tỏ ý mình đã kết chọn được người con gái ấy để xin làm vợ. Bây giờ gọi là lễ *chạm mặt*, hay là *giạm vợ*.

2^o *Vấn-danh* 問名 (hỏi vợ), nghĩa là hỏi tên người con gái là gì và sinh ngày, tháng, năm nào, và người mẹ đẻ ấy là họ gì.

3^o *Nạp-cát* 納吉 (bói được tốt), nghĩa là báo rằng bói được quẻ tốt. Cô-nhân lấy vợ thường hay bói xem tốt xấu thế nào rồi mới quyết định, nay bói được quẻ tốt thì báo cho nhà gái biết.

4^o *Thỉnh-kỳ* 請期 (định ngày), nghĩa là xem được ngày lành tháng tốt để làm lễ cưới, thì xin hứa trước với nhà gái.

5^o *Nạp-tê* 納幣 (đưa lễ cưới), nghĩa là đưa sính-lễ như các sắc lụa, nhiễu, hay các đồ xôi, lợn, rượu, chè, giàu-cau, ván-ván, để làm lễ cưới. (Nhiều ít thế nào là tùy-lực hai nhà với nhau.)

6^o *Thân-nghinh* 親迎 (dón dâu), nghĩa là người rước và các người thân-thuộc đến nhà gái để đón con dâu về.

Cổ-lễ tuy rằng có 6 lễ như trên này, nhưng lễ phải tòng-tục, và phải hợp-

thời thì người ta thường rút lại làm 3 lễ như sau này :

1^o *Nạp-thái* và *vấn-danh*, là lễ đi hỏi vợ ;

2^o *Nạp-cát* và *thỉnh-kỳ*, là lễ đến xin cưới ;

3^o *Nạp-tê* và *thân-nghinh*, là đưa sính-lễ và đón dâu.

Tuổi được lấy vợ. — Cổ-lễ thì con trai từ 16 đến 30, con gái từ 14 đến 20, mới được lấy vợ và gả chồng.

Không nên lấy vợ sớm quá. — Nước ta ngày nay thường thấy con trai con gái độ 13, 14 tuổi đã có vợ có chồng, giống nòi yếu ớt, chẳng phải là hợp-thai sinh ra từ đấy ư! Xem như cổ-lễ nước Tàu, con trai 30 tuổi mới lấy vợ, con gái 20 tuổi mới lấy chồng ; như nước Pháp bây giờ, con trai từ 25 tuổi, con gái từ 20 tuổi trở lên, mới làm lễ cưới, nào có ai lấy vợ sớm như nước mình. Vậy nay nên chăm-chước cả lễ Á và Âu lại làm lễ trung-bình, thì con trai phải từ 20 tuổi, con gái từ 18 tuổi trở lên, mới được lấy vợ gả chồng, mới là cập-thời hôn-giá.

Người chủ-hôn. — Bản-thân người con trai và người chủ-hôn không có tang cơ-niên (một năm) trở lên, mới được làm lễ cưới. Nhưng nếu có tang đại-công (9 tháng) mà chưa tang, cũng không được đứng chủ-hôn. Chủ-hôn là ai? Là ông hoặc cha người con rể cùng các người gia-trưởng đứng làm chủ-hôn. Nếu người con trưởng mà tự mình cưới vợ lấy, thì dùng người tôn-trưởng trong họ làm chủ-hôn cho.

Không nên tham của. — Đông-triết có câu rằng: « Việc gả chồng lấy vợ mà nói đến tiền của, là đạo mọi rợ » (娶妻而論財, 夷虜之道也.), vì vợ chồng lấy nhau là lấy người tốt đôi phải lứa, để mong nối dõi tôn-đường, chứ không phải chỉ dòm rỏ tiền của của nhau mà thôi đâu. Thế-gian lắm kẻ chưa lấy vợ đã dòm tư-trang nhiều hay ít, sắp lấy chồng đã hỏi sản-nghiệp giàu hay nghèo; thế là lấy của không phải lấy người. Thậm-chi thách tiền bạc cho nhiều, đòi qui-trang cho hậu, nếu cầu chẳng như ý, ước chẳng như lòng, thì tiếng kia điều nọ, xoay hôn-cầu ra khẫu-thù, còn nghĩa gì là hôn-thú.

Chọn nhà lấy vợ gả chồng. — Theo tục nước ta thì lấy vợ gả chồng trước phải chọn nhà nào môn-đương hộ-đối với mình, nghĩa là con nhà giàu sang lại lấy nhà giàu sang, con nhà nghèo-hèn lại lấy con nhà nghèo-hèn. Bởi vậy chồng lớn vợ bé, chồng xấu vợ đẹp, lắm khi không xứng đôi đẹp ý, nhưng hai bên cha mẹ đã bằng lòng, thì cũng bắt phải lấy nhau, trái duyên khôn ép, sinh ra nhiều sự lói-thối. Vậy bây giờ chọn vợ gả chồng chỉ nên trừ những nhà có tiếng xấu, nghĩa là làm sự phản-loạn hội-nghịch gì và có bệnh xấu như bệnh phong, bệnh lao, vân-vân, thì không nên lấy, là ngại về sự truyền giống truyền bệnh mà thôi. Còn như trai lành gái tốt, phận đẹp duyên ưa, thì không nên nệ giàu sang nghèo hèn gì mà làm trở-ngại tương-duyên mới phải.

Không nên trì-hoãn sự cưới — Trai gái đã cặp-thối, mà vừa đôi phải lứa, hai bên đã đẹp ý bằng lòng, thì từ khi giã đám hỏi, đến lúc cưới cheo, chỉ độ vài tháng nên xong các việc, chớ để lâu-lai. Xem như người đời xưa, có người chỉ-phúc vi-hôn, nghĩa là đính-ước

với nhau từ khi con ở trong bụng, thế mà sau này hoặc nhà giàu nghèo biến đổi, hay là tật-bệnh bất-thường, lại mưu cải-giá, sinh ra lắm sự kiện-tụng hiềm-thù. Vậy phương-ngôn có câu rằng: « Giãm vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ giãm-pha. »

1. — Nạp-thái và vấn-danh

Trước khi nạp-thái, chủ-hôn nhà trai tiết-thứ phải ủy người mối sang nhà gái trò-chuyện minh-bạch, nghĩa là thay người chủ mà nói xin giãm người con gái ấy làm vợ người con trai này. Nếu được người nhà gái thỏa-thuận rồi, thì xin chọn ngày tốt là hôm nào, đưa lễ nạp-thái và vấn-danh, nếu được nhà gái bằng lòng cho, mới làm lễ nạp-thái.

Lễ nạp-thái thì hoặc dùng cau chè, hay là nhà giàu sang thì dùng lợn, rượu, cau, chè, vân-vân, nhiều ít tùy-nghĩ, nhưng không được quá xa-xỉ.

Cáo từ-dường. — Khi đã định ngày nạp-thái rồi, người chủ-hôn (nhà trai) liệu biện cau rượu, hương hoa vào cáo-từ-dường.

Cáo rằng :

Ngày... tháng... năm... Hiên-tôn (1)
... kính đem lễ mọn... dâng lên :

Cao-tổ-khảo Cao-tổ-ti....

Tăng-tổ-khảo Tăng-tổ-ti....

Miền-tổ-khảo.... Hiên-tổ-ti....

Miền-khảo.... Hiên-ti....

Liệt vị. Trước linh-vị lạy mà tâu rằng :

Ơn nhờ phúc-đm, sinh-bạ con trai trưởng (Thự) là... tuổi đã trưởng-thành, nay giãm lấy con gái nhà ông ở cùng làng (hoặc khác làng) làm vợ. Hôm nay nạp-thái, nhân đề vấn-danh, xin dâng lễ mọn tâu trình mong đội phúc lành ứng-hộ. Cẩn-cáo.

Cụ-thư. — Chủ-nhân nhà trai viết thư kể rõ nghĩ-vật và ủy người thân-thuộc cần-thận đưa lễ nạp-thái sang nhà gái.

(1) Theo như lễ Thê-mại thì hoặc xưng là Tr-tôn hoặc thứ-tôn.

Thư rằng :

Ngày... tháng... năm...

Kính-khải (1)... Tôn-ông, tôn-bà nhũ-giám:

Nay nhờ ông bà, quá rủ lòng yêu, gả lệnh-ái cho tiện-nam tôi là tên...

Hôm nay tốt ngày, kính dâng lễ tồ, xin đưa nạp-thái, nhân đề vấn-danh, dạm hỏi lệnh-ái tên là gì và sinh ngày, tháng, năm nào (2), xin cho biết tường, đội ơn vạn-bội. Nay thư.

(họ tên...) kính-khải.

Cáo từ-đường. — Nhà gái đã tiếp nhận lễ rồi, thì dâng thư và lễ-vật ấy kính cáo từ-đường.**Cáo rằng :**

Ngày... tháng... v. v. biến-tôn... v. v. (theo như trên) tâu rằng :

Ơn nhờ tồ-ấm, sinh-hạ con gái thứ... hoặc trưởng) tên là... tuổi ngoại cập-kê, nay thuận gả cho con trai ông... tên là... ở cùng làng (hoặc khác làng) hôm nay nạp-thái, nhân đề vấn-danh, lễ mọn kính-tri-ah, cúi xin giám-cách. Cẩn-cáo.

Phục-thư. — Chủ-nhân nhà gái viết phục-thư đưa cho người họ nhà trai và tiễn ra về.**Thư rằng :**

Ngày... tháng... năm...

Kính-phục... Tôn-ông tể-bà nhũ-giám :

Ơn nhờ lòng tốt, yêu cây nên giấu đến hoa, ha-cổ đến tiên-nữ tôi là Thị... để sách đôi với lệnh-lang thứ... (hoặc trưởng) nhà gái, nay đã hỏi đến, dạm chẳng vắng lời, xin kẻ tiện-nữ danh-thị và ngày giờ sinh-niên như sau :

Kẻ : Họ tên... sinh giờ... (giờ gì đề vào) ngày... tháng... năm... (để rõ ngày tháng vào chỗ lưu-không)

(Họ tên)... kính phục.

II. — Nạp-cát và thỉnh-kỳ

Theo thời nay thì việc cưới xin không mấy nhà còn dùng phép bói

nữa. Vì bói có quẻ tốt quẻ xấu, nếu bói được quẻ xấu, thì việc hôn-nhân chẳng thêm nổi trở-ngại lắm ru ? Vậy lễ nạp-cát nên hợp vào lễ thỉnh-kỳ, là chọn ngày tốt để xin cưới.

Cu-thư. — Khi đã chọn được ngày tốt là ngày tháng nào, thì phải biện giàu cau hoặc chè mứt và viết thư nói cho mình-bạch, ủy người cần-thận đưa sang nhà gái. (Lễ này theo lối giản-tiện, không cáo từ-đường.)**Thư :**

Ngày... tháng... năm...

Kính thư... nhà-giám :

Nay nhờ ông bà quá rủ lòng yêu, gả lệnh-nữ cho tiện-nam tôi là... Nay đã chọn được ngày lành tháng tốt là ngày... tháng... năm... xin đưa sinh-lễ, và đề đón dâu. Vậy có mấy lời nói trước, để người biết cho, nên chẳng thể nào, còn nhờ phúc-mệnh. Thiêm-thần (3)... kính-thư.

Nhà gái tiếp được thư này, nếu bằng lòng cho lấy ngày, tháng, năm ấy làm lễ cưới, thì phục-thư cho biết.

Phục-thư.

Ngày... tháng... năm...

Kính-phúc... nhũ-giám :

Nay nhờ ông bà, có lòng quá yêu, chọn tiện-nữ tôi tên là Thị... để kết-duyên với lệnh-lang thứ... nhà gái. Nay đã chọn được ngày tốt là ngày... tháng... năm... định đưa sinh-lễ và đón dâu, tôi xin bằng lòng kính theo tôn-ý, nay phục-thư.

Thiêm-thần... kính-phúc.

III. — Nạp-tệ và thân-nghinh**Nạp-tệ.** — Trước ngày thân-nghinh một hai ngày, hoặc chính ngày thân-nghinh thì đưa lễ nạp-tệ, nghĩa là đưa đồ sinh-lễ.

Lễ này hoặc biện lợn, xôi, cau,

(1) Phàm chỗ nào lưu-không chấm chấm như thế sau cứ tùy xem họ tên là gì thì tùy nghi đề vào, như họ Trần, Nguyễn, Phạm v. v. Các chỗ lên ký cũng vậy.

(2) Lễ cổ có hỏi tên họ người sinh-mẫu, nhưng đây lược bớt, vì đã có sổ khai giá-thú, thì sẽ biết tường.

(3) Từ đây nhà trai nhà gái đã nhận lời thông-hôn rồi, thì đều xưng là *thiêm-thần*, là lời khiêm ỡm nhận là thông-gia với nhau.

rượu, bánh-trái mứt mớ cùng các đồ nhiều, lụa, thoa, xuyến v. v., nhiều ít tùy-ngôi. (Tục ta thường hay lấy ít nhiều tiền bạc để sắm-sửa đồ qui-trang cho con gái, hay là bảo nhà trai sắm cho cũng được. Còn những thói hay thách nhiều tiền bạc là không phải lễ).

Cáo từ - đường. — Trước khi đưa sinh-lễ, chủ-nhân (nhà trai) phải biếu lễ cáo từ-đường. (Lễ này cổ bản, cau rượu tùy-ngôi).

Cáo rằng :

(Ngày, tháng theo lễ nạp-thái v. v.)

Tâu rằng: Nền nhân-nghĩa sâu rộng cây đức, cành ngọn nở-nang, sản quế-noè thêm nảy chồi xuão, cổ hoa nở-hở; ơn nướ phúc tổ, sinh-hạ con trai (trưởng hoặc thứ) cưới lấy người vợ ở cùng làng (hoặc khác làng.) Nay được ngày lành tháng tốt, xin đưa sinh-lễ, nhân đề đón dâu, lễ mọn kính tâu, mong cho muôn phúc. Cầu-cáo.

Sắm-sửa sinh-lễ đã xong, viết thư cần-thận, ủy người thân-tín đưa thư và sinh-lễ sang nhà gái.

Cụ-thư.

Ngày.... tháng.... năm....

Kính phúc... nhà-giám:

Ơa lòng ông bà, yếu con con gái của, gả lênh-nữ cho tiện-nam tở là tên.... Nay được tốt ngày, kính dâng lễ lễ, gọi là nạp-tệ, nhân đề tuần-ngịnh, vật ít lòng nhiều, mong nhớ hải-nạp (1).

Ngày giờ thân-ngịnh như sau :

Hồi.... giờ ngày.... tháng.... là kỳ đón dâu.

Thiền-thần.... kính thư.

Cáo từ-đường. — Nhà gái tiếp được thư và lễ-vật trên này thì sửa-soạn lễ cáo từ-đường.

Cáo rằng :

(Ngày, tháng, năm theo lời cáo lễ nạp-thái v. v.). Nay nhân : Nhận lễ nạp-tệ, và đề thân-ngịnh, dâng tiền lòng thành, mong cho phúc cả. Cầu-cáo.

Phúc-thư

Ngày.... tháng.... năm....

Kính phúc.... nhà-giám:

Nay nhờ số tốt xai nẻo, duyên trời đưa lại, tiện-nữ tôi là Thị.... may được kết-duyên với lạn-lang nhà ngài. Đa-tạ hậu-tâm, đưa lễ nạp-tệ, và hẹn ngày giờ đón dâu. Tôi đã từng đọc lai-thư, kính xin như-mệnh. Nay kính phúc.

Thiền-thần.... kính phúc.

Cáo từ-đường. — Đến ngày thân-ngịnh thì chủ-nhân (nhà trai) lại vào cáo nhà thờ, và làm lễ mệnh-tiểu (là lễ bảo con đi đón vợ) rồi ca ngợi người thân-thích cùng với rề đi đón dâu.

Cáo rằng :

Ngày, tháng (theo như lời cáo trên).

Hôn-lễ đã thành, nay đi thân-ngịnh. Vậy xin trầu-tấu, cầu mong giáng-giám, cao được phúc lành. Cầu-cáo.

Mệnh-tiểu 命醮. — Lễ mệnh - tiểu thì đặt một cái bàn ở trên thềm, trên bày hương-hoa đèn nến và rót một cốc rượu. Người cha mẹ ngồi hướng tây, con đứng hướng nam, con qui dề thụ-lễ, thì cha đưa cốc rượu cho con, con chịu rượu mà uống một ít. Cua bảo rằng: « Đi đón vợ may, đề nôi dôi nhà, đạo thường kinh giữ, chớ có sai-ngoa. » Người con đáp: « Dạ, xin vâng mệnh », rồi lạy tạ 2 lạy ra đi đón vợ.

(Lễ này là váng mệnh cha mẹ dề lấy vợ, là lễ rất trọng, tưởng không nên bỏ, nhưng đây cũng rút lại cho giản-tiện, chứ theo cổ-lễ thì còn nhiều lắm.)

Thân-ngịnh. — Người rề đi đón vợ thì thân-thích đi phụ (tục ta người mẹ chồng cũng có đi, nhưng về trước) phải có hai ngọn nến hoặc đèn lồng dẫn đi trước. Bây giờ thường hay cầm hương (hay lư hương) dẫn đi trước.

Cáo từ-đường. — Nhà gái hôm ấy cũng làm lễ cáo từ-đường.

(1) Rộng lượng nhận cho.

Cáo rãg :

Ngày tháng.... (theo như các lời cáo trước).

Nay hôn-lễ đã thành, đến ngày thân-oghjah, kính tiểu lòng thành, cúi xin soi xét. Cẩn-cáo.

Kiến-miếu 見廟. — Khi rã đến nhà thì chủ-nhân ra đón và mời họ nhà trai vào phòng khách, rồi đưa rã đi lễ nhà thờ, và làm lễ diện-nhan. (Lễ kiến-miếu, chủ-nhân để đến ngày thứ ba, nay kiến-miếu ngay, là theo thói tiện-nghi.)

Diện-nhan 奠雁 hay là lễ Tơ-hồng. — Lễ diện-nhan : chủ-lễ người rã dùng đôi con nhạn sống làm lễ tri-kiến, là lấy nghĩa con nhạn không sánh đôi hai lần. Bày giờ thường dùng lễ tế Tơ-hồng thay lễ diện-nhan.

Tế Tơ-hồng. — Tế Tơ-hồng thường dùng lễ thập-bái, là 4 lạy nghinh trước, 2 lạy sau khi đọc chúc, và 4 lạy tạ, phải có người hộ-lễ xuống cho, người rã và dâu đều vào lễ. (Lễ này người thì tế ông Phúc-Hi là đặt ra lễ giá-thủ, người thì tế ông Ti-hồng-nguyệt-lão-thiên-tiên là xe duyên cho vợ chồng, đều có nghĩa cả, đây theo tục tế ông Nguyệt-lão.

Văn tế — Ngày.... tháng.... năm.... xã.... tổng.... huyện.... tỉnh.... (họ tên người rã) kính đem lễ mọn.... dâng lên trước linh-vị Ti-hồng Nguyệt-lão Thiên-tiên, lạy mà tâu rãg :

Tôi vắng mệnh cha mẹ (hoặc ông bà tùy còn ngài nào thì biên vào) lấy người con gái là Thị.... ở cùng làng (hoặc khác làng, làng gì biên vào) làm vợ. Nay nhân lễ cưới vừa yên, kính tổ lòng thành tri-tế.

Muôn tâu Thiên-tiên :

Đức tựa trời cao, lòng như trăng tỏ.

Mây-Tạo vần xoay, dây duyên gần-bó.

Trao tơ kết tóc, chỉ hồng xe đẩy túi kiện-khôn ;

Phận đẹp duyên tra, đầu xanh lựa trong vòng phu-phụ.

Nay nhân lễ mọn kính dâng, muôn đôi ơn trên hạ-cổ.

Bộ cho duyên mới hòa-hải, ngày được phúc lành hưởng-thu.

Bồi lửa đẹp duyên loan-phụng, nhà cửa thêm vui ;

Điềm lành ứng mộng hường-bì, gái trai đầy lữ.

Cây đà ẩm bụi, xum-vầy nên một nhà xuân ;

Gấm lai thêm hoa, trọn vẹn gồm năm phúc đủ.

Thực là : đôi đức Thiên-tiên, phù-tri ứng-hộ.

Cẩn-cáo.

Lễ mệnh-tiểu. — Tế Tơ-hồng rồi chủ-nhân nhà gái làm lễ mệnh-tiểu cho con gái. (Là cha mẹ dặn bảo phép về nhà chồng.) Lễ này cũng đặt một cái bàn ở trên thềm, bày đèn nến hương-hoa và rót một cốc rượu, cha ngồi hướng tây, mẹ ngồi hướng đông, còn các người thân-thuộc thì theo thứ-tự mà đứng. Khi người con gái ra lạy từ cha mẹ, thì cha mẹ đưa cho cốc rượu, con gái qui xuống nhận rượu mà nhấp môi một ít. Người cha bảo rãg : « Con về nhà chồng, sớm tối một lòng, tất phải kính - cần, theo phép nhà chồng. » Mẹ dặn rãg : « Nay con xuất-gia, này mẹ bảo con, sớm hôm kính-cần, giữ phép khuê-môn. » Con gái đáp : Da, xin vâng mệnh, rồi lạy từ cha mẹ hai lạy và đi lạy từ các bậc thân-thuộc, các thân-thuộc cũng khuyên người con gái phải kính theo những lời cha mẹ đã dặn.

Vu-qui 于歸. — Khi người dâu ra về thì người rã cưới ngựa đi trước, vợ đi xe sau, có người cầm nến hay cầm hương đi trước. Còn thân-thuộc nhà gái và người nữ-sư thì cùng đi phụ với nàng dâu.

Khi nàng dâu về đến nơi, người rã đứng đợi ở cửa, rồi vái chào nhau mà đưa vào nhà.

Ngày bấy giờ bà nữ-sư đưa nàng dâu

lên lạy từ-đường rồi lạy chào bố mẹ chồng, và các bậc thân - thuộc nhà chồng hiện có ở đấy, lạy chào cha mẹ chồng theo lễ cổ thì phải có đồ tri-kiến. (Theo lễ cổ thì chào bố mẹ chồng vào ngày thứ hai, lễ từ-đường vào ngày thứ ba là sau lễ hợp-cần, đây làm vào ngày thứ nhất, nghĩa là trước kinh Tỏ-tiên và bố mẹ chồng sau mới đến vợ chồng giao-thân, cũng là thông-tiện.)

Lễ hợp-cần 合 卷 禮 — Lễ này là vợ chồng mới bắt đầu làm lễ thành-thân, chung chén rượu mà uống, cùng mâm cơm mà ăn.

Theo cách giản-tiện thì đặt một cái án ở giữa nhà, trên bày rượu và các món ăn, rồi vợ ra đứng phía đông, chồng đứng phía tây, cùng vái chào nhau rồi vào ngồi. Bấy giờ người hầu cơm hods một cốc rượu rồi xẽ ra làm hai, dâng cho người chồng và người vợ mỗi người một cốc. Vợ chồng đều uống, rồi cùng nhau ăn uống như thường.

Mời cơm cha mẹ chồng. — Người nàng dâu nếu là con dâu trưởng, thì sau khi hợp-cần phải có mâm cơm để mời bố mẹ chồng ăn, nghĩa là tỏ việc chủ-quĩ (giữ việc cơm nước trong nhà) để phụng-đường bố mẹ chồng.

Phải bày đặt cỗ bàn cơm rượu rất tinh-khiết, vào mời bố mẹ chồng ra ngồi, nàng dâu đứng trước mặt mà lạy chào 2 lạy để mời bố mẹ chồng ăn (2 lạy là theo lễ giản) và phải hầu rượu hầu cơm từ-tễ, rồi lạy tạ mà lui ra.

Tiếp-khách. — Các thân-thuộc nhà gái, chủ-nhân phải tiếp-dãi chu-tất rồi tống-tiên trở về.

Lễ lại-mặt. — Lễ này ngày xưa là sau khi cưới ba ngày, người rể lại sang nhà vợ để lạy mừng bố mẹ vợ, cùng các thân - thuộc nhà vợ và yết từ-đường. Nay đã qui-tiện mà làm vào khi đến đón dâu rồi, thì hôm thứ ba ấy lại sang nhà gái để chào mừng các người thân-thuộc mà hôm trước chưa kịp đến chào, hay là ở xa, để cho thông-tình nội-ngoại, bấy giờ gọi là lễ lại-mặt. Tục có câu: « Lại mặt to hơn cưới », nghĩa là hôm ấy lại đem xôi lợn sang nhà gái, ăn uống linh-dinh một ngày nữa, như thế cũng là phiến. Theo lệ thường thì người rể người dâu có đem các đồ quà-bánh gì sang nhà gái làm lễ tri-kiến cho bố mẹ vợ, và chào các người tôn-trưởng mà thôi, mà nhà gái cũng có khi cho đồ gì để đáp lại, nhiều ít đều được tùy-nghị.

ĐÔNG-CHÂU

BÀN VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

IV

Nước Tàu hồi đó, dễ-chế đã tảo-trừ, dân-quốc lại thành-lập; họ Lê họ Đoàn ở trong Chính-phủ, đều là nhân-vật xứng-đáng, tướng cái cơ-hội cũng đã khá mong. Hay đâu, họ Lê với họ

Đoàn không có quan-hệ gì với nhau, mà tính-tình lại khác nhau xa lắm. Họ Đoàn nguyên là phái Bắc-dương quân-nhân, vốn có tài-lực, mà làm người thì cương-nghị quả-đoán, gặp

(1) Xem N.-P. từ số 80, 81, 83, 84, 85.

việc hay chuyên-quyết, họ Lê rất lấy làm không bằng lòng. Họ Lê thì từ khi khởi ở nam-phương, nguyên là phái dân-dân, mà làm người thì trung-hậu hòa-bình, lại muốn nhờ cái thế - lực dân-dân, để ngăn-ngừa họ Đoàn, mà phái dân-dân cũng muốn thừa-cơ để khôi-phục lấy thế-lực mình. Họ Lê với họ Đoàn nguyên vẫn đã ghét nhau. Chợt có cái vấn-đề tham-dự cuộc Âu-chiến khởi ra, họ Đoàn thì cực-lực chủ-trương, họ Lê thì cực-lực phản-đối. Họ Đoàn mới chiêu-tập các đoàn đốc-quân ở các tỉnh lên Bắc-kinh hội-ngi, các đoàn đốc-quân đều tán-thành việc tham-chiến cả. Đến khi giao cái án tham - chiến xuống nghị - viện, thốt-nhiên có một đoàn công - dân đến vây nghị-viện vào âu-kịch những ông nghị-viên phản-đối việc tham-chiến. Bấy giờ toàn - quốc dư - luận nhao-nhao, mà cả nghị - viện cũng đều ghét Đoàn, bỏ cái án tham-chiến đi không hỏi đến, và cũng không muốn cho Đoàn ở Nội-các nữa. Lê liền hạ-lệnh bãi chức tổng-lý Nội-các của Đoàn. Khi nghị-viện bỏ cái án tham-chiến của Đoàn đi, các hàng đốc-quân hội - nghị ở Từ-châu, sợ rằng cuộc Nội - các của Đoàn bị đổ, đều nhất-quyết một lòng ủng-hộ cho Đoàn-các. Kịp nghe có lệnh Đoàn phải miễn-chức, thì các hàng đốc-quân ở các tỉnh hoặc các trấn đều tuyên-bố độc-lập để cự lại với Chính-phủ, thậm-chí có mấy tỉnh như Sơn-dông, Hà-nam, An-huy, Phụng-thiên đem binh vào tiến-bức tận kinh-đó. Lê phát cuồng, bất-đắc dĩ phải mời một viên đốc-quân có thế-lực là Trương Huân vào Bắc-kinh để làm kẻ điều-hòa.

Nguyên-lai trong bọn quân-nhân, vẫn có một anh Trương Huân là kẻ dị-dạng, tuy bấy lâu vào phe dân-quốc nhưng quân-sĩ vẫn giốc tóc, quân-trang phục-chế vẫn đều theo lối Mãn-Thanh.

Khi đó, được lệnh Tổng-thống mới, tức-khắc đem binh lên Bắc-kinh, đi đến Thiên-tân, thoạt tiên bách ngay Lê Tổng-thống phải giải-tán bọn quốc-hội đi đã, rồi mới dẫn quân vào Bắc-kinh. Khi vào Bắc-kinh, thông-diện cho các tỉnh, xin các tỉnh thủ-tiên sự độc-lập đi; các tỉnh đều bằng lòng nghe lời. Anh ta tự lấy làm mình đủ có uy-lực trở bảo được các tỉnh đốc-quân, liền uy-bách Lê Tổng-thống phải phụng-hoàn đại-chính chon nhà Thanh. Lê không nghe, rồi mạo tên Lê tấu-thỉnh vua Tuyên-thống phục-vị, cải dân-quốc lực-niên làm Tuyên-thống cửu-niên, nhất-thiết quan-chế lại đều theo như Mãn-Thanh cũ, khôi-dụng những người cổ-lão như bọn Khang Hữu-Vi 康有為, Từ Thế-Xương 徐世昌, Lương Đôn-Ngân 梁敦彥 lên làm quan, mà tự mình thì làm Trực-lệ tổng-đốc khu vực Bắc-thương đại-thần. Âu cũng là một vai quái-gở nực cười ở trong tấn trò dân-quốc vậy.

Lê tổng-thống bấy giờ bị giam-hãm, may sao lại trốn đi được, vào náu ở nhà Nhật-bản-công-sứ-quân. Khi Lê trốn đi, có mật-diện ủy cho Đoàn Kỳ-Thụy làm chức quốc-vụ tổng-lý, và thỉnh mời Phùng Quốc-Chương nhận chức đại-tổng-thống để thay mình. Đoàn khi đó ở Thiên-tân, nghe có sự Trương Huân phục-tích, lập-tức dự-bị việc thảo-ngịch, mà hùm lại với Đoàn thì có viên sư-trưởng là Lý Tráng-Thái 李長泰, Tào Côn 曹錕, và viên lữ-trưởng là Phùng Ngọc-Tường 馮玉祥. Đoàn thông-diện cho các tỉnh, tự xưng là thảo-ngịch tổng-tư-lệnh, đốc-quân lên đánh Bắc-kinh; khi Đoàn được mật-diện của Lê, lại tức-khắc ở Thiên-tân thông-diện cho các tỉnh mà nhận chức quốc-vụ tổng-lý. Phùng bấy giờ ở Nam-kinh, cũng thông-diện cho các tỉnh mà nhận chức lâm-thời đại-tổng-thống. Thảo - nghịch - quân vào Kinh, vây đánh Nam-trị-tử, là nơi trụ-

trạch của Trương Huân, giải được vũ-trang, Trương Huân phải trốn chạy vào Hà-lan công-sứ-quán; sự loạn đó liền dẹp yên. Lê nhận lỗi nhất-quyết từ-chức. Phùng-lên Bắc-kinh thực-nhận chức đại-tổng-thống. Đoàn lại vào tở-chức Nội-các.

Nước Tàu kinh qua một hồi Trương Huân phục-tích, trung-ương chính-phủ không còn có giá-trị gì nữa; rồi đôi bên năm bắc mới sinh-xuất lắm sự phân-vân. Bắc-phương thì tôn-quốc-hội thành-lập, Nam-phương thì hộ-pháp-quân chính-phủ xuất-hiện, trong nước Tàu thành ra cuộc nam bắc đối-kháng.

Khi cự-quốc-hội ở Bắc-kinh bị giải-tán, thì Văn-nam Đường Kế-Nghiên, Quảng-tây Lục Vinh-Đình, Quý-châu Lưu Hiền-Thế 劉顯世, tức-khắc-thống-diện cho các tỉnh đề hộ-pháp. Lý Liệt-Quân 李烈均 thì khởi-binh ở Quảng-đông, Long-Tế-Quang 龍濟光 bị bách-phải chạy ra Quỳnh-đảo. Hải-quân tổng-tư-lệnh là Lâm Bảo-Dịch 林葆懌 cũng đem binh-hạm xuống miền nam, gia-nhập hộ-pháp-quân. Rồi bọn cự-quốc-hội lại cùng nhau chiêu-tập khai-hội ở Quảng-đông, cử Tôn Dật-Tiên làm đại-nguyên-sủy. Quân Văn-nam Quý-châu thì lên đánh Tứ-xuyên. Hứa Sùng-Tri 許崇智 cũng khởi quân ở Phúc-kiến. Vu Hữu-Nhiệm 于右任 cũng nổi hiệu cờ lĩnh-quốc ở Thiềm-tây. Bắc-kinh chính-phủ bấy giờ sai Phó Lương-Tá 傅良佐 xuống làm Hồ-nam đốc-quân, thì Lưu Kiến-Phiên 劉建藩 ở Hồ-nam không thừa-nhận, mà khởi quân giữ lấy đất Linh-lăng đề độc-lập. Những cánh quân ấy đều là có ý gác Bắc-kinh Chính-phủ ra ngoài, mà tở-chức lấy một nơi dân-chính-phủ khác cho vững-vàng ở Quảng-đông, mà Tôn Dật-Tiên nhân-tân bấy lâu, phen đó mới lại xuất-hiện vậy.

Bắc-phương thì tuy rằng Phùng, Đoàn cùng chấp-chỉnh, nhưng vẫn âm

ngầm chia làm hai đảng. Phùng tổng-thống là Trực-dăng thủ-lĩnh, và đảng-nhân là bọn Tào Côn thì chủ hòa. Đoàn tổng-lý là Quân-dăng thủ-lĩnh, và đảng-nhân là bọn Từ Thụ-Tranh 徐樹錚 thì chủ chiến. Đối với nam-phương thì khi hòa khi chiến, thái-độ bất thường. Bắc-phương thì thanh-ngôn thống-nhất, nam-phương thì thanh-ngôn hộ-pháp, nào là mấy phen xung-dột ở Hồ-nam. Rút cục lại, còn đương dinh nhau như miếng mồi, đã bên nào chịu nhượng-bộ bên nào mà nói sự hòa; thế thì binh-quân, lực thì đối-địch, đã dễ làm gì được nhau, mà nói sự chiến.

Khi Đoàn tái-khởi tở-chức Nội-các, nước Tàu đã vào cuộc đồng-minh, Đoàn chủ-trương sự tham-chiến, có thiết-lập ra một sở, gọi là «Tham-chiến đốc-biện-xứ»; vay một số tiền to của Nhật-bản, biên-chế huấn-luyện, thành đội tham-chiến-quân. Đối-ngoại thì giương-danh là tham-chiến với Âu-châu, nhưng đối-nội thì là chực đề đạt cái mục-dịch vũ-lực thống-nhất, và đề phòng-chế đảng Phùng nữa. Đến năm Dân-quốc thứ bảy, Phùng tổng-thống nhiệm-kỳ đã mãn, Đoàn tự-hiêm ngoại-nghị, cũng đồng-thời từ-chức. Đoàn tuy từ-chức Nội-các, nhưng tham-chiến-quân vẫn đứng đốc-biện, đối với bắc-phương chính-cục, vẫn có thực-quyền. Rồi do tôn-quốc-hội cử một viên lão-thành nhân-vật mà không quan-hệ gì đến các đảng-phái là Từ Thế-Xương 徐世昌 làm đại-tổng-thống. Từ nhận chức, tức-khắc đem chủ-nghĩa hòa-bình hiệu-triệu các nơi. Trong khi nam bắc giảng-hòa, cũng có lắm cái vấn-đề khó-khẩn, đôi bên không chịu nhượng-bộ, nên hòa-cục vẫn không thành. Chợt cuộc hòa-nghị ở Âu-châu thành-lập, chiến-vân trong thế-giới đã nhất-luật bất-khai. Viên công-sứ Nhật-bản hướng Bắc-kinh chính-phủ đề-nghị rằng quân tham-chiến không được đề-dùng về việc nội-tranh. Đoàn mới đổi

tên tham-chiến-quân ra là biên-phòng-quân, vẫn có chỉ chuẩn-bị về việc đối-nội. Bấy giờ phái quân-nhân thuộc về Trục-đảng là Ngô Bội-Phu 吳佩孚 nguyên vẫn đóng quân ở Hành-dương (thuộc Hồ-nam) đề tương-tri với hệ-pháp-quân; khi đó, tự Hành-dương thông-diện về Bắc-kinh, chỉ-trích chính-phủ không có thành-ý giảng-hòa; rồi tự mình triệt-phòng ở Hành-dương đi, kéo quân lên phía bắc, mà sự Trục-Quân chiến-tranh mới đại-khởi ra vậy.

Nguyên-lai phương-diện đối với nam-phương, Trục-phái thì chủ nòa, Quân-phái thì chủ chiến, đã kể như trên. Đôi bên vẫn âm-ngầm ghét nhau, bấy lâu đôi bên vẫn thực-hành sức-dưỡng thế-lực. Kịp đến khi nam bắc nghị-hòa không thành, toàn-quốc không bằng lòng về cuộc tham-chiến-quân của Quân-phái làm ngăn-trở sự hòa-bình. Và lại cái bộ tham-chiến-quân ấy, là tiền đi vay của Nhật-bản mà tổ-chức nên, mà cái vấn-đề Sơn-đông bấy giờ, người Tàu đối với Nhật-bản lại bị thất-bại. Ngô Bội-Phu thừa lúc nhân-tâm trong nước có ác-cảm với Quân-phái, dẫn quân lên phía bắc, đóng ở Trịnh-châu. Người lãnh-tự trong Trục-phái là Tào Côn mới liên-lạc với Trương Tác-Lâm ở Phụng-thiên, thông-diện về Bắc-kinh, kể tội Quân-phái làm hại nước. Từ tổng-thống cũng khờ về nỗi bấy lâu Quân-phái lạm-quyền bên hạ ngay mệnh-lệnh bãi cái chức tây-bắc-trù biên-sử và biên-phòng-quân tổng-tư-lệnh của Từ Thụ-Tranh là bọn của Quân-phái, mà đem biên-phòng-quân lệ-thuộc vào dưới quyền lực-quân-bộ. Người lãnh-tự trong Quân-phái là Đoàn Kỳ-Thụy liền phát giận, bách Từ tổng-thống phải hạ ngay cái lệnh thảo-phạt Tào-Ngô, liền đem biên-phòng-quân chia ra ba đạo kéo xuống miền nam. Cánh Quân-quân thì quân Từ Thụ-Tranh, quân Đoàn Chi-

Qui 段芝貴, quân Kuêc Đồng-Phong 曲同豐, và quân Lưu Tuân 劉詢. Trần Văn-Vận 陳文運, Ngụy Tôn-Hãn 魏宗瀚 các quân nữa, bố-tri thịnh-lâm. Cánh Trục-quân thì chỉ có quân Ngô Bội-Phu, quân Tào Anh 曹錕, quân Vương Thừa-Mân 王承斌 mà thôi, nhưng lại được cánh Phụng-quân của Trương Tác-Lâm ở quan-ngoại vào trợ-chiến. Khi mới giao-binh ở mặt tây-đạo, thì Quân-quân bị thua ngay. Ngô thừa-thắng tràn-khu, bắt được Kuêc Đồng-Phong, các đạo Quân-quân đều bị thua vỡ, thế là Trục-quân được toàn-thắng. Bởi Ngô dụng-binh được cách thần-tốc, lại có Phụng-quân giúp nữa, cho nên dễ tẩu được kỳ-công. Than ôi! cánh biên-phòng-quân (lúc tham-chiến-quân) ấy, trong hai năm, người Nhật hết lòng bỏ tiền để thủ-lợi về sau, họ Đoàn hết sức kinh-doanh, để tự-tạo lấy thế-lực; thế mà chỉ trong năm ngày, bị cánh Trục-quân phốc-diệt hết sạch, kim-tiền của người Nhật, với thế-lực của họ Đoàn, cùng nhất-đán trôi về bể đông, ngán thay!

Tự khi họ Đoàn đã thất-bại về sau, trung-ương chính-phủ không có quyền-lực gì thống-ngự được địa-phương nữa, phạm sự chỉ là ngưỡng-thừa cái ý-kiến của bọn võ-nhân có thế-lực ở trong các đảng mà thôi. Bắc-phương chính-cục bấy giờ lại chia ra có hai đảng. Phụng-đảng thì viên thượng-dãng đốc-quân là Trương Tác-Lâm đứng ra một phương-diện. Trục-đảng thì viên thượng-dãng đốc-quân là Tào Côn, và một viên nguyên là bộ-hạ Tào Côn, mà về sau thế-lực mạnh-mẽ lắm, cũng kể là thượng-dãng đốc-quân nữa, là Ngô Bội-Phu, đứng ra một phương-diện. Cái thời-kỳ đó hiển-nhiên là cái thời-kỳ Phụng-đảng với Trục-đảng đối-trĩ. Phương-diện Trương Tác-Lâm thì lợi-dụng cái uy-lực tự quan-ngoại vào quan-nội trợ-chiến vừa rồi, đem một

viên đang-thần là Lương Sĩ-Di 梁士貽 làm tổng-lý, đề thao-tung Nội-các. Phương-diện Tào Côn với Ngô Bội-Phu thì thừa cái thế phốc-diệt được Quân-dãng rồi, liền chủ-trọng về đường phát-siễn cái thế-lực mình ra các địa-phương khác. Mà đối với ngoại-phương, quyết-tâm cầm cái chủ-nghĩa vũ-lực thống-nhất, trước kia thì nhất là Đoàn Kỳ-Thụy, sau này thì nhất là Ngô Bội-Phu.

Bấy giờ viên Hồ-nam đốc-quân là Triệu Hằng-Dịch 趙恒惕 nguyên muốn xuống lên cái chủ-nghĩa liên-tỉnh tự-trị, thừa khi Hồ-bắc có binh-biến, đem quân lên đánh Hồ-bắc, để giúp cho người Hồ-bắc sự tự-trị. Viên Hồ-bắc đốc-quân là Vương Chiếm - Nguyên 王占元 bị thua từ chức. Tiêu Diệu-Nam 蕭耀南 thay Vương làm đốc-quân. Mà Ngô Bội-Phu lại liền được lệnh làm Lương-hồ tuần-duyet - sứ. Triệu xin hòa, Ngô không nghe, Ngô tiến quân huyết-chiến, dùng toàn-lực đánh phá Thành-lãng-cơ, chiếm-lĩnh được Nhạc-châu; quân tự-trị của Hồ-nam ở các nơi, vọng-phong mà tự vỡ. Khi quân Ngô xuống miền nam đánh Triệu, Triệu có sai người đi cầu-cứu với Tứ-xuyên. Khi quân Ngô quân Triệu đang kịch-chiến, thì quân Tứ-xuyên thừa-hư sang đánh Hồ-bắc, vây phá đất Nghi-xương. Khi quân Ngô chiếm được Nhạc-châu rồi, mới thân-dốc quân-dội chuyển sang miền tây đánh Xuyên-quân, giải được vây Nghi-xương, đuổi Xuyên-quân ra ngoài cõi Hồ-bắc, cùng với Xuyên-quân thủ-lĩnh là Lưu Tương 劉湘 giảng-hòa; rồi sai Tôn Truyền-Phương 孫傳芳 lĩnh chức Tráng-giang thượng-du tổng-tư-lĩnh, đóng quân ở Nghi-xương, đề phòng Xuyên-quân. Từ đó cái thế-lực Trục-quân đã ổn-cố ở trong cõi Hồ-bắc, lại bành-trướng ở trên mặt Tráng-giang.

Người thủ-lĩnh cánh Phụng-quân là Trương Tác-Lâm thấy thế-lực cánh

Trục-quân một ngày một tăng-tiến-có ý ghét-ghen. Gia-dĩ Tôn ở Quảng, đông sai sứ sang Phụng-thiên kết liên với Trương để định kế phá đồ Trục-quân, cái thanh-thế Trương càng to, cái thủ-doạn Trương càng khản. Trương bấy giờ sẵn cái cơ-quan nội-các ở trong tay đảng mình, đối với việc quân - hướng của Trục-quân, nhất-thiết dùng-dăng không phát, ý muốn để cho Trục-quân chết đói, cái vấn-đề quân-hướng ở Nội-các bấy giờ, tức là cái vấn-đề bách-thiết cho Trục Phụng lương-quân xung-dột. Lại bấy giờ viên Lương Nội-các với viên trú Mĩ công-sứ, đối với Nhật-bản, có thư khuyên nhau nhượng-bộ. Ngô Bội-Phu bẻ về cái lỗi ấy, toan đánh ngay. Nhưng người thủ-lĩnh cánh Trục-quân là Tào Côn còn muốn xử cách điều-hòa, sai sứ sang kết điều-uớc với Trương, khi Trương kết ra điều-uớc, thì tướng-sự cánh Trục-quân đều lấy làm bất-mãn, nhất-quyết một lòng chủ-chiến. Tào bất-dắc-dĩ mới đem quân-quyền giao phó cả cho Ngô Bội-Phu. Phụng-quân Trục-quân đôi bên đều sắp-đặt về việc chiến-dấu. Khi khai-chiến, Trục Phụng lương-quân đều chia ra làm tam-lộ để tiếp-chiến. Tây-lộ thì ở về một dải Lưu-ly-hà. Đông-lộ thì ở về phía nam đường Mã-xương. Trung-lộ thì ở về một dải Bá-huyện. Đôi bên tương-trì đã vài ngày. Ngô Bội-Phu sai Phùng Ngọc-Tường 馮玉祥 lĩnh một cánh quân do tây-lộ vòng sang đánh tập-hậu, Phụng-quân ở tây-lộ bị vỡ trước. Trục-quân thừa-thắng tiến chiếm Phong-dài, Phụng-quân ở trung-lộ đông-lộ lại liền-liền bị vỡ sau. Phụng-quân phải lui về giữ Lịch-huyện, Trục-quân lại tiến đánh. Phụng-quân lại lui về giữ Sơn-hải-quan; thế là đã đuổi được Phụng-quân ra khỏi quan-ngoại. Trục-quân lại tiến đánh Sơn-hải-quan, vì địa-thế hiểm-trở thất-

lợi, cũng phải lui quân. Rồi đòi bên đình-chiến giảng-hòa, chiến-sự mới xong.

Trận ấy, Trục-quân sở dĩ đại-thắng, là vì Ngô trong mấy năm nay, đánh đâu được đấy, đã kinh - nghiệm về sự chiến-tranh; lại bố-trí được khéo-khôn mà tướng-sĩ trong đám Trục-quân lại có nhiều nhân-tài. Phụng-quân sở dĩ đại-bại, là vì sự ngoại-giao với các địa-phương thất-bại, chắc có Điền Trung-Ngọc 田中玉 ở Sơn-dông, thì Điền lại giúp Ngô, chắc có Triệu Kiệt 趙傑 ở Hà-nam, thì Phùng lại đánh đuổi ngay được Triệu, chắc có Tôn ở Quảng-dông, thì Trần lại không đồng-ý với Tôn, mà sự chiến-dấu, thì tướng-sĩ trong đám Phụng-quân chưa từng kinh-nghiệm bao giờ.

Trận chiến-tranh ấy, có ảnh-hưởng về cuộc chính - trị trong nước Tàu to lắm. Phụng - đảng đã bị lui rồi, một mình Trục - đảng giữ được cái quyền trung-tâm chính - cục ở bắc - phương. Chiến-sự vừa xong, tức khắc bỏ Từ Thê - Xương đi, mà nhắc Lê Nguyên-Mông lên phục-vị tổng-thống. Bắc-kinh chính-trị thực-quyền, đều ở trong tay phái quân-nhân trong Trục-dảng. Mới đây lại bỏ Lê đi, mà vận - động cho người thủ-lĩnh đảng mình là Tào Côn làm tổng-thống. Hiện nay phái quân-nhân trong Trục-dảng, quyền đã trọng, ngó lại cao, thế-lực lại lớn, chắc có nhiều kẻ kèn-cựa ghét-ghen. Mà cái nghĩa thống-nhất của Ngô Bội-Phu, bấy lâu vẫn là cái chủ-nghĩa vũ-lực thống-nhất. Rồi các đảng ở ngoài, như Phụng-dảng Trương Tác - Lâm, Việt-dảng Tôn Dật-Tiên, Quân - đảng Đoàn Kỳ-Thụy và các đảng linh - tinh nữa, lại có ý đại-kết-hợp với nhau, để đối kháng với Tào, Ngô. Chính - cục nước Tàu hiện nay lại là cái cục trung-tâm với ngoại-phương đối - kháng, không phải là cái cục nam bắc đối - kháng như trước nữa. Nghe đâu Ngô Bội-Phu

sở chủ - trương, cũng khéo - khôn và hợp lẽ lắm, thường lập - định cái phương-pháp rằng chỗ nào là chỗ thịt nát, như Luồng-Quảng với Từ-xuyên, thì phải trừ bỏ đi; chỗ nào là chỗ da lành, như Giang - Tây, Giang - Tô với Triết-giang, thì nên nung - nấu gìn-giữ, khiến cho trọn vẹn. Lại những người công-danh như Đoàn Kỳ-Thụy, thì Ngô tỏ ra lòng tôn-kính; những người sát-sói như Tề Nhiếp - Nguyên 齊燮元 thì Ngô tỏ ra cách giám - chế; những người đứng-dẫn như Lưu Vĩnh-Tường 陸永祥 thì Ngô tỏ ra lòng liên - lạc thân-yêu. Xem ra cái thời-kỳ của Ngô ngày nay, mới là cái thời - kỳ duy-trị lấy cái thế - lực ưu - thắng đấy thôi, chưa phải là cái thời-kỳ đại-hữu-vi vậy.

Lại nói về cục-diện ở Nam-phương, trong bấy lâu nay, thì cũng nát bét, chẳng qua có cái hư - thanh đấy thôi, chứ cũng chưa thành ra công cuộc gì. Đương-bối bắt đầu hộ-pháp-quân thành-lập, cử Tôn làm Nguyên-sứ ở Quảng-dông, các tỉnh ở miền tây-nam hưởng-ứng, khi đó cũng hơi có thanh - thế một chút. Sau lại đổi cái chế - độ nguyên-sứ, làm cái chế-độ tổng-tài, cử Tôn Dật-tiên, Sầm Xán-Huyền, Lục Vinh-Đình, Ngũ Đình-Phương, Đường Thiệu-Nghi, Đường Kế - Nghiêu, Lâm Bảo-Địch bảy người làm chức chính-vụ tổng - tài. Nguyên nam - phương chính phủ, vốn có hai đảng. Một đảng Quế (Quảng - tây), một đảng Việt (Quảng-dông). Việt - đảng thì Tôn làm thủ-lĩnh. Quế - đảng thì Sầm làm thủ-lĩnh. Trong hội-dảng bấy giờ, có thể; lực nhất là Chính - học hội - đảng - Chính-học hội-dảng bên-vực cho Sầm, Sầm chiếm-cử được ngôi thủ-tịch trong cuộc chính-vụ tổng - tài. Tôn phải bỏ Quảng-dông mà đi, rồi Ngũ cũng đi ra Thượng-hải. Khi đó Quế-dảng thu được chính-quyền, đem một viên quân-nhân thuộc về đảng mình là Mạc Vinh - Tân 莫榮新 làm Quảng - đông đốc-quân.

Quế-dăng thì muốn liên-lạc với bắc phương, thanh-ngôn sự nam-bắc thông-nhất. Nhưng Việt-dăng thì vẫn giữ cái thái-độ địa-phương tự-chủ, thanh-ngôn rằng tỉnh Quảng-dông của người Quảng-dông. Viên quân-nhân trong Việt-dăng là Trần Quýnh-Minh bấy lâu vẫn ở Phúc-kiến vận-dộng, khi đó được viên đốc-quân là Lý Hậu-Cơ 李厚基 giúp, mới nhờ quân Phúc-kiến, kéo về đánh Quảng-dông, đuổi được Mạc Vinh-Tân, tuyên - bố cái chủ-nghĩa Quảng - đông tự - trị. Trần đã lấy lại được Quảng-dông, Tôn lại dò về. Tôn thì chỉ tại đem quân đi bắc-phạt, Trần thì chỉ tại tự-trị lấy Quảng - đông. Hai người ý-kiến bất-hợp, rồi hiềm-kích mới sinh ra. Quế-dăng tự khi bị trục ở Quảng-dông, vẫn muốn có một phen đánh lại, thừa cái cơ - hội Trần Tôn ghét nhau, và người đảng với Tôn là Đường Kế-Nghiêu ở Vân - nam, đã bị viên sư-trưởng họ Cổ đuổi đi rồi, Quế-quân không phải đoái gì nữa, mới thực-hành kéo quân ba mặt sang đánh Quảng-dông. Việt-quân ra tiếp-chiến, thì Quế-quân liên-bại, Việt-quân tràn-khu vào cõi Quảng-tây, viên Quảng-tây đốc-quân là Lục Vinh - Đình bỏ Nam - ninh trốn chạy. Quảng - đông chính-phủ cử Trần Quýnh-Minh làm Quảng-tây đốc-biện. Mã Quán-Vũ làm Quảng-tây tỉnh-trưởng, không đặt chế-độ đốc-quân nữa, toàn-tỉnh Quảng-tây, đều thuộc về cả trong tay dân-dăng. Cái địa-vị chính-phủ Quảng-dông đã nơi vững-chãi, cái thanh-thế bắc-phạt mới rầm-rĩ lên. Nhưng Tôn với Trần ở trong chính-giới, thủy-hỏa tương-tranh, rồi thành ra cái thế bất-lưỡng-lập. Mới đây Tôn thì giữ Quảng-châu, Trần thì giữ Huệ-châu, hàng ngày dùng binh-lực ra chiến-đấu, rất là kịch-liệt, kể đã bao lâu rồi, mà thắng-bại vẫn chưa phân. Quảng-tây thì Lục lại bỏ về, hân-học chiến-đấu với dân-dăng, hiện chưa thấy có liêu-

cục, dân Lương-Quảng khổ biết là đường nào !

Nói cho xác ra, thì cái chính - phủ Quảng-dông tự Dân-quốc lục-niên thành-lập đến giờ, tựa như cái hàng cà-phê, để cho các chính-khách vãng-lai dấy thôi, chứ đối với chính-cục trong nước Tàu, cũng không có ảnh-hưởng gì cho lắm. Tôn Dật-Tiên, Sầm Xuân-Huyền, là ông khách danh-diện tung-hoành. Đường Thiệu-Nghi, Ngũ Đình-Phương, Lý Liệt-Quân, Lâm Bảo-Địch, là ông khách nền nếp sang-trọng. Long Tế-Quang, Mạc Vinh-Tân là ông khách ăn xổi ở thì. Trần Quýnh-Minh, Lục Vinh-Đình là ông khách sừng-sỏ học-hạc.

Kể bàn thời-cục ở nước Tàu ngày nay, cửa miệng người ta, vẫn có hai cái danh-từ tốt - đẹp. Một là thống nhất. Hai là tự - trị. Thống - nhất nghĩa là các nơi phải theo mệnh-lệnh chính-phủ mà tập quyền ở trung-ương. Tự-trị nghĩa là tự nghị-chính cho đến hành-chính, địa-phương nào tự-trị lấy địa-phương ấy. Nhưng xét ra, dân-tộc nước Tàu chưa thích-hợp về lối tự-trị, chẳng xem như tỉnh Quảng-dông trong mấy năm nay dân - đảng tổ-chức ra dân-chính-phủ, nào là hộ-pháp quân - phủ, nào là chính - cục đồng - tài, nào là chính đảng học-hội, nào là lâm-thời tỉnh-trưởng, nào thiệu-hậu đốc - biện, chẳng tự-trị dấy ư, mà vẫn thấy nát như tương chẳng hơn gì những tỉnh khác thống-thuộc ở dưới quyền - pháp một viên đốc-quân. Sự rối loạn bên nước Tàu chắc là phải đến cái thời - kỳ thống - nhất mới yên. Cái phương - pháp thống nhất, cũng có hai đường. Một đường là vũ-sự thống - nhất. Một đường là ngôn - luận thống-nhất. Vũ-sự thống-nhất, là thống-nhất về phần uy-quyền, về phần thiết - huyết, về phần lực. Ngôn-luận thống-nhất, là thống-nhất về phần tư-tưởng, về phần bút-thiết.

về phần não. Nước Tàu trong mấy năm nay, về đường vũ-lực thống-nhất, thì Đoàn Kỳ-Thụy, Tôn Dật-Tiên với Ngô Bội-Phu, cái chủ - nghĩa ba người ấy, cũng đã kể là lập - định. Nhưng về đường ngôn - luận thống-nhất, thì chưa nghe có nhà nào đã thật là trừ-danh. Cái thời - kỳ thống-nhất của nước Tàu, tưởng hãy còn xa.

Nay lại nói về nhân-vật trong nước Tàu mới đây. Nhân-vật trong nước Tàu cũng có mấy người, đối với cái lịch-sử ở đương-thế, cũng có vận-sự, cũng có ảnh-hưởng. Tuy không dám bàn hay bàn dở, nhưng đã gọi là lối sử-học, đã đề là lời sử-luận, thì nhân-vật đó không thể không nói qua. Ví như vào rùng xem hoa, cái hoa nào là cái hoa đặc-sắc cũng phải ngắm-nghĩa mà phẩm-đề ít nhiều, cho dù cái lẽ-lối xem hoa vậy.

Thầy trò Khang, Lương, thật là hai tay dựng-dựng ra dân-tộc mới nước Tàu. Sau này Lương có ý hoạt-dộng theo thời, vào phe với dân-quốc, nhưng xem cái cơ mầu trong mười năm dân-quốc đấy, đã có ra gì. Khang thì không thế, thủy-chung vẫn lấy làm nước Tàu là nước Khổng-giáo, lại là một nước to, phải quân-chủ lập-hiến mới xong. Hồi Tuyên-thống phục-tích vừa rồi, Khang cũng hơi có ó-diềm. Nhưng nghĩ cho kỹ ra, cũng là một tấm nhiệt-thành, nhắm mắt đưa chân, theo về một cái chủ-nghĩa, sự thành-bại phó mặc cho con tạo xoay vần, chưa tất đã là ó-diềm.

Tôn là một nhà đại-vận-dộng-gia, tay Tôn thật là tay sáng-tạo ra dân-quốc. Hồi đến nhân-vật nước Tàu khoảng vài mươi năm nay, ai cũng phải kể đến Tôn trước. Trong mấy năm nay, cuộc quân-chính-phủ của Tôn, thật là cuộc đã-tràng xe cát, sự bắc-phạt của Tôn, thật là sự Ngu-công di-sơn. Kể không biết ông, bảo ông là đồ gàn, kẻ hơi biết ông, bảo ông là thợ cách-mệnh, ngứa nghề cách-mệnh. Nhưng đều là không phải cả, chỉ là do cái lòng nhiệt-thành

ái-quốc của ông, ông muốn hi-sinh để cứu-quốc đấy thôi. Nhưng cũng có một điều khá ngờ, là trong bấy lâu nay, ông kết-thác với Trương Tác-Lâm, để chực đánh Ngô Bội-phu. Cứ bình-tĩnh mà xét ra, thì Trương khác gì Ngô, mà Ngô khác gì Trương. Ông bất-miễn là một nhà Chiến-quốc sách-sĩ, ưa thích những lối hợp - tung liên-hành. Cái phương-pháp ông cứu-quốc như vậy, chẳng biết đã phải chưa?

Lê là quân-sự-gia, không phải là chính-trị - gia, trung-hậu thì hữu-dư, nghị-lực thì bất-túc. Nhưng cũng là lời trách-bị kẻ hiền-giả đấy thôi. Lê hai phe làm tổng-thống, đều chỉ có hư-vị, mà không có thực-quyền. Thời-cục phân - vân khốn-nạn như vậy, đầu mười Thịnh-đốn, trăm Tây-hương, cũng chưa chắc đã có thể mà cân-toàn được, nữa là một mìn h Lê.

Hoàng Hưng tự hải-naoai vào Nam-kinh, cái chức thảo Viên-quân tổng-tư-lệnh của Hoàng, không được mấy ngày, lại phải đem trả lại cho quốc dân, khiến cho họ Viên tức-thành được tội ác, để thiên-hạ sớm-sủa mà vấn-trị. Thái Ngạc xương-nghĩa ở Văn-nam, quét sạch cái tro Hồng-hiến, cầm chiếc kim-âu dân-quốc giao lại cho quốc-dân, khiến cho người xem sử có thú-vị. Chao ôi! Viên Thế-Khải chết, Hoàng Hưng với Thái Ngạc cũng chết, tiếc thay! Nhưng kẻ xem sử phải biết rằng thế là trời chiều hai ông đấy, trời hoàn-toàn cái công-danh cái hạnh-phúc cho hai ông đấy. Nếu hai ông còn sống, mà trông thấy cái cuộc dân-quốc ngày nay, thì định bắt chước như ông Lê tiêu-dao yếm-thể dư, hay là định bắt chước như ông Tôn loay-hoay cứu-thế dư?

Đoàn Kỳ-Thụy là người cương-nghị quả-quyết, đương cái thời-dại bối-rối dằng-dằng, phải những người có cái đức-tính ấy, mới làm nổi việc. Đoàn hai thứ vào Nội-các, một thứ bất-lương-đắc với Lê, một thứ bất-lương-đắc với

Phùng. Nếu Lê, Phùng mà là người xằng, Đoàn không chịu a-dua cũng là phải. Song Lê, Phùng cũng là người khá, mà Đoàn không chịu hiệp-lực đồng-tâm, thì Đoàn cũng bất-miễn là kẻ hẹp-hòi.

Nhưng sự tham-chiến với Âu-châu vừa rồi, một mình ông quả-quyết mà thành, khiến cho nước Tàu thò mặt ra với Liệt-cường được dự vào cuộc hội-nghị bên Hoa-thịnh-đốn, cái quyền-lợi nước Tàu, tự-nhiên có những nước bạn bênh-vực cho, khỏi phải cường-lân ăn hiếp, cái công ông, tưởng dân Tàu cũng chưa nở quên.

Ngô Bội-Phu tự khi xuất-hiện ra quân - giới đến giờ, đánh nhau với Đoàn, đánh nhau với Triệu, đánh nhau với Lưu, đánh nhau với Trương, rất là cuộc lưỡng-hỗ tương đầu cả, thế mà đánh đâu được đấy, khiến cho thế-lực trong đảng mình một ngày một bành-trướng dần lên, xem các hàng quân-nhân trong nước Tàu ngày nay, cơ-hỗ không có kẻ nào là kẻ địch-thủ, những người nghe cái lịch-sử của ông cũng có hứng-thú. Cứ lấy cái tài ông mà luận, thì cái mục-dịch vũ-lực thống-nhất của ông may ra cũng có cơ đạt tới. Nhưng hiện nay tình-thế nước Tàu về đường chính-trị ở trung-ương còn lắm nỗi rắc-rối, về đường ngoại-giao với các đảng, còn lắm nỗi khó khăn, về đường tư - tưởng của quốc dân, còn lắm nỗi nguy-hiểm. Nếu chỉ chuyên cày về đường vũ-lực, thì khác

nào như cầm lửa di chữa cháy, cuộc thống-nhất của ông, tưởng còn là cuộc chiêm-bao vậy. Luận - giả còn phải từ-từ dừng bút để xem ông.

Nước ta láng - giềng với nước Tàu, trong bấy lâu nay, chỉ nghe có cái tiếng sóng nó ầm-ỹ ở bên tai, nào là những lời điện-tin vụn-vặt, nào là những lời truyền-văn lỗ-mỗ, nào là những lời nghị-luận ba-hoa, quốc-dân ta đối với thời-cục bên nước Tàu, không khỏi có điều hiểu lầm. Thà rằng không biết thì thôi, nếu biết mà chỉ biết được một nửa, nhân-quả không được đích-xác, thị-phỉ không được rạch-ròi, phán-đoán không được công-bằng, thì lại càng nguy-hiểm cho sự biết lầm. Chỉ bằng phác-họa ra một bức chân-tượng hẩn-hoi, bắt đầu kể tự cái lịch-sử văn-hóa, cho đến cái lịch-sử khoa-trương, cái lịch-sử khai-thông, cái lịch-sử hủ-bại, rồi đến cái lịch-sử rối - loạn khoảng mười năm dân-quốc hiện nay, có thủ có vĩ, có nhân có quả, khiến cho người xem biết thế là đẹp, biết thế là xấu, biết thế là đáng khen, biết thế là đáng chê, để làm cái gương quan-thế mà soi, há chẳng phải là một bài học thuộc về lịch-sử-học mà có ích đầy dư. Sau này dù có người nào muốn chuyên-môn nghiên-cứu về Trung - quốc lịch-sử chẳng nữa, thì một thiên khảo-luận rộng-rải này, may ra cũng có phần đề-ngang với một hòn đá vụn ở trong cõi danh-sơn vậy.

TÙNG-VÂN



KHẢO VỀ TRIẾT-HỌC KHÔNG-GIÁO⁽¹⁾

4. — Chủ-nghĩa chính-danh

Bài trên, chúng ta đã xét ra rằng Không-phu-tử đối với bộ kinh *Dịch* có ba cái quan-niệm là *dịch*, *tượng* và *từ*.

Cái quan-niệm thứ nhất là tất cả sự biến-hóa đều từ ẩn-vi mà biến ra hiển-biện, từ giản-dị mà biến ra phức-tạp. vì vậy cho nên triết-học của Không-phu-tử cốt nhất là phải tri-cơ (知幾), phải kiến-cơ (見幾), phải phòng-vi đồ tiêm (防微杜漸) mà nhân-sinh triết-học (tức Tàu thường gọi là luân-lý học) luận về lẽ thiện-ác của sự hành-vi người đời ước chia ra hai phái: một phái là chú-trọng về lối «*cư-tâm*» (tức là cái tâm-địa nên giữ-gìn thế nào), về chỗ «*động-cơ*» (tức là cái máy phát-động); một phái là chú-trọng về cái ảnh-hưởng hiệu-quả sự hành-vi. Triết-học của Không-phu-tử là chú-trọng về «*cư-tâm*», về «*động-cơ*» vậy.

Cái quan-niệm thứ nhì là tất cả khi-vật, chế-độ, lễ-pháp của loài người đều phát-khởi ra từ các từ *tượng*, thế thì *tượng* là cái cơ của các thứ chế-độ văn-vật vậy. *Tượng* đã là cái cơ của loài người, vì vậy thuộc về tâm-lý và phương-diện nhân-sinh-triết-học thì *tượng* tức là ý, là *cư-tâm*; thuộc về phương-diện thực-tế thì *tượng* tức là danh, là tất cả những danh-tự. Triết-học của Không-phu-tử thuộc về *tượng* có ba cái hiệu-quả: thứ nhất là *tượng* tức là cái động-cơ các sự-vật, cho nên nhân-sinh-triết-học của đức Không chú-trọng về lối *cư-tâm* và động-cơ; thứ nhì là *tượng* đối với thực-tế, tức là danh-hiệu,

là danh-tự, cho nên chính-trị triết-học của đức Không chủ-trương về chủ-nghĩa chính-danh; thứ ba là *tượng* có cái ý-từ để làm mô-dạng mà bắt chước theo, vì vậy cho nên giáo-dục triết-học và chính-trị triết-học lại chú-trọng cái mô-phạm để làm tiêu-chuẩn và chú - trọng cái nghĩa chính mình để chính người và lấy đức mà hóa người.

Cái quan-niệm thứ ba là *từ* có thể chỉ-thị được con đường xu-hướng, có thể chỉ được những sự cát-hung, lợi-hại, làm hướng-đạo cho những sự động-tác của người đời, cho nên nói rằng: «*chánh-từ* để cấm dân không làm bậy.» *Chính-từ* tức là *chính danh*, đức Không ngài chủ-trương cái nghĩa chính-danh, có hai lẽ: một phương-diện là đề cổ-vũ sự động-tác của thiên-hạ; một phương-diện là khiến cho người đời khỏi làm bậy.

Cái đại-chí triết-học của Không-phu-tử đã như thế, thì nay chúng ta sẽ xét cái chủ-nghĩa chính-danh của đức Không đề-xướng ra thế nào.

Chủ-nghĩa chính-danh là cái vấn-đề trung-tâm về học-thuyết Không-phu-tử, mà nơi trọng-yếu về vấn-đề ấy thì ở trong một chương vấn-đáp thiên *Tử-Lộ* sách *Huân-ngữ*: «*Thầy Tử-Lộ* hỏi: Nếu vua nước Vệ chờ (nghe) thầy mà làm việc chính, thì thầy sẽ nghĩ nên làm việc gì trước?— Đức Không đáp rằng: Tất là phải bắt đầu chính-danh.—*Thầy Tử-Lộ* nói: Có vậy thay! thầy sao vu-khoát vậy! Chính cái gì?— đức Không đáp rằng: *Ngươi Do* (tên thầy *Tử-Lộ*), sao què-mùa lắm vậy! Phàm người

(1) Xem N.-P. số 83.

quân-tử, hễ chỗ nào không biết thì thà để khuyết-nghi vậy. Nếu danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc không thành, việc không thành thì lễ-nhạc chẳng đầy, lễ-nhạc chẳng đầy thì hình-phạt chẳng hợp lễ, hình-phạt không hợp-lễ thì dân không có chỗ để tay chân (nghĩa là dân khổn-khổ). Cho nên phạm người quân-tử thì danh tất có thể nói ra được, mà lời nói tất có thể làm ra được; người quân-tử những lời nói ra không có chỗ nào là câu-thả.» Xem như thế thì vì một sự danh không chính mà cái kết-quả thành ra lễ-nhạc bị bỏ, hình-phạt sai lầm, rồi trăm họ đến nỗi khổn-khổ, cái vấn - đề chính - danh trọng-dại biết là đường nào.

Trong thời - đại Khổng - tử là thời-dại « vô-dạo », là thời-dại « tà-thuyết bạo-hành », về đường chính - trị thì không được chân - chính, cho nên đức Khổng - tử ngài có nói rằng : chính - trị nghĩa là chính, nếu mình xưng - suất lấy lễ chính thì ai dám không chính ; về đường tư - tưởng thì lấy quấy làm phải, lấy phải làm quấy, danh và thực hỗn - loạn, như bọn Thiệu-Chính-Mão và Đặng Tích, vân vân. Cái triết-học về chính-trị của đức Khổng là cốt định cái tiêu-chuẩn về lễ phải trái và thiện-ác cho nhất-định, rồi công nhận cái tiêu-chuẩn ấy để làm gốc cho lễ-nhạc hình-phạt; nếu cái tiêu-chuẩn ấy không nhất-định thì lễ-nhạc hình-phạt cũng không thành-lập được, mà phạm trong một nước lễ-nhạc hình-phạt đã không có nhất-định chính-xác gì, thì trách nào mà dân không đến khổn-khổ. Cái tôn-chỉ chính-danh là cái lý-tưởng căn-bản về chính-trị triết-học của Khổng phủ-tử, cho nên trong Luận-ngữ có chép rằng : « Ông Cảnh-công nước Tề hỏi đức Khổng về việc chính-trị, đức Khổng thưa rằng : Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi, cha phải đạo cha, con phải đạo con. — Ông

Cảnh-công khen rằng : Hay thay ! thật thế, nếu vua không phải đạo làm vua, tôi không phải đạo làm tôi, cha không phải đạo làm cha, con không phải đạo làm con, thì tuy có thóc, ta có thể ngồi yên mà ăn được ư ? » Ôi ! Cái nghĩa quân-thần phụ-tử, đều cho phải đạo, ấy là cái chủ-nghĩa chính-danh vậy.

Đức Khổng trọng về chủ - nghĩa chính - danh như thế mà ngài muốn thực-hành cho đạt được chủ-nghĩa ấy thì làm ra thế nào ?

Ngài sinh vào cái thời-dại tôi giết vua có, con giết cha có, cái nghĩa quân-thần phụ - tử đã biến - loạn, danh không chính, mà Ngài lại không đắc-thời lấy quyền-phép chính-trị mà ngăn cấm lòng người được. Vì vậy ngài phải tìm một cách gián-tiếp làm cho đạt chủ-nghĩa, ngài bèn làm bộ sách Xuân - thu. Trong bộ Xuân - thu từng chữ từng câu lấy ý khen chê mà ngụ quyền thưởng-phạt. Ông Mạnh-tử đã cho bộ Xuân-thu là việc thiên-lữ, và nói rằng : « Bộ Xuân-thu làm xong mà bọn loạn - thần tặc - tử sợ. » Ông Trang-tử cũng nói rằng : « Bộ Xuân-thu là nói về danh-phận. » Xem thế thì đức Khổng làm ra bộ Xuân-thu tức là thực-hành ra cái chủ-nghĩa chính-danh vậy.

Cái phương-pháp chính-danh trong bộ Xuân - thu có thể chia ra làm ba cách.

Cách thứ nhất là chính danh-tự. — Cách biên chép trong bộ Xuân-thu là đính - chính từng chữ cho đúng ý-nghĩa, cho nên có thể gọi sách Xuân-thu là một bộ sách dạy về khoa ngôn-ngữ hay là dạy mẹo hành-văn như biên rằng : « 僖公十有六年春王正月戊申朔。隕石於宋五。是月六鵠退飛過宋都。 » vân - vân. Ông Đồng Trọng-Thư làm quyển Xuân-thu phần-lộ có nói rằng : « Sách Xuân - thu là phân rõ vật-lý để chính cái danh-hiệu, danh-vật được chắc-chắn mà không sai từng mảy lông, vậy nên biên « văn-

thạch » thì biên số ngũ ở sau ; biên « thoái-dật » thì biên số lục ở trước, ấy là thành - nhân cần về sự chính-danh như thế. »

Sách *Xuân-thu* có thể lấy văn-pháp mà giải nghĩa những chữ dùng rất linh-tưởng được, không những thuộc về danh-từ, động-từ đều có phân-biệt, mà đến những chữ thuộc về trạng-từ, giới-từ và liên-từ, như là chữ *ký* (既), chữ *cập* (及), chữ *toại* (遂), chữ *nãi* (乃), cũng đều dùng văn-pháp.

Cách thứ hai là định danh-phận. — Đường-thời-dại Khổng-phu-tử, thì nhà Chu tuy còn mà ông thiên-tử chỉ ngồi làm vì đó mà thôi, không còn có quyền-thế gì cả ; nước Sở nước Ngô đều tự-xưng vương ; các nước chư-hầu khác thì phần nhiều đánh cướp lẫn nhau, xưng-hùng xưng-bá. Đức Khổng ngài thấy cái hiện-tượng phân-tranh vô-chủ như thế mà ngài sức nhớ lại cái thời-dại Phong-kiến ngày xưa, giai-cấp của xã-hội rất là chính-đốn, thì trong lòng ngài lại sinh ra cái cảm-linh hoài-cổ. Ngài thấy *Qui-thị* múa « bát-dật », Tam-gia hát thơ « Ung », lấy quyền-thần mà tiếm lễ thiên-tử, thì trách nào không ngậm-ngùi tức giận. Ngài biết rằng cái chế-độ thịnh-thời là cái chế-độ « lễ-nhạc chính-phạt tự thiên-tử xuất » bây giờ đã không thể làm được rồi, thế thì ta thử bảo-tồn cái chế-độ phong-kiến ở trên tập giấy. Ôi ! tập giấy ấy là bộ *Xuân-thu* vậy. Xét trong tập *Xuân-thu* toàn là giữ về danh-phận : Vua Ngô, Sở chỉ xưng rằng « tử », vua Tề, Tấn chỉ xưng rằng « hầu », còn nước Tống tuy yếu nhỏ mà lại xưng rằng « công » ; hội đất Tiễn - thổ là vì Tề Hoàn-công gọi thiên-tử đến dự-hội mà *Xuân-thu* chép rằng Thiên-vương di thủ đất Hà-dương ; hiệu-lệnh của Chu Thiên-tử vẫn không thi-hành mà năm nào cũng chép rằng « Xuân - vương chính nguyệt ». Ấy đều thuộc về nghĩa chính

danh-phận trong bộ *Xuân-thu* vậy.

Cách thứ ba là ngụ khen chê. — Về phần trọng-yếu trong bộ *Xuân-thu* là vừa ký-sự mà vừa phán-đoán, phán-đoán mà định lễ khen chê, ấy là cách biên chép trong bộ *Xuân-thu* vậy. Bài trên đã nói rằng chính-trị có thể cấm dân không làm bậy, mà xét lại cách biên chép trong *Xuân-thu* cũng chỉ là ngụ-ý khen chê để che người đời thấy thế mà sinh lòng kiêng sợ, lánh dữ làm lành, tức như chép về sự giết vua 36 lần mà ký-trung vẫn có phân-biệt. Cũng đều là giết vua cả mà hoặc là tội giết vua thì biên tên người tội ; hoặc là con giết vua thì biên tên và biên hai chữ « Thễ-tử » để tỏ ra cái tội con giết cha nữa ; hoặc là vua có lỗi mà bị giết thì không biên tên người nào giết mà biên tên nước và biên tên vua, nghĩa là ông vua ấy có tội với nước thì quốc - dân không dung cái người có tội ấy. Ôi ! Cách biên chép như thế nếu cho nhất - định thì bộ sách ấy giá-trị biết là dường nào. Tiếc thay ! Bộ *Xuân-thu* cũng có nhiều chỗ không được nhất-trị, xem như nước Lỗ cũng có mấy lần giết vua mà không biên đến. Có người nói rằng sự không biên ấy là vì thân mà hủy, hay là vì hiềm mà hủy. Nếu nói như vậy, thì *Xuân-thu* hãy còn có chỗ kiêng hủy, chẳng hóa ra *Xuân-thu* không có giá-trị hay sao ? Theo ý chúng ta nghĩ thì những chỗ kiêng hủy như thế không phải là nguyên - văn của Khổng phu-tử không chép đến, có lẽ là về sau bị bọn quyền - môn can-thiệp mới bỏ đi vậy.

Tổng-luận về bộ *Xuân-thu*. — Ba cách biên chép trong bộ *Xuân-thu* : chính-danh, tự-định danh-phận và ngụ khen chê, đều là đức Khổng-tử thực-hành cái phương-pháp chính-danh và chính-từ. Cái học - thuyết ấy mới bắt đầu xem thì bình như cái học-thuyết hãy còn ấu - trĩ lắm, nhưng

chúng ta cũng nên biết rằng cái học-thuyết ấy rất có ảnh-hưởng trong học-thuật tư-tưởng nước Ta. Đây tôi xin lược kể một vài cái hiệu-quả về chủ-nghĩa chính-danh. Một là có ảnh-hưởng đến ngữ-ngôn văn-tự. Đức Khổng nói rằng: « Quân-tử thì lời nói ra không có câu-thả », nghĩa là giữ từng chữ mà nói cho đúng vậy. Câu nói ấy có thể làm cái quan - niệm căn-bản cho cái môn học « huấn-cổ » về sau. Vì vậy cho nên cách giải-thích của truyện Công - dương và Cốc-lương và cách biên chép của ông Đồng Trọng-Thư đại - khái đều chịu cái ảnh - hưởng chính-danh của đức Khổng. — Hai là có ảnh-hưởng về danh-học. Từ đức Khổng - tử đề - xướng ra vấn-đề chính - danh rồi các nhà triết - học cổ-thời nước Tàu đều chịu cái ảnh-hưởng về học-thuyết ấy, không những là bài « Chính-danh-luận » của Tuân-tử và Pháp - gia, đều đề - thuật về học - thuyết ấy đủ đành rồi, đến như lối « danh-học » của Mặc-tử, câu « danh vô thực, thực vô danh » của Dương-Châu, cũng đều là cái phản-hưởng hay là cái phản-động-lực của học-thuyết ấy vậy. Cho nên chúng ta có thể nói ngay rằng chủ-nghĩa chính-danh của đức Khổng thật là làm tị-tò cho phái danh-học nước Tàu. — Ba là có ảnh-hưởng về sử-học. Cái môn học lịch-sử của nước Tàu mấy nghìn năm nay phần nhiều là chịu ảnh-hưởng của bộ *Xuân-thu*, thử đọc bài tựa trong sách *Sử-ký* của ông Tư-Mã Thiên làm, trong sách *Tư-trị-thông-giám* của ông Tư-Mã Quang có một đoạn luận về sự « mệnh Tam-tần làm chư-hầu » và về cách chính - thống thư-pháp trong *Thông-giám-cương-mục* của ông Chu Hi, thì có thể biết được cái thế-lực bộ *Xuân-thu* là dường nào. Tuy vậy, chúng ta tưởng rằng bộ *Xuân-thu* chỉ có thể làm một bộ sách tham-khảo về chủ-nghĩa chính-danh, chứ không

thể làm một bộ sách mô-phạm về cách biên sử, người đời sau cho bộ *Xuân-thu* làm mô-phạm cho lối chép sử, điều ấy thật rất sai lầm. Vì sao ? Cái tôn-chỉ về lịch-sử là cốt ở nói lời thật, biên việc thật, mà tôn-chỉ bộ *Xuân-thu* là không cốt ở sự biên chép việc thật, cốt là bình-phán cái tâm-sự của từng người kia đối với sự thật ấy thế nào, vậy nên Triệu Xuyên giết vua mà biên rằng Triệu Thuần giết vua, là định cái tội Triệu Thuần sao không đánh giặc ; ông Văn-Công nước Tấn vờn thiên - tử nhà Chu mà lại biên rằng Thiên-vương đi thú. Như thế thì sự biên chép ấy phần nhiều thuộc về ý-kiến riêng chứ không phải thực-sự về lịch-sử.

Nói về lý-thuyết « nhất-quán »

Trong *Luận-ngữ* đức Khổng hỏi thầy Tử-Cống rằng: « Người Tử kia ! nhà ngươi cho ta là nhiều học mà biết ấy vậy ? — Thầy Tử-Cống thưa rằng phải. Đức Khổng đáp rằng: Không phải thế, ta vẫn là nhất-quán, nghĩa là từ một mà suy ra đề suốt thông đó vậy. » (子曰。賜也。汝以予爲多學而識之者與。對曰。然。非與。曰非也。予一以貫之。) Ông Hà Yến (何晏) chú-thích nghĩa chữ nhất-quán rất rõ-ràng, đại-ý ông nói rằng mọi sự đều phải có cội-rễ, công việc có thống-hội, cái sự-cớ trong thiên - hạ tuy khác nẻo mà đều về một nơi trăm mối mà nhất-tri, nếu biết được cội-rễ thì các lẽ phải đều thông suốt cả, cho nên không đợi học mà từ một có thể suy biết ra nhiều được. Trong *Luận-ngữ* lại chép: « Đức Khổng bảo với thầy Tăng rằng: Người Sâm ôi ! đạo ta vẫn từ một mà suy ra đề suốt-thông đó. — Thầy Tăng vâng lời. Khi ngài ra khỏi nơi, các môn-đệ ngài chưa rõ, hỏi lại thầy Tăng, thầy Tăng đáp lại rằng: Cái đạo của Phu-tử trung thứ mà thôi vậy » (子曰參乎。吾道一以貫之。曾子曰唯。

子出。門人問曰。何謂也。曾子曰。夫子之道忠恕而已矣。 Nghĩa bốn chữ « Nhất dĩ quán chi » nên lấy lời chú-thích của ông Hà Yến làm đúng hơn. Suy bản-ý đức Khổng ngài vẫn cho rằng trời đất muôn vật ở trong vũ-trụ, tuy là mỗi-mạnh phần-phức, nhưng đều có thống-hệ điều-lý, có thể tìm ra được, vì vậy cho nên những chỗ rất màu-nhiệm và cội rễ rất biến-dộng ở trong thiên-hạ đều có một cái điều-lý hội-thông, có thể dùng « tượng » và « từ » mà biểu-thị ra được. Trong Hệ-từ nói rằng : « Đồng qui nhi thù đồ, nhất tri nhi bách lự » (同歸而殊途。一致而百慮) ấy là chỉ nói về các sự-vật đều có điều-lý thống-hệ, nếu tổng-quát được những điều-lý thống-hệ ấy thì có thể quán-xuyến được những sự-vật phần-phức tạp. Cái mục-dịch về chủ-nghĩa chính-danh là cốt chính-danh để chính trăm vật, cũng thuộc về đạo-lý ấy. Chính một chữ nhân (人) có thể bao-quát tất cả sự làm người ở trong đời ; chính một chữ phụ (父) có thể bao-quát tất cả sự làm cha ở trong đời. Thế mới thật là suy lẽ rất phiền ở trong chỗ rất giản, suy lẽ rất khó ở trong chỗ rất dễ vậy. Học-thuyết của Khổng-phu-tử nói về bề tri-thức, không cần người ta học cho nhiều mới biết, ngài nói rằng : nhiều nghe dễ chọn điều phải mà theo, nhiều thấy dễ mà ghi nhớ, ấy là hạng tri-thức về bậc thứ. Xét như thế đủ biết rằng nếu là chân-tri-thức thì chỉ tìm ra những điều-lý thống-hệ của sự-vật mà thông-suốt, tức là về cái lẽ « nhất dĩ quán chi » vậy.

Từ ông Tăng-tử giải nghĩa « nhất dĩ quán chi » là trung-thứ, thành ra người đời sau hiểu lầm ý-nghĩa, cho chữ trung-thứ là thuộc về nhân-sinh-triết-học, nên mới giải nghĩa « nhất dĩ quán chi » là hết lòng mình rồi suy mình kịp người (盡己之心推己及人), ấy thật là sai lầm. Chính hai chữ « trung-

thứ » vẫn có ý-nghĩa rất rộng. Ông Chương Thái-Viem (章太炎) giải nghĩa chữ trung - thứ có nói rằng : « Lòng hay suy lường nói rằng *trung*, xét khắp sự-vật nói rằng *trung*. Vì vậy nghe một biết mười, xét một phương-diện mà biết được các phương-diện khác, là công việc thuộc về *thứ*, Biết khắp sự-vật, xét *trung*-phù mà biện được cốt-lý là công việc thuộc về *trung*. » (心能推度曰恕。周以察物曰忠。故夫聞一以知十舉一隅而以三隅反者。恕之事也。周以察物。舉其微符而辨其骨理者。忠之事也) Nghĩa chữ *trung* cũng như chữ *thứ*, trong sách *Trung-dụng* có một chương, đoạn trên nói rằng : « Trung-thứ trái đạo chẳng xa », rồi tiếp nói rằng : « Sở mình không muốn, chớ thi cho người v.v.v... », đều là thuộc về nghĩa chữ *thứ*. Xét như thế thì đủ biết hai chữ *trung-thứ* cũng đồng - ý với một chữ *thứ* vậy.

Nói tóm lại đức Khổng nói rằng « nhất dĩ quán chi » cùng thầy Tăng nói rằng « trung-thứ », đại-ý đều là cần phải tìm ra điều-lý thống-hệ của sự-vật, rồi dùng cách suy-luận khiến cho người nghe một mà biết mười, do ít mà biết nhiều được, ấy là cái phương-pháp-luận của đạo Khổng, không phải chỉ là lẽ suy-ký - cấp - nhân thuộc về nhân-sinh-triết-học mà thôi.

Đức Khổng-tử luận về tri-thức, ngài chú-trọng về phương-pháp suy-luận, tức là cái lý-thuyết nhất-dĩ-quán-chi như trên kia đã nói. Vì vậy cho nên ngài chú-ý về sự tư-lự ; trong sách *Luận-ngữ* có nói rằng : « Học mà không nghĩ-ngợi thì mờ-tối, nghĩ-ngợi mà không học thì nghèo - ngặt. » (學而不思則罔。思而不學則殆。) Học với nghĩ - ngại, hai phương-diện thiếu một không được ; có học mà không nghĩ-ngợi, thì chỉ có thể ghi nhớ được một ít sự-vật, không có đầu-tự điều-lý, không thể gọi là

tri - thức; có nghĩ - ngợi mà không học thì không có tài-liệu để mà nghĩ-ngoại, chỉ có thể nghĩ bậy mơ xằng, cũng không gọi là tri - thức được. Nhưng trong hai phương-diện ấy, sự học là đề dự-bị cho sự nghĩ-ngoại, lại là trọng-yếu hơn, tuy có học mà không biết nghĩ - ngoại vẫn là không hay gì, nhưng cũng không đến nỗi hại lắm như cách chỉ nghĩ - ngoại mà không có học. Vậy nên đức Khổng nói rằng nhiều nghe nhiều thấy cũng có thể cao là tri - thức về bậc thứ; lại nói rằng: « Ta thường cả ngày không ăn, cả đêm không ngủ, đề nghĩ-ngoại, nhưng không ích gì, không bằng học đã » (吾嘗終日不食, 終夜不寢, 以思無益, 不如學也.)

Đức Khổng cho sự học cùng sự nghĩ-ngoại hai dạng đều trọng cả, cái tư - tưởng ấy mới nghe qua hình như không hại gì, vì vậy có người đã cho rằng Đức Khổng nói: « Học mà không nghĩ-ngoại thì mờ-tối; nghĩ - ngoại mà không học thì nghèo-ngặt », cũng như nhà triết - học Tây - phương là ông Khang-đức nói rằng: « Có cảm-giác mà không tư-tưởng thì thành ra người mù; có tư-tưởng mà không cảm-giác thì thành ra người phiếm. » Tuy vậy, chữ học đức Khổng nói khác với chữ tư-tưởng của ông Khang - đức; chữ học của đức Khổng là: nhiều nghe nhiều thấy mà ghi nhớ; ham xưa và siêng-năng tìm-tòi; tin mà hiểu-cổ; rộng học về văn, v. v. (多聞多見而識之, 好古敏以求之. . . 信而好古. 博學於文; ấy đều là lối quan-sát kinh-nghiệm về thực-địa. Ông Mặc-tử có chia sự tri-thức ra là ba cách: một là tự mình kinh-nghiệm mà biết; hai là suy-luận mà biết; ba là truyền-thụ mà biết, mà sự học của đức Khổng chỉ là đọc sách, chỉ là sự học-vấn truyền-thụ về văn-tự, vì vậy cho nên học-trò ngài có mấy

người có hào-khí, không bằng lòng về học-thuyết ấy, rất sảng-khải nhất là thầy Tử-Lộ, thầy từng cãi lại với đức Khổng rằng: « Có nhân - dân, có xã-tắc, ấy là học, cần gì đọc sách mới gọi là học », câu ấy đức Khổng cũng không có thể bác lại được, chỉ mắng thầy Tử-Lộ một tiếng là « nịnh-giả » 佞者 mà thôi. Lại như thầy Tử - Trương nói rằng: « Phạm người có học hề thấy khi nghèo-ngặt thì liều mình, thấy được thì phải xét nghĩa, khi tế-tự thì phải kính, khi việc tang thì phải thương xót », câu ấy tức là cái lý-thuyết của ông Lục Cửu-Uyên (陸九淵) đời sau trọng về sự « tôn đức-tính » mà khinh về sự « đạo văn-học » vậy. Xét như thế thì đức Khổng luận về tri-thức mà chú-trọng về lẽ nhất-quán, chú-trọng về lối suy-luận, vẫn là rất hay, nhưng mà tiếc rằng ngài cho chữ « học » là sự học-vấn về lối đọc sách, cho nên cách giáo-dục của nước Tàu từ mấy nghìn năm nay đều chịu ảnh-hưởng về học-thuyết ấy, tạo-thành một nước ra tư-cách « thầy đồ », ấy là về học-thuyết của đức Khổng mà lưu-tệ đến thế, tưởng cũng không nên ân-hủy vậy.

Trên đây là nói về lối tri-thức của đức Khổng đề-xướng, nay xin nói về lối nhân-sinh-triết-học của đạo Khổng.

Đạo Khổng định về các tiêu-chuẩn làm người như sau này:

Đạo Khổng đã chú-trọng về cái lý-thuyết « Nhất-quán » như trên kia đã nói, thì ắt nhiên có định ra các tiêu-chuẩn làm căn-bản, để cho người đời nhân đó mà suy ra, nghĩa là lấy đó mà nhất-quán vậy. Nay chúng ta thử xét các cái tiêu-chuẩn làm người của đạo Khổng định ra thế nào.

Về đạo thứ hay là đạo nhân. — Hai chữ trung-thứ tuy không hoàn-toàn là thuộc về nhân-sinh-triết-học (1), nhưng cũng có thể cho là cái phương-pháp

(1) Đây nói rằng « nhân-sinh-triết-học » mà không nói rằng « luân-lý-học » vì luân-lý-học chỉ có thể dùng về lối nhân-sinh triết-học của đạo Khổng mà không thông-dụng cho các môn-phái khác được.

căn-bản về nhân-sinh-triết-học của đạo Không. Trong *Luận-ngữ* thầy Tử-Cống hỏi rằng : « Có một lời gì mà có thể làm được cả đời không ? » Đức Không đáp rằng : « Có đạo *thử* vậy ; chỗ mình không muốn, chớ thì cho người ». Câu ấy chính là đạo « Hiệt-cử » trong sách *Bại-học*, lại là lễ « trung-thứ », trong sách *Trung-dụng*, và là cái cách « thiện - suy - kỳ - sở - vi » trong sách *Mạnh - tử*. Nói tóm lại thì lý-thuyết về đạo trung-thứ của đức Không, chỉ nói về một chữ *thử* : chữ *thử* thuộc về danh-học là suy-luận, thuộc về nhân-sinh-triết-học thời chỉ là một chữ *suy* mà thôi, mình cùng người đều là người, cho nên chỗ mình không muốn chớ thì cho người, chỗ mình không bằng lòng với người trên thì chớ đem sai kẻ dưới mình ; chỗ mình trách sự làm con của người thời phải xét sự thờ cha của mình, mình đã kính người già của mình thời phải suy tới người già của người v. v., cốt nhất là phải biết rằng mình cùng người là đồng-loại, mình cùng người là cộng-tướng, thế mới là suy mình đến người, tức là cái lễ nhất-quân về nhân-sinh-triết-học.

Trên kia đã nói rằng chữ *thử* cốt nhất là phải biết mình cùng người là cộng-tướng, nghĩa hai chữ *cộng-tướng* ấy tức là biểu-thị về cái danh vậy. Thuộc về nhân-sinh-triết-học của đạo Không thì cùng với cái chủ-nghĩa chính-danh rất có mật-thiết quan-hệ. Xem như trong sách nói rằng : « Vua nước Sở mất một cái cung, những người tá-hữu xin đi tìm, vua nói rằng : Người nước Sở mất, người nước Sở được, cần gì phải tìm ; đức Không nghe nói bèn than rằng : « Sao chẳng nói rằng người mất thì người được, hà-tất nói rằng người nước Sở làm gì. » Câu chuyện cũ ấy rất có đạo-lý, phạm về lỗi danh-học chủ-trọng về chữ danh, thì thường thường trước tìm một cái

danh rất lớn mà gọi, nói rằng người nước Sở không bằng chỉ nói là người thì lớn hơn, cho nên đức Không muốn cho vua nước Sở thương cả mọi người chớ không những chỉ thương người nước Sở mà thôi. Vì vậy chữ *thử* trong *Thuyết-văn* giải là *nhân*, trong *Luận-ngữ* có chép rằng thầy Trọng - Cung hỏi sự nhân, đức Không đáp rằng : Chỗ mình không muốn chớ thì cho người, thế đủ biết rằng chữ nhân và chữ *thử* cũng là một vậy.

Nay xin xét về đạo nhân. — Đạo Không nói về chữ *nhân* tuy là thương người, nhưng mà khác với lễ *kiêm-ái* của Mặc-tử : sự thương người của Mặc-tử là không sai-dã, chứ sự thương người của đạo Không là có sai-dã, *thử* xem như cách để tang về đạo nho, thì từ tang tam - niên trở xuống, theo từng thân-dã mà giảm-phục dần dần, cho đến thân - tận thời không phục, ấy đủ biết rằng sự yêu người thân cũng có đẳng-cấp vậy. Cũng cùng một sự thương người mà cái quan - niệm của hai nhà khác nhau : về đạo Mặc thì trọng tại chữ *kiêm* trong lối « *kiêm-ái* » ; về đạo Nho thời trọng tại chữ *suy* trọng lối « *suy-ân* », cho nên đều nói thương người mà tính - chất thì khác.

Chữ nhân không những thương người mà thôi, lại còn có một nghĩa rất rộng nữa, nay *thử* xét trong *Luận-ngữ* mấy điều nói về chữ nhân.

« Thầy Nhan - Uyên hỏi nhân, đức Không đáp rằng : « Sửa mình giữ lễ là nhân ». Thầy Nhan-Uyên lại hỏi những điều-mục, đức Không đáp rằng : « Không phải lễ chớ xem, không phải lễ chớ nghe, không phải lễ chớ nói, không phải lễ chớ làm. »

« Thầy Trọng-Cung (仲弓) hỏi nhân, đức Không đáp rằng : « Khi ra cửa thì như tiếp một ông khách lớn ; khi sai đâu thì như hầu một lễ tế lớn ; chỗ mình không muốn chớ thì cho người,

ra đối với nước không điều gì hơn ;
về đối với nhà cũng không điều gì hơn.»

« Thầy Tư-Mã Ngưu (司馬牛) hỏi
nhân, đức Khổng nói rằng: « Người
nhân, thì lời nói phải giữ-gìn.»

« Thầy Phàn-Tri 樊遲 hỏi nhân,
đức Khổng đáp rằng: « Ăn ở cẩn-thận,
giữ việc thời kính, đối với người thời
trung.»

Xét bốn điều trên này thì đạo nhân
không những là yêu người mà thôi, đạo
nhân là một cái tư-cách làm người, nếu
người mà sửa mình, giữ lễ, khi ra ngoài,
khi sai khiến dân và khi ăn ở, khi giữ
việc, khi ứng-tiếp với người đều cần-
thận, cung-kính, hành-thực, ấy là cái
tư-cách làm người đời, mà đức Khổng
ngài cho rằng nhân vậy. Vì vậy, trong
Trung-dụng nói rằng: nhân ấy là người,
mà trong *Mạnh-tử* cũng nói như thế.
Lối danh-học của đức Khổng, chú-trọng
về danh, cần phải đem những nghĩa
chính trong lý-tưởng mà thay đổi
những sự-vật đã sai lầm với nghĩa
chính, xem như câu nói rằng: « chính
giả chính dã » (政也正也) thời đủ
biết. Bốn chữ « nhân-giả nhân dã »
(仁者人也) nghĩa là nhân tức là đạo
làm người thuộc về lý-tưởng, phạm
làm người cần phải hết đạo làm người
tức là nhân. Về sau bọn ông Chu Hi
(朱熹) giải nghĩa chữ nhân rằng:
« Không có bụng tư mà hợp lẽ trời, »
ấy thực là lời ức-thuyết của Tống-
nho, chứ không phải bản-ý của đức
Khổng. Ông Thái Kiết-Dân (蔡子民)
làm quyển sách *Trung-quốc-luân-lý-
học-sử* có nói rằng: « Đức Khổng luận
về chữ nhân là một cái danh-từ về
những người đã gồm hết các đức-tính,
hoàn-toàn tư-cách làm người », câu
nói ấy rất phải.

Trong *Luân-ngữ* có chép rằng: « Thầy
Tư-Lộ hỏi sao là thành-nhân », đức
Khổng đáp rằng: « Nếu trí như ông
Tang Vũ-Trọng (臧武仲), không lòng
dục như ông Mạnh-Công - Xước (孟

公綽), dũng như ông Biện-Trang-Tử
(卞莊子) tài-nghệ như ông Nhiễm-
Cầu (冉求) và thêm lấy lễ-nhạc nữa,
cũng có thể cho làm thành - nhân
được. » Thành-nhân nghĩa là hết đạo
người, tức là hoàn-toàn tư-cách làm
người, tức là nhân vậy.

Về tư - cách người quân - tử. —
Ngoài cái danh - từ chữ nhân, đức
Khổng lại đề-xướng một cái danh-từ
« quân-tử » để làm một mô-phạm cho
cách làm người ở đời: theo nghĩa
chính chữ quân-tử tức là con vua,
chính là tiếng gọi về bọn quý - tộc ở
trong xã-hội; đời xưa chữ quân - tử
đối-xưng với chữ tiểu-nhân, quân-tử
là chỉ về thượng-dẳng xã-hội từ bậc sĩ
trở lên, tiểu-nhân là chỉ về hạ-dẳng
bách-tinh từ bậc sĩ trở xuống; thử xem
chữ « quân-tử » dùng trong thiên *Quốc-
phong*, thiên *Tiêu-nhã* kinh *Thi* và chữ
« công-tử » chữ « tướng-công » trong
các sách tiền-thuyết đời sau thường
dùng, thì vẫn không khác nhau là
mấy. Chỉ vì ngày sau cái chế-độ phong-
kiến dần dần phá-hoại, sự phân-biệt
về quân-tử tiểu-nhân lại không phân-
biệt theo đẳng giai-cấp xã-nội, mà biến
ra làm phẩm-cấp của nhân-quân, cho
nên chữ quân-tử của đức Khổng-tử
nói, tức là gọi một người có tư-cách
cao-thượng, hay là có đạo - đức, ít
nhất nữa cũng là người có thể hết
được một phần nhân-đạo, cho nên
ngài nói rằng: « Quân-tử mà chẳng
nhân ấy cũng có, chứ chưa có tiểu-
nhân mà nhân bao giờ », Xem câu
nói ấy thì biết rằng quân-tử tuy chưa
chắc là hoàn-toàn hết được đạo làm
người, nhưng mà tiểu-nhân thì quyết-
nhiên là không hết đạo làm người.
Ngài lại nói rằng: « Đạo làm quân-tử
có ba điều: người nhân thì không lo,
người trí thì không lăm và người
dũng thì không sợ. » Thầy Tư-Mã
Ngưu hỏi người quân-tử thế nào? Đức
Khổng đáp rằng: « Người quân-tử

không lo không sợ... vì xét mình không lỗi, thì lo sợ gì ». Thầy Tử-Lô hỏi người quân-tử thế nào ? Đức Không đáp rằng : « Người quân-tử sửa mình lấy điều kính, sửa mình để yêu người, sửa mình để yêu trăm họ ». Xét các điều đã nói trên này, đủ biết rằng người quân-tử là một cái nhân-cách để làm mô-phạm, cái phương-pháp căn-bản của đức Không, cốt là chỉ ra một cái mô-phạm về lý-tưởng để làm tiêu-chuẩn cho từng người và xã-hội, khiến cho người ta xét nghĩ mà sau nói, bắt-chước mà sau làm, thế thì chữ quân-tử của ngài thường nói ra, tức là cái tiêu-chuẩn về phẩm-hành của người đời vậy.

Về luân-lý của người. — Trên kia đã nói rằng người phải hết đạo làm người, cứ theo lẽ ấy mà suy ra, có thể nói rằng làm cha phải hết đạo làm cha, làm con phải hết đạo làm con, làm vua phải hết đạo làm vua, làm tôi phải hết đạo làm tôi, cho nên trong *Luận-ngữ* chép rằng : « Ông Cảnh-công nước Tề hỏi chính với đức Không. Ngài đáp rằng : « Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử ». Trong quẻ *Gia-nhân* kinh *Dịch* có nói rằng : « Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ »... Ấy là cách ứng-dụng về chủ-nghĩa chính-danh của đức Không, ấy là cách khiến cho các thứ giai-cấp có quan-hệ về gia-đình, xã-hội và quốc-gia, đều có thể cố-danh tư-nghĩa, làm đến nơi tiêu-chuẩn về lý-tưởng, mà cái nơi tiêu-chuẩn ấy tức là cái chỗ « chỉ ư chỉ thiện » trong sách *Đại-học* đã nói. Sách *Đại-học* nói rằng : « Làm vua cốt ở nhân, tôi cốt ở kính, làm con cốt ở hiếu, làm cha cốt ở từ, cùng với người nước giao-tế cốt ở sự tin », ấy là cái nhân-sinh triết-học thuộc về luân - thường vậy.

Cứ như các lời chú-thích trong các sách : *Thuyết-văn* nói rằng : luân là bổn (報) nghĩa là bòn ; *Khúc-lễ* chú rằng :

luân cũng như chữ loại (類), nghĩa là loài người, vãn - vãn. Xét ra thì người đối với người, có lối quan-hệ về thiên-nhiên như là cha con anh em, có lối quan-hệ về người làm ra, như là vợ chồng bầu-bạn, mỗi thứ quan - hệ tức là một luân, mỗi một luân có một cái tiêu - chuẩn riêng để ở đời như cha con thì ân, bầu - bạn thì tín, ấy là cái luân-lý thuộc về một luân vậy. Về lối nhân - sinh - triết - học của đạo nho cho rằng từng người một không có thể tự mình tồn-tại được, tất cả sự hành-vi đều là sự hành-vi của mọi người có quan-hệ với nhau, và đều là sự hành-vi thuộc về luân-lý, cho nên trong *Trung-dụng* nói rằng : Đạt-dạo trong thiên-hạ có năm : vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, và bầu-bạn. Sao gọi là đạt-dạo, tức là cái đường của người đời phải đi đến, đạo nho cho rằng người ở đời không ai là không noi theo năm con đường ấy, không ai là tránh khỏi năm cái đại-luân ấy, cho nên về lối nhân-sinh-triết - học, chỉ định sẵn về cái tiêu-chuẩn của các luân - thường ấy, như thiên *Lễ-vận* nói về mười nghĩa : cha từ, con thảo, anh lành, em kính, chồng nghĩa, vợ nghe, lớn yêu, trẻ thuận, vua nhân, tôi trung. Trong *Mạnh-tử* nói về ngũ-luân : Cha con có thân, vua tôi có nghĩa, chồng vợ có phân - biệt, lớn nhỏ có thứ-tự và bầu-bạn có tín, vãn-vãn. Xét như thế thì cái nhân-sinh-triết-học của đạo nho chỉ là cái nhân-sinh-triết-học về luân-lý. Về sau thầy Mạnh-tử cho Mặc - tử nói kiêu - ái là vô-phụ, Dương - tử nói vị - ngã là vô-quân, vô-phụ và vô-quân là cầm-thú, thì ắt hẳn ý-tứ thầy Mạnh cho những lối nhân - sinh - triết-học của họ Mặc và họ Dương, một là về chủ-nghĩa đại-dồng, một là về chủ-nghĩa cá - nhân, đều không phải là luân-lý cả.

Về cách hành-vi của người đời. — Lối nhân - sinh - triết - học của đạo

Khổng, không những chỉ chú-trọng về luân-lý để làm mô-phạm cho cái nhân cách thuộc về tư - tưởng mà lại chú-trọng về động - cơ của sự hành - vi người đời. Trong *Luận-ngữ* nói về sự xem người, thì trước hết phải xét người ấy vì thế nào mà làm ra thế, rồi xét người ấy làm ra thế là dùng cái phương - pháp gì, sau nữa lại xét những sự hành-vi của người ấy, thuộc về thân - tâm họ đối với sự hành-vi ấy ra thế nào. (視其所以。觀其所由。察其所安。). Tầng thứ nhất là xét về động-cơ sự hành-vi ; tầng thứ nhì là xét về phương-pháp sự hành - vi ; tầng thứ ba là xét về cái phẩm-hành vì sự hành - vi mà phát-sinh ra, cách xét người như thế vẫn là đôn-thỏa không tệ, nhưng tiếc rằng đức Khổng có khi ngài cho lối động-cơ về tầng thứ nhất quá trọng, vì vậy cho nên phải nho-học đời sau họ chỉ thiên về một phương - diện động-cơ mà bỏ tầng thứ nhì thứ ba không hề xét đến. Nay thử thuật những lời đức Khổng nói về động - cơ như sau này :

« Nay họ cho rằng con nuôi cha mẹ được là hiếu, nhưng mà loài-vật nó cũng có thể nuôi cha mẹ được, nếu hiếu mà không kính, thì sao hơn loài vật được ? »

« Người mà không nhân thì đối với lễ thế nào ? người mà không nhân thì đối với nhạc thế nào ? »

Ấy vậy nếu cái động-cơ không tốt, thì tất cả hiếu, lễ, lễ, nhạc, đều thành ra hư-vấn mà không có giá-trị gì về đạo-đức cả. Cái lý-thuyết ấy vẫn là hay thật, nhưng mà sinh - bịnh đức Khổng ngài không ưa những quan tụ-liễm và những chính-sách mưu-lợi, cho nên hai phương - diện nghĩa và lợi ngài phân rẽ ra rất cách-biệt, ngài nói rằng : Nương theo sự lợi mà làm thì nhiều điều oán. Ngài lại nói rằng : người quân - tử hiếu về nghĩa,

dựa tiểu-nhân hiền về lợi, vắn-vắn.

Tuy vậy, đức Khổng vẫn không ưa về chính-sách mưu-lợi, nhưng Ngài cũng không phải là người chủ-trương về lối « chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi », nghĩa là không phải là người chỉ nói nghĩa mà không hề nói lợi bao giờ. Trong *Luận-ngữ* chép rằng : « Ngài qua nước Vệ, thầy Nhiễm Hữu theo hầu, Ngài thấy quang-cảnh của nhân - dân nước ấy, bèn nói rằng : « Đông nhiều vậy thay ! » Thầy Nhiễm Hữu hỏi rằng : « Nhân-dân đã đông nhiều vậy, thì làm thế nào nữa ? » Ngài đáp rằng : « Phải làm cho giàu có. » Thầy Nhiễm-Hữu lại hỏi : « Đã giàu vậy thì làm thế nào nữa ? » Ngài đáp lại rằng : « Phải dạy đó. » Nghĩa là trước làm cho dân đông, rồi sau làm cho dân giàu, rồi sau nữa lại dạy dân biết lễ-nghĩa, ấy há không phải là cái chính-sách làm cho đầy kho dự mà sau biết lễ - tiết, làm cho đủ ăn mặc mà sau biết vinh-nhục của ông Quân-Trọng đề-xương ra ư ? Vậy đủ biết rằng đức Khổng ngài phản-đối về chữ lợi, là phản-đối sự tư-lợi của cá-nhân chỉ làm lợi mình mà hại người, chứ không phải ngài phản-đối với sự công-lợi. Hiềm vì người đời sau thấy trong *Luận-ngữ* chép rằng ngài ít nói lợi, rồi lại đem nghĩa và lợi chia ra thành hai việc chống trái cùng nhau, ấy tưởng cũng là một sự hiểu lầm của bọn hậu-học.

Nếu nói rằng nhân - sinh - triết-học của đức Khổng chú-trọng về động-cơ, thì chỉ bằng nói ngay rằng nhân-sinh-triết-học của đức Khổng chú-trọng về cái phẩm-hành để dưỡng-thành đạo-đức, là rõ hơn.

Đại-khái nhà triết-học luận về đạo-đức có phân ra hai đảng : nội-dụng và ngoại-diện. Ví-dụ như làm một công việc gì hay : nếu chỉ vì sự lợi-ích do công việc ấy mà sinh ra, hay là vì danh-dự, hay là sợ hình-phạt hoặc

sợ người ta chê cười mà phải làm, ấy đều là lối đạo-đức thuộc về ngoại-diện; còn như vì mình biết rằng cái lẽ đáng làm không thể không làm được, ấy là lối đạo - đức thuộc về nội-dung. Đạo-đức thuộc về nội-dung lại có thể chia ra hai bộ-phận : một bộ-phận thiên-trọng về động-cơ, nhận-định lẽ trời hay là nhận-định cái luật-lệnh về đạo-đức, cho là tôn - nghiêm vô-hạn, bề điều thiện thì phải làm mà điều ác thì phải bỏ đi không làm; một bộ-phận thì chú-trọng về lối tập-quán, bề tập-quán đã thành tức là phẩm-hạnh, những người đã có cái tập-quán về đạo-đức, tự-nhiên thấy điều thiện thì làm, thấy điều ác thì không làm, như là bọn tử-dê những nhà lương-thiện đã chịu cái gia-đình-giáo-dục của nhà ấy mà dưỡng-thành tập-quán về đạo-đức rồi, thì tự-nhiên biết sự làm thiện bỏ ác, không hề miễn-cưỡng.

Chúng ta xét về nhân-sinh-triết-học của đức Khổng, cũng có thể đoán rằng chú-trọng phương-diện tập-quán. Như ngài nói rằng : « Tính người thì gần nhau, vì tập mà khác nhau xa. Duy bậc thượng-tri và bậc hạ-ngu thì không đời. . . », chữ « tập » tức là lối tập-quán đã nói trên kia. Ngài lại nói rằng : « Ta chưa thấy người đời ham đức như ham sắc tốt bao giờ. » Ôi ! người đời mà ham sắc tốt, ấy là lẽ tự - nhiên, còn như sự ham đạo-đức có phần kém hơn sự ham sắc đẹp, thế thì đủ biết rằng đức Khổng không tin cái lòng ham đạo-đức là cái lòng thiên - nhiên của loài người. Tuy vậy, lòng ham đạo - đức vẫn không phải là thiên-nhiên, nhưng cũng có thể bồi-dưỡng được, bồi-dưỡng được thành-thực thì tự-nhiên lưu-lộ ra như tấm lòng ham sắc vậy, vậy nên trong Đại - học nói rằng : « Như ghét mùi xấu, như ham sắc tốt », ấy là hình-dung ra cái trạng-thái khi tập-

quán về đạo-đức mà đã thành - thực rồi.

Lối tập-quán về đạo - đức của đức Khổng đề-xướng ra không phải là dùng thủ-đoạn cưỡng - bách mà tạo-thành, ngài nói rằng biết mà làm không bằng ham mà làm, ham mà làm không bằng vui trong lòng mà làm, (知之者不如好之者。好之者不如樂之者) người đời đã đến cái địa-vị yên vui trong lòng mà làm, thì sự làm ấy thành ra tự - nhiên, mà muốn cho tạo - thành sự tự - nhiên ấy cần phải có công-phu hàm-dưỡng về đường giáo-dục, vì vậy cái chủ-nghĩa chính-danh của đức Khổng chỉ cốt là ngụ sự khen chê, phân lẽ thiện ác, để cho người đời bề thấy cái danh thiện thì mến, thấy cái danh ác thì ghét, không cứ là khi nào chỗ nào, đều phải cố-danh tư-nghĩa, cho nên cái chủ-nghĩa chính-danh là cái lợi-khí rất lớn về sự đức-dục.

Ngoài cái phương-pháp chính-danh, đức Khổng lại chú-trọng về lễ-nhạc nữa. Ngài nghĩ rằng lễ-nhạc có thể dung-hóa được tâm-thân người đời, cũng là cái lợi-khí để tập-quán về lối đạo-dục, cho nên ngài luận chính-trị chủ-trương về sự lấy lễ-nhượng mà trị nước, lại chủ-trương về lối khiến cho trong nước đều được nghe tiếng huyền-ca.

Thứ nữa, lại trọng về sự cảm-hóa cho thành nhân-cách. Trong Luận-ngữ chép rằng : « Ông Quí-Khang-tử hỏi về sự chính-trị rằng : « Nếu giết người vô-dạo để khiến cho dân tới nơi hữu-dạo thì thế nào ? » Ngài đáp lại rằng : « Nhà già làm sự chính - trị, cần gì phải giết người, nếu muốn điều thiện thì tự-khắc dân cũng lương-thiện, vì là đức người quân-tử như gió mà đức kẻ tiểu-nhân như cỏ, bề gió đi trên cỏ thì cỏ phải xếp rạp ». Ngài lại nói rằng làm việc chính - trị

bằng lối đạo-đức, thì ví như ngôi Bắc-thần ở một chỗ mà các sao đều châu theo. Nhân vì cái chủ - nghĩa đức Khổng là trọng về đường đạo - đức mà cảm-hóa người đời, cho nên Ngài rất phản-đối về lối thi hình-phạt. Ngài nói rằng nếu lấy chính-lệnh mà dẫn-dụ dân, lấy hình-phạt mà kiểm-thúc dân, thì dân tuy khỏi tội lỗi nhưng mà không lòng liêm-sĩ; còn như lấy đạo-đức mà dẫn-dụ dân, lấy lễ-nghĩa mà kiểm-thúc dân, thì dân đã có lòng liêm-sĩ và lại biết dỗi lỗi.

Nói tóm lại thì cái phương-pháp của đức Khổng dễ-xương ra dễ cho người đời tập-quán về đường đạo-đức, ấy chính là cái phương-pháp phân-biệt ra cái danh thiện-ác cho người đời tập-quán; lấy lễ-nghĩa mà tập-quán, và lấy đức-hóa mà tập-quán, nghĩa là khiến cho người đời vui lòng mà tập-quán dễ thành ra tự-nhiên, chứ không hề dùng cách cưỡng-bách vậy.

AN-KHÊ

MÀY LỜI BÀN VỀ SỰ THỜ TRỜI

Lễ Giao ở nước Nam ta

Bàn về việc thờ Trời, trước nên bàn về việc thờ Trời của nước ta. Nhưng trong nước muốn việc đều gốc ở Triều-đình, xem vào ý-hướng của quốc-dân, vậy nay bàn về việc thờ Trời của nước ta, lại phải lấy cái quan-niệm của người nước ta đối với lễ tế Giao mà nói trước.

Ba năm Nhà-nước tế Giao một lần, ngoài Bắc trong Nam, ai cũng biết như thế cả. Nên chỉ đến kỳ tế Giao, thừ nhất là về kỳ tế Giao mới rồi, đâu cũng nô-nức tới xem, nhưng xem kỹ-chủ về tế-lễ, xem nghi-vệ của Triều-đình, xem cho biết, xem cho vui, chứ mấy ai có cái quan-niệm mật-thiết đối với lễ ấy.

Nói về quan-niệm đối với lễ Giao nước ta hiện nay, ý-kiến mỗi người mỗi khác.

Người đã hiểu thấu ý-nghĩa rất cao rất hay của cò-nhân, trông thấy tấm lòng ưu-quốc ái-dân của đức Kim-thượng và biết cần nhắc cái trình-độ tấn-hóa của các dân-tộc, thời đối với lễ ấy đều biết đem lòng tín-trọng, đã biết tín-trọng thời càng lo bảo-tồn và muốn cho quang-dại thêm.

Những người hăm-mộ về đường khoa-học, khuynh-hướng về lối tân-thời, thời cho lễ ấy chẳng qua là một cái cổ-tục, một việc hư-văn, cổ-tục phần nhiều không hợp với tân-thời, hư-văn thế nào mà cho bằng thực-sự. Lại cho việc tế-lễ như thế là một cái tâm-thuật của các vị Đế - vương đời trước truyền riêng lại cho các vị Đế-vương đời sau, lấy thần-quyền mà giá-ngự thần-dân, nước ta học theo Tàu mà tế Giao cũng như học theo Tàu mà lập chế - độ, định hiến-pháp vậy. Vì sự cảm-tưởng sai lầm như thế mà sinh lòng hoài-nghi, nhưng hoài-nghi mà cố-ý nghiên-cứu thời cũng có ngày giải-quyết, đã giải-quyết được thời lòng tín-trọng lại càng sâu thiết và vững-bền hơn. Chỉ tiếc người nước ta không có cái căn-tính kiên-cố dùng để suy-nghiệm cho kỹ-càng, nên chỉ thường thường chưa ra khỏi vòng hoài-nghi, đã đứng vào hạng tuyệt-đối.

Đối với lễ Giao, hiểu ý-nghĩa vẫn là có ít, mà đem lòng hoài-nghi cũng chẳng bao nhiêu, chỉ có hạng người này, thật chiếm một số rất nhiều, có tín-trọng

mà thực không, không hoài-nghi mà như có, tuyệt-đối không ra tuyệt-đối, bàng-quan chẳng phải bàng - quan, «*Dân khủ sử do chi, bất khủ sử tri chi*», không biết dùng chữ gì mà đặt tên cho đúng. Hạng người ấy chỉ biết nói qua-loa mấy lời rằng: «*Cái lai-lich vì sao mà bảo vua phải tế, ấy là việc Trời, cái thể-chế vua định ra đề tế Trời, ấy là việc vua; người làm thể nào mà hiểu được đạo Trời, dân làm thể nào mà dám biết ý vua, vua tế Trời cũng như dân tế thần, việc không thể biết mà cũng không nên biết.*» Vì lối thức-giải không có ý-tưởng như thế mà sinh lòng lênh-lãng.

Đối với lễ Giao mà sinh lòng lênh-lãng đã đành, chớ ngày thường ngôn-ngữ cử-dộng, muôn việc đều do tại Trời, nhưng Trời là gì, vì sao mà có cái cảm-tưởng như thế, hạng người ấy mấy khi mà nghĩ đến.

Có cảm-tưởng mà không ai đề-linh, không biết nghiên-cứu, thời có cũng như không, khác nào có thần-thể nhưng không biết vì sao mà có sự tri-giác, có sự vận-dộng, đã không biết vì sao mà có sự tri-giác, có sự vận-dộng thời không biết qui-hóa mấy cái nào-chất là cái gốc của sự tri-giác cùng căn-lực là cái gốc của sự vận-dộng. Một đôi khi lại nghĩ đại rằng nếu bị ai móc não rút gân mà mình cũng cứ có tri-giác, có vận-dộng như thường!

Người mà biết có Trời, ấy là cái linh-hồn và nguyên-dộng-lực của quốc-dân, còn cái linh-hồn và cái nguyên-dộng-lực ấy thời tri-não của quốc-dân mới bền-chặt, căn-lực của quốc-dân mới mạnh-mẽ, mới có thể cùng các tộc-loại khác chen chân lẫn bước mà đội một Trời chung, nếu cái linh-hồn ấy và nguyên-dộng-lực ấy mà mình không biết qui-hóa và bảo-tồn, một mai hao-mòn tiêu-diệt, thời tri-não lấy gì mà bồi-bổ, căn-lực nhờ đâu mà phù-thực?

Người đối với Trời không có cái quan-niệm mật-thiết, dân đối với nước không có cái tâm-tính quan-hệ, đáng lo thay mà cũng đáng buồn thay, hạng người ấy còn nhiều bao nhiêu, tuổi cái tiền-đồ của quốc-dân về đường chính-trị và giáo-dục lại càng nguy-hiêm gian-nan bấy nhiêu!

Trong ba hạng người vừa nói trên kia, tôi tự xét chưa biết vào hạng nào là phải, nhưng mười mấy năm học theo đạo Khổng, hai ba lần xem thấy lễ Giao, cũng nên đem cái kiến - thức cạn - hẹp mà bày giải ra đây, vốn không dám lấy những lẽ tự mình chưa cho là đúng mà bảo - cáo với đồng-bào, nhưng ước-ao hải-nội chư quân-tử bày bảo lại cho, hoặc nhân thể mà học thêm lễ phải, biết thêm điều khôn, xin thù thực với các ngài, đó là một lối nghiên-cứu khôn-khéo của tôi, dùng để giải-quyết những vấn-đề mà tôi không thể giải-quyết được vậy.

Xưa nay trong ngoài, ai cũng biết rằng lễ Giao là lễ vua tế Trời, nhưng trong nước vì sao mà có sự tế - lễ, tế-lễ sao lại chuyên - trọng vào đứng Thượng-đế, việc tế-lễ ấy sao lại chuyên - ủy vào một mình vua, đó là ba cái vấn-đề rất quan - yếu ở trong bài này. Bào qua thời e thiếu nghĩa, nói nhiều chỉ sợ sai lời, câu Tây ngữ «*Nói gà ra lừa*» dù dè-dặt cũng không tránh khỏi.

Tôi thiết-nghĩ người đời có tri-giác ấy là có tư-tưởng, nghĩ công - ân thời biết nhớ, thấy oai-phép thời biết sợ. Đã nhớ ân thời sinh lòng yêu mến, vì yêu mến mà lo nổi báo-đáp; đã sợ phép thời sinh lòng kính-phục, vì kính-phục mà tin lễ họa-phúc. Vì tri-giác của loài người rất lớn, nên tư-tưởng lại càng sâu-xa. Chẳng những nghĩ công-ân của người dương sống, lại nghĩ công-ân của người đã qua đời, chẳng những sợ oai-phép ở nơi hữu-hình mà lại sợ oai-phép ở nơi

vô-hình nữa.

Nghĩ công-ân của người đã qua đời thời lấy sự thờ phụng làm cách báo-đáp, sợ oai-phép ở nơi vô-hình thời biết lối cầu-nguyện để mong cho được phúc khỏi họa. Có thờ - phụng, có cầu-nguyện mà sự tế-lễ mới từ đó mà sinh ra.

Phàm những phương-pháp cùng qui-chế gì mà chúng ta hiện đương kiếm cách bảo-lồn và khoáng-trương bây giờ, đều là lối di-truyền của cổ-nhân, chỉ có việc tế-lễ thời không thể cho là lối di-truyền của cổ-nhân mà nên cho là hiện-tượng cái lương-tâm cùng linh-linh của loài người từ xưa đến nay và từ nay về sau vậy.

Nói về tế-lễ, nước theo lối mới, nước theo lối cũ, chỗ làm cách giản, chỗ làm cách phiền, hình-thức đều có khác nhau, nhưng tinh-thần vẫn là có một.

Người mà thờ Trời chẳng qua suy rộng lòng biết ân và sợ phép đến cực điểm đó thôi.

Đối với trời mà sinh lòng biết ân, là bởi sự nhớ, có nghĩa là dò theo lịch-sử.

Đối với Trời mà sinh lòng biết sợ, là bởi sự thấy, có nghĩa là xét theo vật-lý.

Sao gọi rằng dò theo lịch-sử ? Lễ này thời dễ hiểu lắm. Hễ có mình thời tưởng tới người sinh mình, tưởng tới người sinh mình thời tưởng tới người sinh người sinh mình. Thấy một cơ-cuộc gì thời biết người nào làm ra cơ-cuộc ấy, biết người làm ra cơ-cuộc ấy lại biết đến người gây dựng cái cơ-cuộc ấy. Trong họ có ông thủy-tổ, trong làng có ông khai-thần, hưởng gì cả vũ-trụ đương khi hỗn-dộn hồng-mông, tất là có một vị nào ra đời trước hết mọi người, có đủ toàn-trí toàn-năng mà sáng-tạo thế-giới, sinh-thành nhân-loại. Sự-nghiệp có từ ngàn vạn ức triệu hằng-hà-sa-số năm về trước, công-đức để lại ngàn vạn ức triệu

hằng-hà-sa-số năm về sau, cây tìm tới gốc, sông dò đến nguồn, đúng Thượng-đế, — mỗi nước đều có tên riêng, nhưng cũng một nghĩa như nhau, — ấy là vị tối-tiên-khân-chủ của thế-giới, thái-sơ-thủy-tổ của nhân-loại vậy. Suy rộng nghĩ xa như thế mà sinh lòng biết ân, ấy là cơ thứ nhất.

Sao gọi rằng xét theo vật-lý ? Nói về khoa-học cùng sinh-kế-học, đều là bởi sự tiến-bức mà sinh ra tư-tưởng, có tư-tưởng mới có tri-hóa đã đành, nói về tâm-linh-học thời cũng thuộc về một lẽ như thế.

Người ta sinh ra ở đời, từ khi thơ bé hoặc lớn khôn mà không có tri-giác nói gì, nếu lớn khôn vừa có tri-giác thời ai ai cũng có sự cảm-xúc. Theo nhãn-giới, thấy mình ở vào trong phạm-vi của Trời Đất, theo tư-tưởng-giới, lại cho mình thuộc vào dưới quyền phép của Trời Đất. Chẳng những thấy sự sáng thời vui, thấy sự tối thời buồn, thấy cơn phong-vũ thời ghê, thấy oai-lôi-dinh thời sợ, lại thường xem vào mình mà suy trước nghĩ sau rằng khi ta chưa có sự sống, cõi mây mưa, hình tro bụi, ta không biết ta ở đâu, tiền-thân hậu-kiếp ta là gì, đến khi ta đầu-thai sinh ra ở giữa cõi trần, ta có sự sống, ta có tri-giác, ta có vận-dộng, cam chịu trăm cay ngàn đắng để trả nợ đời, cho đến mãi thời-kỳ giống có nhất-dịnh, thời ta hết sự vận-dộng đem cái tri-giác của chúng ta lìa phần xác-thịt mà trở vào một cái thế-giới nào ta suy không ra, ta nghĩ không tới.

Lời cử nung-nẫu sự đời,

Bức tranh vân-cửu vẽ người tang-thương!

Ngang-tàng bảy thước, thắm-thoát trăm năm, làm cho ta không hóa ra có, có lại về không. Thác là thế-phách, sống là anh-linh, làm cho ta còn mà không mất, mất cũng như còn. Ôi ! một sự vui buồn nho-nhỏ còn thuộc về chủ-

quyền của một đôi người, hưởng gì cái sinh-mệnh hữu-hạn cùng cái hạnh-phúc vô-hạn của loài người, há lại không thuộc vào quyền pháp-định của ngôi Chủ-tể ở bề trên hay sao? Trông thấy và cảm-tưởng như thế mà sinh lòng biết sợ, ấy là có thứ hai.

Sợ oai-phép ở nơi vô-hình, xét theo vật-lý mà sinh lòng sợ Trời, đọc đến đây chắc cũng có ngài phiên-bác rằng ở đời này mà muốn chen chân vào hàng ngôn-luận hiểm gì vấn-đề khác có vẻ thiết-thực hơn những vấn-đề thần-bí như thế, hưởng gì thần-bí mà thuộc về Thiên-đế lại càng vu-khoát nữa, nói việc thần-bí chắc gì hiểu lẽ thần-bí, chẳng qua nói láo trên trời dưới đất nghe đó thôi!

Thưa các ngài, tôi cũng một người xác-thịt, đời trời dạp đất ở giữa cõi đời, chưa từng có cái hạnh-phúc được giao-tiếp với các ngôi đấng ở trên năm châu ngoài bốn bề mà cũng không có cái nhãn-lực được trông thấy các anh chị ở trong mười điện dưới chín suối bao giờ, về lẽ thần-bí chẳng những xưa nay chưa hiểu, cho đến bao giờ cũng không làm thế nào mà hiểu được. Tôi vẫn không hiểu nhưng thường muốn biết vì sao mà có cái sự không hiểu như thế, nên chẳng tiếc công lựa lời mà bàn đến vấn-đề này.

Vả chẳng bài này không phải là bài luận « vô-quí », cũng không phải là bài ký « sơ-thần », nhưng có lý-tưởng mới sinh ra thực-sự, vì thực-sự mới cần có lý-tưởng, tôi chỉ biết mượn lẽ ấy làm cách giải-quyết tạm-thời cho chúng ta đó thôi.

Lại cũng có người bảo rằng miễn là khiến cho người ta biết phục-tùng ở dưới thần-quyền, thời thờ vị gì chẳng được, sao mà chung cả Thái-Tây Á-Đông, suốt cả thiên-cổ vạn-kim, ở đâu khi nào cũng chuyên-chủ về việc thờ Trời, là có ý gì. Nói thế là chưa rõ cái khổ-tâm của các bậc tiên-tri tiên-

giác, từng đã mở toang tầm mắt, đánh mông trống tai, mới xét nghiệm được cái ý-tưởng công-đồng mà định ra cái pháp-mục thống-nhất như thế.

Pháp-mục, pháp-mục, không phải bởi cái ý riêng của một đôi người lập ra, vì đã bởi ý riêng của một đôi người mà lập ra, thường thường tư mà không công, tà mà không chính. Tất phải suốt cả năm châu khắp, ngoài bốn bề, ức-triệu người đều tỏ một lòng, nghìn kiếp muôn năm không có thay đổi, thế mới gọi là cái pháp-mục công-chính.

Đọc đến đây, đọc-giã chừ-tôn xin hăng gấp quyền-báo mà suy-tưởng coi thử có hợp-ý với tác - giả hay không.

Trong truyện *Tam-quốc*, khi Ngô đánh với Tào về trận Xích-bích, Chu-Du và Khổng Minh hỏi nhau nên dùng chước gì cho thắng - trận, hai ông không chịu nói, chỉ lấy bút viết vào bàn tay mỗi người một chữ, khi mở xem đều một chữ 火 hỏa, nghĩa là đánh Tào về trận ấy phải dùng chước hỏa-công. Bài này không phải luận-định chiến-lực mà đời này cũng chưa biết ai Du ai Lượng, nhưng chữ thay vì pháp-mục mà chúng ta hiện đương bàn hỏi nhau đây, cũng có bốn nét như chữ hỏa vừa nói trên, nhưng chỉ đổi chấm ra ngang làm chữ 天 thiên đó thôi. Chữ Thiên trước hết viết chữ — nhất rồi đến chữ 大 đại. Theo lối thích-nghĩa về tự-hoạch, nhất là « một », nghĩa là chỉ có một ngôi, đại là « lớn », nghĩa là gồm hết mọi sự.

Ông Lão-tử về phái Thích - giáo, nói trong cõi đời có bốn ngôi mà cho Trời là ngôi lớn nhất, ông Đồng Trọng-Thư là một tay danh-nho ở trong Đạo Khổng mà cũng nói : « Đạo gốc ở Trời, Trời không thay đổi, đạo cũng không thay đổi. »

Vậy thời tất cả pháp-mục, có pháp-mục nào công-chính hơn là cái pháp-mục lấy Trời làm chủ-tể, lấy Trời làm khuôn-phép nữa. Thái-sơ-thủy-

tổ của nhân-loại, tối-tiên-khẩn-chủ của thế-giới, lẽ nào toàn cả nhân-loại, khắp cả thế-giới, ai chẳng đem lòng kính-ái và hết sức tôn-ngưỡng.

Một việc thờ Trời, theo như hiện-tình thời là thịnh-hành về đường tôn-giáo. Tôn-giáo là một cái vấn-đề rất quan-trọng, đã khó nói mà cũng không nên nói. Nay tránh không khỏi mà trót đã nói đến thời cũng phải giải bày cho rõ-ràng. Tác-giả vốn không khuynh-hướng về phương-diện nào mà cũng chưa biết phương-diện nào là nên khuynh-hướng, chỉ mong độc-giả chú-tôn biết cho rằng tác-giả bàn đến lẽ này là có ý nghiên-cứu về cái trình-độ tiến-hóa của dân-tộc vậy.

Cái trình-độ tiến - hóa của các dân-tộc ở đâu cũng thế. Trừ ra « Đại-đồng-chi-thế » của đạo Không, Cực-lạc-thế-giới của đạo Phật cùng Thiên-quốc của đạo Gia-tô, là lời ước-nguyện của các Giáo-tổ, cần cho có cái thế-giới như thế. Thế-giới ấy là một cái thế-giới thuộc về lý-tưởng, để làm cái tiêu-biểu cho sự tu-hành của loài người, chứ theo lối tiến-hóa về nhân-thế, thời dã-man lẫn đến bán-khai, bán-khai bước lên văn-minh, ấy là ba cái giai - cấp nhất - định. Văn-minh, bán-khai và dã-man, kể cả toàn-thế giống có phân-định rõ - ràng, chứ xét theo bộ-phận không khỏi có vẻ hỗn-tạp. Vì rằng trong nước chia ra ba hạng người, thượng-lưu, trung-lưu và hạ-lưu, nói chung thời nước nọ thế này, nước kia thế kia, chứ xem lại chỉ xét theo số nhiều ban thượng - lưu, trung-lưu và hạ-lưu mà đoán-định cả toàn-thế rằng văn-minh bán-khai và dã-man đó thôi.

Muốn phân-định cho đúng thời xem vào đầu, phần nhiều xem vào học-thuật cùng sinh-kế, nhưng xét lại cho kỹ chẳng qua bốn chữ trật - tự điều-hòa mà thôi.

Xây nên cơ-cước trật-tự điều-hòa,

tuy cần có nhiều tài-liệu, nhưng thứ nhất phải lấy đạo-đức làm cốt.

Trị nước cũng như làm nhà, trước hết phải xây nền xây móng. Nếu đắp không sửa nền, nên không kỹ móng, chỗ cao chỗ thấp, lỗ hổng lỗ hà, ngày lụn tháng qua, gặp có mưa to gió lớn, thời những lâu-dài nhà cửa dựng trên cái nền móng như thế, to - tát nguy-ngha bao nhiêu, lại gây nên cái cơ-sự phá-hoại dễ - dàng bấy nhiêu. Mỗi khi nền xiêu móng lở, chẳng những khi-mạnh vật-kiến đều bị hư-hỏng đã đành, mà còn mèo bắt chuột, con chó giữ nhà, cho đến con ong men đ, con nhện giăng tơ, cũng theo cơn phong-vô tiêu-giao mà chịu nổi tan hình nát xác. Đàng nầy thay cho cái nền đạo-đức không bền vững, đáng lo thay cho cái nền đạo-đức chưa tỏ-bồi. Nên chi trong nước không lo kỹ-nghệ giới, chẳng cần bạc tiền nhiều, mà trước lo tỏ-bồi lấy nền đạo-đức cho bền vững. Ngày xưa đức Không-phu-lữ trả lời cho vua nước Tề rằng : « Trong nước giả phông tôi chẳng giữ phận làm tôi, con chẳng hết đạo làm con, tuy có lúa gạo nhiều, có ngôi yên mà ăn được không ? » Lời tuy vắn-tắt mà có ý-nghĩa rất sâu-xa.

Sách Trung - dung có nói : « Cái tâm-tính của mình là Trời phú - đữ cho, biết giữ theo tâm-tính ấy tức là đạo-đức, khiến cho người biết giữ theo đạo - đức, nghĩa là giáo-dục. » Mới biết muốn tỏ-bồi nền đạo-đức thời cần có giáo-dục. Tôn-giáo cũng là một cách giáo-dục rất giản-tiện, rất phổ-thông đó thôi.

Chẳng hạn nước nào, lúc ban đầu, cái số ngu-phu ngu-phụ thường chiếm phần nhiều, nếu không có một cái gì làm cho chúng nó an-tâm định-chí để theo lối tu-hành, thời như chim không ổ, như hoa lìa cành, còn ra cái cảnh-tượng gì nữa.

Nên chỉ các vị đại-thánh thượng-

triết, thương loài người mà giốc lòng cứu-thế mà định ra học-thuật, muốn gây nền đạo-đức thời cần phải giáo-hóa, mà giáo-hóa thời lấy tôn - giáo làm trọng.

Tôi đọc sách *Luân-ngữ*, xem cái niên-biểu tiến-đức của đức Khổng có chép rằng : « Ngài mười-lăm tuổi mới biết chăm vào sự học ; ba - mười tuổi mới biết thân tự-lập thân, bốn-mười tuổi mới khỏi lăm-lỗi, năm-mười tuổi biết mệnh Trời, sáu-mười tuổi mới hiểu liền được những lẽ phải, bảy-mười tuổi mới có thể tự ý mình muốn làm thế nào thời làm, nhưng thường đúng theo lẽ-lối. » Thánh như đức Khổng, mà về lối tiến-đức tu-nghiệp còn có tăng-bậc như thế, huống gì người thường lại thuộc vào hạng ngu-phu ngu - phụ, có qua ngang cầu họa-phước mới trông biết lối thị-phi, nếu trước hết không có cách giáo-hóa rất giản-dị rất phổ-thông, thời làm thế nào mà đánh tan giặc mộng, gọi tỉnh hồn mê, đưa vào con đường tiến-bóa văn - minh cho được !

Vi sao mà gọi rằng giản-dị và phổ-thông, hãy xem vào cái công-hiệu về đường tôn-giáo thời đủ biết.

Tôn-giáo có hai cái công - hiệu rất rõ-ràng : Một là khiến cho người ta nhân lòng tin mà sinh sự sợ, nhân sự sợ mà biết đường tu, đã tin đã sợ đã tu, tự-nhiên có cái tinh-thần siêu-thoát, có cái tâm-tĩnh êm - đềm, khi lãnh-đạm hơn là giá-tuyệt, khi sốt-sắng hơn là lửa than, mình đối với mình thực-hành được cái chủ-nghĩa khoái-lạc, mình đối với người thực-hành được cái chủ-nghĩa bác-ái, biết quên mình mới biết thương người, ấy là cái công-hiệu thứ nhất.

Lại trong một đoàn-thể nhỏ hay là một đoàn-thể lớn, sở dĩ sinh ra sự cạnh-tranh khuynh-loát, tuy là bởi sự quyền - lợi thiết - thực, nhưng phần

hiều bởi sự cạnh - khỏe bề ngoài. Đồng một tộc-loại, ngôn-ngữ và văn-tự mà chia ra người xứ Nam người xứ Bắc, đồng một khu-vực, chính-trị và tục-lệ mà chia ra kẻ đảng trong, kẻ đảng ngoài, thậm - chí trong một quan - trường mà kỳ - thị nhau này đường nọ thuộc, trong một học-giới mà ghê biệt nhau đây mới đó cũ, cách phân-biệt không có ý-nghĩa như thế nhiều bao nhiêu, thời lòng người lại nhân thế mà chia lìa nhau bấy nhiêu.

Có cái tư-tưởng về đường tôn-giáo thời không thế. Chẳng hạn người ở đâu, thuộc về đảng-cấp nào, làm những nghề-nghiệp gì, hễ tín-ngưỡng theo một pháp-mục, khuynh-hướng về một tôn-chỉ, học-thuật giống nhau, tâm-tĩnh hiệp nhau, ấy là có lòng tương-thân tương-ái. Đã chung một khai-khẩn ấy là dân một làng, chung một thủy-lũ ấy là con một nhà, người này nhân thế mà kết-hợp với người kia, đoàn-thể này nhân thế mà liên-lạc với đoàn-thể khác, bỏ lòng ganh-ghét, hết sự tranh-dành, mục-dịch tuy có cao xa, nhưng ý-nghĩa vẫn là thiết-thực. Có tôn-giáo thời mới có đoàn-thể, ấy là cái công-hiệu thứ hai.

Tôn-giáo tuy có cái công-hiệu như thế, nhưng muốn cho có cái công-hiệu ấy là nhờ có qui-tắc, mà qui-tắc lại gốc ở pháp-mục. Pháp-mục có chánh-đang, thời qui-tắc mới hoàn-toàn, qui-tắc có hoàn-toàn, thời công-hiệu mới mĩ-mãn.

Pháp-mục như thế nào mới là công mà không tư, chánh mà không tà, trên kia đã nói qua, chẳng qua là lấy Trời làm chủ-tể, lấy Trời làm khuôn-phép.

Một việc thờ Trời, chẳng những thịnh-hành ở các nhà tôn-giáo bên Thái-Tây mà lại có ảnh-hưởng vào việc chính-trị của các nước đồng-hóa bên Á-Đông nữa.

Kinh Dịch nói : « Lớn thay ngôi

Càn-nguyên, muôn vật từ đó mà hóa-sinh». Kinh Thi nói: « Trời sinh muôn dân khiến cho có đạo thường ». Học-thuật của Á-Đông cũng cho rằng: hình-bài của dân ta là Trời tạo-thành cho, tri-năng của dân ta là Trời phú-dự cho, nhưng Trời không thể trực-tiếp với dân, mới giao quyền chính-trị giáo-dục lại cho vua, nên chỉ kinh Thư lại nói: « Trời giúp muôn dân, đặt cho có vua có thầy. »

Dân biết nhớ ân và sợ phép của Trời, thường muốn tỏ lòng ấy với Trời, cùng những khi gặp sự thù-giận chuag, nhân cơn tai-hại lớn, cũng muốn tâu-cáo với Trời, nhưng Trời ở xa mà dân thời đông không làm thế nào mà trực-đạt được, mới nhờ vua thay mặt cho. Nên chỉ mỗi khi hành-quân cùng làm lễ cầu-phúc, vua đều cáo với Trời rằng: « Vị dân thỉnh mệnh, » nghĩa là vì dân mà tâu xin mệnh-lệnh của Trời.

Theo như lời trên kia, thời vua làm đại-biêu cho Trời để đối với dân, theo như lời sau đó thời vua làm đại-biêu cho dân để đối với Trời. Còn Trời thời cầm quyền giáng-phúc giáng-họa để giúp vua về việc thưởng-phạt, dân thời giữ lòng trung-ái để giúp vua về việc hành - chính thi - lệnh cho được dễ-dàng.

Trên thời Trời, dưới thời dân, vua đứng ở giữa, khác nào một vị sứ-thần của thượng-giới và hạ-giới; Thượng-giới muốn tuyên-bố những lễ gì xuống hạ-giới, hạ - giới muốn tâu - đạt lễ gì lên thượng-giới, đều trông cậy vào vị sứ-thần ấy cả.

Nói riêng ra thời Trời là một, vua là hai, mà dân là ba; nói chung lại thời thay mặt cho Trời, vua tức là Trời, thay mặt cho dân, vua tức là dân vậy.

Trời sinh muôn dân mà không có vua để trị dân dạy dân, cũng như cha mẹ sinh con mà không rước thầy cho con học; dân không nhờ vua cầm-

quyền chính - trị giáo - dục cho mình cũng như con không có cha, học-trò không có thầy. Người ta thường nói « quân, sư, phụ », vua trọng hơn vai cha vai thầy là ý thế.

Đứng dưới một ngôi Hoàng-thiên làm đầu cả một dân-tộc, cái vị-trí đã tôn-trọng thời quyền-phép phải lớn-lao. Trong nước có ba cái quyền rất lớn: một là quyền lập-pháp, nghĩa là lập ra hiến-pháp; hai là quyền tư-pháp, nghĩa là giữ theo hiến-pháp; ba là quyền hành-pháp, nghĩa là thi hành hiến-pháp; ba cái quyền ấy đều thống-thuộc vào một mình vua. Nên chi sách có nói: « Không phải đứng Thiên-tử thời không được chế-lễ tác-nhạc và khảo-văn. » Lại nói: « Những việc lễ-nhạc chính-phạt đều thuộc vào quyền đoán-định của đứng Thiên-tử. »

Đứng Thượng - đế có đủ toàn-tri toàn-năng mới có cái sự-nghiệp sáng-tạo thế-giới, sinh-thành nhân - loại; đứng nhân-chúa thay Trời mà quản-trị muôn vật, có cái vị-trí tôn-trọng, và cái quyền-phép lớn-lao như thế, tất phải có cái tư-cách hoàn-toàn thời mới làm xong. Người ta thường nói đứng nhân-quân trăm khéo ngàn khôn là đúng lắm.

Có quyền-vị, đủ tư-cách, nhưng công việc có phải tự ý muốn làm thế nào thời làm đâu. Vì trên vua thời có Trời, Trời phó-thác cho vua có ba cái quyền trên kia, nhưng lựa cử vua, xem xét đức-chính của vua, hai cái quyền ấy thời Trời vẫn giữ.

Vua Nghiêu truyền vị cho vua Thuấn, vua Thuấn truyền vị cho vua Võ, đều nói rằng: « Xet theo lịch-số của Trời, ngôi vua thuộc vào mình người. » Mới biết khi chưa lên ngôi, vua thuộc vào quyền tuyển-cử của Trời.

Kinh Thi nói: « Lớn thay ngôi Thượng-đế, trông xuống hạ-giới rất rõ-ràng, xem vào bốn phương để xét sự tại-khở của dân. » Mới biết khi đã lên

ngôi, vua lại thuộc vào quyền giám-sát của Trời.

Trời lựa cử vua, xem xét đức-chính của vua, chẳng những theo lối thần-bí mà lại có vẻ thiết-thực. Sách *Mạnh-tử* nói: « Dân về theo, tức là Trời ban cho. » Kinh *Thư* nói: « Trời thông tỏ là tự dân nghe thấy. » Mới biết Trời xem vào ý-hướng của dân mà quyết-định thi-hành cái quyền tuyền-cử và quyền giám-sát vậy.

Hai cái quyền ấy, theo lối thần-bí giống như Trời định ra mà giao phần tuân-hành lại cho dân; theo lối thiết-thực, thời dân nghĩ ra mà dâng quyền thi-hành lại cho Trời. Xem thế mới biết cái quyền-vị của Quân-thượng, chẳng những ứng theo lịch-số của Trời mà lại dò theo lòng ái-đái của dân.

Trên đối với Trời, dưới đối với muôn dân, biết làm thế nào cho hết cái chức-trách? Kể ra chi - tiết vẫn nhiều, nhưng xét lại cho kỹ cái chức-trách của vua đối với Trời chỉ có một chữ *Kính*, đối với dân chỉ có một chữ *ái* là đủ.

Ở với cha mẹ có hiếu-kính mới hết đạo làm con, ở với con có từ-ái mới hết đạo làm cha mẹ; vua là con của Trời mà cha mẹ dân, có hết đạo làm cha mẹ mà ở với Trời, hết đạo làm cha mẹ mà ở với dân, thời trông lên ngó xuống mới được mọi sự thỏa - thích. Đời gặp có minh-quân thánh-chúa thời mưa hòa gió thuận, nước trị dân yên, khác nào có con thảo thời cha mẹ vui lòng, có cha lành thời gái trai yên phận.

Các vị thánh - đế minh-vương xưa nay, từ khi tức-vị cho đến lúc thăng-hà, lòng thường lo sợ, chần e trên không xứng ý Trời, giữa không trọn niềm kế-thuật với tổ-tôn, dưới không thỏa lòng trông cậy của thần - dân, « run e sợ hãi, như sắp hãm vào vực sâu. » Mấy lời tỏ-huấn của nhà Hữu-Hà, thiệt đủ làm gương cho các vị Đế-vương vậy.

Nói tách ra thời cái chức-trách của vua trên sợ Trời dưới thương dân; nói hợp lại thời biết sợ Trời tất là biết thương dân, biết thương dân là vì biết sợ Trời. Trên kia tôi đã nói đối với Trời vua giữ theo đạo làm con, đối với dân Vua giữ theo đạo làm cha trước sau cùng một người, hễ làm con mà biết hiếu-kính, khi làm cha tất là từ-ái, ấy là lẽ tự-nhiên.

Vả chẳng theo như học-thuật của Á-Đông, thời quyền-vị của vua là Trời phú-dữ cho, đức-chính của vua thời Trời thường xem xét đến, biết lấy sự kỳ-thác của Trời là đáng trọng, biết lấy sự giám-sát của Trời là đáng sợ, thời mới biết ban-ân giáng-phúc cho dân. Không sợ Trời mà biết thương dân, trái xem lịch-sử xưa nay, chưa thấy vị vua nào như thế.

Nên chi tâm-pháp của lịch-dại Đế-vương đều lấy việc kính-thiên làm trọng. Khi đăng-quang thời nói thuận ý Trời mà nổi nghiệp lên ngôi, khi hành-quân thời nói rằng vâng mệnh Trời mà đánh người có tội, gặp cơn tai-biến thời lo tu-tĩnh, thấy sự tường-thoại thời càng khiêm - cung, giống như mình ở vào dưới tay của đứng Thượng - đế mà đứng Thượng - đế thường ở đầu đôi bên mình, còn sợ tấm lòng kinh-cụ không khỏi bỏ quên, nên mới bày cách đề-tĩnh mà chế ra lễ *Giao*.

Vua tế *Giao*, một là phục mệnh với Trời những việc mình đã làm, hai là tuyên-thệ với Trời những việc mình sắp làm.

Trời không thể trực-tiếp với dân mà giao quyền quản - trị lại cho vua cũng như một ông cha có một bầy chiên, không thể tự đi chăn lấy mà giao-lai cho một người con. Trong bài chiếu tức-vị của vua Tống Thái-Tổ có nói rằng: « Trời sinh muôn dân đặt cho có người chăn giữ » là ý thế.

Cha giao cho con chăn một bầy chiên, đã nhận lời vàng mệnh mà đi từ sáng mai cho đến tối, mình biết chăm-chỉ trông nom, bầy chiên của mình tắm sạch ăn no, đi chùng nào về chùng nấy, mỗi khi lừa chiên về chuồng, tất phải vào mà bắm lại. Hoặc trong ngày ấy rủi bị sự gì nguy-hiêm, khi vào ra mắt cũng phải nhận lỗi và xin về sau con sẽ hết sức chăn nuôi. Lấy tình thực mà lại biết phép, thế nào cũng được nhờ lượng bao-dung. Nếu mình đã lầm-lỡ mà không biết sợ biết lo, một mai cha mình biết được, chắc là lựa người con khác đi thay cho mình.

Cái chức-trách của người chăn chiên còn khó như thế, huống gì vàng mệnh Trời cầm quyền quản-trị một nước, cái chức-trách của đấng Thiên-tử lại khó biết bao nhiêu.

Ai cũng tưởng đấng Thiên-tử là an-phủ tôn-vinh nhất trong cõi đời, chứ không biết đấng Thiên-tử là đứng vào vị-trí khó nhất, chịu mấy trách-dụng nặng nhất trong cõi đời.

Vậy thời dân trong nước trông thấy vua biết kính-thiên, biết cần-dân, thời tấm lòng tôn-thần lại càng phấn-miến đến đâu mới phải. Ví như người chăn gặp được bầy chiên biết nghe biết sợ, biết mến chủ, biết bênh bầy, ung-dung ngọn sao tiếng còi, thời cũng đỡ phần mệt-nhọc. Bằng như bầy chiên lố-nhố lóc-nhóc, con nằm chỗ này, con chạy nơi khác, chủ một đàn chiên một ngả, lên ghềnh xuống thác, kém công điudắt của người chăn, rủi bị sa chân hãm-hố, vào miệng hùm beo, thiệt-thời thân chiên đã dành, lại làm cho cả bầy chiên thêm đau-dớn về nỗi chia bầy lẻ bạn nữa, đáng thương thay.

Ôi ! tay mềm chân yếu, xương mỏng da non, may mà gặp được người chăn suy lòng sợ chủ ra công hết sức chăn nuôi, thời trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy, bầy chiên cũng nên theo bầy kết

bạn, nương-náu với nhau, chớ chia lìa nhau, chớ cắn bụng nhau, non xanh nước biếc, đất sạch gò cao, sinh-sản càng lâu càng nhiều, thân-thể càng lâu càng đẹp, khách qua đường trông thấy khen chiên thời khen đến người chăn. Ra đường có người khen, về nhà thấy cha vui, người chăn công khó bấy lâu, mới được chút vừa lòng đẹp ý. Lòng trông mong của người chăn chỉ có thể thôi, mà muốn cho thỏa lòng trông mong ấy, không thể trông cậy vào bầy chiên của mình, tự mình thường phải dùng hết cán-lực, rút hết tâm-huyết trong mấy năm, có khi suốt cả đời.

Xem thế mới biết tấm lòng ưu-cần của vua đối với Trời, đối với dân, chẳng biết bao nhiêu mà kể hết. Không biết mỗi khi tế Giao là lễ vua phục mệnh và tuyên-thệ với Trời, nửa mừng nửa sợ, càng nghĩ càng lo, cái tâm-lý cùng tinh-thần của vua trong lúc bấy giờ, chẳng có bút giấy nào mà hình-dung cho rõ.

Tôi nói vua tế Giao là một lễ phục-mệnh và tuyên-thệ với Trời, không phải dám tự ý bày ra mà cho là như thế dân. Xét theo tế-diên, tế-phẩm thời dùng sinh-tư (trâu nếp) quả phẩm là có ý tâu với Trời rằng sức-vật béo mập, thảo-mộc tốt tươi. Nhạc-chương thời dùng Cửu-thành, dùng võ-công mà đẹp cơn biển-loan, lấy văn-đức mà nêu nghiệp trị - bình, là có ý đem sự thành-công mà phục-mệnh với Trời vậy.

Lại trước khi ngự lên Giao - đàn, vua trông vào hình Đồng-nhân mà trai-giới. Sách xưa truyền lại rằng ở bề Đông có nổi lên một hình người ta bằng đồng, có sắc quang-ánh và xanh biếc, cửu-khiếu đều thông mà bề trong thời rỗng bụng. Vua dùng hình ấy làm qui-thức để mà trai-giới là có ý đoan với Trời rằng trên đối với Trời dưới đối với dân, xin thường giữ tấm lòng hư-không và thanh-khiết vậy.

Vả chẳng văn-thức ký-cáo với Hoàng-

thiên Hậu - thờ, mới có từ đời vua Thang nhà Thương, mà cũng chỉ mấy câu như thế này: « Tôi có tội không can-thiếp gì đến muôn dân, muốn dân có tội là tội của tôi. » Mới biết lễ Giao mà có ý tuyên-thệ với Trời ấy là tâm-pháp của lịch-dại đế-vương vậy.

Tế Giao chẳng những là lễ phục-mệnh và tuyên-thệ của vua đối với Trời, mà cũng là lễ báo-hân và cầu-phúc mà vua làm thay cho dân vậy.

Biết nhớ ân, biết sợ phép, mà biết lễ thờ Trời, trên kia tôi đã nói đó là cái chí-nguyên công-dòng của các dân-tộc. Ở các nước Thái-Tây thuộc vào trong phạm-vi của đạo Thiên - chúa, thời người nào cũng có thể trực - đạt với đấng Thượng-đế mà tỏ cái chí-nguyên ấy, còn như các nước đồng một quân - chủ-chính - thế ở bên Á-Đông, thời những chí-nguyên ấy, dân chỉ nhờ vua tâu - đạt cho mà thôi. Trong việc chính-trị, thời vua cầm chính-quyền, mà trong khi lễ-lễ như là lễ Giao thời vua cầm giáo-quyền; quân-chủ Á-Đông không khác gì đấng Giáo-Hoàng La-mã vậy.

Xét theo tế-ngĩa, tế Giao mà dùng ngày Đinh, là có ý đinh - ninh phần-phúc về cái ân sinh - thành của đấng Thượng-đế. Lại trong khi tế Giao, có làm lễ ẩm-phúc và thụ-tộ. Phúc có nghĩa là đủ muôn điều lành. Tộ có nghĩa là thù-lạc. Nghĩa là vua có lòng hiếu-kính với Trời, thời Trời ban cho vua đủ muôn sự lành.

Khi hồi-loan, thiết-triều thụ hạ xong rồi, vua có ban một đạo ân-chiếu cho trong thiên - hạ, đại-ý rằng Trời ban phúc cho vua, vua đem ban lại cho dân. Thiên Hồng-phạm có nói chỉ duy vua mới có thể thấu góp đủ muôn điều lành mà ban lại cho thứ-dân, là ý thế.

Xem đến đây cũng có người bảo rằng tế Giao mà cho là lễ cầu-phước, chẳng qua nghĩ theo lối phần-sức hư-vấn; tự mình ngày van đêm vái như cóc

lay Trời, đã thấy ứng-nghiệm gì chưa, hưởng gì nhờ vua cầu-phúc mà mọi người được hưởng, chẳng là xa-xôi lắm ru? Lại thường thấy những người không lễ-bái và thờ-phụng gì cả mà giàu cứ giàu, sang lại thêm sang, những người ấy Trời tha quở-trách là may, sao lại theo mà ban ân ban phúc cho nữa? Thế thời Trời không có cái oai-dức rõ-rệt, hoặc có mà không được công-bình và bác-ái chăng?

Nếu cho Trời là không có oai-dức rõ-rệt là những người không biết đạo Trời nọ nói gì, nếu bảo có mà cho Trời là không bác - ái và công-bình thời càng lầm lẫn.

Không thương ít mà đại thương nhiều, thử nghĩ trong trời đất, có ai thương chúng ta cho bằng cha mẹ? Nhưng mình có biết hiếu-kính và tu-thân lập nết thời cha mẹ mới thương. Nếu con đã hư mà cha mẹ lại cho nhiều tiền bạc, ấy là làm thêm hư con, nếu người không biết giữ theo đạo thường mà Trời lại ban cho quyền-lợi nhiều, chẳng qua khiến người sở-cậy vào đấy để làm cho được lắm tội-ác đó thôi.

Còn bảo những người giàu sang mà không thờ-phụng lễ-bái, bề ngoài vẫn thế, biết đâu trong lòng người miễn trọng đấng Thượng-đế gấp mấy mình. Người đối với Trời cũng như con đối với cha mẹ, hôn-dịnh thần-tĩnh vẫn là hiếu, mà hiền-thần dương-danh không phải hiếu mà hiếu lại lớn hay sao?

Đối với tổ-tôn phụ-mẫu, Lén Đạo còn thực-hành được cái chủ - nghĩa « Kính mà không thờ », vậy thời những người lòng biết yêu-mến và kính-phục đấng Thượng-đế mà bề ngoài không theo lối thờ-phụng lễ-bái, thời có hề gì.

Bác-ái thay đấng Thượng-đế, công-bình thay đấng Thượng-đế, ban chung phúc-quả, khắp cả hoàn-cầu, muốn được giống phải có cầu, không cầu mà có

khi được. Tôi nói đến đây mà sực nhớ tới câu cách-ngôn của người Tây-triết : « Đấng Thượng-đế phán cùng chúng-sinh rằng : Các ngươi muốn cái gì ta cũng cho, nhưng trước hết các ngươi phải theo từng cái mà trả giá cho đúng. »

Than ôi ! Tôi thực chưa có cái tư-tưởng về đường tôn-giáo, nhưng nghe được lời ấy thời sinh lòng yêu-mến và kính-phục đấng Thượng-đế biết là bao nhiêu ! Từ rày về sau, những cái hạnh-phúc mà tôi không thể trả giá cho ngang, thời không dám cầu-nguyện và nài xin với đấng Thượng-đế nữa.

Cái gì không biết giá đáng bao nhiêu, muốn cho được cái giá thời phải lấy kiếm-cần làm giá-trị, muốn cho được cái sang thời phải lấy học-vấn làm giá-trị, muốn cho có cái công với nước, cái danh đề đời, thời phải dùng trí-não làm giá-trị, dùng tâm-lực làm giá-trị, một đôi khi bất-dắc-dĩ phải dùng đến tinh-mệnh làm giá-trị nữa. Cái giá-trị mình bỏ ra nhiều bao nhiêu, khó lòng bao nhiêu, thời cái ấy lại lớn - lao và lâu dài bấy nhiêu. Cái nào giá ấy, niêm-yết rõ-ràng, một người bán vạn người mua, đấng Thượng-đế là đấng chi-công, chẳng mặc-cả mà cũng không bán rẻ.

Xem thế mới biết quyền ban phúc vẫn tự ý Trời, lối được hưởng là tùy theo tư-cách của dân, nhưng suy lòng kính-thiên cần-dân, lễ cầu-phúc vua không thể bỏ.

Trên đó chẳng qua bàn cho hết lẽ, nhưng lễ cầu-phúc phần nhiều thuộc về thời-tiết mùa-màng, chẳng những tế Giao mà thôi, chứ « mạnh-xuân kỳ-cốc, tịch - điền cung-canh », đều có ngụ-ý về lối ấy cả.

Chỉ trong lễ tế Giao mà thấy rõ tấm lòng kính-thiên ái-dân của vua mới biết một việc thờ Trời chẳng những thịnh-hành về các nhà tôn-giáo mà lại

ảnh-hưởng vào việc chính-trị nữa.

Ở các nước đồng một thiên - chủ-tôn-giáo bên Thái-Tây, thời lấy Gia-tô-giáo - chủ làm con của Trời chịu đủ mấy lần ma-kiếp rồi lại phục-sinh, đem cái đạo - hạnh của đấng Thượng-đế ban phán cho mình truyền lại cho Sứ-dồ để cứu giúp tất cả mọi người.

Còn các nước đồng một quân-chủ-chính-thể bên Á-Đông, thứ nhất là nước ta bây giờ cùng nước Tàu ngày xưa, thời lấy lịch-dại quân-chủ làm con của Trời, nên vua thường xưng là Thiên-tử, Thiên-vương, ứng theo vận-số tự-nhiên mới được sách-lập, rồi đem cái quyền phép của Trời phú-dữ cho mình tuyên-thị lại cho thần-công mà sửa trị mấy dân trong nước.

Muốn nhờ ân Trời thời phải tuân theo pháp-chỉ của Giáo-chủ cũng như muốn thuận ý Trời thời phải tuân theo mệnh-lệnh của quân-chủ. Pháp-chỉ về đường tôn-giáo thời lấy kinh-diễn của các vị thánh - triết lưu - truyền làm chuẩn - đích, mà về đường chính-trị, mệnh - lệnh của quân - chủ thời lấy hiến-pháp của tổ-tôn di - truyền làm thẳng-mặc.

Chỉ học - thuật Thái-Tây trọng lý-tưởng chuyên về việc tế-dộ phần hồn, mà học-thuật của Á-Đông trọng thực-sự chuyên về việc quản-trị phần xác. Nhưng xét lại mà coi, tu phần hồn chính là tu phần xác, yên phần xác tức là yên phần hồn, học-thuật tuy chẳng giống nhau, nhưng tôn-chỉ vẫn là có một, một nghĩa là lấy Trời làm chủ-lễ, làm khuôn-phép để thi-ân tạo-phúc cho loài người.

Nói về tôn - giáo, trăm con đường đều đi về Kinh-dô La-mã, nói về chính-trị, thời ức-triệu người đều trông vào một mình vua. Chúng ta là dân An-Nam ở vào thế-kỷ hai-mươi, người có một Trời, đời có một vua, đức Khái-dịnh Hoàng - đế là ngôi Thiên-

tử của dân-tộc Việt-Nam mà cái vận-mệnh của quốc-dân là có quan-hệ vào mình ngài vậy.

Ngài từ khi lên ngôi đến nay đã được chín năm, gió thuận mưa hòa, lòng Trời quyên-hộ, trong yên ngoài ổn, vạn nước thái-bình, gần thời hữu-bang đem lòng kính mến, xa thời vạn-quốc nghe tiếng anh-minh, công cao đức lớn, nghìn thu chép đề sử xanh, một quần bút trong cái thời giờ này, tác-giả không làm thế nào mà kỹ-thuật chưa hết. Nhưng bài này chẳng là bàn về việc thờ Trời, xin hãy lấy lòng kính-thiên của ngài mà nói.

Ngoài sự kính-cụ tu-tĩnh ở trong lòng, ngài lại theo điển-lệ nước nhà, cử-hành lễ tế Giao, năm nay là lần thứ ba, khi nào cũng Giá-ngự hành-lễ. Chẳng những cách chính-nhã, vẻ trang-nghiêm, gặp mấy mươi phần ngày trước, mà tâm lòng thành-kính thực là có một không hai.

Tức như kỳ tế Giao mới rồi, mấy ngày trước mưa dầm luôn luôn, đến sáng mười-tám tháng hai là ngày Giá-ngự lên Giao-dàn, thời Trời thanh gió mát, một vầng kim-ô chói-lọi giữa thanh-không, giống như ngôi chủ-tể ở bề trên, cố làm như thế cho rõ cái đức tốt lòng thành của vị Thiên-tử nước Đại-nam-đế-quốc vậy.

Kính đọc bài thi ngự-chế mừng về lễ ấy có hai câu rằng: « 默默蒼穹通曙暉, 瞳瞳旭日破朝暉. nghĩa là sâu-xa cảm động lòng Thiên-đế, tăng-rạng mừng xem bóng thái-dương », mới biết tấm lòng thành-kính của ngài, chẳng có khi nào giải-đãi: trong chốn thâm-cung, giữa khi thanh-dạ, nên hương thơm đánh thấu đến cửu-trùng-thiên. Tuy dẫu toàn-trí toàn-năng có cái quyền-phép mẫu-nhiệm, người thường xem không thấy, nghĩ không ra, nhưng trải xem lịch-sử

đế-vương, thời « chí-đức động thiên », lẽ cảm-ưng xưa nay vốn có.

Vì lòng kính-thiên của ngài như thế, nên suy ra mà ưu-quốc ái-dân, việc gì cũng đúng theo tôn-chỉ. Ngài có lòng sốt-sắng lo việc nước thương cái số-phận của dân An-Nam, chẳng những lo nghĩ trong khi tại-vị, mà lại lo nghĩ đến sau khi vạn-tuế thiên-thu nữa.

Ngài biết rõ cái vận-mệnh tương-lai của quốc-dân, không có nhân-tử Đại-Pháp thời không thể tiến-bộ văn-minh, không có kế-thế hiền-quân thời không thể tân-thành đại-nghiệp. Nên chỉ trước lập Đông-cung và cho đi du-học, sau lại ngự sang Pháp-quốc để tỏ ý giao-lân.

Nghe tôi nhắc đến hai việc này, nhiều người không biết nghĩ thời cho là sự thường, chứ không rõ từ xưa đến nay các vị đế-vương nước ta chưa từng bao giờ ra khỏi quốc-cảnh, thế mà ngài giốc lòng kế-thuật, trọng lối bang-giao, không kể tôn-vinh, chẳng ngại hiềm-trở, đem mình vạn-thặng, vượt qua muôn dặm trùng-dương, khiến cho bóng cờ Hoàng-long dãi dàu gió Á mưa Âu, đúng một năm nay, còn phảng-phất ở bề Hồng-hải, sông Tô-di vậy. Bền chặt mối Tây-Nam liên-lạc, rõ-ràng gương Pháp-Việt tương-thân, chẳng những sự-nghiệp Đế-vương càng được rạng danh trong thanh-sử, mà non sông Hồng Lạc cũng từ đây thêm mở mặt với hoàn-cầu. Cho hay một việc Giá-ngự Pháp-dinh là có quan-hệ về cái tương-lai thời-cuộc của nước ta biết là bao nhiêu.

Còn như việc cho đức Đông-cung đi du-học, so với việc ngự-du Đại-Pháp lại có ý khó hơn. Ưa đoán-viên mà không ra xa-cách, ấy là cái đặc-tính của người nước ta, huống gì đức Đông-cung, cây vàng lá ngọc, đương độ thiều-linh, trông lên chín bệ hai Cung, tinh nhụ-mộ vẫn còn hăng-hái. Vậy mà

mấy thu gió tuyết, muốn dấm thần-hồn, ngài không lấy sự tâm-thường quuyến-luyến làm điều, bảo đi du-học cho được và kỳ-hạn cho rằng bao giờ công-quả viên-thành mới được trở về ở luôn.

Vấn biết Nhà-nước gặp hồi thái-vận, khi nên Trời cũng chiều lòng, nhưng cũng gổ ở lòng kính thiên của ngài, mới có đủ nghị-lực nhiệt-tâm mà quyết-định thi-hành hai cái thịnh-cử như thế.

Xem thế thời biết một việc thờ Trời quan-hệ về đường tôn-giáo như thế kia, có ảnh-hưởng vào việc chính-trị như thế này, thế mà người nước ta hiện nay, đối với cái chủ-nghĩa ấy, phần nhiều có ý hoài-nghĩ và đem lòng lèngh - lảng là vì đâu? Đối với cái chủ-nghĩa thờ Trời mà không biết tin-trọng là vì có hai cơ : một là không có cái tư-tưởng về đường tôn-giáo ; hai là vì không có cái quan-niệm đối với nước nhà.

Đã không có cái tư-tưởng về đường tôn - giáo, thời không biết tôn - trọng pháp - mục, đã không biết tôn - trọng pháp-mục thời biết đâu lẽ thờ Trời là cái pháp-mục rất công-chính.

Đã không có cái quan-niệm đối với nước nhà thời không biết yêu-mến Triều - đình, đã không biết yêu-mến Triều - đình, thời không biết tôn-kính quân-thượng, đã không biết tôn-kính quân-thượng, thời làm thế nào mà biết lẽ thờ Trời là có quan-hệ đến cái đức-chính của quân-thượng. Đáng buồn thay cho hạng người không có cái quan-niệm đối với nước nhà, đáng lo thay cho hạng người không có cái tư-tưởng về đường tôn-giáo.

Tôi sở - dĩ nói thế nào mà cũng không khỏi vướng vào cái vấn-đề tôn-giáo, vì nghĩ rằng theo lệ tiến - hóa, loài người làm thế nào cũng phải ngang qua cái giai-cấp ấy đã, có cách

nhân-tạo đồng-hóa như thế thời số ngu-phu ngu-phụ mới giảm được lần lần, hoặc năm bảy mươi năm, hoặc đôi ba trăm năm, có khi đến mấy nghìn năm, mới có thể bước lên con đường tự-nhiên đồng-hóa mà đến bậc hoàn-toàn văn-minh được.

Tôn-giáo chẳng những có cái công-hiệu tiềm-tiến như lời tôi nói ở trên mà thôi đâu, lại có cái công-hiệu phát-hiện ra trong khi đương thịnh - hành nữa.

Hễ một nước nào mà qui-y về một tôn-giáo, thời trong nước có cái tinh-thần võ-dũng, có cái khí-tượng thống-nhất, thường hay sáng - tạo ra được những công - nghiệp vĩ - đại, chẳng những đời trước chưa từng thấy mà đời sau cũng khó làm theo. Đừng nói gì xa, chính ở nước ta về đời nhà Lý nhà Trần chuyên-trọng Phật-giáo, — đây là bản về tôn-giáo chứ không phải bản về tôn-giáo-học, nên tôi mới nói đến vậy, — trên dưới ai cũng tụng kinh niệm Phật, trong ngoài đâu cũng dựng tháp làm chùa, nên chỉ trong cái thời-dại bấy giờ, quân-thần nhất - thể, thượng-hạ đồng - tâm, trừ ra trong nước một đôi khi có xảy ra những sự biến - cố nhỏ - nhỏ nó nói gì, còn thời trong yên ngoài ổn, trên ấm dưới êm, thịnh - trị thái - bình, chẳng có đời nào bì kịp. Nào chỉ thế mà thôi đâu, như mở rộng đất trăm ngàn dặm, đánh tan giặc Bắc hai lần, là hai việc rất lớn-lao, rất vẻ-vang trong lịch-sử của nước ta, mà cũng chỉ trong cái thời-kỳ Phật-giáo toàn-thịnh ấy mới làm nên được.

Vào cái thời-dại bây giờ, cái tư-tưởng quốc-dân về đường tôn-giáo, sở dĩ không bằng ngày trước mà chịu phần suy kém, vẫn biết còn vì nhiều cơ, nhưng xét kỹ là bởi tục đa-thần (thờ nhiều vị thần) quá-thịnh đó thời-

Tục ấy mà còn thịnh bao nhiêu, thời cái tư-tưởng của quốc-dân về đường tôn-giáo lại càng suy kém bấy nhiêu!

Vẫn biết tôn-giáo trọng sự tín-ngưỡng, mà thờ thần cũng là cách tín-ngưỡng tùy theo tục-thương, nhưng cách tín-ngưỡng chưa được chính-dáng, lòng tín-ngưỡng không được chuyên-nhất, là không hợp theo ý-nghĩa hai chữ tôn-giáo, chẳng những không thể tỏ bồi thêm lấy nền đạo-đức mà lại làm cho cái nền ấy ngày càng hao-mòn.

Cách thờ-phụng của các nước đồng-hóa bên Á Đông, nguyên trước cũng có qui - chế nhất-định. Ông Bạch Cư-Dị nghị việc tế - lễ của nước Tàu có nói rằng: « Thờ Trời Đất là khiến người biết nghĩa báo-bản phần-thủy; thờ ông bà là khiến người trọn niềm phụng-tiên tư-tưởng; thờ thánh-hiền là khiến người xem vào đó để làm khuôn phép. Ba lễ ấy thông-hành trong thiên-hạ thời thần hòa dân yên, nên chỉ đáng thiên-vương mới trọng việc tế-tự. »

Xem trong quốc-triều đền-lễ, thời việc tế-lễ mà Nhà-nước hiện đương tuân-hành bây giờ, cũng có cái hạn-chế như thế: lập nền Giao-xã để tế Trời Đất, dựng nhà Tôn-miếu để thờ Liệt - thánh, còn như nhật - nguyệt tinh - tú là nơi quan-chiếm của vạn-dân, nhạc-độc sơn-xuyên là nguồn tài-lợi của bách-tính, cùng các vị thánh-hiền quân-tướng, hoặc có công với quốc-dân, hoặc có ân với hậu-thế, tất phải đức-nghiệp to lớn, sự-tích rõ-ràng, đáng nên sùng-bái kỷ-niệm, thời mới đem vào tự-diễn.

Lại xem trong Hoàng-Việt-luật-lệ, có chép rõ những điều « Sự vụ tả-thuật », « Chi-độc thần-minh », vân-vân, mới biết những sự tế nhằm tin xằng, chẳng những không biết thể theo tế-pháp

của tiên-vương mà lại can-phạm cấm-lệnh của Nhà-nước nữa.

Vậy mà cớ-chế định thế nào thời định, quốc-lệ cấm thế nào thời cấm, chứ trong dân-gian tự-ý muốn làm thế nào thời làm. Số là Nhà-nước lúc đầu không nỡ làm cách ép-buộc, sau lại không thể xem xét đến nơi, xem cái hiện-tình bây giờ, sự hủ-tệ đã không chỗ nói!

Trong một làng mà đình miếu đến mấy mươi sở, trong một nhà mà tran-bàn đến đôi ba cái, mà mỗi sở đình miếu, mỗi cái tran-bàn lại thờ đến mấy vị thần, thấy người ta thờ thì mình cũng thờ, chứ vì sao mà thờ, thờ để làm gì, có ai hỏi đến, trong một trăm người đã có chín-mười-chín người trả lời không được.

Ngoài đó, nhưng sao vớt hạn, van vái cùng La-hầu Kế-dó, mãi-thở kỳ-yên, mua chuộc với Chủ-ngu Địa-phủ, chuỗi xôi mặn lạt, mô Phật lạy ngài, đồng-cốt quàng-xiên, xam-ôi nhờ Mẫu, đầu đình cuối chợ đều có hương-hoa, xó bếp chuồng heo cũng treo vàng bạc, động vào đầu đoán vào đó, một mặt đi bói đi khoa, hết chỗ nọ đến chỗ kia, cứ việc chạy cuồng chạy hoảng. Thậm chí hạ-đẳng động-vật, vô-tri mộc-thạch mà cũng cho là ma-quỉ thần-linh, cũng đình-chúc, cũng hình-hương, một đôi khi lại lập miếu làm đền, đua nhau mà sùng-bái kỷ-niệm hơn là các ngài có công với quốc-dân, có ân với hậu-thế nữa.

Một sự tín-ngưỡng còn không biết lựa cách chính-dáng, đem lòng chuyên-nhất, suy ra mà ở với người sống chẳng gài lộn chồng thời tôi bội chủ, sao cho trọn nghĩa thủy-chung. Hai chữ trung-trình, ở trong nam-giới nữ-giới nước ta, xưa nay đã mấy ai giữ được?

Những sự thờ nhằm tin xằng như thế, chẳng qua một phần nhiều bọn ngu-phu ngu-phụ chưa ai đề-linh đó

thời, thế mà mấy mươi triệu con tiên cháu rồng không khỏi chịu chung một tiếng cười chê của người ngoài rằng dân Việt-Nam là một dân-tộc không có chủ-não, không có tôn-giáo; một việc lễ-bái không đúng mà ảnh-hưởng đến cái thể-thống của nước nhà, tội-ác ấy biết đời nào mà gỡ ra, si-nhục ấy biết lấy gì mà rửa sạch?

Cái tục đa-thần, chẳng những người ngoại-quốc không chịu công-nhận mà những bạn hiền-nhân quân-tử trong nước ai cũng đều muốn kiếm cách giải-trừ.

Và chẳng trên kia tôi nói cách tin-ngưỡng như thế chẳng những không thể tỏ - bởi lấy nền đạo-đức mà lại làm cho cái nền ấy ngày càng hao-mòn, đó là nói về cái nền đạo - đức hiện đương tồn-tại, nếu nền đạo-đức đã vào cái thời-kỳ suy-dồi mà quốc-dân cứ câu-nệ theo nền xưa nếp cũ, không biết kiếm cách tìm phương, làm cho đều có cái chí-hướng nhất-định, thời nền đạo-đức đã khó trông có ngày thành-lập, còn mong gì đến sự tỏ-bối, còn lo gì đến nỗi hao-mòn!

Loài người cần có tin-ngưỡng mới nói đến sự tu-hành, cũng như làm nhà trước hết cần có định-hướng rồi mới có thể gây móng đắp nền, nếu cách tin-ngưỡng chưa được chính-đáng, lòng tin-ngưỡng không được chuyên-nhất, khác nào định hướng nhà mà nghe lời thầy địa nay lập cuộc này, mai xây hướng khác, làm nhà bên đường ba năm không xong.

Nhưng người một lâu một khôn, đời càng ngày càng khác, phong-trào tiến-bức, vận-hội cải-lương, quốc-dân chắc cũng có ngày tỉnh-ngộ. Lúc bấy giờ cái thể-lực tôn-giáo chẳng lo gì là không phổ-cập, cái tư-tưởng tôn-giáo chẳng lo gì là không phát-đạt, chỉ duy lo một nỗi không biết lợi-dụng cái phương-pháp tôn-giáo, không biết

thực-hành cái ý-nghĩa tôn-giáo đó thôi. Sở dĩ không thể lợi-dụng cái phương-pháp tôn-giáo và thực-hành cái ý-nghĩa tôn-giáo là vì lòng giả-dối của loài người. Ở trong phạm-vi của một tôn-giáo nào chẳng hạn, mà đem lòng giả-dối, chẳng những tôn-giáo ấy khó ịg bõ-ích gì cho mình, mà mình lại đắc-tội với tôn-giáo ấy hơn là người ngoài nữa. Người ta thường nói diện phục mà tâm bất-phục, nếu mình chưa đủ tư-cách mà tâm-phục thời ai cưỡng-bách mình diện-phục làm gì. Điều biết thế mà số người diện-phục vẫn cứ nhiều, cái nguyên-nhân vì sao, tưởng độc-giả chư-tôn cũng đã hiểu rõ, số là nặng lòng lợi-dục mà kém lòng tu-hành đó thôi.

Đối với tôn-giáo như thế đã đành, mà cái quan-niệm đối với nước nhà sở dĩ không thể phát-sinh, suy-nguyên cũng vì hai chữ lợi-dục ấy nó làm cho lòng người mê-mẩn, trương hai con mắt chỉ thấy mình mà không thấy người, biết có nhà mà không biết có nước. Lợi-dục là một cái thuốc độc không biết tự tay ai chế ra, mà nay tưới ra hầu khắp, thấm vào đả-sâu vậy.

Chúng ta không có lòng tin-ngưỡng chuyên-nhất về đường tôn-giáo là vì nó, không có cái quan-niệm mật thiết, đối với nước nhà cũng vì nó, nọc lợi-dục có lẽ là một vị hôn-thế-ma-vương có cái pháp-thuật rất cao, có cái thể-lực rất lớn, theo số sinh-sản của loài người mà định sẽ hóa-thân, bao nhiêu thần-xá linh-dài của chúng ta, đều bị một tay nó chiếm-cứ!

Người xưa có nói: « Đánh giặc ở ngoài thì dễ, đuổi giặc trong lòng thì khó, » từ xưa đến nay, lời công-kích của thánh-hiền, lối đề-chế của chánh-phủ đã không làm gì nó nổi, huống gì từ-phong thiết - kiếm của một đôi nhà ngôn-luận thời có ăn-thua gì đâu. Chúng ta ai cũng có cái trí khôn, lẽ

nào bó tay chịu phép ? Nhưng biết làm thế nào bây giờ ?

Theo ý tôi, chúng ta đã nhờ đấng Thượng-đế phú-dữ hình-hài, gọi có một phần xác-thịt với cõi trần - gian, nay rủi bị sự khốn-nạn như thế, chẳng gì hơn trở lại cầu-cứu với ngài, cầu-cứu với ngài lại không bằng cầu-cứu với vị Thiên-sứ mà ngài sai xuống bảo-hộ chúng ta thời có lẽ thiết-thực hơn và kiến-hiệu mau.

Vấn biết giáo-chủ là một vị Thiên-sứ tế-độ phần hồn cho chúng ta, quân-chủ là một vị Thiên-Sứ quản-trị phần xác cho chúng ta, nhưng vị Thiên-sứ mà tôi sắp nói sau này có lẽ là một vị khác.

Nguyên khi đấng Thượng-đế sáng-tạo ra có Thế-giới và làm cho đều có mọi loài thời nghĩ rằng tất phải có loài khôn hơn và mạnh hơn mới có thể chế nổi muôn vật mà làm chủ mấy cõi đời. Khi đó mới sinh có loài người và khiến cho đều có tri-tuệ và thể-lực. Tri-tuệ và thể-lực là hai vị văn - võ thiên-tướng mà đấng Thượng-đế sai xuống làm tá-phù hữu-bất cho loài người. Sau lại trông thấy loài người mê theo yêu-thuật của con Ma-vương lợi-dục trở lại quyến rũ hai vị thiên-tướng nhập vào phe-đảng của mình, lúc bấy giờ đấng thượng-đế nổi giận lôi-đỉnh mới cho đời các vị thiên-thần ở Thượng-giới mà hỏi rằng trong các người có ai đủ pháp-lực dám xuống hạ - giới thay mặt cho ta mà bảo-hộ loài người để chống-cự lại con Ma-vương lợi-dục là đứa thù-dịch của ta không ?

Nào là thần gió - bão, nào là thần thủy-lạo, nào là thần dịch-lệ, nào là thần binh-đao đều quí tâu xin đi, đấng Thượng-đế khoát tay mà rằng : « Bây giờ chưa có cần dùng các người. Sau mà có khi bất-đắc-dĩ phải dùng đến, thời cũng chỉ sai xuống một đời

nơi để làm gương cho loài người biết quyền-phép ta mà sinh lòng kính-cụ đó thôi. Không lẽ sai xuống giáng-hạ cho cả hạ-giới, thời loài người tất phải tiêu-diệt, chẳng là kém công sinh-thành của ta một lần nữa hay sao ? » Đoạn, thần danh-tước và thần hình-phạt đều tới trước quí tâu rằng : « Xin Chúa cho chúng tôi giáng-thế một lần, trong loài người hễ ai biết phục-tùng Chúa, chúng tôi xin thay mặt Chúa mà giáng-phúc, khiến cho được hưởng mọi sự sung-sướng ; hễ người nào nghe theo con Ma-vương thời chúng tôi xin thay mặt Chúa mà hành-phạt, bắt chịu hết mọi sự cực-khổ. » Đấng Thượng-đế gật đầu mà rằng : « Hai người muốn đi thời ta cũng cho, vì hạ-giới có hai người thời oai-đức của ta mới được rõ-rệt. Nhưng hai người chỉ trừng-trị và thưởng - thưởng loài người khi họ đã có sự làm, chứ không thể khuyên - bảo và ngăn-ngừa họ trong khi chưa có việc làm. Chỉ có thể trừng-trị và thưởng-thưởng họ trong chỗ mọi người đều thấy, chứ không thể khen-ngợi và quở trách họ trong những chỗ mọi người không thấy. Vậy muốn cho loài người lúc nào nơi nào cũng biết chính-dạo của ta là nên theo, yêu-thuật của Ma-vương là nên tránh, tất phải lựa sai một vị nào có cái tâm-tính như ta, có cái pháp-lực bằng ta, thay mặt ta mà giáng-thế, thời mới có thể tạo - phúc cho loài người được. » Đấng Thượng-đế ban mấy lời như thế liền trở vào ngôi thần Lương-tâm mà là ngôi thần ngồi nín lặng từ nãy đến giờ mà bảo rằng : « Cái trách-nhiệm lớn-lao ấy, ta ủy-thác cho người, ta phong cho người làm chức « Thiên-quân », hai vị văn võ thiên - tướng ta giao cho người giá-ngự, hai vị thiên - quan danh-tước và hình-phạt theo lời ta mà làm phụ-tá cho người, người ở trên Thượng-giới là con trong lòng của ta, người xuống hạ-giới là người thay mặt cho ta, người băng vãng lữ

đặc-mệnh của ta mà giảng-thế để bảo-hộ cho loài người. »

Từ đó về sau, loài người sinh-hóa thêm bao nhiêu, ngôi Thiên-quân lại hóa-thân bấy nhiêu mà ngụ vào mình mọi người, ở trên thanh-cao thỉnh-thoảng nghe ban xuống mấy lời rằng : « Hỡi chúng-sinh các người, hễ ai biết tuân theo lời dạy bảo của đấng Thiên-quân là thần bảo-hộ của chúng người, ấy là tuân theo mệnh-lệnh của ta, mới rõ là biết ân ta và sợ phép ta, mới thực là người con yêu dấu của ta. »

Khi nào chúng ta đã định một việc gì phải đạo Trời, thời ngôi Thiên-quân liền ra dấu khuyên bảo nên làm, nếu chúng ta làm theo, thời ngài liền bảo bai vị Thiên-tướng giúp ta mà làm được ngay. Dù khó-khăn thế nào, nguy-hiểm đến đâu, rồi cũng đều được như nguyện.

Khi chúng ta đã được nguyện thời ngôi Thiên-quân ban reo một tiếng : đất bằng sấm dậy, đêm tối chuông rung. Trong mình chúng ta nhẹ-nhàng khoan-khoái như ai bỗng dựng lên giữa thanh-không, quanh mình phảng-phất ngọn gió thanh-hương, bên tả có mặt trời, bên hữu có mặt trăng, trên đầu dưới chân đầy những tinh-tú làm cái ánh sáng vô-hạn để đưa chúng ta vào châu đấng Thượng-đế ở nơi cung-điện trang-nghiêm rực-rỡ là nơi quê-hương của chúng ta mà chúng ta vừa mới xa-cách để đưa chân nhằm gót vào cõi hồng-trần. Ôi ! Cái cung-điện ấy, trong đời chúng ta, nào có mấy khi lên đến, cho đến khi trả hết nợ trần, cũng chẳng mấy ai có cái hạnh-phúc trở về mà ở luôn được ! Tôi nói đến đây mà tôi mừng, tôi khen cho ai, tôi lại lo lại buồn cho ai.

Nếu suốt đời chúng ta mà biết nghe theo ngôi Thiên-quân, trước thời tôn ngài làm vai thầy, tiếp lại cùng ngài kết làm bạn thiết, sau hết

hình-ảnh thuần-liền, tinh-thần hiệp một, đến ngày cuối cùng của loài người, nhờ lượng thâm-phán của đấng Thượng-đế, chúng ta sẽ được hưởng một cái ân-vinh vô-cùng và một cái hạnh-phúc vô-hạn.

Còn như khi nào thấy một việc gì trái đạo Trời, nếu mình mê theo cái yêu-thuật của Ma-vương mà không nghe lời can-ngăn của ngôi Thiên-quân, thời ngài lấy làm chán mà biến-ân đi ngay. Pháp thuật của ngài rất là thần-thông quảng-dại, khi biến lớn thời cau-khôn thâu vào một túi, sơn-nhạc nằm dưới bàn tay, không làm thế nào mà hình-dung được các sự lớn của ngài, còn đến khi biến-ân như lúc bấy giờ, thời mắt trùng-dồng, gương hiên-vi giữa buổi bạch - nhật thanh - thiên, cũng nhìn không ra xem không thấy.

Mình đương khi để ngài biến-ân đi, thời tâm-thần mê-mẩn giống như bị ai thâu hồn rút kiếp, cả người đều bị yêu-khi bao-bọc hóa ra một hình đầu trâu trán khỉ, người khác trông thấy đều phải rùng mình, hoặc trong mấy giờ, trong mấy ngày, trong mấy tháng, có khi đến trong mấy năm trời mới có thể lai-tĩnh. Khi vừa mới lai-tĩnh thời ngôi Thiên-quân lại phát-biện ra ở trong mình, thấy mặt ngài thời mình vui, nhưng ngài còn dương cơn giận, đầy tai chật nảo chúng ta, đều chan-chứa những lời ban của quả ngài. Trông lên ngó xuống, trời cao đầy, vũ-trụ tuy rộng mà cái thân nhỏ-mọn này không biết nương-dựa vào đâu cho yên thắm. Giống như cỏ - thân độc - mọc, nằm vùng cát trắng, đứng chốn rừng xanh, ngồi giữa pháp-trường mà đợi giờ hành-hình, không làm thế nào mà tả cho rõ cái cảnh-tượng khốn-khổ của loài người trong những khi mới biết thoái-hối vậy.

Làm việc trái đạo Trời, mà biết thoái-hối, thời ngày sau còn có phần trông

mong, nếu suốt một đời mà chỉ nghe theo yêu-thuật của Ma-vương, chẳng những trốn không khỏi tay binh-phạt Thiên-quân mà nghìn kiếp muôn năm sa hãm vào nơi ngục tối, chẳng khi nào thấy được một tí ánh sáng.

Con Ma-Vương lợi-dục nó quấy-nhiều chúng ta đến thế, trên kia tôi đã nói muốn trừ cho đặng nó thời phải cầu-cứu với vị Thiên-sứ tức là ngôi Thiên-quân, muốn cho ngài cứu mình, mình nên yêu ngài như cha mẹ là người sinh mình, kính ngài như đấng Thượng-đế là đấng ban ân giáng phúc cho mình, tôn ngài làm thầy hướng-đạo, nhận ngài làm người bảo-hộ, chẳng hạn việc gì đều tuân theo mệnh-lệnh của ngài mà làm, Ngài càng được chúng ta tôn-trọng thời con Ma-vương Lợi-dục tất phải tự biết yếu thế mà lui ra lần lần. Chúng ta lại phải biết rằng con Ma-vương ấy nhờ có chúng ta mới được tác-oai tác-phúc, nếu bị chúng ta ghét bỏ thời nó nương-náu vào đâu? Nên chỉ mỗi khi bị đuổi ra ngoài, thường trương cặp mắt lườm-lườm mà trông vào chúng ta. Chúng ta nên gin - giữ thần-xá linh - dai cho bền-chặt cho, vững-vàng, chớ dễ cho con Ma-vương dữ quá hùm beo, độc hơn rắn rết kia trở lại bọ - nhạp vào mình chúng ta, thời bao nhiêu trái cật quả tim buồng gan lá phổi của chúng ta sẽ bị nó nhai nuốt nghiền-ngầm mau hơn ngày trước, vì tạng-phủ của chúng ta nó đã thấy rõ từ bao giờ rồi.

Biết tin-ngưỡng Thiên-quân thời mới biết tin-ngưỡng Pháp-chỉ của Giáo-chủ, biết phục-tùng Thiên-quân

thời mới biết phục-tùng mệnh-lệnh của quân-chủ, nếu trong nước ai ai cũng thức-giải như thế, phát-nguyện như thế và quyết-định như thế, thời ai ai cũng có thể thực-hành được cái tư-tưởng về đường tôn-giáo, ai ai cũng phát-sinh được cái quan-niệm đối với nước-nhà, biệp mấy mươi triệu cái linh-hồn nhỏ dúc nên một cái linh-hồn lớn, non sông Hồng-Lạc, phong-hội Á-Âu, nền đạo-đức lo gì mà chẳng tỏ-bồi, vận nước nhà làm thế nào mà không cường-thịnh, chẳng những tổ-phụ mừng cho con cháu, Quân-thượng mừng cho thần-dân, mà nước Đại-Pháp là một nước rất quảng-đại rất nhân-từ cũng mừng cho dân-tộc Việt-Nam rầy đã đến ngày thành-lập.

Một ngày kia đấng Thượng-đế trông xuống hạ-giới liếc mắt qua phía Nam châu Á-tế-á trông vào chúng ta sẽ mỉm cười mà ban mấy lời rằng: « Dân nước này mới thực là biết nhớ ân ta, biết sợ phép ta, ta sẽ cho dân nước này đều được tươi-cười vui-vẻ ở dưới bóng quốc-kỳ của người mà ta lập ra cho từ hai nghìn năm về trước, ta pha màu thêm sắc cho từ bốn-mươi năm lại đây, ta sẽ giữ-gìn cho đến ức-triệu năm về sau. Ta lại cho dân nước này đều được theo chân nổi gót nhau trở về ở nơi Thiên-quốc là nơi cực-lạc-thế-giới, vì lòng ước-nguyện cùng lời thỉnh-cầu của các giáo-tổ mà ta sáng-tạo và trang-nghiêm ra ở trên này để dành cho những người biết tuân theo chính-đạo của ta. »

NGUYỄN CƯ

Phổ-băng (Huế)

PHÉP GIÁO-DỤC VỀ NGHỀ MA-MEN

(Hài-văn)

Một làng kia, gọi là Túy - hương. Các viên-chức trong làng hội-ngập với nhau rằng : « Cái thi-buổi văn-mình này, nghe chừng nghề nào cũng có tiến-bộ cả đấy. Huống-chi, nghề rượu là nghề vô-tư, nghề vô-lự, nghề hành-lạc, nghề tiêu-sầu. Tuy có mang tiếng là đình-dinh, là điền-cuồng, nhưng cũng là một nghề dễ ra thơ, dễ ra phồn-thanh mỹ-sắc; lại dễ cả ra khi-khải anh-hùng rơm, mồm-miệng quân-tử sấm nũa. Nếu nghề ấy mà thoái-bộ thì hỏng bét. Túy-hương ta phen này phải nhiệt-thành về sự ấy; khiến cho trong làng khúc-nghiệt (1) có giáo-dục phổ-thông; trong xóm hạnh-hoa (2) có nhân-tài bồi-xuất mới được. » Mới tổ-chức ra một cuộc, gọi là cuộc Ma-men, chuyên giáo-dục về nghề nống rượu. Trong cuộc thi có tám ông Húng nghì-viên, bốn ông Khuyết nghì-viên, hai ông Túy-tan-thơ-tra, một ông Khả-khả hội-trưởng, một ông Tề-mễ thư-ký, một ông Gật - gù thủ - quỹ, mười ông Khất-khưởng danh-dự, năm ông Lê-nhề tân-trợ, mười lăm ông Chénh-choảng chủ-trì, đề chủ-trương giám-đốc về việc đó. Thiết-lập ra một cái học-trường, gọi là Ma-men học-biệu; học-sinh học ở trường ấy, gọi là Ma - men học - sinh. Bắt đầu đi kén thầy giáo, liền đón được một ông Be - bét tiên-sinh về làm giáo-sư. Ông giáo về làng, liền diễn-thuyết cho các viên-chức nghe rằng : « Phàm sự giáo-dục, cần có thầy dạy đã đành. Nhưng lại phải cần có mọi đồ thí-nghiệm nữa mới được; nghề ma-men này, nếu đủ được mọi đồ thí - nghiệm, thì cái đức be-bét như tôi, chẳng qua chỉ đứng lên làm mô - phạm cho học - sinh là đủ, không cần phải dạy-dỗ cho lắm, mà học-sinh tự-nhiên tiến - bộ khác thường.

Nếu tôi cứ đem cái lý-thuyết be-bét ra mà tôi giảng bảo cho học-sinh, thì bảo giờ nống được đến cái tai họ, mềm được đến cái môi họ; thiết-tưởng cũng là vô-ích. Nhưng cái tài-liệu đề thí-nghiệm về cuộc ma-men đó, thì lớn lắm đấy, các ông đừng ngại tốn tiền mới được, chả biết các ông trừ-khoản được bao nhiêu ? »

Các viên-chức thưa : « Túy-hương tổ thì không có công-quĩ. Nhưng mà nhân-tâm thì tốt lắm; cái nghề gì, chứ cái nghề ma-men, thì chắc là ai ai cũng muốn bỏ tiền, bỏ hết của nôi, thì bỏ đến của chim; bỏ hết của viên-dụng, thì bỏ đến của thiết-dụng; bán cây bán bừa, bán nhà bán ruộng, bán đồ sứ cổ, bán đồng-hồ vàng, bán áo, bán khố; hoặc giả lại muốn bán vợ đi nữa, để cổ mà học lấy thành nghề, thì nhân-vật trong Túy-hương chúng tôi cũng nhiều người có nghị-lực, chứ không dám quản gì. Xin thầy cứ hết lòng truyền cái đạo be-bét ấy cho Túy-hương chúng tôi, để Túy-hương chúng tôi lại thu được cái hiệu-quả be-bét nữa, thì chúng tôi lấy làm đội ơn lắm. Chúc thầy muôn tuổi, chúc thầy muôn tuổi ! »

Thầy giáo trở tay lên trời mà nói rằng : « Các ông đã có nhiệt-thành như thế, thì cái trình-độ Túy-hương của các ông, chắc là có thể cao vọt lên được đến tận tận màu xanh. »

Rồi các viên-chức trong Túy-hương, nhất-thiết nghe lời thầy giáo.

Kỳ-thủy lập ra một ban, gọi là đệ-nhất-ban. Những đồ thí-nghiệm ở trong ban thì mấy ngọn bút cùn, mấy thoi mực mốc, mấy quyển sách nát, mấy tờ giấy lộn. Những đồ dưỡng-liệu, thì cũng thanh-nhũ giản-dĩ lắm, chẳng qua thôi mứ

(1) Cái bánh-men để chế ra rượu.

(2) Thôn bán rượu.

hồng, củ lạc rang, lưng rau xanh, đĩa muối trắng, hay hoặc quả đào quả lê mà thôi. Nhưng đằng sau lại phải có mấy cái gối dựa, và đằng trước lại phải có mấy cái chậu cây. Cái dáng học-sinh thì quần cháo-lông, giầy mồm nhái, áo the mốc, khăn quăn - thừng, người nào cũng ra dáng thuần - cần, mà trong lại có cái khi - sắc ngạo vật khinh đời. Lại hay làm thơ, hễ rượu vào, thì thơ ra róng-rồng, cũng lắm câu nghe được, nhưng rất là những thơ than - thở chán đời, không thích-hợp với tâm-lý của xã - hội, và linh-tinh vụn-vặt, chẳng qua đọc trước quên sau, không thể thu nhặt lại cho thành câu được, cũng khá tiếc thay ! Lại có một thứ học-sinh, trông cũng hơi ra quan-dang, thức-sự thì dở chính dở giáo, học-vấn thì dở cụu dở tân, chỉ chén cả ngày, thấy người có câu thơ, cũng hay bề-bột, nhưng mà thơ cậu thì cũng kém, ít thơ ra được bài nào, lại chỉ hay đánh tổ-tôm diu. Lại có một thứ học-sinh, mới nhập-tịch trong Túy-hương, bập-bẹ làm thơ, đã tự lấy mình làm thần-thánh, mà phô ra với đời, chẳng qua cạn ao thì bèo phải đến đất, thế thì trách tại bèo, hay là trách tại ao. Tuy vậy, cái đức rượu thì đều là thánh cả, không người nào kém người nào. Duy học-sinh trong ban thì vắng lắm, chỉ loáng-thoáng mà thôi, cái đức rượu thì có tiền, mà cái số học-sinh thì chỉ thấy giảm mà không thấy tăng. Sau mới xét ra, là vì rằng Hán-học đã về hưu rồi, cái hồn chân chính Lý Thái-Bạch chỉ còn hơi phảng-phất ở nhân-gian đấy thôi, mà cái bọn Lý Thái-Bạch thau-rau này, chỉ là à - uôm mượn chén trong làng thơ làng rượu đấy thôi, không đủ có hi - vọng gì cho lắm. Thế thì cái chúng - loại uống rượu có lẽ không phục - hưng được ư ? Cái phong-trào uống rượu có lẽ không bành-trướng được ư ?

Bấy giờ các viên-chức trong Túy-hương mới đi hỏi thầy giáo. Thầy giáo bảo : « Chớ có sợ, chớ có sợ. Bấy giờ có cái

phong-trào cái-lương phong-tục, giảm sự âm-thực, làng nào cũng có hội-dồng. Nhưng thực-hành thì ít, hư-văn thì nhiều, chẳng âm thực ở sở hội-dồng, thì âm-thực ở nhà hội-trưởng lý-trưởng, hoặc ở các nhà sự-chủ, chẳng làm cách âm thực trực-tiếp, thì làm cách âm thực gián-tiếp, rút cục lại cũng vẫn là cái hội-dồng âm-thực cả, chỉ bằng ta lợi-dụng ngay cách ấy. » Rồi lại lập ra một ban nữa, gọi là đề-nhi-ban. Những đồ thí-nghiệm ở trong ban thì cần nhất là mấy cái bản đèn thuốc-phấn, phải kêu lên cho thật sáng, nếu được như cái cảnh-tượng sao sa, thì lại càng hay lắm. Những đồ dưỡng-liệu thì xôi, thịt trâu, thịt bò, thịt lợn, hay hoặc thịt chó, thì lại càng hầu lắm ; những thịt ấy thì cứ thái ra mà ăn sống, để cho hợp với cái thí-hiệu của học-sinh. Cái bộ học-sinh thì đáng kể sang, đáng kể hèn, đáng kể giàu, đáng kể khó, đáng văn ngọn bút cái tai, đáng vũ căng tay dùi đục, xám-xi bất-dồng, nhưng đại-khái mùa nực thì hay phe-phẩy cái quạt lông, mùa rét thì hay khăn nhiều quàng cổ, hễ chén vào thì hay nói to, cãi nhau như đám mỡ bò. Nhờ có cái phong-trào hương-hội, cho nên số học-sinh tăng lên nhiều lắm, mà cái đức rượu cũng tiến lạ-lùng ; nhất là nơi nào có đám ma, đám giỗ, đám khao, đám cưới, mà thỉnh đến các vị học-sinh, thì cũng uống ra phá. Nhưng học-sinh phần nhiều là những người phác - dã thôn-quê, ít thấy có người văn-minh lịch-sự ; thế thì học-sinh trong Túy-hương, lại không có kẻ văn-minh à ?

Các viên-chức lại đi hỏi thầy giáo. Thầy giáo nói : « Chớ có lo, chớ có lo. Văn-minh mới rượu nhiều, chứ hủ-bại thì rượu mấy, tân-nhân-vật mới rượu nhiều, chứ cụu-nhân-vật thì rượu mấy. » Lại lập ra một ban nữa, gọi là đề - tam - ban. Những đồ thí-nghiệm ở trong ban thì hạt-dưa là đầu phần, thứ-chi gà giàn, chim xào, long-tu, vây cá, bánh tầy, bánh khách, trứng ốp, nem phong, rồi thế nào cũng phải có một

vài lưng cháo nữa, mới thật là đủ đồ dưỡng-liệu. Nhưng những đồ ấy, chẳng qua là bày ra cho trang - nhã lịch-sự thôi, chứ cái mục-dịch của các vị học-sinh cũng không ở đấy. Cốt-từ nhất là phải có mấy ả hồng-lâu, mỡ gà, hoa lý, đào ngọt, nẫu non, các mẫu áo tươi-tinh nhuần-nhã; lại giải lụa trắng, quần lĩnh thâm, rõ màu hắc-bạch nữa, trông như đám ngũ sắc vân. Bông hoa với bông người tấp-thoảng, nét son với nét phảo diềm-tô, nét vàng bóng lộn lại rặng đen nhanh-nhánh, không có ả nào rặng trắng, rõ ra mẫu Nam - quốc mĩ-nhân. Dáng bộ học-sinh thì một nửa ăn-mặc lối Tây, một nửa ăn-mặc lối Nam, phần nhiều là những đồ ngoại - hóa lắm tiền; lại có một phần người lối ăn-mặc thì bắt-Tây bắt-Nam, coi cũng lạ mắt. Lại có một hạng học-sinh thích đi xe ô-tô, được ngồi lên cái xe ô-tô đi dự tiệc, lấy làm sang-trọng lắm; thế mới văn-minh chứ, duy chữa có mấy người đã được lên tàu bay, cái văn-minh đánh còn khuyết-diềm. Khi uống rượu thì mỗi người phải có một ả hồng-lâu ngồi bên cạnh, bồi-tiếp khuyên-mời, cái trái đùi non, là cái đồ dễ say rượu, lại là cái đồ dễ tỉnh rượu. Đồ rượu thì bày xuống chiếu, tục gọi là chiếu rượu, rượu thì uống bằng thìa, tục gọi là rượu thìa, khuyên nhau uống, ép nhau uống, thưởng nhau uống, phạt nhau uống, van lạy cũng không tha, kỳ cho uống đến chết đi thì mới thôi, chữa chết thì chữa thôi, mà còn uống mãi. Trong khi các người với các ả lưu-tiêu khen nhau, thì ông này mới cử chứ! cô này mới diềm chứ! ông này thoảng tẻ! ô cô này lâu tẻ! những tiếng mới là tiếng mới. Đến như những lời phong-nhã, hảo-hoa, sắc-xảo, đứng-dẫn, yêu-diệu, tài - tình, khen nhau về phẩm-cách như các vị tiền - bối trong làng chơi khi xưa, thì hình như quên mất đi đã lâu rồi, ít khi nói đến, đáng chừng các quan kim-thời không cần gì phẩm-cách nữa. Lại hai chữ đại-cử, thì

lại càng mới lắm, chắc là phải do tiêu-cử rồi mới tiến lên được đại - cử, sao chữ tiêu-cử chữa thấy xuất-hiện. Lại một tiếng sang-tê trong cuộc rượu, thì nghe đã nhộn tai, kịp hỏi đến cái nghĩa chữ sang-tê hoặc cái tinh thần chữ sang-tê là thế nào thì cũng ít người hiểu. Chả biết cái cách nói-năng cho phải lời, ăn chơi cho lịch-sự, có tiến-bộ không, hay là chỉ một ngày một thoái đấy thôi. Duy cái đức rượu, thì thật là đại-tiến-bộ, đại-tiến-bộ, mà cái số học-sinh cũng một ngày một tăng mãi ra, không biết cái số các ả hồng-lâu trong nước, sau này có đủ chi-phối với các vị học-sinh hay không; cái đó cũng là một cái lo cho trong Túy-hương vậy.

Đến kỳ Túy-hương mở cuộc thi rượu, thì học-sinh trong ba ban, đều có bằng tốt-nghiệp, xứng-dáng cái danh-dự ma-men cả, chỉ có một số ít người học thơ ông Thiệu Nghiêu-Phu, cầm cái chủ-ngĩa « Âm-tửu mạc giao thành đính-dinh, » 飲酒莫致成酩酊 (1), cự nhau với nhau ma men, là bị truất-lạc mà thôi. Bấy giờ các viên-chức trong Túy-hương mới biết rằng cái phép giáo-dục của ông Be-bê-tiên-sinh, là cái phép bất-giao-chi-giao, thật là thần-diệu, thật là thần-diệu!

Chả trách phương-ngôn ta có câu rằng: « Khát nước không lợ dề sừng. » Trong Túy-hương, ban đệ-nhất vì khát thơ mà thành nghề uống rượu, ban đệ-nhị vì khát thịt bò mà cũng thành nghề uống rượu, ban đệ-tam vì khát ả hồng-lâu mà lại thành nghề uống rượu. Hiện nay quốc-dân ta đương khát tân-văn, khát tạp-chí, khát xuất-bản đây, không biết có thành nghề quốc-ngữ hay không. Luận-giả còn đương mang-mang-nhiên, trông đằng trước, trông đằng sau, mà chưa biết hỏi ai được. Thôi lại xin nói về cuộc Túy-hương cho vui.

Sau ông giáo có bàn với các viên-chức rằng: « Trong ba ban, mỗi ban phải lấy

(1) Uống rượu chứ dề cho quá say-sưa.

một người thủ-khoa, để làm một cái biểu-hiệu đặc-biệt cho đức rượu. Nhưng mà xem ra thì các học sinh trúng-cách đó, đều là những hạng bất tử trong làng rượu cả, chẳng người nào kém người nào. Nếu lấy mà không được công-bằng, thì chắc là họ ganh tị, cái đức ma-men họ hăng lên, thì họ chửi cả các viên-chức lẽ-nhề mà họ mắng cả ông giáo-sư be-bét nữa, chứ chả kể gì đạo-đức với lễ-nghĩa ở trong làng rượu được đâu, hãy để xét dần mới được.»

Sau trong đệ-tam-ban có một người học-sinh say đắm một ả hồng-lâu, lấy về làm vợ thứ, phải người vợ cả quá ghen, ngày nào cũng đánh nhau như chọi, la-lối kêu làng nước, rõ ra tiếng sư-ử găm, nhà cửa tan-hoang, hàng xóm láng-diềng ai ai cũng phải chạy lại, không ai cầm lòng được. Thế mà anh ta vẫn rót rượu lư-dừ ngồi đánh chén, coi ra bộ thái-bình lắm. Thế thì cái đức rượu người ấy, có khi đã hợp với câu : « Tỉnh tỉnh bất văn lời-dinh chi thanh » 靜聽不聞雷聲之聲 (1) rồi đây. Rồi lấy người ấy thủ-khoa trong ban ấy.

Rồi trong đệ-nhất-ban lại có một người học-sinh nhà rất nghèo, vợ phải đi chạy gạo từng bữa, mà tính thầy thì hay lượm, và cũng làm-nhảm hay thơ một tháng thì hai mươi chín ngày say, khéo lắm chỉ một ngày tỉnh. Bấy giờ có một nhà tư-bản mới mở ra cuộc thư-báo, mục-dịch là để lấy lợi. Ông chủ-nhiệm có tính xác ra rằng nếu dùng những người danh-sĩ đã có tiếng trong thư-giới báo-giới vào trợ-bút, thì cái giá phải đắt, vả lại nhân-phẩm họ vốn cao, giao-thiệp với họ phải có lễ, khó lung-lạc được, chỉ bằng ta dùng vài bác tân-học lâu-linh dề-rêu-rao cái thời-sự thời-siêu, với một ông thầy vườn nhà quê, để nghi-ngoaý câu thơ câu thiêu, hoặc dịch sách dịch siêu, những người ấy dễ lung-lạc, mà cái giá lại rẻ, ta phải tỉnh kiệt nước với mới được.

Tỉnh xác rồi, mới dò về đón thầy ta, mạc-cả với thầy ta kỹ-cẩn rằng rượu ông thì nhà báo tôi biện cho ông đủ uống, mà lương ông thì hiện như lương tổng-sur, cứ đầu tháng thì tôi gửi về cho bà, để bà đóng gạo. Vợ thầy ta lấy làm mừng lắm, vì rằng con ma rượu đã có người rước đi, mà mẹ con ở nhà lại khỏi đói. Đến kỳ thư-báo sắp-sửa ra đời, nhà đã thuê môn-bài đã lĩnh, xin phép Chính-phủ đã duyệt-y, tòa soạn đã bày-biện chứng-chạc, chỉ còn chờ văn-nữa thôi, mà không thấy thầy ấy dò ra. Ông chủ-nhiệm phải bỏ nhào về, thì thấy thầy ta đương ngất-ngưỡng, tay cầm chén, miệng ngâm thơ, tả về lối phong-hoa tuyết-neu-vét, đặc-y rung đùi, bên cạnh mình lại có một cái vò rượu bát to, có thể hai người nhấc mới nổi. Ông chủ-nhiệm nghĩ bụng rằng thì-buổi này con trai con gái ra đáng muốn tự-do, nếu được những thơ ấy đăng báo, thì nhà báo chắc là phát-tại. Mới vỗ vào vai thầy ta, giục thầy ta đi. Thấy ta đảo con người trông ông chủ-nhiệm, rồi lại trông vào vò rượu mà nói rằng tôi còn uống hết cái vò thôn-tử này đã, cái khoản thôn-tử của tôi thì «sâm-banh» với «mai-quê-lộ» của ông cũng chả bằng, ông chớ khinh rượu nhà quê. Ông chủ-nhiệm mở nút ra xem thì rượu còn lưng vò, thử rót ra uống một chén, thì rượu ngon thật, bất-giác lại nhớ đến phong-vị An-Nam. Khi đó, ông chủ-nhiệm phải ra không. Cách vài ngày nữa lại về, mở vò ra xem, thì rượu lại thấy đầy. Ông chủ-nhiệm phải gắt lên rằng: Thế thì ông không cò-vũ văn-minh cho quốc, dân à, ông không lấy tiền đóng gạo cho bà ấy à? Thầy ta trả lời rằng : « Cái thói văn-minh của đời, tôi đã biết rồi, chẳng văn-minh thì đừng văn-minh, vợ tôi nhịn đói đã quen, chẳng đóng gạo thì đừng đóng gạo. » Thế thì cái đức rượu người ấy, có khi đã hợp với câu « Sự đại

(1) Lắng tai nghe kỹ, mà không rõ tiếng sấm sét.

như thiên túy diệc lưu 事大如天醉亦休 (1) » rồi đây. Rồi trong ban ấy, lấy người ấy thủ-khoa.

Sau trong ban đề-nhi lại có một người học-sinh thừa cái phong-trào cái-lương ra làm hương-hội. Phải một thầy huyện bấy giờ là kẻ tham ô, khi chưa có phong-trào cái-lương thì thầy lại đặc-chí vừa, khi đã có phong-trào cái-lương, thì thầy lại đặc-chí lắm, vì những sự danh-phận tranh-danh, và những khoản lễ thường các tiết, trước kia thì chỉ có chánh phó lý-trưởng mà thôi, bây giờ lại thêm có cả chánh phó hương-hội, thư-ký thủ-quĩ, cho chí cả ban hội-dồng nữa thì cửa huyện vui-vẻ hơn xưa biết nhường nào. Thầy huyện lại hay nhiều-sự, hơi một tí thì đòi đến hội-dồng, chẳng đi thì e rằng mạn phép, đi lắm thì chỉ chết tiền cơm hàng mà thôi. Một hôm có giấy huyện về đòi hội-dồng làng bác ta phải hướng-nha hậu-chất về việc thăng mỗ chợ mất trộm mèo. Bác ta phải dự vào chuyến đi ấy. Chuyến đi ấy là chuyến thứ ba rồi, mà cái án mất trộm mèo ấy vẫn chưa phân-xử xong; hội-dồng thì vẫn tưởng là quan thăm-thận lắm. Duy lý-trưởng làng ấy là người tinh, có bảo hội-dồng rằng làm gì cái việc chết rết ấy, mà nay hội-dồng mai hội-dồng, cái ý quan tôi đã biết rồi, nếu không có linh gì với quan thì quan còn đòi hỏi mãi; các ông liệu đây cho liệu-sự đi. Khi lên tới huyện, thầy huyện phen này có ý vui-vẻ thân-dân lắm không hành-ha như trước nữa. Nhưng cũng phải hỏi qua chứng-cớ một

dôi điều, cho sung cái án-lý mất trộm mèo, đề truyền nha thảo giấy phi-hàm. Khi quan hỏi sự ấy không hay có? Thì bác ta rằng có. Quan hỏi lại cho kỹ rằng sự ấy có hay không? Thì bác ta rằng không. Quan phải nói gắt lên rằng có hay không thì anh cứ nói một đằng, chứ sự ấy cũng chẳng tội gì đến ai, anh sợ gì thù-oán, mà anh phải nhủ-nhờ. Thì bác ta rằng một đằng có lại rằng một đằng không. Cứ nhùng-nhằng mãi, trời thì nóng-nực, quan ngồi trên dân đứng dưới, đã lâu lắm. Lại gọt bít ta đã say mừ, không biết trời biết đất là gì nữa, rồi thấy tự-do cởi áo, ngã lăn ngay ra đấy mà miệng bát mấy câu rằng: « Anh em ơi! anh em ơi! tôi nói đây dưới có con dân đất, trên có ông đền trời, cái-lương mà cho lắm, thế mấy nước đời khát-khe. Chữ dân vẫn chịu khuất một bề, quan là chữ quan hai miệng, thế mấy tôi thế tôi chẳng học cái lối văn - minh. Có hay không, có đây tôi dám trình, tôi cũng biết rằng mai kia nó lại bất-thình-linh nó không. Nó không nó không-không-không rồi ra nó lại hóa có, chẳng thả tôi cứ bồng cho nực cười. Đồng tiền tròn hay méo, ối anh em ối! » Lính họ phải đưa ra. Rồi các người cười ầm cả lên, thầy huyện cũng phải bật cười. Thế thì cái đức rượng người ấy, có khi đã hợp với câu « Thực thi bất kiến Thái-sơn chi hình 熟視不見泰山之形 (2) » rồi đây. Rồi thủ-khoa trong ban ấy, phi người ấy thì người nào?

TÙNG-VÂN

(1) Việc lớn như trời, say cũng mặc

(2) Dương mắt trông kỹ mà không thấy cái hình Thái-sơn.

KHỐC KIỀU

*Rằng : * Hồng-nhan tự thừa xưa,
Cái điều bạc-mệnh có chờ ai đâu !
Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,
Thấy người nằm đó biết sau thế nào ? **

Đó là bốn câu thơ của cô Kiều khóc nàng Đạm-Tiên khi xưa, nay ta lại mượn bốn câu ấy để làm cái mào cho bài văn khóc cô ngày này.

Từ khi có cuốn truyện *Kiều* là một tập thơ nôm thiên-cổ tuyệt-tác của cụ Nguyễn Du tiên-sinh trải qua mấy cuộc bể dâu đến nay mà cái tiếng cô Kiều là một người tuyệt-thể giai-nhân toại-thành ra cả trong một nước, hết các hạng người ai cũng hay đọc, hay nói-năng bán-bao đến cái thân-thể, cái tâm-sự mà trong tập thơ đã vẽ-với trang-diểm ra cô đó, nào cái sắc nước hương trời, nào cái phong-lưu rất mực, nào cái phong-trần kiếp phải chịu đau, nào cái kiên-trinh chẳng phải gàu vữa, nào cái tình hiếu vẹn hai, nào cái vì nhà vì nước, cũng bao nhiêu cái vui cái khổ, cái thiết-tha đau-đớn của cô, người ta càng cảm về thơ hay bao nhiêu thì lại càng chưa xót cho cái tình cô bấy nhiêu. Thơ rằng tiên-tao róc-rất, cô lại càng cao phẩm người, thơ càng như khóc như than, ve ngâm vượn hót, thì cô lại càng dãi được cái nỗi bất-bình ra để cho thiên-hạ trông vào càng hay. Trước thì cái tiếng cô Kiều còn ở trong xung-quanh nước non nhà, mới đây Phạm Thương-chi tiên-sinh đem phán-văn phê-bình tập thơ *Kiều* ở bên Pháp, đăng lên báo thành *Paris* mà cái tiếng cô Kiều lại vượt bể ra khơi, qua Ấn-đô-dương, bể Hồng-hải để sang kết tình thanh-ýng khí-cầu với những bạn tài-tử giai-nhân bên Đại-Tây-dương nữa. Thục là trước sau trọn- vẹn, xa gần ngợi-khen.

Kể những người cảm-tình đồng-diệu mà đem lời xót liễu vì hoa, thương thâm xót vầy cho cô cũng đã nhiều : về phái hán-học như ông Chu Mạnh-Trinh, về phái tân-học như các bài mới đăng trên *Nam-Phong tạp-chí*, về các nhà văn-sĩ Thái Tây như trước thì ông Xương-ông (Cưôn), bây giờ thì ông CHAYESAC, nào thơ, nào phú, nào tản-văn, biết bao nhiêu là mực là lệ, đã vì một tập tản-

thanh đáo-đề, vì một mảnh thiên-cổ tài-tình. Vay mà ta cũng là một người quanh-quần đầu xa, được đọc được cảm, được được chút hương thừa, mà lại không biết tiện đây thấp một vài nén nhang, tuôn sả sa châu để biểu chút đồng-tình với các độc-giả và cho họ là người dưới xuôi vàng biết cho, thì ta chẳng là kẻ bàng-quan vô-tình lắm ư ?

Thông-thiên tập thơ *Kiều* là tả một người con gái trong nguyệt trên mây mà bị những là oan-khổ lưu-lý, thì đọc đến ai mà không phải thương phải khóc, nhưng cái oan-khổ của Kiều thì nhiều, có cái oan-khổ chỉ thiết-thời riêng cho một người, có cái oan-khổ có quan-hệ đến cả xã-hội, cả nhân-tâm thế-đạo, cả thiên-hạ xưa sau. Như : đứt gảnh tương-tư với chàng Kim, cho phạm tiên phải sa đến tay hèn gã Mã, đó là một sự oan-khổ ; như : đem cái thân trong giá trắng ngần mà phải dạn sương dầm gió, bươm chán ong chường, đó cũng là một cái oan-khổ ; như : vêu thơ mà phải chịu hình-pháp trước sân lôi-định hương Lâm-chi, đó cũng là một cái oan-khổ ; như : giá đáng nhà vàng mà phải theo lũ thanh-v, đa chi tóc rối cũng đứng chực tri-hồ, bắt khoan bãi nhất để làm cái mặt nô-ti chịu nhục ở nhà họ Hoan, đó lại là một cái oan-khổ ; những nỗi oan-khổ như thế còn nhiều, nhưng chỉ là cái oan-khổ riêng của một người, thiết-thời riêng cho một mình cô Kiều mà thôi. Các nhà tao-ông mặc-khách thương khóc cô cũng đã lắm rồi. Còn về phần ta lại thương khóc cô về cái oan-khổ mà có quan-hệ đến cả xã-hội, cả nhân-tâm thế-đạo, cả thiên-hạ xưa sau. Cái oan-khổ ấy chính là một câu lúc cô Kiều phải cung-chiến trước mặt mụ Tú-bà, ta đọc truyện *Kiều* đến đấy, ta không có thể không lấy làm ngờ cho cô, rồi xét ra ta càng lấy làm thương, lại lấy làm lo cho cô, sau nữa thì ta lấy làm mừng cho cô. Ta không có thể không bộc-bạch cái tâm-sự của cô ra mà tạ với xã-hội, với nhân-lâm thế-đạo, với thiên-hạ xưa sau cho cô được. Một câu rằng :

*Thân lươn bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh-bach từ sau xin chừa.*

Ôi, trời cao đất dày, cỏ-vừng kim-lai ôi ! người bốn năm giống, đất bốn năm châu ôi ! có thi-thủ nào, có đời-kiếp nghiệp-lai nào mà trinh-bạch đến nỗi phải xin chưa bay không ? Ta chỉ thấy những kẻ phạm-nhân cung-thú rằng xin chưa dâm-ô, xin chưa tham-tàn, và xin chưa các tội lỗi khác mà thôi, chứ ta chưa thấy ai xin chưa trinh-bạch bao giờ, cũng chưa thấy ai cưỡng-bách người ta phải xin chưa trinh-bạch bao giờ. Xem hai chữ trinh-bạch từ xưa nay, nào là đền kia miếu nọ để thờ, nào là bia đá bằng vàng để hiến-dương lên; nào là sũ xanh chép đề làm gương cho đời, vậy hai chữ trinh-bạch thực là cái đức chí-qui của dân-bà, cái gương mẫu chung của xã-hội, của nhân-tâm thế-đạo, của thiên-hạ xưa sau, chứ không phải của riêng một mình Kiều. Kiều vị-tất dĩ tự-nhiệm noid. Vậy Kiều sao được phép dám đứng trước kẻ cường-quyền đang áp-ức mình mà cam-đoan rằng xin chưa trinh-bạch mà con mụ Tú-bà kia cũng không được phép vì tư-lợi mà dám bắt kẻ dưới cường-quyền mình phải xin chưa trinh-bạch đi vậy. Tuy-nhiên Tú-bà là đứa buôn người kiếm lời mà ăn, hổ-vấn ra tất phải đòi vốn lại, chỉ vì mình còn nghĩ chi ai, nghĩ chi đến xã-hội, đến nhân-tâm thế-đạo, đến thiên-hạ xưa sau lỗi-thời chi nữa; ta không đủ trách. Dạy cô Kiều là một người con nhà bằng-tuyết, có học-thức, có nết-na, lấy chữ trinh tự hứa với tình-lang ngay từ thủa còn đào tơ sen ngó, mà nay dám khải-sĩ ra nói xin chưa trinh-bạch, thì ai thoát nghe mà không phải ngăn cho đời, không phải khinh-bĩ cho cô. Có người cho là xem lúc Kiều nài kêu với Tú-bà rằng : « Bấy giờ sinh-tử ở tay... » thì nếu Kiều không xin chưa trinh-bạch đi, tất không toàn được tính-mệnh, thế là Kiều phải xin chưa trinh-bạch cho được sống. Vậy xem bà Mị-Ê ngày xưa, liều chết để giữ lấy chút lòng trinh-bạch, tiếng thơm còn để đến giờ, thế mà Kiều lại xin chưa trinh-bạch cho được sống, cái sống của Kiều là cái sống thế nào ? Đàn bà ngộ-biến mà có thể xin chưa trinh-bạch cho được sống thì phạm những cái đức-thù tốt khác ở đời, gặp khi sóng gió bất-kỷ không những vì sống lại sống mà được sung-sướng hơn thì làm sao mà không có thể chưa đi hết cả được ? Suy một câu

nói đó, thực có phương-hại cho xã-hội, cho nhân-tâm thế-đạo, cho thiên-hạ xưa sau là đường nào. Ấy ta sẽ-dĩ phải ngờ cho Kiều là thế. Tuy rằng vậy, luận cô-nhân, trước phải nguyên cái tâm mà đừng nệ cái tích, thì cô-nhân mới không oan-khuất mà lập-luận mới là định-bình. Bà Mị-Ê thì nước Chiêm vỡ, chúa Chiêm mất rồi, bà sơn cùng thủy tận, đoạn-tuyệt hết mất cả hi-vọng rồi, nên bà chết cho vẹn lòng trinh-bạch là phải. Còn như cô Kiều thì cô không phải là không biết tha chết chẳng tha mất cái lòng trinh-bạch. Cô đã nhiều phen không biết sống làm vợ, nào giấu dao vào dọt khăn, định quyền-sinh ngay từ cái đêm ở trú-phường cùng gã Mị, nào quất tay khi mới vào nhà mụ Tú mà bẻ lẳng-nhục, đó đều là liều chết để quyết giữ lấy cái lòng trinh-bạch cho tròn vậy. Nhưng ngặt vì cái thân không phải là của một mình cô, cái nợ đời của cô còn nặng, còn ngang-ngọn chưa xong, nếu cô mà chết thì cái ân hoàn-nguyên hơn 400 lượng kia bất-miễn lại lụy vào song-thân cô, cô lấy hiều làm trinh mà để lại lụy đến song-thân lần nữa, thì cô lại là thất-hiếu, cô đã thất-hiếu thì còn đâu là trinh. Phương-chỉ song-thân còn nơi cô quốc, Kim-lang tam trở trời Liêu, tình kia hiều nợ, hi-vọng còn dài, cô đã toan sạch mình mà trốn nợ sao được. Cô đã không được tự-do biệp lấy một cái chết để giữ lấy chút lòng trinh-bạch mà trốn đi cũng không thoát, thì thế-tất phải hàm-oan nhão-nhục mà thính-mệnh với Tú-bà để làm điều rất không trinh-bạch. Nhưng nó sợ cô vốn lấy chữ trinh làm đầu, vốn không chịu dẫy cho tan, nên nó không dám tin cô mà bắt cô phải cam-đoan trước, phải có người bầu-linh, nó mới nghe mà tha cho cái lỗi theo trai là thảng Sỗ, là cái kế của chúng nó để bày ra, thế thì cô sẽ cung-chiều thế nào cho phải ? Sẽ nói rằng : « Thân lươn bao quần lấm dầu, chút lòng trót đại từ sau xin chưa » hay sao ? Nói trót đại thì ra cái việc cô trốn thanh-lâu mà đi là việc xấu, mà cái việc Tú-bà bắt cô phải tiếp khách là việc hay hay sao ? Nói thế chả bóa ra khiếp-nhược lấm ru ? Con lươn kia dẫu tuy lấm, cá-cuống nọ chết còn cay, sao cô chịu thế ! Cô đối trước mụ Tú-bà mà tự lấy cái việc cô trốn thanh-lâu mà đi là việc hay mà cái việc mụ Tú bắt cô phải ra tiếp khách là việc xấu, nhưng thế phải chịu thì chịu đó thôi. Ý cô nói

rằng : « Tôi trót sa chân vào đây cũng như cái thân con lươn ở trong chỗ bùn ô-trọc thì cũng chẳng quản chi cái ô-trọc nó lấm vào đâu. Chỉ bất tôi thế nào bây giờ tôi cũng phải chịu. Cái lòng trinh-bạch của tôi là cái lòng qui-bán chung của xã-hội, của nhân-tâm thế-đạo, của thiên-hạ xưa sau kia, từ sau tôi cũng xin chừa để trả cái nợ hơn 400 lạng của chị mà tôi đã bán chữ trinh để chuộc chữ hiếu cho xong đi. » Nói thế không phải là đắc-thể lắm sao, rõ tỏ ra cái ý đầy-dã rất là thông-thiết, bất-đắc-dĩ mà phải phục-túng. Kiều phát ra câu ấy, thực là khôn-tâm thay ! Cho nên ta cho trong 15 năm oan-khổ lạ : loài duy có chỗ ấy mới là oan-khổ nhất. Vì như tên tù « tử-tội » duy có lúc nghe tuyên cái án xử-tử của mình mới thực là tê-tái cả ruột gan, tán-loạn cả thần-hồn, cái quan-niệm đối với nhân-thế đã theo cái chết mà tiêu-diệt đi hết cả, còn sau khi án đã tuyên rồi cũng sau khi đem ra hành-hình, cái thân kia nhục vinh trong đục phó mặc cho đời mà thôi. Ấy ta sẽ-dĩ xét ra mà càng lấy làm thương cho cô Kiều khi ấy là thế. Nhưng ta cũng còn lo cho cô, lo vì dân-bà thường thấy ngoài miệng dang-dang tự-phụ lấy mình làm trinh làm tiết mà chính thân tự làm những điều không trinh không tiết cũng nhiều. Nữa là nay một cái hoa tan-tác giữa đường mà chính mình đã cung ra xin chừa trinh-bạch đi rồi thì còn mong gì có ngày nào hối-cải lại nữa. Vậy nếu từ khi cô ra làm cái nghề tiếp khách trở đi mà cô tự chừa hẳn cái lòng trinh-bạch đi thực, thì không những cái ô-trọc nó lấm lên đầu, nó lại thấm vào cốt-tủy, vào cả đến óc của cô nữa.

Một câu cô cung-chiều trên nợ, thực là một cân thiên-cổ tội-ngôn mà cái án phong-lưu của cô không bao giờ rửa sạch, cái việc của cô bất-tất truyền lại đời sau mà cụ Nguyễn Du ta cũng không thêm mai-lệ chép thơ để ca-khắc cái thân-thể, cái tâm-sự cho cô nữa ! Nhưng cô không phải là người thế, không có cái bụng thế, chẳng qua chỉ vì cái nợ nó bắt, tức là cái hiếu nó buộc cô phải lấy thân trả nợ đời đó thôi. Chờ ít lâu cái nợ trả xong, cái hiếu mới trọn thì cô

tức thì tìm đường tránh khỏi cái bước trần - ai ấy mà giữ lấy chút lòng trinh-bạch là cái hồn-linh của mình, cái báu chung của xã-hội, của nhân-tâm thế-đạo, của thiên-hạ xưa sau. Cho nên khi cô còn đang ở thanh-lâu, cô nói :

*Thờ-ơ gió trác mưa mai,
và nói :*

*Mặc ai gió Sở mưa Tần,
Những mình nào biết có xuân là gì,
thì dù tỏ cái lòng cô vẫn hoài-vọng sự trinh-bạch là đường nào ! Không bao lâu Thúc-sinh trang cái nợ hoàn-nguyên đi cho cô thì cô bỏ ngay thanh-lâu mà theo chàng. Từ đó hết nạn nợ lại nạn kia, bèo trôi sóng vỗ, cũng chỉ vì chút lòng cầu cho được hai chữ trinh-bạch mà xui nên.*

Cho đến cái sự đến ơn trả oán sau này cũng là chỉ vì hai chữ trinh-bạch lúc ấy mà phải rửa hờn. Cụ Nguyễn Du ta tả cái lời khi bà Giác-Duyên luận cái công-quá của cô Kiều có nói rằng :

*Xét trong tội-nghiệp Thúy-Kiều,
Mắc điều tình-ái khỏi điều tà-dâm.*

Ồ ! tình-ái thì ai mà không có, nhưng tà-dâm thì cô không ; đó là tác-giả đã bệnh đã dở cho cô rồi vậy. Cổ-ngữ có câu rằng : « *Cái quan-nhiên - hậu-dịnh-luận* », nghĩa là người ta đến khi đầy nấp vẩn-thiền rồi mới định-luận được là kẻ hay hay người dở. Nếu kịch chưa hết hồi, sáu khúc chưa hạ màn, người trong kịch còn đang âm-ọc nhớ-nhàng, thì thường-thường kẻ hay mà ra dở, người dở mà ra hay, diễn-đạo thị-phỉ, hùa-hào hắc-bạch, khách hàng-quan vội phán-đoán ngay cho là hay hay là dở, thì thật là lăm. Cho nên luận hai chữ trinh-bạch cô Kiều, phải xét việc trước sau, xét lòng chân-giả thì mới định được mà cô sẽ không oan.

Ồ ! Một thiên tuyệt-bút, một đóa hoa-khôi, ấy mực hay lộ, ấy thơ hay người, một chút chữ trinh, đục gạn trong khơi, nghĩa năm danh-tiết, làm gương thử soi. Khóc cô ấy là người sau, khóc người sau ấy lại là người sau nữa, mà những điều trông thấy còn đau-đứa chưa tho. Thương thay ! than ôi !

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH⁽¹⁾

孟子國文解釋

VI

VI

之。子。其。其。之。孟
則。反。友。臣。子
如。也。而。有。謂
之。則。之。託。齊
何。凍。楚。其。宜
王。餒。遊。妻。王
曰。其。者。子。曰。
棄。妻。比。於。王

Dịch-âm. — Mạnh tử vị Tề Tuyên-vương viết: « Vương chi thần hữu thác kỳ thể tử ư kỳ hữu, nhi chi Sở du giả, tị kỳ phần dã, tắc đồng nổi kỳ thể tử, tắc như chi hà? » Vương viết: « Khi chi. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói với Tuyên-vương nước Tề rằng: « Bấy-lời nhà vua có người gửi vợ con mình cho bạn mình, mà đi sang chơi nước Sở, kịp đến lúc về, thì vợ con mình đói rét, thì xử thế nào? » Vua nói: « Tuyệt-giao người bạn ấy đi. »

Chú-giải. — Chi = đi, Chi Sở = Đi sang nước Sở. Tị = Cũng như chữ cập 及 là kịp.

曰。之。士。不。曰
己。何。則。能。士
之。王。如。治。師

Dịch-âm. — Viết: « Sĩ-sư bất năng trị sĩ, tắc như chi hà? » Vương viết: « Dĩ chi. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy hỏi: « Quan sĩ-sư không quản-trị được các quan sĩ, thì xử thế nào? » Vua nói: « Bải chức sĩ-sư ấy đi. »

Chú-giải. — Sĩ-sư = Quan coi việc hình-ngue. Sĩ = Các thuộc-viên. Dĩ = Bải bỏ, cách chức.

而。順。之。治。之。曰
言。左。何。則。內。四
他。右。王。如。不。境

Dịch-âm. — Viết: « Tứ cảnh chi nội bất trị, tắc như chi hà? » Vương viết: « Bải bỏ, cách chức. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy nói: « Bốn cõi trong nước, chẳng được trị yên, thì xử thế nào? » Vua ngánh sang bên tả bên hữu mà nói chuyện khác. »

Chú-giải. — Thầy Mạnh chủ-ý định hỏi việc này, nhưng hãy đặt ra hai việc trên hỏi trước, để dẫn-phát đến cái việc này. Kịp hỏi đến việc này, thì tỏ ra cái lỗi tại vua, mà vua lại không chịu trả lời; thế thì vua là người không muốn nhận lỗi mà tự-trách lấy mình, đủ biết rằng vua không làm gì được.

VII

日。矣。謂。謂。非。曰。孟
不。昔。也。也。謂。所。子
知。者。王。有。有。謂。見
其。所。無。世。喬。故。齊
亡。進。親。臣。木。國。宜
也。今。臣。之。之。者。王

Dịch-âm. — Mạnh-tử kiến Tề Tuyên-vương viết: « Sở vị cổ-quốc giả, phi vị hữu kiêu-mộc chi vị dã, hữu thể-thần chi vị dã. Vương vô thân-thần hĩ, tích-giả sở tiển, kim-nhật bất trị kỳ vong dã. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh yết-kiến Tuyên-vương nước Tề, nói: « Phàm gọi là cổ-quốc ấy, không phải vì có cây

(1) Xem N.-P. số 78, 79, 80, 83, 84.

cao mà gọi thể đầu, là vì có kẻ thể-thần mới gọi thể vậy. Hiện nay vua không có kẻ thân-thần, ngày trước vua dùng người ấy, ngày nay vua không biết người ấy trốn đi đâu.»

Chú-giải. — *Cổ-quốc* = Nước cũ, dựng nước lâu ngày. *Thế-thần* = Người bày tôi có công-nghiệp đã lũy-thế. *Thân-thần* = Người bày tôi vua tin dùng.

Bây nói thân-thần vua còn không có, nữa là thế-thần, không có thế-thần thì sao gọi là cổ-quốc được.

而 其 何 王
含 不 以 曰
之 才 識 吾

Dịch-âm. — *Vương viết:* « Ngó hã dĩ thức kỳ bất-tài nhi xả chi? »

DỊCH-NGHĨA. — *Vua nói:* « Ta làm thế nào biết được những kẻ bất-tài mà bỏ trước đi? »

Chú-giải. — *Bất-tài* = Người hư người xằng. *Vua* cho những người trốn đi ấy là bất-tài cả, nên muốn biết rõ kẻ chân-tài mà dùng, để cho khỏi cái tệ trốn đi như trước.

不 驗 驗 將 不 進 曰
慎 戚 尊 使 得 賢 國
與 可 疏 卑 已 如 君

Dịch-âm. — *Viết:* « Quốc quân tiến hiền, như bất-dắc-dĩ. Tương-sử ti du tôn, sơ du thích, khả bất thận dư? »

DỊCH-NGHĨA. — *Thầy nói:* « Đấng quốc-quân cử người hiền lên dùng, như là bất-dắc-dĩ. Sắp đề cho người ti vượt người tôn, người sơ vượt người thân, khá chẳng nên cẩn thận lắm ru! »

Chú-giải. — *Bất-dắc-dĩ* = ý cẩn-thận xem xét rồi mới dám dùng. Dùng người hiền thì không cứ gì người tôn hay thân, dẫu người ti hay sơ mà hiền cũng dùng. Nên khi mới i tiến-hiền phải nên cẩn-thận.

焉 不 曰 曰 賢 人 大 左
然 可 不 不 焉 皆 夫 右
後 然 可 可 然 曰 皆 皆
去 後 勿 勿 後 賢 曰 曰
之 察 聽 聽 用 然 賢 賢
見 人 大 左 察 未 未
不 皆 夫 右 之 可 可
可 曰 皆 皆 見 國 諸

Dịch-âm. — « *Tả-hữu* giai viết hiền, vị khả dã; chư đại-phu giai viết hiền, nhiên-hậu sát chi. Kiến hiền yên, nhiên-hậu dụng chi. *Tả-hữu* giai viết bất-khả, vật thỉnh; chư đại-phu giai viết bất-khả, vật thỉnh; quốc-nhân giai viết bất-khả, nhiên-hậu sát chi. Kiến bất-khả yên, nhiên-hậu khứ chi. »

DỊCH-NGHĨA. — « Người bên tả bên hữu đều bảo rằng hiền, chưa nên tin; các quan Đại-phu đều bảo rằng hiền, cũng chưa nên tin; người trong nước đều bảo rằng hiền, rồi mới xét. Xét rõ là hiền, rồi mới dùng. Người bên tả bên hữu đều bảo rằng không nên dùng, chớ nghe; các quan Đại-phu đều bảo rằng không nên dùng, chớ nghe; người trong nước đều bảo rằng không nên dùng, rồi mới xét. Xét rõ là không nên dùng, rồi mới bỏ. »

Chú-giải. — *Tả-hữu* là kẻ tiểu-thần, cận-thần. Đây là nói dùng hiền hay là bỏ người bất-hiền, phải xét trước cho cẩn-thận. Những lời khen chê của kẻ cận-thần vốn là không nên tin đã đành. Nhưng đến lời các quan Đại-phu cũng còn sợ rằng có ý thiên-tư, cũng không nên tin vội. Đến như lời cả quốc-dân thì đã là công-luận rồi, nhưng cũng còn phải xét lại, là vì e rằng ở đời thường có kẻ theo tục mà được nhiều người khen, cũng có kẻ khác chúng mà phải nhiều người ghét. Vậy phải xét cho đích-xác là hiền hay không, rồi mới định cách dùng hay bỏ. Như thế thì đối với người hiền-tài có thể thâm-tín mà trọng-dụng, rồi sẽ hi-vọng có kẻ thể-thần, mà những kẻ bất-tài thời không khi nào hãm-tiến được.

...

曰焉。後人曰勿左
國然察皆可聽。右
人後之。曰殺。諸皆
殺殺見可勿大曰
之之。可殺。聽。夫可
也。故殺然國皆殺。

Dịch-âm. — « Tả hữu giai viết khả sát, vật thính; chư Đại-phu giai viết khả sát, nhiên-hậu sát chi. Kiến khả sát yên, nhiên-hậu sát chi. Cổ viết quốc-nhân sát chi dã. »

Dịch NGHĨA. — « Người bên tả bên hữu đều bảo rằng nên giết, chớ nghe; các quan Đại-phu đều bảo rằng nên giết, chớ nghe; người trong nước đều bảo rằng nên giết, rồi mới xét. Xét rõ là nên giết, rồi mới giết. Cho nên bảo rằng tự người trong nước giết đó vậy. »

Chủ-giải. — Đây là nói không những một sự dùng kẻ nhân-tài nên cần-thận mà thôi, đến như sự hình-nục cũng nên cần-thận.

...

父爲可然如
母。民以後此

Dịch-âm. — « Như thử nhiên-hậu khả dĩ vi dân phụ mẫu. »

Dịch NGHĨA. — « Như thế rồi mới làm cha mẹ dân được. »

Chủ-giải. — Đây là nói ông vua hay xét lời, công-luận, thuận theo lòng hiếu-đạo của dân mà cần-thận về việc dụng-hiến và việc dụng-hình, thời hay dụng được kẻ thế-thần, để mà bồi-đắp lấy cái nền cố-quốc.

VIII

之。於子有王放問齊
傳對諸。伐桀。曰。宜
有曰。孟紂。武湯王

Dịch-âm. — Tề Tuyên-vương vẫn viết: « Thang phóng Kiệt, Vũ-vương phạt Trụ, hữu chư? » Mạnh-tử đối viết: « U truyên hữu chi? »

Dịch-NGHĨA. — Tuyên-vương nước Tề hỏi: « Vua Thang đuổi vua Kiệt, Vũ-vương đuổi vua Trụ, sự ấy có không? » Thầy Mạnh thừa: « Trong sách có đấy, »

Chủ-giải. — Kiệt = Vua nhà Hạ. Trụ = Vua nhà Thương. Kiệt, Trụ là vua thiên-tử, có tiếng là vua ác. Thang = Vua nhà Thương. Vũ-vương vua nhà Chu. Thang, Vũ là vua Chư-hầu, có tiếng là vua nhân.

...

乎。君弑曰
可其臣

Dịch-âm. — Viết: « Thần thi kỳ quân khả hồ? »

Dịch-NGHĨA. — Vua hỏi: « Bầy tôi giết vua, thế có phải không? »

...

聞夫夫。人。殘。義。謂曰
弑紂聞謂殘者之賊
君矣。誅之賊謂賊。仁
也。未一一之之賊者

Dịch-âm. — Viết: « Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn, tàn-tặc chi nhân vị chi nhất phu; văn tru nhất phu Trụ hĩ, vị văn thi quân dã. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy nói: « Cái người làm hại nhân gọi là tặc, cái người làm hại nghĩa gọi là tàn, cái người tàn-tặc gọi là kẻ nhất-phu; có nghe sự giết kẻ nhất-phu là Trụ đó, chưa nghe sự giết vua bao giờ. »

Chủ-giải. — Tặc = Hại. Hại nhân hại nghĩa là người hung-bạo, làm tuyệt-diệt cả thiên-lý nhân-luân. Nhất-phu = Cũng như độc phu 獨夫, nghĩa là một đũa, là nói cái người tàn-ác, thiên-hại ai cũng lia ghét, không nhận là vua nữa.

Đây là lời răn các ông vua tàn-tặc, để làm gương cho các đời quân-chủ chuyên-chế về sau.

IX

何姑學能而爲工室孟
如舍之。勝小能師則于
女壯其之。勝得必見
所而任則其大使齊
學欲矣。王仁木。工宜
而行夫怒也。則師王
從之。人以匠王求曰。
我王幼爲人喜。大爲
則曰而不斲以木。巨

Dịch-âm — Mạnh-tử kiến Tề Tuyên-vương viết: «Vi cự-thất tắc tất sử công-sư cầu đại-mộc, công-sư đắc đại-mộc, tắc vương hĩ, dĩ vi năng thăng kỳ nhiệm dã. Tượng-nhân trác nhi tiêu chi, tắc vương nộ, dĩ vi bất năng thăng kỳ nhiệm hĩ. Phù nhân, ấu nhi học chi, trác nhi dục hành chi, vương viết cô xã nhữ sở học nhi tông ngã, tắc hà như?»

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh yết-kiến Tuyên-vương nước Tề, nói: «Làm nhà to, thì hẳn phải sai người thợ cả tìm cho cây gỗ lớn. Người thợ cả tìm được cây gỗ lớn, thì vua mừng, cho là dùng được nổi việc đấy. Người thợ bện lỗ dẽo nhỏ đi, thì vua giận, cho là không dùng được nổi việc nữa. Kia như người hiền thừa nhỏ mà học-thức rộng, lớn lên cũng muốn thực-hành ra, thế mà vua lại bảo rằng hãy bỏ cái sở-học của mày mà theo sở-hiểu của ta, thì là thế nào?»

Chú-giải. — Công-sư = Thợ cả. Tượng-nhân = Thợ đàn em, thợ bện.

Đây là nói người hiền-giả học-thức rộng-rãi muốn đem thi-hành ra sự-nghiệp lớn-lao, thì vua lại bắt theo cái ý muốn nhỏ-mọn của mình, thế là vua dụng-hiền không bằng dụng-gỗ vậy.

琢於我。女家。之。使此。今
玉教則所則至玉雖有璞
哉。玉何學曰於人萬璞
人以而姑治雕鏤。玉
雕異從舍國琢必於

Dịch-âm. — Kim hữu phác-ngọc ư thử, tuy vạn dật, tất sử ngọc-nhân điều trác chi. Chi ư trị quốc-gia, tắc viết cô xã nhữ sở-học nhi tông ngã, tắc hà dĩ dĩ ư giáo ngọc-nhân điều-trác ngọc tại. »

Dịch-NGHĨA. — «Nay có hòn phác-ngọc ở đây, tuy đáng giá có vạn dật, thế mà tất phải giao cho người thợ ngọc rửa dẽo lấy ngọc. Đến như việc trị quốc-gia, thì bảo người hiền rằng hãy bỏ cái sở-học của mày mà theo ý ta, thế có khác với sự sai người thợ ngọc rửa dẽo ngọc không?»

Chú-giải. — Phác-ngọc = Hòn ngọc còn ở trong đá. Dật = Hai mươi lạng là một dật.

Đây là nói hòn ngọc không quý là mấy, mà còn biết giao cho người thợ ngọc rửa dẽo. Huống-chi quốc-gia lại quý bằng mấy ngọc, thế mà không biết dụng người hiền dẽ cùng trị nước, chẳng hóa ra lòng ái-quốc không bằng lòng ái-ngọc lắm ra!

X

。之勝燕伐人齊

Dịch-âm. — Tề nhân phạt Yên thắng chi.

Dịch-NGHĨA. — Người nước Tề đánh nước Yên, đánh được.

疾。此。之。之勝寡寡宜
取不人國。之人人王
之取力五國。取勿問
何必不旬伐之。取。曰。
如。有至而萬以滅或
天於舉乘萬謂謂

Dịch-âm. — Tuyên-vương vấn viết: «Hoặc vị quả-nhân vật thủ, hoặc vị quả-nhân thủ chi. Dĩ vạn-thặng chi quốc, phạt vạn-thặng chi quốc, ngũ tuần nhi cử chi, nhân-lực bất chi ư thử. Bất thủ tất hữu thiên-ương, thủ chi, hà như?»

Dịch-NGHĨA. — Tuyên-vương hỏi rằng: «Hoặc có kẻ bảo quả-nhân đừng lấy nước Yên, hoặc có kẻ bảo quả-nhân cứ lấy nước Yên. Dem cái nước vạn-thặng, đi đánh cái nước vạn-thặng,

năm-mươi ngày mà đánh được, cứ như sức người không đến được thế. Chẳng lấy chắc có vạ trời, cứ lấy, thế nào? »

Chú-giải. — Ngũ-tuần = Mỗi tuần 10 ngày, năm tuần 50 ngày. Cử = Làm nổi việc, là đánh được thành-công.

Xét Sử-ký vua nước Yên lên là Khoái nhường nước cho quan tướng là Tử-Chi, nên nước Yên đại-loạn. Nước Tề nhân lúc loạn mà đánh, cho nên thành-công dễ. Tuyên-vương ý muốn lấy nước Yên lại để cho là tại trời giúp mới đánh được thì nên theo ý trời. Nhưng xem như lời thầy Mạnh sau này thì biết rằng ý trời là cốt ở lòng dân mà thôi.

者。之 悅。之 武 人 則 之 孟
文 人 則 而 王 有 取 而 子
王 有 勿 是 行 之。燕 對
是 行 取。民 也。之 古 民 曰。
也。之 古 不 取 者。之 悅 取

Dịch-âm. — Mạnh-tử đối viết: « Thủ chi nhi Yên-dân duyệt, tắc thủ chi, cổ chi nhân hữu hành chi giả, Vũ-vương thị dã. Thủ chi nhi Yên-dân bất duyệt, tắc vật thủ, cổ chi nhân hữu hành chi giả, Văn-vương thị dã. »

Dịch - NGHĨA. — Thầy Mạnh thưa rằng: « Lấy, mà dân nước Yên bằng lòng thì lấy, người đời xưa có làm sự đó rồi, ấy là Vũ-vương đấy. Lấy, mà dân nước Yên không bằng lòng thì đừng lấy, người đời xưa có làm sự đó rồi, ấy là Văn-vương đấy. »

Chú-giải. — Văn-vương có hai phần thiên-hạ mà vẫn phục thờ chúa Trụ nhà Thương. Đến Vũ-vương mới đánh chúa Trụ nhà Thương lấy thiên-hạ, cũng là thuận theo lòng dân vậy.

運 如 也。他 迎 簞 伐 以
而 火 如 戢。王 食 萬 萬
已 益 水 避 師。壺 乘 乘
矣。熱。益 水 豈 漿。之 之
亦 深。火 有 以 國。國。

Dịch-âm. — « Dĩ vận-thặng chi quốc, phạt vận-thặng chi quốc, dân-lực hồ-tương, dĩ nghệh vương-sư, khởi hữu tha tai, tị thủy hỏa dã. Như thủy ích thâm, như hỏa ích nhiệt, diệc vận nhi dĩ hĩ. »

DỊCH - NGHĨA. — « Đem cái nước vận - thặng, đi đánh cái nước vận-thặng, mà dân họ mang rõ cơm hồ nước, để đón quân vua, há có ý gì đâu, vì tránh nước lửa đấy. Nếu lại bạo-ngược hơn như nước càng sâu, như lửa càng nóng, thì họ cũng quay đi với người khác mà thôi. »

Chú - giải. — Đan = Rõ bằng tre. Thủy hỏa = Vì cái chinh-trị tàn-bạo như nước lụt lửa cháy. Vận = Chuyển-vận quay đi để tránh cứu với người khác.

Đây là nói việc chinh-phạt phải thuận lòng dân thì mới hợp được ý trời. Nếu nước Tề lại làm bạo-ngược hơn, không thuận lòng dân, thì dân lại quay đi cầu-cứu với nước khác, chớ đừng thấy đánh được dễ mà đã bảo là có trời giúp cho đâu.

XI

千 湯 曰。以 謀 宜 諸 齊
里 是 政 臣 待 伐 王 侯 人
畏 也。於 聞 之。寡 曰。將 伐
人 未 天 七 孟 人 諸 謀 燕
者 聞 下 十 子 者。侯 救 取
也。以 者。里 對 何 多 燕。之。

Dịch-âm. — Tề-nhân phạt Yên thủ chi. Chư-hầu tương mưu cứu Yên. Tuyên-vương viết: « Chư-hầu đa mưu phạt quả-nhân giả, hà dĩ dĩ chi? » Mạnh-tử đối viết: « Thần văn: Thất-thập lý vi chinh ư thiên hạ giả, Thang thị dã. Vĩ văn dĩ thiên lý ư nhân giả dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Người nước Tề đánh nước Yên, lấy được nước Yên. Chư-hầu toan mưu cứu nước Yên. Tuyên-vương hỏi: « Chư-hầu nhiều kẻ mưu đánh quả-nhân, thì nên dùng chước gì để đối-dãi với họ? » Thầy Mạnh thưa: « Tôi nghe đất có bảy mươi dặm mà cầm quyền-chính trong

thiên-hạ ấy là vua Thang đấy. Chưa nghe đất những nghìn dặm mà phải sợ người.

其大而不早美怨下書
蘇悅弔止之爲南信曰
書其耕者我而面之湯
曰民者不寬民征東一
侯若長變也望北而征
我雨誅歸之狄征自葛
后降其市若怨西始
來民君者大白夷天

Dịch-âm. — « *Thư* viết : « Thang nhất chinh tự Cát thủy, thiên-hạ tin chi. Đông-diện nhi chinh Tây-di oản, nam-diện nhi chinh Bắc-dịch oản, viết hề vi hậu ngã. » Dân vọng chi, nhược đại-hạn chi vọng vãn-nghê dã; qui-thị giả bất chi, canh-giả bất biến, tru kỳ quân nhi diếu kỳ dân, nhược thời-vũ giảng, dân đại duyệt. *Thư* viết : « Hễ ngã hậu, hậu lai kỳ tở. »

Dịch-Nghĩa. — « Kinh *Thư* có nói : « Vua Thang bắt đầu đi đánh tự nước Cát trước, thiên-hạ tin ngay. Đánh mặt đông thì người Tây-di mong, đánh mặt nam thì người Bắc-dịch mong, nói rằng làm sao lại đánh nước ta sau. » Dân mong vua Thang, như vầng dũ mong mây, lại sợ có cầu-vồng vậy. Kể về chợ cử việc mà về, kể đi cây cử việc mà đi; giết vua họ mà thăm dân họ, như trận mưa phải thời mưa xuống, dân bằng lòng lắm, Kinh *Thư* lại nói : « Đợi vua ta, vua ta đến thì ta sống lại. »

Chú-giải. — Nhất-chinh = Mới ra đánh một trận trước nhất. Tin = Tin rằng chỉ ở cửu-dân, chớ không phải tàn-bạo. Oản = Oản-vọng, là ý mong đợi. Nghê = cầu vồng. Mây hợp thì mưa, sợ cầu vồng hiện lên thì lại mất cơn mưa. Biến = Biến động sợ hãi. Hễ = đợi. Hậu = vua, là trở vua Thang. Tở = sống lại.

Đấy hai lần dẫn kinh *Thư* (thiên Trọng-

hỷ để chứng rằng vua Thang chỉ có 70 dặm đất mà thiên-hạ qui-phục cả.

動又天下其累迎火之今
天倍下重其王民
下地固器子師以
之而畏如弟若中
兵行齊之其殺也
也仁強其宗其食
政也廟兄壺漿
是今也遷係以水
征

Dịch âm. — « Kim Yển ngược kỳ dân, vương vãng nhi chinh chi, dân dĩ vi tương chứng kỳ tự thủy hỏa chi trung dã. Đan-tự hồ-tương dĩ nghê vương-sư. Nhược sát kỳ phụ-huynh, hệ luy-kỳ tử-đế, hỷ kỳ tôn-miếu-thiên kỳ trọng-khi, như chi hà kỳ khả dã, Thiên-hạ cổ ủy Tề chi cường dã, kim bội-hựu địa nhi bất-hành nhân-chính thì động thiên-hạ chi binh dã. »

Dịch Nghĩa. — « Nay nước Yển họ làm ngược dân họ, vua đi đánh nước ấy, dân họ cho là vua toan cứu vớt mình ở trong vòng nước lửa đấy; cho nên họ đem rỏ cơm hồ nước để đi đón quân vua. Nếu mà giết cha anh họ, buộc trói con em họ, dỡ nhà tôn-miếu họ, dời đồ trọng-bảo của họ, như thế sao nên. Thiên-hạ vẫn ghen-ghét nước Tề là mạnh đấy, nay lại đất rộng gấp hai, mà chẳng làm nhân-chính, thế là vua tự làm động binh trong thiên-hạ lên đấy. »

Chú-giải. — Chứng = Cứu vớt. Hệ-luy = Buộc trói. Uy = Ủy-kỵ, ghen-ghét. Bội = gấp hai, là gồm lấy cả nước Yển.

Đấy là nói nước Tề lấy nước Yển, không được như vua Thang đánh nước Cát, chỉ làm điều tàn-bạo không phục được lòng dân, cho nên lấy nước to nghìn dặm mà sợ người là phải.

可去置謀止反王
及之君於其其速
止則而燕重施出
也。猶後衆器。倪。令。

Dịch-âm. — « Vương tức xuất lệnh, phân kỳ mao nghệ, chỉ kỳ trọng-khi, mưu ư Yên chúng, tri quân nhi hậu khứ chi, tã do khả cập chi dã. »

Dịch-NGHĨA. — « Vua nên mau ra hiệu-lệnh, trả lại người già người trẻ cho họ, để lại đồ trọng-bảo trả họ, mưu với dân nước Yên, lập vua hiền

khác, rồi trở về, thì còn kịp khi bình-chư-hầu chưa phát, mà trung - chỉ đi được. »

Chú-giải. — Mao 旄 giống như chữ mao 老 nghĩa là người già. Nghệ = Trẻ con. Là những người già trẻ bị bắt.

Đây là bảo vua tể nên tỏ ra cái lòng không phải lợi-chiếm lấy nước Yên, chỉ lập vua hiền để cứu lấy dân, chính là cái chước chí-bình để đối với các nước chư-hầu đó.

ĐÔNG-CHÂU DỊCH

(Còn nữa)

TIỂU-THUYẾT

Bổ truyện « Tuyết-hồng lệ-sử »

Các nhà tiểu - thuyết cũ thường thường chép chuyện gì cũng muốn cho có đoàn-viên, các nhà tiểu - thuyết mới thường thường hay bỏ một đoạn dưới muốn để cho duyệt-giã thêm một phần-hi-vọng thêm-thuồng không biết sau ra làm sao.

Quyển *Tuyết - hồng Lệ-sử* là một tập văn nhật-ký của Mộng-Hà. Truyện Mộng-Hà như thế lấy gì làm hay, lấy gì làm phải, Từ Trầm-Á tội gì đem cái tài-học mà sửa-soạn cái văn ấy đến hai lần. Xem hết các bài tựa mới biết khi trước Từ-Trầm-Á đã làm một quyển *Ngọc - Lê - Hồn*, sau soạn quyển nhật-ký này, đặt tên là *Tuyết-hồng Lệ-sử*, thì quyển *Ngọc-lê-hồn* như một cái khu-xác, mà quyển *Tuyết-hồng* ví như một cái linh-hồn.

Bỉ-nhan duyệt qua quyển *Tuyết-hồng lệ-sử*, nhưng tiếc rằng chỉ đến khi Mộng-Hà đi du-học là hết, vậy phải tham-sát đến cả quyển *Ngọc-lê-hồn* thì mới biết truyện sau như thế này, vậy nên phụ-dịch cho đủ.

Đoạn văn này là của Từ Trầm-Á chép vì có sao mà có quyển nhật-ký ấy.

I. — Tựa của Từ Trầm-Á.

« Khi trước Tần Thạch-Si đã bảo tôi chép quyển *Ngọc-lê-hồn*, thuật qua chuyện của Mộng-Hà, khi tôi làm xong quyển *Ngọc-lê*

hồn, đột-nhiên có người bạn là Hoàng Quân đáp rằng: « Thế này mới biết nên thâm-đạm cho loài tình lắm, ngờ đâu nững bậc chung-tình, lại chính là bậc chí-sĩ. Hôm nọ cái trận chinh-cách ở tỉnh Mộ những bọn thanh-niên tráng-sĩ nước Trung-hoa đem thân đến ơn nước ở chốn sa-tràng nhiều lắm, tôi nhân khi đó du-lịch có qua một cánh-đồng vắng, thấy một người con trai độ 30 tuổi, năm sông-sượt vẩy tay gọi tôi đến gần, tôi vội-vàng chạy lại hỏi rằng: « Nghe tiếng thầy hình như người Ngô, có phải không? Có muốn dặn câu gì xin cứ nói. » Nhìn gần thì thấy đạn bắn suốt đuôi, máu chảy lai-láng, thồn-thẽn báo tôi rằng: « Tôi bây giờ trên trời dưới bề núi Bắc sông Nam, vì quyết chí về việc nước đề đền lòng người tri-ký không dám tiếc gì đời, may được gặp ông đây, xin ông móc túi áo tôi lấy quyển nhật-ký này, đề truyền-bá cho người thứ hai được biết, thì tôi cảm tạ lắm. Nói xong thì tắt nghỉ. »

« Hoàng Quân với tôi là bạn thân, nên mới được quyển nhật-ký này.

« Trộm nghĩ người khôn thì ít, người đại thì nhiều, Mộng-Hà đã không phải là người đa tình, mà cũng không phải là người vô-tình, xưa nay những tiểu-thuyết ngôn-

lĩnh cũng đã nhiều, quyền *Ngọc-lê-hồn* đã ra đời thì tập nhật-ký này cũng nên sửa soạn mà ấn hành.

« Mộng-Hà có phải người thật hay là giấc chiêm bao, Lê-Anh có phải người thật hay là cái bóng hoa, Quân-Thiên có phải là tên thật hay là tên mượn, thì chưa dám biết, nhưng sau khi quyền *Lê-sử* ra đời, xin duyệt-giã đừng nhận lầm là chuyện tình thì phải.

« Sau khi tôi bắt được tập nhật-ký ấy lại gặp Tân Thạch-Si cùng đến nhà ông Thôi bỏi thăm thì mới biết sau khi Quân-Thiên chết, thì ông Thôi cũng ốm mà chết, thăng Bằng-lang thì gửi ở bên quê ngoại, nghe chuyện mà cảm-xúc một mối ai-tình, cầm ngòi bút sửa quyền *Tuyết-hồng lệ-sử* này.»

II. - Bài tựa thứ nhì của Từ Trầm-Á

Sau khi quyền *Tuyết-hồng lệ-sử* ra đời, chắc duyệt-giã phải chia làm hai phái, một phái yêu tôi, một phái rõ tôi, yêu tôi thì nói rằng: sách này là cái văn đau lòng của Trầm-A, rõ tôi thì nói rằng: sách này là cái tranh truyền-thần của Trầm-Á. Người yêu tôi bảo thế, tôi cũng xin cảm ơn; người rõ tôi bảo thế, tôi cũng xin vâng nhận. Nghĩa là không cứ người yêu tôi, người rõ tôi, ai cũng công-nhận cho tôi là tình-chúng, tôi có được thật là tình-chúng hay không, thì tôi chưa dám chắc, nhưng người ta đã cho tôi là tình-chúng, thì tôi việc gì mà phải chối.

Gần đây các nhà làm tiểu-thuyết nhiều lắm, hoặc nói cái tình tốt-đẹp, hoặc nói cái tình xót-xa, chuyện nào cũng hay cả, đem so với sách của tôi, thì có giống nhau chút nào đâu. Chuyện tình tốt-đẹp tôi đã không làm được, mà chuyện tình xót-xa phổ-thông như người ta, tôi cũng không làm được, mà lại đi làm một chuyện tình hảo-hảo huyền-huyền, dở-dở dang-dang, nhạt-nhạt nhẽo-nhẽo, râu-râu rĩ-rĩ như thế này, thế thì có phải thật là tôi không biết nói chuyện tình hay không. Tôi có định cắt đỏ và xanh, khoảng

bút với mực, theo sau lưng các nhà tiểu-thuyết, để làm một cái văn phong-lưu nổi-nương, rền-rĩ giận-dối làm gì đâu. Thật cái văn của tôi, là những các nhà tiểu-thuyết đang túng-sinh, đang háng-hai, đã chán không buồn nói đến, thì tôi mới làm, thế mới biết cái bụng tôi nghĩ một thân một mình, riêng về nghề văn-tự, xin duyệt-giã đừng đem hai chữ «*Tiểu-thuyết*» mà đặt tên sách của tôi, nếu cho sách tôi cũng như một quyển *Tiểu-thuyết*, thì tôi xin vất bút mà thờ dài. Người xưa đã có câu rằng:

*Ba năm mới nghĩ xong hai câu,
Cất ngấm một tiếng đau hàng châu.
Tri-âm nếu không thương-thức đến,
Núi cũ xin về nằm với thâu.*

Vậy tôi cũng xin mượn câu thơ ấy để đề vào sách của tôi.

III. - Bài bạt của Trần Bốc-Hầu

Người bạn của tôi là Uông-quân rất là một người thâm-tĩnh, mỗi khi xem đến quyền *Thạch-dầu-ký* thì lại rớm nước mắt. Tôi vẫn lấy làm buồn cười, nhưng tôi cười Uông-quân chính là tôi kém Uông-quân xa. Khi trước tôi mới được xem quyền *Ngọc-lê-hồn*, vỗ tay xuống bàn mà thờ dài, tiếc thay Uông-quân chưa được xem tập văn này, nếu xem qua có lẽ lại tổn bao nhiêu nước mắt vào đây. Nhưng sau khi có quyền *Ngọc-lê-hồn*, sao lại còn có quyền *Lê-sử* này, hay là giọt lệ của người thương-tâm, một quyển sách không thấm hết được hay sao? Và cái giọt lệ cứ phải rơi vãi cho hết thì mới sương hay sao?

Uông-quân ta-trần đã hơn hai mươi năm rồi, chưa từng được trông quyền *Ngọc-lê-hồn*, và quyền *Lê-sử*. Than ôi! cái văn này, giá khi nào chở một mái chèo qua quãng lá vàng lau trắng, cấp quyền sách đến bên cạnh cây mai ở trước mặt người bạn ta, chiêu-hồn lên mà đọc một lượt rồi đốt đi, chắc có lẽ Uông-quân sống khôn chết thiêng cũng rõ thêm một ít nước mắt vào đồng tro tàn này!

Phàm thiên - hạ những người nhiều nước mắt, tức là nhiều tình, mà chính là người nhiều tài, cái nước mắt cảnh già của tôi không được bao nhiêu, là vì không có tài, mà cũng không có tình, không có tài đã đành, chứ không có tình sao được? Người xưa nói rằng: *vô-tình thì sống lâu mãi ở đời*, nghĩ như tôi thật là một người thừa vậy.

Nhưng mà hoa rụng rơi-bời, chim kêu riu-rit, mớ tập văn này, dấu không bản nước mắt, cũng đã không gọi lại được cái hồn sâu. Cảm vì Mộng-Hà dư? Cảm vì Lê-Ảnh dư? Cảm vì Trầm-Á dư? Hỡi cánh hoa rụng, hoa không biết nói; hỡi con chim kêu, chim không thêm nghe!

Đêm mưa rườn-rượt, bóng đèn tờ-mờ, hình như nghe tiếng nước - nổ, hình như nghe tiếng thổ dài, tưởng hình như danh-sĩ giai-nhân đứng cả ở bên tập văn này, chợt nghe tiếng gió lay sát - sát, lắng tai nghe kỹ thì chỉ thấy thằng bé học-trò đang ngủ gật!

Mộng-Hà là người si, Lê-Ảnh là người si, Trầm-Á cũng là người si, tôi chưa chắc đã không si, biết là si mà cứ si, cười người ta si mà cứ muốn cho mình đừng si, thế lại là si nữa, nghĩ cho kỹ, tôi cứ muốn chữa cái si, không bằng người ta cứ si lại còn hơn.

Người tài-nhân làm sách, đem máu và nước mắt hòa lẫn mực mà viết ra, không thể thì không hay, xem thì không thấy vui mà chỉ thấy buồn, nhưng so cái văn tàn-tụng công-đức, thì tả ra được bao nhiêu cái tình - linh; mộng - mệnh trời đất, biết ai là khách tri - âm, chỉ còn ngòi bút là biết nhau đến sự chua-cay ngon-ngọt mà thôi. Vậy những người tài-nhân không dám nả-liên những giọt lệ giọt máu mà làm những văn này; quyền *Ngọc-lê-hồn* đã tổn biết bao nhiêu huyết-lệ, mà quyền *Lệ-sử* lại tổn biết chừng nào, nhưng cũng không nên tiếc làm gì, không nên thương làm gì, nghìn năm văn vẫn hay còn, thì cái huyết-lệ cũng không bao giờ mất được.

Xưa nay bản chữ tình-tình, thường hay cho là *tình* đi *đàng tình*, *tình* đi *đàng tình*, nhưng ý-kiến riêng của tôi thì cho rằng *tình* mà chính thì tức là *tình*, *tình* mà bất-chính thì tức là *dục*, như truyện nào nói cái *tình* chính-định, tức là tác giả nói chữ *tình*. Tôi thường đề quyền *Ngọc-lê-hồn* rằng:

*Chữ tình chữ dục bề xa trời,
Giấc mộng mơ-hồ chớ nhân sai.
Văn quyền Ngọc-lê lời chính-giác,
Bề tình chuông đã dột vang tai.*

*Trăm năm lòng dục đầy vơi,
Văn-chương gọi tình hồn người trăm luận.*

Xưa đã có câu thơ chê Bạch-thai-pho rằng: « Đẽ dành nước mắt khóc thương-sinh. » Than ơi! Thương-sinh đã bị người cười chán rồi còn khóc gì nữa, nhưng văn của Từ Trầm-Á, biết đâu không phải là đem cái bụng liên-tài mà gửi vào câu mỉ-nhân phương-thảo chẳng.

IV. — Lời kết-luận của người sao-dịch

Người ta trừ phi cây gỗ hòn đá, ai là không có tình, cái điểm-tình hay làm cho người ta vui, cái ai-tình hay xui cho người ta buồn; đương lúc chưa vui chưa buồn thì hôn-hôn hờ-hờ, như hoa mới nở, như trăng đương lên, như dịp Nghê-thường, như khúc *Vũ-y*; đến lúc hết vui hết buồn thì lại ngầy-ngầy ngất-ngất, như giấc mộng *Thảo-kieu*, như câu ca *Ngọc-thụ*, như tiếng linh trên đường thực-dạo, như phiếm đàn trong bến *Tầm-dương*, nước chảy mây trôi, hoa tàn nguyệt khuyết. Vậy những bậc hiền-triết thường hay đem một vốc nước mắt thương-thời để điểm-xuyết ra lời văn cảnh-ngữ. Như quyền *Tuyết-hồng lệ-sử* này là cái văn đau lòng của Từ Trầm-Á, nghĩa là cùng một cái văn tả-tình, như là tả cái tình của Trương Quân-Thụy, Thôi Oanh-oanh đã kho tả, cái tình của Trác Văn-quân, Từ-mã Tương-Như cũng lại khó, bây giờ lại đem cái tình của người không nên dùng tình mà cứ phải dùng, cứ dùng mà không đến nỗi lâm vì tình, thì lại càng khó nữa.

Người ta đến sự lâm vì tình thì buồn

lắm. Người đẹp trái duyên, danh-sĩ lỡ thời, như lá vàng, như hoa rụng, như ngọn đèn buổi sáng, như tiếng trùng đêm thu.

*Hoa thơm thơm được một mùa,
Cơm ngon cũng muốn chanh chua cũng thêm.
Chút vì thương kẻ đi đêm,
Đưa cá xuống bể, đưa chim về rừng.
Bước đi một bước một dừng,
Mặt trời nửa tắt, bóng trăng con sáo.
Mơ hồ như giấc chiêm-bao,
Chợ sớm thì vắng, chợ chiều chưa đông.*

Vậy những lời ngụ-ngôn phương-thảo mĩ-nhân, chính là cái văn thương-thời của Khuất Bình vậy.

Trong quyền *Lệ-sử* này tả cái tình của ba người : Mộng-Hà thì cảm vì tri-kỷ, Lê-Anh thì nặng vì liên-tài, Quán-Thiến thì thực-hành chữ tự-do; tuy rằng chưa chắc đã là chính-đáng, nhưng khéo mượn một cái tình không đáng để vận-dụng cái lời văn khuyên-răn và gọi tỉnh những người lầm vì tình, chứ có định làm một nhà tiểu-thuyết ngôn-tình đâu.

« Thương nhau thì sợ, ghét nhau thì dành », câu ấy chính là đại-biểu cho quyền *Tuyệt-hồng Lệ-sử*.

« Tiếc của ai khen Đỗ Mục, hay gì mà học Trương-Như », câu ấy là một lời cảnh-ngữ cho quyền *Tuyệt-hồng Lệ-sử*.

« Nhìn theo hoa rụng, tiếc duyên tri-kỷ cuối mùa, đứng ngóng non bông, cái số tương-phùng đã muộn ». Than ôi ! Xem hoa hoa tàn xem hội hội tan, cũng nên ngăn cho tâm-sự của tác-giả.

Lại như những câu rằng : « Kiếp tình nhắm mắt cho qua, nghìn thu để khách bàn xa nói gẫu », và : « Kiếp trần đương cuộc phong-lưu, bề ai dặt nhau chìm đắm », thật như nghe tiếng chuông buổi sớm, tiếng còi chiều hôm vậy.

Còn như câu : « Phần là nhớ mẹ, phần là nhớ anh », thì thật là phát-hiện được cái chí-tinh ; « Đối người đã vậy, đối mình sao đang », thì thật tả được cái long-phân-cung ; « Ban thân vào cõi tình-trường, bao nhiêu luân-lý cương-thường để đâu », câu ấy lại tỏ được bụng của người soạn quyền *Lệ-sử*.

Phàm xem tiểu-thuyết, không cần hỏi đến người trong truyện cho lắm, mà cần nghe những lời nói trong truyện ; nếu cứ đem cái bì-lương mà bàn quyền *Tuyệt-hồng Lệ-sử*, thì như văn *Tây-xương*, thơ *tàng-trung* lại càng không nên xem lắm.

Nay đem quyền *Tuyệt-hồng Lệ-sử* mà so-sánh với những người trong truyện *Kiều* thì lại hơn nhiều. Tình của Kim-Trọng chẳng qua là cái tình biểu-sắc, mà tình của Mộng-Hà là cái tình cảm-kết ; tình của Thúy-Kiều chẳng qua là cái tình hoải-xuân, mà tình của Lê-Anh lại là tình liên-tài ; đến như Quán-Thiến, trước chiều lòng cha mà mất cái lòng tự-do, sau nghe lời mẹ mà mất cái lòng tự-do, tình một đường đi một nẻo, tức vì phận-giận vì duyên, đến nỗi uất-ức mà chết, so duyên-phận vào Thúy-Vân thì thật là một người may, một người không may.

*Tiếc thay một đóa tự-do,
Nghìn vàng đã dễ mà mua được tài.
Liều vàng nát ngọc cho rồi,
Chưa toàn chữ hiếu sao hoải cái thân ?*

Cho nên trai tài gái sắc, lỡ một lần hai, theo gương sắc-giới, cho người soi chung.

Vậy xin dịch bài tựa của quyền *Tuyệt-hồng Lệ-sử* phụ-lục ở trên, để chứng một lời bình-bút này.

Mai-Khê

VĂN-UYỄN

Tự-thuật

Lần-lữa hết tháng lại qua năm,
 Gấm sự xa-xôi rồi ruột tấm !
 Đầu bạc mẹ già ngoài bảy chục,
 Xuân xanh mình đã ngót đôi nhăm.
 Mây bay phủ-quí lòng không hám,
 Đá tạc công-danh mắt vẫn nhăm.
 Ôn nước nợ trai bao xiết kè,
 Chưa phần trang-trải dạ dăm-dăm !

Cảnh thu

Trước thềm khóm cúc dóa hoa tươi,
 Đón gió đua nhau hớn-hở cười.
 Mặt nước trong veo làn sóng gợn,
 Đầu cành chiu nặng hạt sương rơi.
 Âm-thầm tiếng giế ran tầng đất,
 Lách-tách mưa Ngâu tưới khắp trời.
 Hé bức rèm thưa nhìn cảnh-vật,
 Một màu xanh ngắt tít xa khơi.

Chiều đi đường rừng

Đường trường khúc-khuyết bước gieo-
 [neo,
 Bâng-lãng trời hôm cảnh nhạt theo.
 Mây phủ chín lần xanh mặt núi,
 Tuyết pha muôn dặm trắng lưng đèo.
 Cánh chim mãi-miết chẳng lo tối,
 Vó ngựa mon-men luống ngại trèo.
 Nỗi ấy lòng này bao xiết nói,
 Con sầu như giục gió thông reo.

PHẠM NAM-KIỀU

Bạn xưa

Mình nhớ khi xưa bạn cũng nhiều,
 Mà nay nào được mấy người yêu.
 Ái-ân bay khuất đầu non thẳm,
 Tình-nghĩa trôi theo ngọn nước triều.
 Con gió luân-thường đã lạnh-lẽo,
 Vườn hoa thế-sự cũng tiêu-diêu.
 Văn-vơ thêm những buồn tênh nhĩ,
 Mà khách Lưu Dương tít dặm đèo.

Làm văn

Ngồi nhẩn canh tàn những thở-than,
 Viết văn muốn viết chẳng ra văn.
 Mực đen thương đã pha màu thối,
 Giấy trắng buồn như nhuộm sắc trần.
 Ngao-ngán ruột tấm khôn cất bút,
 Thần-thơ nổi nước khó nên văn.
 Tri-âm vắng-vẻ non xa khuất,
 Mặt án đêm trường giọt lệ tan.

Đứng bờ ao

Bên ao thơ-thẩn lúc đêm thu,
 Mặt nước trong xanh phẳng-lặng tờ.
 Bóng nguyệt long-lanh chìm đáy nước,
 Đèn huỳnh thấp-thoảng lặn trên bờ.
 Vầy-vùng dớp nguyệt ngư ngoi hão,
 Lững-thững trông mây chó xủa vờ.
 Trông nước trông mây ngáy vì nước,
 Mỗi tình như giục động hồn thơ.

Đám bạc

Túm đông túm đống mấy mươi người,
 Âm-ỹ luôn-luôn nói nói cười.
 Bàn được bàn thua khôn đại mãi,
 Nào đen nào đỏ tiếc mong hoài.
 Cướp nhau ruột thịt không kiêng nể,
 Giết lẫn ăn-tinh cũng nhạt phai.
 Trong đám bạc-bãi coi ngân nổi,
 Bạc sao bạc thế thế thì thôi !

NGUYỄN VĂN-NĂNG

Đêm thu nhớ nhà

I

Chín khúc tơ vương một mối sầu,
 Sầu riêng riêng cả một trời thâu.
 Mây trùm non cục hoa cười nộ,
 Gió lọt sân ngô lá nhạt màu.
 Thùng-thắng lầu canh hồi trống vắng,
 Quanh-co làn suối dịp đàn mau.
 Một đêm nhớ cảnh ra nhìn cảnh,
 Mù-mịt ngàn sương mấy cụm lau.

Niềm riêng nghĩ đến lại càng căm,
Trong Dầu trên Bộc cái thói tà-dâm
tự hao giờ?

Chém cha cái thói lẳng-lơ,
Nay hoa mai nguyệt thêm nhớ cho
má hồng.

Ngồn-ngang trăm mối bên lòng,
Nghĩ đời ông Bành-Tồ thế cũng là
xong một đời.

Ngân dẫu này trước cũng bề khơi,
Chút thân bỏ-liều mấy chốc ra người
tóc sương.

Tính quanh tính quẩn trăm đường,
Bóng chiều vùn-vụt, ác vàng đã gác
non tây.

II

Răn chững đừng cờ bạc

Anh hãy khoan-khoan cho em nhủ
câu này:

Ngang trời dọc đất dẫu anh hay cho
cả mười,

Làm tài trai chẳng thiếu cách ăn chơi,
Xin anh đừng say-đắm vào nơi bạc
cờ.

Lúc dở ra em chẳng có dám mong nhờ,
Đến khi « xúi-quẩy » thần-thờ em
phải lo.

Nhờ tư-trang bác mẹ dành cho,
Vụng lo thì bẹp khéo lo thì tròn.

Sao cho khỏi thẹn với nước non,

Phận anh nghĩ trước em còn phải
lo sau.

Xấu chàng nào em có sướng chỉ dẫu.

III

Chơi cô đào

Nhan-sắc, ai ơi! nguyệt tử bóng huê
sầu.

Bởi chừng con sâu lẩn nên mới bỏ
dầu nổi canh.

Trước bóng đèn em hãy khuyên anh,
Xin đừng luồn-quần loanh-quanh
nơi hoa-tràng.

Nào có ra chi liễu ngõ hoa tường,
Xuân kia đã tẻch rồi cũng chán-
chường con yến-anh.

Ngọc có trong thì giá mới liên-thành,
Đầy son dọa phẩn ai đem bôi cái
mình bỏ đi.

Cũng tự-xưng tài-sắc một thì,
Mặt-cura mướp-đẳng chi-chi nữa má
dời.

Luyện sao cho tiếng nói câu cười,
Lời than giọng khóc để cho người
yêu-đương.

Dẫu dẫy vơi em chẳng có dám giữ cái
thói thường,

Dù mà trăm nhớ mười thương em
cũng có phần,

Chớ hoài nhắm mắt đưa chân.

TRẦN VĂN-DUẬT

THỜI-ĐÀM

Việc Âu - Mi

Hội-ngị thành Londres. — Hội-ngị thành *Londres* bắt đầu từ ngày 16 tháng 7 tây, đến ngày 18 tháng 8 thì tan. Kỳ trước đã nói mục-đích Hội-ngị này là để bàn về các cách thi-hành cái chương-trình của hội ủy-viên giám-định về sự khôi-phục tài-chính cho nước Đức và vấn-đề bồi-thường cho Đồng-minh. Các thủ-tướng nước Pháp, nước Anh, nước Ti, các đại-biểu nước Mi, nước Nhật, nước Ý,

cùng các nước thuộc về phe « Tiểu-Đồng-minh » (*La Petite Entente*), như *Roumanie, Thécô-Slovaquie, Yougo-slavie*, v.v., họp nhau ở *Londres* bàn đi bàn lại trong ba tuần-lễ mới gọi là tiệp được đồng-y nhau, bấy giờ mới cho mời đại-biểu của nước Đức để hai bên thương-lương hiệp-định. Trong ba tuần-lễ các Đồng-minh bàn với nhau và trong tuần-lễ cuối cùng Đồng-minh bàn với Đức, thật đã xảy ra nhiều sự

khó-khăn, lắm phen gần đến quyết-liệt. Đại-khái thì vẫn là hai phương-diện nước Pháp và nước Anh trái nhau, phải hết sức điều-hòa cho được. Vì việc nước Pháp đối với Đức chiếm-cứ hạt sông *Ruhr* mà nước Anh từ trước đến nay vẫn lấy làm bất-mãn. Nhưng nước Pháp chiếm-cứ là bởi nước Đức không chịu trả bồi-khoản. Nay hội ủy-viên giám-định đã nghĩ được kế-hoạch khôi-phục tài-chính cho Đức để Đức có thể bồi-thường được cho Đồng-minh, thời tòa Nội-các mới nước Pháp muốn xử cách ôn-hòa cũng bằng lòng chịu bãi-chiếm. Nhưng Anh vẫn còn ngờ cái chủ-nghĩa đế-quốc của Pháp, sợ Pháp sau này lại dùng võ-lực mà đàn-áp Đức lần nữa. Nguyên thuộc về vấn-đề bồi-thường, Đồng-minh đối với Đức có đặt một hội-đồng gọi là « Hội-đồng Bồi-thường » (*Commission des Réparations*) để mỗi khi Đức trả được bao nhiêu biên nhận lấy, thiếu mất bao nhiêu ghi chép lấy để trình cho Đồng-minh sẽ dùng cách đàn-áp hoặc trừng-trị. Vì phần bồi-thường của Pháp nhiều, nên số ủy-viên của Pháp trong hội - đồng ấy cũng nhiều, và người đứng đầu hội-đồng là một người Pháp. Mỗi khi quyết-định điều gì, — như năm ngoái quyết về việc chiếm-cứ hạt *Ruhr* để trừng-phạt nước Đức vì nộp thiếu, — nước Pháp vẫn được phần hơn. Đó cũng là lẽ công-bằng, vì Pháp đã phải chịu tổn-hại về chiến-tranh nhiều hơn nhất thì trong sự bồi-thường tất phải được phần hơn, nhưng Anh cũng lấy thể làm một điều bất-mãn. Duy sự đó là hợp với hòa-ước *Versailles*, Anh không bằng lòng mà không thể sao nói được. Nay bàn về cách thi-hành cái chương-trình của các ủy-viên giám-định, Anh hết sức vận-động để rút quyền của Hội-đồng bồi-thường đi. Phần cốt yếu trong chương-trình ấy là nhờ các nhà tư-bản nước Mỹ nước Anh mở công-thải giúp cho nước Đức khôi-phục tài-chính. Anh bên mánh-khỏe cho các nhà tư-bản ấy phản-đối Hội-đồng Bồi-thường, nói rằng nếu quyền quyết-định ở một hội-đồng

mà hội-đồng ấy lại đa-số thiên về một nước, thời không đủ chắc-bằng được; người có của không dám xuất tiền ra như thế. Nghĩa là Anh dọa Pháp rằng nếu Pháp cứ cố giữ lấy quyền hơn ở Hội-đồng Bồi-thường, thì chương-trình giám-định không thi-hành được, chương-trình giám-định không thi-hành được thì vấn-đề bồi-thường không giải quyết được. Về phần Pháp thời cũng không chịu để cho giảm quyền của mình, không chịu để cho động đến hòa-ước *Versailles*. Hai bên găng nhau, hầu như không có cách nào điều - đình cho được. Đã có một lúc tưởng đến quyết-liệt. Bấy giờ ông thủ-tướng nước Pháp Herriot mới bàn một cách giải-quyết có thể làm cho ổn-thỏa cả các phương-diện, là Hội-đồng Bồi-thường vẫn giữ như cũ duy mỗi khi quyết-định điều gì lời cách hội-viên phải hoàn-toàn đồng-ý mới được, nếu không hoàn-toàn đồng-ý thì sẽ đặt một hội-đồng « trọng-tài » (*Comité d'arbitrage*) người Mỹ đứng đầu để phân-xử, nếu hội - đồng « trọng-tài » ấy cũng không hoàn-toàn đồng-ý thời sẽ đệ lên Tòa án Vạn-quốc ở *La Haye* (Hà-là) có quyền tuyệt-đối quyết-định, không kháng-cao vào đâu được nữa. Nhờ có lời bàn ôn-hòa đó mới tránh được sự quyết-liệt và cuộc hội-nghe mới được thành-công. Dư-luận thế-giới đều khen ông thủ-tướng Pháp. Đồng-minh đã đồng-ý nhau rồi bấy giờ mới với đến nước Đức. Phái-bộ Đức có thủ-tướng MARX, ngoại-tướng STRASSMANN và tổng-trưởng-Bộ Tài-chính LUTHER, khi mới vào hương-thuyết với các đại-biểu Đồng-minh thời cũng muốn giữ cái cách « có kẻ bớt một thêm hai », mong thừa-sự hiềm-khích bất-bình của Đồng - minh với nhau, nhưng sau thấy Đồng-minh đã quyết-chí đồng - tình rồi thì cũng rầu lòng thuận-nhận cả. — Thế là cuộc Hội - nghị tuy có lâu dài tới một tháng trời mà thật là được kết-quả mỹ-mãn. Thủ-tướng Herriot có nói với các nhà báo một câu rằng : « Có kẻ bài-bác công-kích Hội-nghe thành *Londres*, nhưng phàm người bình-tĩnh ai tất cũng chịu cho rằng từ sau khi chiến-tranh đến giờ đã mấy mươi lần Hội-nghe

mà duy có lần này là thấy có thành-công kết-quả vậy. » Về đường tinh-thần, thời Pháp với Anh lại được hòa-thuận nhau, không đến nỗi xung-dột như trước nữa. Về đường thực-tế thời ngay tự sang năm đây nước Pháp sẽ thu được 900 triệu phật-làng của Đức, mà số ấy sẽ mỗi năm mỗi tăng thêm lên. Về hạt sông *Ruhr* thì Pháp sẽ cho rút quân ở sáu khu về ngay, còn thì hạn trong một năm Đức trả sông-phẳng sẽ cho rút nốt. Duy còn vấn-đề « nợ Đồng-minh » (*dettes interalliales*) thì hội-ngại này chưa kịp xét đến, cuối năm sẽ đặt một hội-ngại riêng để điều-định, nhưng thủ-tướng Anh Mac DONALD đã hứa rằng sẽ điều-định một cách thế nào cho hợp với công-lý chính-nghĩa, lấy cái nghĩa rằng các khoản nợ ấy là vay để làm việc nghĩa-vụ chung cho cả Đồng-minh vậy. — Hiệp-uớc thành *Londres* vừa ký xong, liền đem ra Quốc-hội Pháp thảo-luận, ngày 24 tháng 8 Hạ-Ngại-viện quyết-ngại bằng 336 vé khả-quyết và 204 vé phủ-quyết; ngày 27 Thượng-Ngại-viện quyết-ngại bằng 81 vé khả-quyết và 37 vé phủ-quyết.

Đại-hội-dồng Hội Vạn-quốc lần thứ năm. — Hội Vạn-quốc họp đại-hội-dồng lần thứ năm ở *Genève* ngày 1 tháng 9 tây. Kỳ này xét về ba vấn-đề rất quan-trọng: một là việc giảm binh-bị trong các nước (*desarmement*); hai là việc phòng-bị cho Vạn-quốc được yên-đàn (*sécurité*), nghĩ cách giúp đỡ lẫn nhau để ngăn-ngừa cái nạn chiến-tranh và bảo-toàn cho sinh-mệnh các nước, lớn nhỏ mặc lòng; ba là định cách « trọng-lai » (*arbitrage*), để khi có việc phân-tranh trong các nước thì đem ra Hội Vạn-quốc hòa-giải cho êm-thấm.

Đại-hội-dồng bầu ông Motta, là giám-quốc nước Thụy-sĩ (*Suisse*), làm hội-trưởng khóa này; lại bầu sáu phó-hội-trưởng như sau đây: BOURGEOIS (nước Pháp), PARMON (nước Anh), SALANDE (nước Ý), YRUCCIA (T' SKYMSKI (nước Ba-lan ?), Chao Hu (nước Tàu).

Đại-biểu nước Pháp ở đại-hội-dồng Hội Vạn-quốc kỳ này cả thấy có năm ông, toàn

là châu Thượng-Hạ nghị-viện cả: BOURGEOIS, BRIAND, PAUL BOURCOUR, DE JOUVENEL, MAURICE SARRAUT (là anh ông ALBERT SARRAUT).

Hai ông thủ-tướng Pháp BERRIOT và Anh Mac DONALD tuy không dự hội-dồng, nhưng ngày khai-hội cũng đến *Genève* diễn-thuyết đề tỏ ý hai Chính-phủ cầu và mến sự hòa-bình.

Đại Hội - nghị giống da đen ở Nữ-uớc. — Ngày mùng 1 tháng 8 ở *New-York* (Nữ-uớc) có mở một hội - nghị

rất lớn của người giống da đen, xưa nay chưa từng thấy bao giờ (*le plus grand conclave noir du monde*). Chủ-trương cuộc này là « Hội quốc-tế để lo mở-mang số-phận cho người giống da đen » (*Association universelle pour l'amélioration du sort des nègres*), của ông MARCUS GARVEY là người da đen ở nước Mỹ đứng đầu. Đến dự-hội có tới 1000 đại-biểu giống da đen ở khắp trong thế-giới, nhất là ở Mỹ, ở Ấn-độ và ở Phi-châu. Mục-dịch hội-ngại là lập lấy một cái liên-đoan rất lớn, có thể lực về đường chính-trị, để bênh-vực cho quyền-lợi người da đen ở các nước.

Hội-ngại họp trong một tháng, đến ngày 31 tháng 8 mới giải-tán. Hôm khai-hội có ngót 3 vạn người da đen kèn trống trải qua trong phố-phương thành *New-York*. Ông MARCUS GARVEY đi đầu đám, quanh mình có một đội thi-vệ người da đen, quần-phục rất oai-vệ, cầm cờ hiệu « Hắc-chủng Dân-quốc » (*République africaine*) có ba sắc đỏ, đen và xanh.

Hội - nghị xét khắp các vấn - đề có quan-hệ đến giống da đen, về chính - trị, về kinh - tế, về tôn - giáo nữa. Lại định làm một cái đơn khiếu lên quan Giám-quốc Mỹ, 4 triệu người da đen ở nước Mỹ ký tên, để xin lấy đất *Libéria* ở Phi-châu làm đất quê-hương của người da đen. Người da đen ở Ấn-độ cũng làm một cái đơn khiếu như thế, lấy chữ hai triệu người ký, để đệ lên vua GEORGE V và Quốc-hội nước Anh.

Người thủ-xướng ra hội-ngại này là ông MARCUS GARVEY, hiện xưng là làm-thời Giám-quốc của « Phi-châu Dân-quốc » (*République d'Afrique*). Ông là con nhà nông-dân ở đảo *Jamaïque* (quần-đảo *Antilles*), hồi 18 tuổi đã mở một cái báo xưng chủ-nghĩa « dân-tộc bình-đẳng » và bênh-vực cho người da đen;

từ hồi ông lập ra cái hội quốc-tế như trên kia đã nói, hiện nay có tới 3 triệu hội-viên, ông nghiêm-nhiên thành một tay lịnh-tụ của giống da đen. Mới rồi ông lại xướng lập một công-ti hàng-hải lớn, đặt tên là *Black Star Line*, vốn 10 triệu đồng, để đóng tàu chở người

da đen ở nước MI về Phi-châu. Cái chủ-nghĩa của ông là -đất Phi-châu của người Phi-châu, Phi-châu là chốn tổ của giống da đen, chỉ người da đen được ở mà thôi. Ở nước Pháp thời ông DIAGNE là nghị-viên người da đen ở thuộc-địa *Sénégal* phản-đối cái chủ-nghĩa ấy.

Việc Á-đông

Việc nước Tàu. — Việc Tàu trong mấy tuần nay mới lại thêm rối bết nữa. Tỉnh Giang-tô (*Kiang-sou*) và tỉnh Triết-giang (*Ché-kiang*) trước đã tương hòa yên với nhau, nay lại xoay ra đánh nhau kịch-liệt. Tướng Giang-tô là Tsi Sié - YUAN (Tề Nhiếp-Nguyên 濟雙元) và tướng Triết - giang là Lou Yong - TSIANG (Lư Vĩnh-Tương 盧永祥) suốt quân áp-chiến nhau ở ngay gần Thượng-hải, cách thành-phố độ 10 dặm. Nhưng đó mới là bắt đầu mà thôi, chứ trận này thực là trận chung cả nước Tàu, đảng Trục-lệ và đảng Phụng-thiên xang-đốt nhau, có lẽ chính-phủ Nam và chính - phủ Bắc áp-đảo nhau nữa. Hiện nay hai quân Tô Triết chưa biết bên nào thắng phụ, mà mới đây đã có tin chính-phủ Bắc-kinh (là đảng Trục-lệ giúp cho quân Giang-tô của Tsi Sié - YUAN) đã công-nhiều khai-chiến với Tchang Tso-Lin (Trương Tác-Lâm 張作霖), là đảng Phụng - thiên giúp cho quân Triết - giang của Lou Yong-Tsiang và cử Ou Pei-Fou (Ngô Bội - Phu 吳佩孚) làm thống-tướng các quân. Lại nghe nói SUN WEN (Tôn Văn) cũng sắp đề quân lên tiếp-ứng với Tchang và Lou. Thế là đánh nhau lung-tung cả, chưa rõ tình-thế ra thế nào.

Xét về các mặt khác thời cũng phân-vân rối-loạn như thế cả. Về mặt Phục-kiến và mặt Tứ-xuyên tuy tạm yên, nhưng cái ngòi loạn vẫn sẵn, chỉ chưa có lửa là bùng lên. Còn ba tỉnh phía Nam giáp-giới với ta, là Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam thời tình-hình gần đây như sau này. Ở Quảng-đông thời quân SUN và TCHEN đánh nhau coi chừng đã mệt, nên có người lại bàn đến chuyện hòa-nghị, do một bọn quan văn khởi lên mà bọn võ-tướng cũng tán-thành. Nhưng về bên SUN có một phái gọi là «phái nguyên-lão» của bọn HOU HAN-MIN (Hô Hân - Dân) lại hết sức trở-ngại, bắt TCHEN phải thông-diện tạ tội thời mới chịu nghị-hòa, thành-

thử việc nghị-hòa lại đình-hoã. Song tuy cuộc đại-hòa-nghị của SUN với TCHEN chưa thành mà đã có một cuộc tiểu-hòa-nghị gây thành trong bọn tướng tiền-dịch của hai bên là tướng LIN HOU (Lâm Hồ 林虎) của TCHEN và tướng TSONG HO-KENG (Tống Hạc-Canh 宋鶴庚) của SUN. Xem đó thì biết bọn quân-nhân ở Quảng-đông đã có cái ý nhiệt-tâm về việc nghị-hòa vậy. — Ở Quảng-tây thời Lou Yong - TING (Lục Vĩnh - Đình 陸榮廷) từ khi trở về lần thứ hai, có cái chí muốn thống-nhất toàn-lĩnh, thu các đất Tsiuan-tchéou (Toàn-châu 全州), Kouei - lin (Quế-lâm 桂林) của hậu-quân CHEN HONG-YING (Trần Hồng-Anh 沈鴻英) đóng vào phạm vi thế-lực mình, thành ra bức cho CHEN phải đầu hàng với SUN WEN đem quân giới về Quảng-tây tác-chiến. Quân CHEN lấy nơi Ping - lo (Bình - lạc 平樂) làm đại-bản-doanh, tiến lên vây đánh Kouei-lin. Hai bên giữ nhau trong ba tháng, sáu bảy mươi ngày thành Kouei-lin bị khổ, mà rút lại không phản-thăng-phụ. Duy Leao-tchéou (Liêu-châu 柳州) thời nhân tướng TAN HAO-MING (Đàm Hiệu-Minh 譚浩明) của Lou đem quân lên giúp Kouei-lin, bị quân CHEN thừa-hư chiếm-lĩnh. Thế là chiến-sự hình-thế nhất-biến. MA Tai (Mã Tế 馬齊) chịu mệnh của Ou Pei-Fou đem hai bọn quân ở Hồ-nam về Quảng-tây để giúp Lou, chiếm-lĩnh Tsiuan-tchéou, thế là chiến-sự hình-thế lại nhất-biến nữa. SUN WEN sai HOANG CHAO-HUNG (Hoàng Thiệu-Hùng 黃紹雄) đem quân ở Quảng-đông sang giúp cho CHEN, chiếm-lĩnh Nan-ning (Nam-ninh), thế là chiến-sự hình-thế lại nhất-biến nữa. Hiện nay thời hai mặt CHEN và Lou cũng có ý muốn hòa-nghị, việc có thể yên được. Duy MA Tai đã về Quảng, thế không thể đứng; mà quân chiếm Nan-ning cũng thái-dộ không phân-minh; lại có người đồn rằng Vân-nam rồi cũng sẽ phái quân sang. Như thế thời cục-diện Quảng-tây còn có cơ biến-hóa nhiều vậy.

— Về mặt Văn-nam thời TANG KI-YAO (Đường Kế-Nghiên 唐繼堯) đối với Tứ-xuyên, đối với Hồ-bắc đều được yên-đàn cả, hiện nay cái thế-lực coi như vũng-vàng lắm. Nhưng ở Tứ-xuyên còn có YUAN TSOU-MING (Viên Tô-Minh 袁祖銘) thuộc về đảng Bắc vẫn làm-le muốn xuống đánh Văn-nam. Lại chính trong quân Văn-nam có tướng HOANG YU-TCH'ENG (Hoàng Đức-Thành 黃毓成) phản TANG KI-YAO, mới rồi cũng lên Tứ-xuyên để

mưu đánh Văn-nam. Nếu hai bọn ấy mà đố xuống TANG đối-phó được cũng khó.

Ở chính-phủ Bắc-kinh thì ngày 12 tháng 9 mới rồi mới lập xong Nội - các mới, bác-sĩ YEN HOU-K'ING (Nhơn Huệ-Khánh 顏惠慶) làm thủ-tướng. Bác - sĩ học ở MI, từ năm 1913 đến năm 1920 đã từng làm công-sứ ở Đức và ở Đan-mạch (Danemark), năm 1920 lại làm Ngoại-vụ-bộ Tổng-tướng.

Việc trong nước

Dân-số thành-phố Hà - nội. —

Theo tờ báo-cáo của ông Dr Lx ROY DES BARNES về việc về-sinh ở thành-phố Hà-nội trong năm 1923, thì dân-số Hà-nội về cuối năm 1923 tổng-cộng được 9 vạn 6 nghìn 8 trăm 19 người, mà số binh-lính thời có 1545 lính Tây và 1782 lính tập.

Tổng-số ấy (không kể số lính), chia ra các giống như sau này :

Người Pháp sinh ở Pháp	3.299.
Người Pháp sinh ở bên này	768.
Tây-lai có bố nhận	1.038.
Tây-lai không có bố nhận hay là con người Tây khác giống Pháp	614.
Tây ngoại-quốc khác người Pháp	48.
Nhật-bản	56.
Người Ấn-độ nhập-tịch Pháp	84.
Người Khách	3.498.
Người Ấn-độ thuộc Anh	53.
Người An-Nam	87.341.
Cao-miên	8.
Thổ	10.
Lào	2.

Trong năm 1923, có 31 đám cưới Tây và 147 đám cưới An-Nam) số đó ít quá, chắc là nhiều người cưới mà không khai).

Số chết là 3.407 (chết về bệnh ho-lao nhiều lắm). Số sinh là 3.162.

Tiền thưởng danh-dự. — Năm trước các hội học ở bên Tây có xuống ra một việc rất hay, là đặt một cái vố gọi là « tiền thưởng danh-dự » (casse des prêts d'honneur) để cho vay các học-trò nghèo, giúp cho học được thành-thân, người vay lấy danh-dự cam đoan khi làm nên sẽ trả lại hội. Tiền ấy giúp được trong bọn học-trò nhiều lắm.

— Nay được tin ở Sài-gòn, hội các cựu-học-sinh trường Chasseloup-Laubat, có quan Bác-sĩ Bùi Quang-Chiều đứng đầu, cũng mời xuống lên lập một cái kho tiền thưởng như thế để giúp các học-trò nghèo trong Lục-thị. Bản-chỉ chúc mừng cho việc ấy làm nên, và ước-ao rằng ở Bắc-kỳ cũng sẽ có nhà tư-bản hảo-tâm đứng lên chủ-trương một việc như thế, thì có công với sự học biết đường nào. Hiện nay trong dân-gian biết bao nhiêu những kẻ thanh-niên tuấn-tử, có tài, có chí học được, mà vì nhà nghèo phải rẽ ngang đi kiếm ăn, uống mất nhân-tài trong nước. Những kẻ ấy, nếu có người giúp lương cho đi học, vào trung-học, đại-học, hay là sang du-học bên Tây được, thời chẳng bao lâu trở nên người tài giỏi. Nhưng ở nước ta còn có lắm cách cho vay lời hơn, còn có lắm cách bảo-lĩnh chắc hơn, chứ nói chuyện danh-dự xuống thì có lẽ không ai dám vậy...

Giới-thiệu sách mới.

— L'Ecolier annamite (Lectures françaises à l'usage des élèves des cours préparatoire et élémentaire des écoles franco-annamites). — Sách tập-đọc chữ Pháp của ông Phạm Tá, giáo-học trường Hà-đông, soạn riêng để giúp cho các thầy giáo dạy chữ Pháp ở lớp dự-bị và lớp sơ-đẳng trường Pháp-Việt. Xưa nay học-trò ta học chữ Pháp cứ phải dùng những sách giáo-khoa của người Tây soạn cho học-trò Tây hay học-trò các thuộc-địa khác, thường thường không thích-hợp với tình-tình tập-quần người nước ta. Trong bao nhiêu lâu trẻ con ta chỉ « nhai » những tiếng « con lừa, con la », chẳng biết hình-dạng con lừa con la nó thế nào, mà những động-vật, thực-vật, đồ dùng, công-việc ở quanh mình thì không từng học đến bao giờ. Đó thật là một sự trái ngược, một sự khuyết-

điểm to. Sách tập đọc mới của ông Phạm Tá đây thật là chưa được sự trái ngược, bỏ được sự khuyết điểm đó. Bài soạn theo như chương trình nhà trường, theo phép sư-phạm chính-đăng, vừa sức học-trò, lại toàn là nói những chuyện bản-xứ cả. Cái giá-trị sách này về đường dạy học chữ Pháp thế nào, ông đốc trường Sư - phạm Hà-nội PUJARNISSE đã chứng-nhận rõ-ràng trong bài tựa của ông đặt trước sách. Bản-chỉ chỉ xin mừng ông giáo Tá đã làm được quyển sách có ích và khuyến các anh em học-trò cùng các ông giáo lên mua mà dùng. — Sách có 100 bài, 200 trang, bán ở hiệu Nguyễn thịnh phố Hàng Gai số 1, giá: 0,45.

— *Truyện Cụ Nguyễn Du, tác giả truyện Thúy Kiều*. Của ông Phó-bác PHAN SI-BÀNG và Giải-nguyên Lê Thuộc biên-tập, 36 trang, in ở

Hiệu Mạc Đình-Tư, giá, 0 \$30. Sách này khảo về lịch-sử Cụ Tiên-điền (quê-quán, niên-mạnh, gia-thế, hành-trạng, phần-mộ, con cháu, v. v. ., về sự tích văn-chương truyện *Kiều*, nghị-luận có bằng-cứ, phán-đoán được đích-đáng, lại phụ-lục mấy bài ca bài văn bằng hán-tự và quốc-âm của Cụ, và có in ảnh về nơi nhà thờ nơi phần-mộ của Cụ. Đường lúc quốc-dân đương nhiệt-thành sùng-bái Cụ Tiên-điền, tưởng ai cũng nên đọc sách này cho biết rõ về chuyện Cụ.

— *Hoa-Tiên truyện*, của Hiệu Thụy-Kỷ, 98 phố Hàng Gai mới in lại thành một quyển sách hơn 100 trang, tinh-tế đẹp-đẽ lắm một bên thì truyện bằng thơ lục-bát, một bên thì giải-thích ra văn xuôi, dưới lại phụ một bản Tự-vượng cắt nghĩa các điển-cổ trong truyện. Giá bán 0,40

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIỀN - ĐỨC

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội bi t.

A. — Xin vào chân chủ-trì.

1. — Ông Đào Đình-Quý, Secrétaire principal du Service Trafic et Mouvement, Cie des Chemins de fer du Yunnan, Hanoi. (do ông Nguyễn Xuân-Lan giới-thiệu).

2. — Ông Đinh Công-Nhiếp, Phó-Trì-châu Lương-sơn, Hòa-bình.

3. — Ông Lê Sĩ-Tổ, Tú-tài, Chủ-bút báo Khai-hóa, 16 Phố Phúc-kiến, Hanoi.

4. — Ông Lê Văn-Liên, Commerçant, 21 Route Mandarine Hanoi (do ông Bùi Tiến-Đức giới-thiệu).

5. — Ông Nguyễn Đình-Chấn, Đại-thư-nhân (écrivain public patenté), Rue Maréchal Foch (en face le No 161) Baiphong (do ông Vũ Tông giới-thiệu).

6. — Ông Nguyễn Đức-Ba, học-sinh, làng Thái-cao, tổng Cao-mại, phủ Kiến-xương,

tỉnh Thái-bình (do ông Nguyễn Đức-Long giới-thiệu).

7. — Ông Phạm Hữu-ích, làm thợ ở Nou-méa, Nouvelle Calédonie, quán làng Xuân-dải, tổng Phương-chữ, huyện An-lão, tỉnh Kiến-an.

8. — Ông Vũ Văn Tảo, chủ hiệu «Long-hóa», buôn bán ở huyện Nông-cống, tỉnh Thanh-hóa (do ông Nguyễn Đức-Thắng giới-thiệu).

B. — Xin vào chân thường-hội-viên.

1. — Ông Nguyễn Văn-Vượng, Thư-ký Công-ty Hòa-xa Văn-nam, 83 đường Hàng Lọng. (do ông Nguyễn Tiến giới-thiệu.)

Xin ra Hội. — Ông Nguyễn Văn-Tịch, Contrôleur de Route des Chemins de fer de l'Indochine.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 84 (juin 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Septembre 1924.

Vào chân chủ-trì

Ông Cao Đắc-Thiện dit Victor. — Hoàng Hữu-Pương. — Quách Văn Thịnh, — Tạ Đình-Thọ.

Biên-bản kỳ hội-đồng ban Trị-sự ngày 26 Août 1924. — Ngày thứ ba 26 Août 1924, hồi 5 giờ chiều, ban trị-sự họp hội-đồng ở nhà Hội.

Đến dự Hội-đồng, có những ông tri - sự như sau đây: Hoàng Trọng - Phu, Marty, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Lê Thành Ý, Nguyễn Thành. Nguyễn Văn - Vinh, Trần Trọng-Kim, Đỗ Thận.

Có giấy cáo: Ông Bary, Trần Văn Thông, Bạcu-Thái Bưởi và Nguyễn Hữu-Thu.

Chương-trình các việc bàn như sau này:

1. — Xét cái kiểu lợp sân nhà Hội.
2. — Định lễ Kỷ-niệm cụ Tiên-diễn.
3. — Trường Thê - dục xin trợ - cấp.
4. — Việc vật.

— Ông Hội-trưởng trình rằng trước Hội có nhờ ông Kỹ - sư LAISQUET vẽ ra một cái kiểu lợp mái ngoài sân để làm chỗ diễn-thuyết cho rộng, nay kiểu đã vẽ xong, đề Hội-đồng xét. Nhưng xét ra làm theo kiểu ấy thì mất những 3.500 đồng, mà coi cũng không đẹp, hội-đồng định lảng hoãn việc ấy.

— Ông Phạm Quỳnh trình về việc Văn-học-ban định đặt một lễ kỷ - niệm cụ Tiên-diễn ngày 8 Septembre (mồng mười tháng 8 ta), và đọc cái chương-trình dự-thảo cho Hội-đồng nghe. Hội-đồng duyệt-y và định cho trích ra 150\$, để chi về việc kỷ-niệm đó.

— Ông Phạm Quỳnh đọc một cái thư của trường Thê - dục Hà-nội xin Hội trợ. cấp cho mỗi năm 300 đồng. Hội-đồng bàn ít lâu rồi định rằng không thể trợ-cấp hằng năm được, chỉ có thể giúp cho trường Thê-dục một trăm đồng về lần này mà thôi.

— Ông Phạm Quỳnh đọc một cái thư của ông Đào Hữu-Thường ở Nouvelle Calédonie phản-nàn về tình-cảnh khổ những thợ An-Nam mộ sang làm bên ấy. Hội-đồng xét việc ấy là quan-hệ riêng người chủ với người thợ, hai bên đã có giấy hợp-đồng với nhau. Hội không có tư-cách can-thiệp. Song nếu có dịp nào thì Hội cũng sẵn lòng đề-dặt lời thỉnh-cầu của người An-Nam ta đi làm xa với Chính-phủ Bảo-hộ ở đây.

Các việc bàn xong, 7 giờ Hội-đồng giải-tán.

Tổng Thư-ký
Phạm Quỳnh

Chánh Hội-trưởng
Hoàng Trọng-Phu

Lễ Kỷ-niệm cụ Tiên-diễn. — Ngày thứ hai 8 Septembre 1924 (tức mồng 10 tháng 8 ta), ban Văn - học Hội ta đã làm lễ kỷ-niệm Cụ Tiên-diễn một cách rất trọng-thể. Có giấy đặt đi mời cả các Hội-viên Tây Nam, tân-trợ, chủ-trì và thường-hội-viên, đến dự lễ đóng lăm. Lễ làm theo như chương-trình đã định và hội-đồng trị-sự đã duyệt-y, trong báo Nam-Phong trên kia đã kỹ-thuật tường. Lễ này là một ngày đáng ghi nhớ trong lịch-sử văn-học nước ta, và trong lịch-sử riêng Hội ta nữa.

Giá báo mới

Bắt đầu từ 15 Juillet 1924, giá báo đồng-niên tăng lên 8\$, nửa năm 3\$, mỗi số 0, \$50.